

HỘI THÁNH  
VINH HIỂN

*W*ATCHMAN NEE

HỘI THÁNH  
VINH HIỂN

WATCHMAN NEE

Sách tặng, không bán.

*Living Stream Ministry*  
Anaheim, California • [www.lsm.org](http://www.lsm.org)

© 2017 Living Stream Ministry

*Nhà xuất bản giữ bản quyền. Không được in ấn hay trích dịch dưới bất cứ hình thức hoặc phương tiện nào như đồ họa, điện tử, cơ khí, bao gồm phô-tô-cô-pi, thâu băng, hoặc bộ trữ tin tức, hệ thống tìm tin mà không có giấy phép của nhà xuất bản.*

Ấn bản phát hành hàng loạt, Tháng Mười 2017

ISBN 978-0-7363-9058-3

Được dịch từ tiếng Anh. Tựa đề ban đầu:  
The Glorious Church  
(Vietnamese translation)

Được xuất bản bởi:  
Living Stream Ministry  
2431 W. La Palma Ave., Anaheim, CA 92801 U.S.A.  
P. O. Box 2121, Anaheim, CA 92814 U.S.A.

## MỤC LỤC

<i>Tiêu đề</i>	<i>Trang</i>
Lời tựa	5
Lời nói đầu	7
1 Kế hoạch của Đức Chúa Trời và sự nghỉ ngơi của Đức Chúa Trời	9
2 Hình bóng về Ê-va	35
3 Thân thể Đấng Christ và Cô dâu của Đấng Christ	59
4 “Và Nàng sinh một người-con-trai”	89
5 Thành thánh, Giê-ru-sa-lem Mới	125
Phụ lục: Những người đắc thắng và những chuyển động mang tính thời kì ban phát của Đức Chúa Trời	189



## LỜI TỰA

Nội dung của Hội thánh vinh hiển trong lần xuất bản này khác với lần xuất bản đầu tiên tại Mỹ năm 1968 trong vài phương diện. Trong tiến trình chuẩn bị tác phẩm Hội thánh vinh hiển để đưa vào Tuyển tập Watchman Nee, bà Beth Rademacher đã tặng cho Living Stream Ministry một bộ những bản chép tay về các sứ điệp mà đã tạo nên phần cơ bản của cuốn Hội thánh vinh hiển. Phụ lục “Những người đắc thắng và Những chuyển động mang tính ban phát của Đức Chúa Trời” dựa trên những ghi chép này, là một phần rất ý nghĩa mà trước đây chưa được xuất bản của một sứ điệp do Watchman Nee giảng trong suốt kì hội đồng này. Theo phần ghi chép của K. H. Weigh, những tựa đề gốc của các sứ điệp hội đồng là như sau:

1. Giới thiệu
2. Giới thiệu (tiếp theo)
3. Mối liên hệ giữa kế hoạch của Đức Chúa Trời và Hội thánh
4. Các hình bóng về Hội thánh trong kế hoạch của Đức Chúa Trời
5. Thân thể Đấng Christ và Cô dâu của Đấng Christ
6. Hội thánh và vương quốc của Đức Chúa Trời
7. Mối liên hệ giữa những người đắc thắng và Hội thánh
8. Mối liên hệ giữa những người đắc thắng và vương quốc
9. Những người đắc thắng và những chuyển động mang tính ban phát của Đức Chúa Trời

10. Những phẩm chất cơ bản và thái độ của những người  
đắc thắng

11. Vợ của Chiên Con

12. Dẫn vào vương quốc và cõi đời đời

13. Những đặc điểm của Cô dâu Đấng Christ

14. Những đặc điểm của Cô dâu Đấng Christ (tiếp theo)

Các phần Kinh Thánh trung dẫn đã được cập nhật hóa để phản ánh nội dung của Bản Kinh Thánh Khôi phục (RcV), do Living Stream Ministry xuất bản.

Lời nói đầu trong trang kế tiếp vốn là lời tựa của tác phẩm Hội thánh vinh hiển trong lần xuất bản đầu tiên vào năm 1968 tại Hoa Kỳ.

## LỜI NÓI ĐẦU

Các chương sau đây là bản dịch của một loạt bài giảng được anh Watchman Nee chia sẻ bằng tiếng Hoa cho Hội thánh tại Thượng Hải và các đồng công do anh huấn luyện trong một khoảng thời gian dài, từ mùa thu năm 1939 đến mùa thu năm 1942. Đây là thời điểm của những khái thị thuộc linh và các khái tượng thuộc trời liên quan đến “những điều sâu nhiệm của Đức Chúa Trời”. Điều được nhấn mạnh chính yếu là Hội thánh đắc thắng, Thân thể vinh hiển của Đấng Christ, là sự biểu lộ đầy đủ của Đấng làm đầy đầy tất cả trong tất cả. Trong những sứ điệp này, ánh sáng lớn đã soi rọi về trên bốn người nữ quan trọng trong Kinh văn: Ê-va trong Sáng Thế Kí chương 2, người vợ trong Ê-phê-sô chương 5, người nữ trong Khải Thị chương 12, và Cô dâu trong Khải Thị chương 21 và 22. Phần kĩ thuật về họ cho chúng ta thấy một phạm vi đầy đủ về Hội thánh vinh hiển trong kế hoạch đời đời của Đức Chúa Trời, là Hội thánh làm thỏa mãn khát vọng của Ngài. Bức tranh mà bốn người nữ này trình bày rộng đến mức trải từ quá khứ đời đời đến tương lai đời đời. Nội dung của các sứ điệp này đầy ánh sáng và sự khái thị, rất sâu sắc và thâm thúy, nên chúng ta cần đọc—cầu nguyện với sự nhận thức và hấp thụ triệt để trong linh. Nguyên Chúa, là Đầu vinh hiển của Thân thể, ban cho chúng ta linh khôn ngoan và khái thị để chúng ta có thể thấy và hiểu những khái tượng về thực tại của Hội thánh mà Ngài đã bày tỏ cho tác giả. Lời cầu



nguyện của chúng tôi kèm theo tác phẩm này, với lòng tin cậy Đức Chúa Trời, là Cha của Chúa Jesus Christ chúng ta, tức “Đấng có thể làm trở hơn vô cùng mọi việc chúng ta cầu xin hoặc suy nghĩ”, Ngài sẽ thực hiện những gì được khai thị trong các sứ điệp này, “y theo quyền năng hành động trong chúng ta”. “Nguyện Ngài được vinh hiển trong Hội thánh và trong Christ Jesus, trải suốt các thế hệ cho đến đời đời vô cùng! A-men”.

Witness Lee

Los Angeles, California, U.S.A.

Ngày 8 tháng 6 năm 1968

## CHƯƠNG 1

# KẾ HOẠCH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ SỰ NGHĨ NGOI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Đọc Kinh văn: Sáng. 1:26-2:3; 2:18-24; Êph. 5:22-32; Khải. 12; 21:1-22:5

Có bốn người nữ được đề cập trong bốn đoạn Kinh văn này. Trong Sáng Thế Kí chương 2, người nữ là Ê-va; trong Ê-phê-sô chương 5, người nữ là Hội thánh; trong Khải Thị chương 12, nàng là người nữ được nhìn thấy trong khái tượng; và trong Khải Thị chương 21, nàng là Vợ của Chiên Con.

Nguyện Đức Chúa Trời ban cho chúng ta ánh sáng để thấy bốn người nữ này có liên hệ với nhau và với kế hoạch đòi hỏi của Ngài là như thế nào. Khi đó, chúng ta có thể thấy vị trí mà Hội thánh đang có và trách nhiệm mà Hội thánh đang mang vác trong kế hoạch này, và những người đắc thắng của Đức Chúa Trời sẽ hoàn thành mục đích đòi hỏi của Ngài như thế nào.

## MỤC ĐÍCH ĐÒI ĐỜI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI TRONG VIỆC SÁNG TẠO CON NGƯỜI

Tại sao Đức Chúa Trời sáng tạo con người? Mục đích của Ngài trong việc sáng tạo con người là gì?

Đức Chúa Trời cho chúng ta lời đáp cho những câu hỏi này trong Sáng Thế Kí 1:26 và 27. Hai câu này rất có ý nghĩa. Hai câu này khải thị cho chúng ta biết rằng Đức

Chúa Trời sáng tạo con người thật là một việc hết sức đặc biệt. Trước khi Đức Chúa Trời sáng tạo con người, Ngài nói: “Chúng Ta hãy làm nên con người theo hình ảnh của chúng ta, theo hình trạng của chúng ta, và để họ thống trị trên loài cá biển, loài chim trời, loài gia súc và trên khắp cả đất, trên mọi loài bò sát bò trên mặt đất”. Đây là kết hoạch của Đức Chúa Trời trong việc sáng tạo con người. “Đức Chúa Trời phán: Chúng Ta hãy...” Điều này nói về loại người mà Đức Chúa Trời muốn. Nói cách khác, Đức Chúa Trời đang thiết kế một “kiểu mẫu” cho con người mà Ngài sắp sáng tạo. Câu 27 khải thị việc Đức Chúa Trời sáng tạo con người: “Vậy Đức Chúa Trời sáng tạo con người theo hình ảnh của Ngài, Ngài sáng tạo con người theo hình ảnh của Đức Chúa Trời; Ngài sáng tạo nên người nam và người nữ”. Câu 28 chép: “Đức Chúa Trời ban phúc cho họ, và Đức Chúa Trời bảo họ: “Hãy sinh sản, thêm nhiều, làm cho đầy dẫy đất; hãy làm cho đất phục tùng, hãy thống trị loài cá dưới biển, loài chim trên trời cùng các vật sống hành động trên mặt đất”.

Từ những câu này, chúng ta thấy con người mà Đức Chúa Trời mong muốn. Đức Chúa Trời mong muốn một người cai trị, một người sẽ cai trị trên đất này; khi đó Ngài mới thỏa mãn.

Đức Chúa Trời đã sáng tạo con người như thế nào? Ngài đã sáng tạo con người theo hình ảnh của chính Ngài. Đức Chúa Trời muốn có một người giống như Ngài. Rõ ràng, vị trí của con người trong sự sáng tạo của Đức Chúa Trời là hoàn toàn độc đáo, vì trong số tất cả những vật thọ tạo của Đức Chúa Trời, chỉ có con người mới được sáng tạo theo hình ảnh của Đức Chúa Trời. Con người mà lòng Đức Chúa Trời đặt vào thì hoàn toàn khác với tất cả các hữu thể thọ tạo khác; con người là người theo hình ảnh của Ngài.

Ở đây, chúng ta lưu ý một điều gì đó rất đáng quan tâm. Câu 26 chép: “Chúng Ta hãy làm con người theo hình ảnh Chúng Ta, theo hình trạng Chúng Ta...”; nhưng câu 27

chép: “Vậy Đức Chúa Trời sáng tạo con người theo hình ảnh của Ngài, Ngài sáng tạo con người theo hình ảnh của Đức Chúa Trời; Ngài sáng tạo người nam và người nữ”. Trong câu 26, đại từ “Chúng Ta” là số nhiều, nhưng trong câu 27, từ “Ngài” là số ít. Trong suốt cuộc hội nghị của Thần Cách, câu 26 chép: “Chúng Ta hãy làm nên con người theo hình ảnh của Chúng Ta”; do đó, theo ngữ pháp, câu 27 lẽ ra là: “vậy Đức Chúa Trời sáng tạo nên con người theo hình ảnh của các Ngài”. Nhưng lạ thay, câu 27 chép: “vậy Đức Chúa Trời sáng tạo con người theo hình ảnh của Ngài”. Chúng ta giải thích điều này như thế nào? Đó là vì có ba thân vị trong Thần Cách – Cha, Con, và Linh, nhưng chỉ có một thân vị trong Thần Cách có hình ảnh – Con. Khi Thần Cách đang thiết kế việc sáng tạo con người, Kinh Thánh cho thấy rằng con người sẽ được làm nên theo hình ảnh “của Chúng Ta” (vì cả ba là một nên “hình ảnh của Chúng Ta” được đề cập); nhưng khi Thần Cách đang thực sự ở trong tiến trình làm nên con người, thì Kinh Thánh nói rằng con người được làm nên theo hình ảnh “của Ngài”. “Của Ngài” chỉ về con. Từ điều này, chúng ta biết chắc rằng A-đam được làm nên theo hình ảnh của Chúa Jesus. A-đam không có trước Chúa Jesus; Chúa Jesus có trước ông. Khi Đức Chúa Trời sáng tạo A-đam, Ngài đã sáng tạo ông theo hình ảnh của Chúa Jesus. Chính vì lý do này mà Kinh Thánh nói “theo hình ảnh của Ngài”, chứ không nói “theo hình ảnh của các Ngài”.

Mục đích của Đức Chúa Trời là đạt được một nhóm người giống như Con Ngài. Khi đọc La Mã 8:29, chúng ta tìm thấy mục đích của Đức Chúa Trời: “Vì những kẻ Ngài đã biết trước, Ngài cũng tiền định để được đồng hóa theo hình ảnh của Con Ngài, hầu cho Con ấy trở nên Con trưởng giữa nhiều anh em”. Đức Chúa Trời ao ước có nhiều con, và Ngài ao ước tất cả những người con này giống như Con Ngài. Khi ấy, Con Ngài sẽ không còn là Con độc sinh nữa, nhưng là Con trưởng giữa nhiều anh em. Khát vọng của Đức Chúa Trời là có được một nhóm người như vậy. Nếu

thấy điều này, chúng ta sẽ nhận thức sự quý giá của con người, và chúng ta sẽ vui mừng mỗi khi nhắc đến con người. Đức Chúa Trời xem con người có giá trị biết bao! Thậm chí chính Ngài cũng đã trở thành một con người! Kế hoạch của Đức Chúa Trời là đạt được con người. Khi Đức Chúa Trời đạt được con người thì kế hoạch của Đức Chúa Trời được thành tựu.

Chính bởi con người mà kế hoạch của Đức Chúa Trời được hoàn thành, và qua con người mà nhu cầu của chính Ngài được đáp ứng. Thế thì, Đức Chúa Trời đòi hỏi điều gì nơi con người mà Ngài đã sáng tạo? Ấy là con người cần phải cai trị. Khi Đức Chúa Trời sáng tạo con người, Ngài không định trước là con người sẽ sa ngã. Sự sa ngã của con người ở trong chương 3 của Sáng Thế Kí, chứ không phải trong chương 1. Trong kế hoạch của Đức Chúa Trời khi sáng tạo con người, Ngài không tiên định con người phạm tội, Ngài cũng không định trước sự cứu chuộc. Chúng ta không làm giảm đi tầm quan trọng của sự cứu chuộc mà chỉ nói rằng sự cứu chuộc không được Đức Chúa Trời định trước. Nếu như vậy, con người hẳn phải phạm tội. Đức Chúa Trời không định trước điều này. Trong kế hoạch sáng tạo con người, Ngài chỉ định rằng con người sẽ cai trị. Điều này được khai thị trong Sáng Thế Kí 1:26. Ở đây, Đức Chúa Trời bày tỏ cho thấy khát vọng của Ngài và cho chúng ta biết bí mật của kế hoạch của Ngài. “Chúng Ta hãy làm nên con người theo hình ảnh của Chúng Ta, theo hình trạng của Chúng Ta và để họ thống trị trên loài cá biển, loài chim trời, loài súc vật và khắp cả đất, và mọi loài bò sát bò trên mặt đất”. Đây là mục đích của Đức Chúa Trời trong việc sáng tạo con người.

Có lẽ người nào đó sẽ hỏi vì sao Đức Chúa Trời lại có một mục đích như vậy. Bởi vì một thiên sứ sáng láng đã nổi loạn chống lại Ngài trước khi con người được sáng tạo và đã trở nên ma quỷ: Sa-tan đã phạm tội và sa ngã; Ngôi Sao Mai đã trở nên kẻ thù của Đức Chúa Trời (Ês. 14:12-15). Vì

vậy, Đức Chúa Trời rút lại uy quyền của Ngài khỏi kẻ thù này và thay vào đó, Ngài đặt uy quyền ấy vào tay con người. Lí do Đức Chúa Trời sáng tạo con người là để con người có thể cai trị thế chỗ của Sa-tan. Trong việc Đức Chúa Trời sáng tạo con người, chúng ta thấy ân điển dư dật biết bao!

Không những Đức Chúa Trời muốn con người cai trị mà Ngài còn đánh dấu một phạm vi cụ thể để con người cai trị. Chúng ta thấy điều này trong Sáng Thế Kí 1:26: “để họ thống trị trên loài cá biển, loài chim trời, loài súc vật và khắp cả đất...” “Khắp cả trái đất” là phạm vi cai trị của con người. Không những Đức Chúa Trời ban cho con người quyền thống trị trên cá biển, chim trời và súc vật, mà hơn nữa Ngài còn đòi hỏi con người cai trị trên “khắp cả đất”. Phạm vi Đức Chúa Trời muốn con người cai trị là trái đất. Con người đặc biệt có liên quan đến trái đất. Không những trong kế hoạch sáng tạo con người Đức Chúa Trời đặc biệt chú tâm đến trái đất mà sau khi làm nên con người, Ngài còn dặn bảo rất rõ là họ phải cai trị trái đất. Câu 27 và 28 chép: “Vậy Đức Chúa Trời sáng tạo con người theo hình ảnh của Ngài, Ngài sáng tạo con người theo hình ảnh của Đức Chúa Trời; Ngài sáng tạo nên người nam và người nữ. Và Đức Chúa Trời ban phước cho họ, và Ngài phán với họ: hãy sinh sản, thêm nhiều và làm cho đầy dẫy đất, bắt đất phải phục tùng...” Điều Đức Chúa Trời nhấn mạnh ở đây là con người “làm cho đầy dẫy đất” và “bắt đất phục tùng”; điều quan trọng thứ hai là con người thống trị trên cá biển, chim trời và mọi vật sống trên đất. Con người thống trị trên những loài khác là một điều phụ; đối tượng chính yếu vẫn là trái đất.

Sáng Thế Kí 1:1-2 chép: “Ban đầu, Đức Chúa Trời dựng nên các tầng trời và trái đất. Và trái đất là hoang vu và trống không; và sự tối tăm ở trên mặt vực sâu” (bản ASV). Bằng cách dịch trực tiếp từ tiếng Hê-bơ-rơ, hai câu này được làm cho sáng tỏ hơn. Theo nguyên ngữ, câu 1 chép: “Ban đầu Đức Chúa Trời sáng tạo các tầng trời và trái đất”. Các

tầng trời ở đây là số nhiều và chỉ về các tầng trời của tất cả các vì sao. (Trái đất có tầng trời của nó và tất cả các vì sao cũng vậy). Lờ dịch trực tiếp của câu 2 là: “Và trái đất đã trở nên [không phải là] hoang vu và trống không; và sự tối tăm ở trên mặt vực sâu”. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, trước chữ “trái đất” có liên từ “và”. “Ban đầu Đức Chúa Trời sáng tạo các tầng trời và trái đất”; không có gì khó khăn, không có nan đề gì cả, nhưng sau đó một điều gì đã xảy ra: “và trái đất trở nên hoang vu và trống không”. Chữ “là” trong Sáng Thế Kí 1:2 (“Và trái đất là hoang vu và trống không”) và chữ “trở nên” trong Sáng Thế Kí 19:26, nói về vợ của Lót trở nên trụ muối, là cùng một chữ. Vợ của Lót sinh ra vốn không phải là trụ muối; bà đã trở nên trụ muối. Trái đất không phải là hoang vu và trống không khi được sáng tạo, nhưng về sau đã trở nên hoang vu và trống không. Đức Chúa Trời sáng tạo các tầng trời và trái đất, nhưng “trái đất đã trở nên hoang vu và trống không”. Điều này cho thấy nan đề không phải ở các tầng trời mà ở trái đất.

Vậy thì chúng ta thấy trái đất là trung tâm của mọi nan đề. Đức Chúa Trời tranh đấu cho trái đất. Chúa Jesus dạy chúng ta cầu nguyện: “nguyện danh Cha được tôn thánh; vương quốc Cha đến; ý chỉ Cha được thực hiện trên đất, cũng như trên trời.” (Mat. 6:9-10, RcV) Theo ý nghĩa của nguyên ngữ, cụm từ “trên đất cũng như trên trời” là chung cho cả ba mệnh đề này, chứ không phải chỉ cho mệnh đề sau cùng. Nói cách khác, nguyên nghĩa câu ấy như sau: “Nguyện danh Cha được tôn thánh trên đất cũng như trên trời. Vương quốc Cha đến trên đất cũng như trên trời. Ý Cha được thực hiện trên đất cũng như trên trời”. Lờ cầu nguyện này cho thấy không có nan đề “trên trời” mà nan đề là ở “trên đất”. Sau khi con người sa ngã, Đức Chúa Trời phán với con rắn: “Ngươi sẽ bò bằng bụng và ăn bụi đất trọn đời” (Sáng. 3:14). Điều này nghĩa là trái đất sẽ là phạm vi của con rắn, là nơi nó sẽ bò. Lãnh vực Sa-tan hoạt động không phải là trời mà là trái đất. Nếu vương quốc của

Đức Chúa Trời đến thì Sa-tan phải bị ném ra. Nếu ý muốn của Đức Chúa Trời được thực hiện, ý chỉ ấy phải được thực hiện trên đất. Nếu danh Đức Chúa Trời được tôn thánh, danh ấy phải được tôn thánh trên đất. Tất cả các nan đề đều ở trên đất.

Trong Sáng Thế Kí có hai chữ đầy ý nghĩa. Một là chữ “làm cho phục tùng”, “bắt phục” trong Sáng Thế Kí 1:28, cũng có thể được dịch là “chinh phục”. Chữ kia là “giữ gìn” trong Sáng Thế Kí 2:15, cũng có thể dịch là “bảo vệ”. Qua những câu này, chúng ta thấy Đức Chúa Trời ra lệnh cho con người chinh phục và bảo vệ trái đất. Ý định ban đầu của Đức Chúa Trời là ban trái đất cho con người để làm nơi cư ngụ. Ngài không định rằng trái đất sẽ trở nên hoang vu (Ês. 45:18). Đức Chúa Trời muốn qua con người không cho Sa-tan xâm phạm vào trái đất, nhưng nan đề là Sa-tan đã ở trên đất và dự định thực hiện công việc tàn phá trái đất. Vì vậy, Đức Chúa Trời muốn con người lấy lại trái đất từ tay Sa-tan.

Nói cách chính xác, một vấn đề khác mà chúng ta cần lưu ý là Đức Chúa Trời không những đòi hỏi con người lấy lại trái đất, mà còn lấy lại trời, là trời gắn liền với trái đất. Trong Kinh văn có sự khác biệt giữa “các tầng trời” và “trời”. “Các tầng trời” là nơi có ngai của Đức Chúa Trời, nơi Đức Chúa Trời thi hành uy quyền của Ngài, trong khi “trời” trong Kinh văn đôi khi chỉ về trời gắn liền với trái đất. Đức Chúa Trời cũng muốn khôi phục chính “trời” này (xem Khải. 12:7-10).

Có người hỏi: Vì sao chính Đức Chúa Trời không ném Sa-tan vào vực sâu không đáy hay hồ lửa? Câu trả lời của chúng tôi là: Đức Chúa Trời có thể làm điều đó, nhưng Ngài không muốn tự làm điều đó. Chúng ta không biết tại sao Ngài không tự làm điều đó, nhưng chúng ta biết Ngài sẽ thực hiện điều đó như thế nào. Đức Chúa Trời muốn dùng con người để xử lí kẻ thù của Ngài, và Ngài sáng tạo con người vì mục đích này. Đức Chúa Trời muốn tạo vật xử lí



tạo vật. Ngài muốn tạo vật con người của Ngài xử lí tạo vật sa ngã của Ngài là Sa-tan để đem trái đất trở lại với Đức Chúa Trời. Con người mà Đức Chúa Trời sáng tạo đang được Ngài sử dụng vì mục đích này.

Chúng ta hãy đọc Sáng Thế Kí 1:26 một lần nữa: “Và Đức Chúa Trời phán: Chúng Ta hãy làm nên con người theo hình ảnh của Chúng Ta, theo hình trạng của Chúng Ta và để họ thống trị trên loài cá biển, loài chim trời, loài súc vật và khắp cả đất...” Đường như câu này chấm dứt ở đây, nhưng một cụm từ khác được thêm vào: “...và mọi loài bò sát bò trên mặt đất”. Ở đây, chúng ta thấy những loài bò sát trên đất chiếm một vị trí rất quan trọng, vì Đức Chúa Trời nói về chúng sau khi Ngài đề cập xong “cả trái đất”. Ấn ý ở đây là: để con người có được quyền thống trị trên cả trái đất, họ không được bỏ qua loại bò sát, vì kẻ thù của Đức Chúa Trời hiện thân trong những loài bò sát. Con rắn trong Sáng Thế Kí chương 3 và bò cạp trong Lu-ca chương 10 là những loài bò sát. Không những rắn tượng trưng cho Sa-tan, nhưng cả bọ cạp cũng tượng trưng cho các ác linh ô uế và tội lỗi. Phạm vi của rắn và bò cạp là trái đất này. Nan đề này ở trên trái đất.

Vì vậy, chúng ta phải phân biệt sự khác nhau giữa công tác cứu hồn người và công tác của Đức Chúa Trời. Nhiều lúc công tác cứu hồn người không nhất thiết là công tác của Đức Chúa Trời. Việc cứu hồn người giải quyết nan đề con người, nhưng công tác của Đức Chúa Trời đòi hỏi con người thi hành uy quyền để thống trị trên tất cả những gì do Ngài sáng tạo. Đức Chúa Trời cần một uy quyền trong sự sáng tạo của Ngài, và Ngài đã chọn con người để là uy quyền đó. Nếu chúng ta ở đây chỉ vì chính mình là những con người, thì tất cả những gì chúng ta tìm kiếm và ao ước sẽ là yêu Chúa hơn, thánh biệt hơn, nhiệt thành hơn, và cứu nhiều hồn người hơn. Tất cả những sự theo đuổi này thực sự là tốt, nhưng quá tập trung vào con người. Những điều này chỉ liên quan đến lợi ích của con người; công tác của Đức Chúa

Trời và nhu cầu của Ngài hoàn toàn bị lãng quên. Chúng ta phải thấy Đức Chúa Trời có nhu cầu của Ngài. Chúng ta ở trên đất này không chỉ vì nhu cầu của con người mà còn hơn thế nữa là vì nhu cầu của Đức Chúa Trời. Cảm tạ Đức Chúa Trời đã giao phó chức vụ phục hòa cho chúng ta, nhưng dù có cứu được tất cả hồn người trên cả thế giới đi nữa, thì chúng ta vẫn chưa hoàn tất công tác của Đức Chúa Trời hay thỏa mãn đòi hỏi của Ngài. Đây là những gì được gọi là công tác của Đức Chúa Trời, nhu cầu của Đức Chúa Trời. Khi sáng tạo con người, Ngài đã nói về những gì Ngài cần. Ngài bày tỏ Ngài cần con người cai trị và cầm quyền trên cả cõi sáng tạo của Ngài và công bố chiến thắng của Ngài. Cai trị cho Đức Chúa Trời không phải là một việc nhỏ mà là cả một vấn đề lớn lao. Đức Chúa Trời cần con người mà Ngài có thể tin cậy và không làm Ngài thất vọng. Đây là công tác của Đức Chúa Trời và là điều Ngài ao ước đạt được.

Chúng ta không xem nhẹ công tác rao giảng phúc âm, nhưng nếu toàn bộ công tác của chúng ta chỉ là rao giảng phúc âm và cứu hồn người thì chúng ta không làm cho Sa-tan bị thiệt hại đến cùng. Nếu con người không đoạt lại trái đất từ tay Sa-tan thì họ chưa đạt được mục đích mà Đức Chúa Trời đã sáng tạo nên họ. Cứu hồn người thường chỉ là vì lợi ích của con người, nhưng xử lý Sa-tan là vì lợi ích của Đức Chúa Trời. Cứu hồn người giải quyết nhu cầu của con người, nhưng xử lý Sa-tan thỏa đáp nhu cầu của Đức Chúa Trời.

Thưa anh chị em, điều này đòi hỏi chúng ta phải trả giá. Chúng ta biết ma quỷ có thể nói như thế nào. Một quỷ từng nói: “Ta biết Jesus, và ta quen Phao-lô; nhưng các ngươi là ai?” (Công. 19:15). Khi một quỷ gặp chúng ta, nó có chạy trốn không? Rao giảng phúc âm đòi hỏi chúng ta phải trả một giá, nhưng để xử lý Sa-tan chúng ta phải trả một giá cao hơn nhiều.

Đây không phải là vấn đề một bài giảng hay một sự dạy dỗ. Điều này đòi hỏi chúng ta phải thực hành và giá phải

trả cục kì cao. Nếu là những người mà Đức Chúa Trời sẽ dùng để lật đổ mọi công việc và uy quyền của Sa-tan, chúng ta phải vâng phục Chúa hoàn toàn và tuyệt đối! Khi làm một công tác khác, nếu chúng ta giữ lại cho mình một chút thì vấn đề cũng ít nghiêm trọng, nhưng khi xử lí Sa-tan, chúng ta không thể giữ lại cho chính mình một chút nào cả. Chúng ta có thể nắm giữ điều gì đó cho chính mình trong việc nghiên cứu Kinh Thánh, rao giảng phúc âm, giúp đỡ Hội thánh hay các anh em, nhưng khi xử lí Sa-tan, chúng ta phải loại bỏ bản ngã hoàn toàn. Sa-tan sẽ không hề bị lay chuyển nếu bản ngã chúng ta còn giữ lại. Nguyên Đức Chúa Trời mở mắt chúng ta để thấy rằng mục đích của Đức Chúa Trời là đòi hỏi chúng ta phải hoàn toàn và tuyệt đối vì Ngài. Một người hai lòng không bao giờ có thể xử lí Sa-tan. Nguyên Đức Chúa Trời phán lời này với lòng chúng ta.

### **MỤC ĐÍCH KHÔNG THỂ THAY ĐỔI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI**

Đức Chúa Trời muốn con người cai trị cho Ngài trên trái đất này nhưng con người đã không đạt đến mục đích của Đức Chúa Trời. Trong Sáng Thế Kí chương 3, sự sa ngã xảy ra và tội bước vào; con người ở dưới quyền lực của Sa-tan, và mọi sự dường như chấm dứt. Sa-tan có vẻ chiến thắng và Đức Chúa Trời dường như thất bại. Ngoài Sáng Thế Kí chương 1, còn có hai phân đoạn khác trong Kinh Thánh liên quan đến vấn đề này. Đó là Thi Thiên 8 và Hê-bơ-rơ chương 2.

#### **Thi Thiên 8**

Thi Thiên 8 cho thấy rằng mục đích và kế hoạch của Đức Chúa Trời không bao giờ thay đổi. Sau sự sa ngã của con người, ý muốn và đòi hỏi của Đức Chúa Trời đối với con người vẫn y nguyên, không có gì thay đổi. Ý muốn của Ngài trong Sáng Thế Kí chương 1 khi sáng tạo con người vẫn là tốt lành, dù cho con người đã phạm tội và sa ngã. Dù Thi

Thiên 8 được viết ra sau khi con người sa ngã nhưng tác giả Thi Thiên vẫn có thể ngợi khen; mắt của ông vẫn đặt vào Sáng Thế Kí chương 1. Thánh Linh không quên Sáng Thế Kí chương 1, Con không quên Sáng Thế Kí chương 1 và chính Đức Chúa Trời cũng không quên Sáng Thế Kí chương 1.

Chúng ta hãy xem nội dung của Thi Thiên này. Câu 1 chép: “Ô, Giê-hô-va Chúa chúng tôi, / Danh Ngài tuyệt hảo biết bao / Trên cả trái đất”. Tất cả những ai được Thánh Linh cảm thúc sẽ thốt ra những lời này: “Danh Ngài tuyệt hảo biết bao trên cả trái đất!” Dù một số người nói xấu và chối bỏ danh Ngài, tác giả Thi Thiên vẫn lớn tiếng tuyên bố: “Ô, Giê-hô-va Chúa chúng tôi, / Danh Ngài tuyệt hảo biết bao / Trên cả trái đất”. Ông không nói: “Danh Ngài rất tuyệt hảo”. “Rất tuyệt hảo” không cùng ý nghĩa với “tuyệt hảo biết bao”. “Rất tuyệt hảo” nghĩa là tôi, tác giả Thi Thiên, vẫn có thể mô tả sự tuyệt hảo ấy, trong khi “tuyệt hảo biết bao” nghĩa là dù tôi có thể viết các Thi Thiên nhưng tôi không có đủ lời để diễn tả, cũng không biết danh Chúa là tuyệt hảo đến dường nào. Cho nên tôi chỉ có thể nói: “Ô, Giê-hô-va Chúa chúng tôi, danh Ngài tuyệt hảo biết bao trên cả trái đất!” Không những danh Ngài tuyệt hảo, mà danh Ngài còn tuyệt hảo “trên cả trái đất”! Cụm từ “trên cả trái đất” cũng giống như trong Sáng Thế Kí 1:26. Nếu chúng ta biết kế hoạch của Đức Chúa Trời, thì khi chúng ta đọc đến từ ngữ “con người” hay “trái đất”, lòng chúng ta sẽ nhảy nhót rộn ràng.

Câu 2 tiếp: “Vì các kẻ thù Chúa / Chúa đã lập nên năng lực Ngài / Ra từ miệng trẻ thơ và các em bé đang bú / Để chặn đứng kẻ thù và kẻ báo thù”. Trẻ thơ và các em bé đang bú chỉ về con người, và câu này nhấn mạnh về việc Đức Chúa Trời dùng con người để xử lí kẻ thù. Chúa Jesus trích câu này trong Ma-thi-ơ 21:16: “Ngài có lời ngợi khen hoàn hảo ra từ miệng trẻ thơ và các em bé đang bú”. Những lời này có nghĩa là kẻ thù có thể làm mọi điều hấn muốn làm,

nhưng không cần đích thân Đức Chúa Trời xử lí hẳn. Đức Chúa Trời sẽ dùng trẻ thơ và em bé đang bú để xử lí hẳn. Trẻ thơ và những em bé đang bú có thể làm gì? Câu này chép: “Chúa lập nên năng lực Ngài ra từ miệng trẻ thơ và những em bé đang bú”. Đức Chúa Trời mong muốn có được những con người biết ngợi khen; những người biết ngợi khen là những người có thể xử lí kẻ thù.

Trong các câu từ 3 đến 8, tác giả Thi Thiên nói: “Khi tôi nhìn xem các tầng trời của Chúa, là những công việc của ngón tay Chúa, / Mặt trăng và các ngôi sao mà Chúa đã đặt, / Loài người là gì mà Chúa nhớ đến, / Và con loài người là chi, mà Chúa thăm viếng người? / Chúa làm nên loài người kém các thiên sứ một chút / Đợi cho người sự vinh hiển và tôn trọng. / Vì Chúa khiến người cai trị các công việc tay Chúa làm; / Ngài đã đặt mọi sự dưới chân người: / Tất cả chiên và bò, / Cũng như tất cả các loài thú đồng, / Chim trời và cá biển, / bất cứ vật nào trải qua các lối của biển”. Nếu chúng ta viết Thi Thiên này, có lẽ chúng ta sẽ thêm một ngoặc đơn ở đây: “Thật đáng thương vì loài người đã sa ngã, phạm tội và bị đuổi ra khỏi vườn Ê-đen! Loài người không còn đạt được tình trạng này nữa”. Nhưng tạ ơn Đức Chúa Trời, trong lòng của tác giả Thi Thiên không có ý tưởng nào như vậy. Trong cách nhìn của Đức Chúa Trời, trái đất vẫn có thể được phục hồi, địa vị mà Đức Chúa Trời ban cho loài người vẫn tồn tại, và Ngài vẫn phớt lờ việc phá hủy công tác của ma quỷ cho loài người. Vì vậy, bắt đầu từ câu thứ 3, tác giả Thi Thiên một lần nữa thuật lại câu chuyện cũ, hoàn toàn bỏ qua chương 3 của Sáng Thế Kí. Đây là đặc điểm nổi bật của Thi Thiên 8. Mục đích của Đức Chúa Trời là con người cai trị. Con người có xứng đáng không? Chắc chắn là không! Nhưng vì mục đích của Đức Chúa Trời là con người cai trị, nên chắc chắn con người sẽ cai trị.

Trong câu 9, một lần nữa tác giả Thi Thiên nói: “Ô, Giê-hô-va Chúa chúng tôi, / Danh Chúa thật tuyệt hảo / Trên

khấp trái đất biết bao!” Ông vẫn tiếp tục ngợi khen, như thể không biết gì về sự sa ngã của con người. Dù A-đam đã phạm tội và Ê-va cũng đã phạm tội, nhưng họ không bao giờ chống lại được kế hoạch của Đức Chúa Trời. Con người có thể sa ngã và họ có thể phạm tội, nhưng không bao giờ con người có thể lật đổ được ý muốn của Đức Chúa Trời. Ngay cả sau khi con người sa ngã, ý muốn của Đức Chúa Trời đối với con người vẫn y nguyên. Đức Chúa Trời vẫn đòi hỏi con người lật đổ quyền lực của Sa-tan. Ô, Ngài thật là một Đức Chúa Trời không thay đổi! Đường lối của Ngài vẫn kiên định và thẳng tắp. Chúng ta phải nhận thức rằng Đức Chúa Trời không bao giờ bị lật đổ. Trong thế giới này một số người bị lãnh nhiều cú đánh nặng nề, nhưng không ai bị tấn công hằng ngày và nhận lãnh nhiều trận cuồng phong liên tục như Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, ý chỉ của Ngài không bao giờ bị lật đổ. Đức Chúa Trời là như thế nào trước khi con người sa ngã thì Ngài vẫn y như vậy sau khi con người sa ngã và sau khi tội vào trong thế giới này. Quyết định mà Ngài đã khẳng định trước đây vẫn là quyết định của Ngài hôm nay. Ngài không bao giờ thay đổi.

### **Hê-bo-ơ chương 2**

Sáng Thế Kí chương 1 nói về ý muốn của Đức Chúa Trời vào lúc sáng tạo, Thi Thiên 8 nói về ý chỉ của Ngài sau khi con người sa ngã, và Hê-bo-ơ chương 2 nói về ý chỉ của Ngài trong sự cứu chuộc. Xin hãy xem Hê-bo-ơ chương 2. Chúng ta sẽ thấy trong sự chiến thắng của sự cứu chuộc, Đức Chúa Trời vẫn ao ước con người đạt được uy quyền và xử lí Sa-tan.

Trong các câu từ 5 đến 8a, tác giả nói: “Thế giới sắp đến mà chúng ta nói, Đức Chúa Trời chẳng khiến nó phục các thiên sứ. Vì một người đã làm chứng một cách long trọng ở một chỗ kia rằng: ‘Loài người là gì mà Chúa nhớ đến, con loài người là chi mà Chúa thăm viếng? Chúa đã làm cho Người thấp kém thiên sứ một ít; Chúa đã đội mão miện

vinh hiển và tôn trọng cho Người, đặt Người trên các công việc của tay Chúa; Chúa làm cho muôn vật phục dưới chân Người' [trích Thi Thiên 8]. Đã làm cho muôn vật phục Người, thì Ngài chẳng để một vật nào chẳng phục Người". Tất cả mọi vật phải vâng phục con người; Đức Chúa Trời đã định điều đó từ ban đầu.

Nhưng sự việc chưa được thực hiện theo cách ấy. Tác giả tiếp tục: "Nhưng hiện nay chúng ta chưa thấy muôn vật phục người, nhưng chúng ta thấy Jesus, là Đấng chịu làm thấp hơn các thiên sứ một ít, vì đã chịu sự đau khổ của sự chết, nên được đội mũ miện vinh hiển và tôn trọng" (các câu 8b-9a). Jesus là người thích hợp với tình trạng này. Thi Thiên 8 nói Đức Chúa Trời làm cho con người thấp kém hơn thiên sứ một chút, nhưng vị sứ đồ đã đổi chữ "con người" thành chữ "Jesus". Ông giải thích chữ "con người" chỉ về "Jesus"; chính Jesus đã trở nên thấp hơn các thiên sứ một chút. Sự cứu chuộc của con người là bởi Ngài. Ban đầu, Đức Chúa Trời định con người thấp hơn các thiên sứ một chút, được đội mũ miện và cai trị trên cả cõi sáng tạo của Ngài. Ngài dự định con người sẽ đại diện Ngài mà thi hành uy quyền để đuổi kẻ thù của Ngài khỏi trái đất và khỏi trời gắn liền với trái đất. Ngài muốn con người hủy diệt toàn bộ quyền lực của Sa-tan. Nhưng con người đã sa ngã và không đứng ở vị trí cai trị. Vì vậy, Chúa Jesus đến và mặc lấy một thân thể bằng thịt và huyết. Ngài đã trở nên "A-đam sau cùng" (1 Cô. 15:45b).

Phần cuối của câu 9 chép: "Để rồi bởi ân điển của Đức Chúa Trời, Ngài có thể nếm sự chết thay cho mọi sự". Sự ra đời của Chúa Jesus, cuộc sống làm người của Chúa Jesus, cũng như sự cứu chuộc của Chúa Jesus cho chúng ta thấy công tác cứu chuộc của Ngài không chỉ dành cho con người mà cũng dành cho mọi loài thọ tạo, bao gồm cả cõi sáng tạo (ngoại trừ các thiên sứ). Chúa Jesus đứng ở hai vị trí: đối với Đức Chúa Trời, Ngài là con người từ ban đầu, tức con người mà Đức Chúa Trời chỉ định ngay từ ban đầu; và đối

với con người, Ngài là Đấng Cứu Rỗi. Từ ban đầu, Đức Chúa Trời giao nhiệm vụ cho con người cai trị và lật đổ Sa-tan. Chúa Jesus là con người ấy, và con người ấy bây giờ đã được đăng quang! Ha-lê-lu-gia! Một con người như vậy đã lật đổ quyền lực của Sa-tan. Ngài là con người mà Đức Chúa Trời theo đuổi và ao ước có được. Về phương diện kia, Ngài là con người liên quan đến chúng ta; Ngài là Đấng Cứu Rỗi của chúng ta, là Đấng đã giải quyết nan đề tội thay cho chúng ta. Chúng ta đã phạm tội và sa ngã, và Đức Chúa Trời đã làm cho Ngài trở nên sự vãn hồi cho chúng ta. Hơn nữa, không những Ngài trở nên sự vãn hồi cho chúng ta mà Ngài còn bị phán xét vì mọi tạo vật. Bức màn bị xé trong Nơi thánh đã chứng minh cho điều này. Hê-bơ-rơ chương 10 cho biết bức màn trong Nơi thánh tượng trưng cho thân thể của Chúa Jesus. Trên bức màn này có thêu hình chê-ru-bim, đại diện cho các vật thọ tạo. Khi Chúa chết, bức màn xé làm hai từ trên xuống dưới; kết quả là, chê-ru-bim được thêu trên đó đồng thời cũng bị xé. Điều này khẳng thị rằng sự chết của Chúa Jesus bao hàm sự phán xét mọi tạo vật. Không những Ngài ném sự chết cho mọi người nhưng cũng cho “mọi sự”.

Câu 10 tiếp: “Bởi Đấng mà muôn vật vốn vì Ngài và bởi Ngài, đã muốn đem nhiều con đến sự vinh hiển...mà xứng hiệp vậy”. Mọi sự đều vì Ngài và qua Ngài; mọi sự đều quy về Ngài và bởi Ngài. Vì Ngài nghĩa là quy về Ngài; qua Ngài nghĩa là bởi Ngài. Ngợi khen Đức Chúa Trời, Ngài không thay đổi mục đích của Ngài trong sự sáng tạo! Điều Đức Chúa Trời ấn định vào lúc sáng tạo, Ngài vẫn tiếp tục ấn định sau khi con người sa ngã. Trong sự cứu chuộc, mục đích của Ngài vẫn y nguyên. Đức Chúa Trời không thay đổi mục đích của Ngài vì sự sa ngã của con người. Ngợi khen Đức Chúa Trời, Ngài đang đem nhiều con đến sự vinh hiển! Ngài đang vinh hóa nhiều con. Chủ tâm của Đức Chúa Trời là đạt được một nhóm người mới có hình trạng và hình ảnh của Con Ngài. Vì Chúa Jesus là con người đại diện nên



những con người khác sẽ giống như Ngài; Ngài thế nào thì họ thế ấy, và họ sẽ cùng Ngài bước vào vinh hiển.

Làm thế nào hoàn thành được điều này? Câu 11 chép: “Vì cả Đấng thánh hóa lẫn những người đang được thánh hóa, tất cả đều thuộc về một Đấng”. Đấng thánh hóa là ai? Ấy là Chúa Jesus. Những người đang được thánh hóa là ai? Ấy là chúng ta. Chúng ta có thể đọc câu này như sau: “Vì cả Chúa Jesus là Đấng thánh hóa lẫn chúng ta là những người được thánh hóa, tất cả đều thuộc về một Đấng”. Chúa Jesus và chúng ta đều sinh bởi một Cha; tất cả chúng ta đều phát xuất từ một nguồn và có cùng một sự sống. Chúng ta có cùng một Linh nội cư và cùng một Đức Chúa Trời, là Chúa và là Cha của chúng ta. “Vì lí do ấy, Ngài không thẹn mà gọi họ là anh em”. Chữ “Ngài” ở đây chỉ về Chúa Jesus của chúng ta và “họ” chỉ về chúng ta. “Ngài không thẹn mà gọi họ là anh em” vì Ngài thuộc về Cha và chúng ta cũng thuộc về Cha.

Chúng ta là nhiều con của Đức Chúa Trời, kết quả cuối cùng là Ngài sẽ dẫn chúng ta vào vinh hiển. Sự cứu chuộc không thay đổi được mục đích của Đức Chúa Trời; trái lại, sự cứu chuộc hoàn thành mục đích mà sự sáng tạo chưa hoàn thành. Mục đích ban đầu của Đức Chúa Trời là con người phải cai trị, đặc biệt là trên trái đất, nhưng rất tiếc con người đã thất bại. Tuy nhiên, khi con người đầu tiên sa ngã, mọi sự không đến chỗ kết thúc. Điều Đức Chúa Trời không đạt được nơi con người đầu tiên, là A-đam, Ngài sẽ đạt được qua con người thứ hai, là Đấng Christ. Tại Bết-lê-hem có một sự ra đời có tác động quan trọng vì Đức Chúa Trời định rằng con người phải cai trị và phục hồi trái đất, và vì Ngài đã quyết định rằng tạo vật con người sẽ hủy diệt tạo vật Sa-tan. Đây là lí do vì sao Chúa Jesus đã đến để trở nên một con người. Ngài có chủ tâm khi làm điều đó và Ngài đã trở nên một con người thật sự. Con người đầu tiên không hoàn thành được mục đích của Đức Chúa Trời; trái lại, ông đã phạm tội và sa ngã. Không những ông không

phục hồi được trái đất, mà còn bị Sa-tan bắt giữ. Không những ông không cai trị được mà còn bị bắt phải phục uy quyền của Sa-tan. Sáng Thế Kí chương 2 nói con người làm bằng bụi đất, và Sáng Thế Kí chương 3 nêu rõ bụi đất là thức ăn của Sa-tan. Điều này có nghĩa là con người sa ngã đã trở nên thức ăn cho Sa-tan. Con người không còn xử lí Sa-tan được nữa; họ đã bị kết liễu. Vậy thì còn làm gì được? Phải chăng điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ đạt được mục đích đời đời của Ngài, và Ngài không thể đạt được điều Ngài tìm kiếm? Có phải Ngài không bao giờ phục hồi được trái đất chăng? Không! Ngài sai Con Ngài đến để trở nên một con người. Chúa Jesus thật sự là Đức Chúa Trời, nhưng Ngài cũng thật sự là một con người.

Trên cả thế giới ít nhất cũng có một người lựa chọn Đức Chúa Trời, là một người có thể nói rằng: “Kẻ cai trị thế giới này đang đến, và trong Ta, hấn chẳng có gì” (Gi. 14:30, Rcv). Nói cách khác, trong Chúa Jesus, không có một dấu vết nào của kẻ cai trị thế giới này. Chúng ta phải cẩn thận chú ý rằng Chúa Jesus không đến thế giới này để làm Đức Chúa Trời, nhưng để làm người. Đức Chúa Trời đòi hỏi có một con người. Nếu chính Đức Chúa Trời xử lí Sa-tan thì điều ấy rất dễ dàng; Sa-tan sẽ sụp đổ ngay lập tức. Nhưng Đức Chúa Trời không muốn tự mình làm điều đó. Ngài muốn con người xử lí Sa-tan; ý định của Ngài là tạo vật sẽ xử lí tạo vật. Khi Chúa Jesus trở nên con người, Ngài chịu cám dỗ như một con người và trải qua mọi kinh nghiệm của con người. Con người này đã chinh phục, con người này đã chiến thắng. Ngài đã thắng thiên và ngồi bên hữu Đức Chúa Trời. Jesus đã được “đội mão miện bằng sự vinh hiển và sự tôn trọng” (Hê. 2:9). Ngài đã được tôn vinh.

Ngài không đến để nhận vinh hiển như Đức Chúa Trời, nhưng để nhận vinh hiển như con người. Chúng tôi không có ý nói Ngài không có vinh hiển của Đức Chúa Trời, nhưng Hê-bơ-rơ chương 2 không nói đến vinh hiển mà Ngài đã sở hữu với tư cách là Đức Chúa Trời. Chương này nói về Jesus,

Đáng chịu làm thấp hơn thiên sứ một chút vì phải chịu sự chết; Jesus được đội mũ miện bằng sự vinh hiển và sự tôn trọng. Chúa chúng ta thắng thiên như một con người. Ngày nay, Ngài đang ở trên các tầng trời như một con người. Một con người ở bên phải Đức Chúa Trời. Trong tương lai, nhiều người sẽ có mặt tại đó. Hôm nay, có một người đang ngồi trên ngai. Một ngày kia, sẽ có nhiều người đồng ngồi trên ngai. Đó là điều chắc chắn.

Khi Chúa Jesus phục sinh, Ngài truyền sự sống Ngài vào trong chúng ta. Khi tin Ngài, chúng ta nhận được sự sống của Ngài. Tất cả chúng ta đều trở nên con Đức Chúa Trời, và như vậy, chúng ta đều thuộc về Đức Chúa Trời. Vì chúng ta có sự sống này bên trong, nên với tư cách là con người chúng ta được Đức Chúa Trời giao trách nhiệm hoàn thành mục đích của Ngài. Do đó, câu này nói Ngài sẽ đem nhiều con vào vinh hiển. Cai trị là được vinh hóa, và được vinh hóa là cai trị. Khi nhiều con đã có được uy quyền và phục hồi trái đất thì khi đó, họ sẽ được đem vào trong vinh hiển cách khả hoàn.

Chúng ta đừng bao giờ cho rằng mục đích của Đức Chúa Trời chỉ là cứu chúng ta khỏi địa ngục để chúng ta có thể vui hưởng phước hạnh thiên đàng. Chúng ta phải nhớ rằng Đức Chúa Trời dự định cho con người đi theo Con Ngài để thi hành uy quyền của Ngài trên đất. Đức Chúa Trời muốn hoàn thành một điều, nhưng Ngài không tự thực hiện điều đó; Ngài muốn chúng ta thực hiện điều đó. Khi chúng ta thực hiện điều ấy, đó là lúc Đức Chúa Trời đạt được mục đích của Ngài. Đức Chúa Trời ao ước có được một nhóm người thực hiện công tác của Ngài trên trái đất này, để qua con người, Ngài có thể cai trị trái đất.

### **MỐI LIÊN HỆ GIỮA SỰ CỨU CHUỘC VÀ SỰ SÁNG TẠO**

Chúng ta cần lưu ý đến mối quan hệ giữa sự cứu chuộc và sự sáng tạo. Chắc hẳn chúng ta cho rằng Kinh Thánh

không nói gì khác hơn là sự cứu chuộc. Tạ ơn Đức Chúa Trời, vì ngoài sự cứu chuộc, còn có sự sáng tạo. Khát vọng của lòng Đức Chúa Trời được bày tỏ trong sự sáng tạo. Mục tiêu của Đức Chúa Trời, kế hoạch của Ngài và ý muốn định trước của Ngài đều được bày tỏ trong sự sáng tạo của Ngài. Sự sáng tạo tiết lộ mục đích đời đời của Đức Chúa Trời, bày tỏ cho chúng ta thấy điều mà Ngài thật sự theo đuổi.

Vị trí của sự cứu chuộc không thể cao hơn vị trí của sự sáng tạo. Cứu chuộc là gì? Cứu chuộc là khôi phục những gì Đức Chúa Trời chưa đạt được qua sự sáng tạo. Cứu chuộc không đem đến điều gì mới cho chúng ta mà chỉ khôi phục lại cho chúng ta những gì vốn thuộc về chúng ta. Qua sự cứu chuộc, Đức Chúa Trời đạt được mục đích của Ngài trong sự sáng tạo. Cứu chuộc nghĩa là phục hồi và khôi phục; sáng tạo nghĩa là quyết định và khởi xướng. Cứu chuộc là điều đến sau, để mục đích của Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo được hoàn thành. Ôi, mong rằng con cái Chúa không xem thường sự sáng tạo và nghĩ rằng sự cứu chuộc là tất cả. Sự cứu chuộc có liên quan đến chúng ta, có ích cho chúng ta bằng cách cứu chúng ta và đem đến cho chúng ta sự sống đời đời. Nhưng sự sáng tạo liên quan đến Đức Chúa Trời và công tác của Ngài. Mọi quan hệ của chúng ta với sự cứu chuộc là vì lợi ích của con người, trong khi mọi quan hệ của chúng ta với sự sáng tạo là vì gia thể của Đức Chúa Trời. Nguyên Đức Chúa Trời làm một điều mới mẻ trên trái đất này để con người không chỉ nhấn mạnh đến việc rao giảng phúc âm mà còn tiến xa hơn là để quan tâm đến công tác của Đức Chúa Trời, công việc của Ngài, và kế hoạch của Ngài. Thật ra, chúng ta nên rao giảng phúc âm với ý định là đem trái đất trở lại với Đức Chúa Trời. Chúng ta phải bày tỏ sự đắc thắng của Đấng Christ trên vương quốc của Satan. Nếu chúng ta không phải là Cơ Đốc nhân thì đó là chuyện khác. Nhưng một khi đã trở thành những Cơ Đốc nhân, chúng ta không nên chỉ nhận lấy lợi ích của sự cứu chuộc mà cũng đạt được mục đích của Đức Chúa Trời trong

sự sáng tạo. Không có sự cứu chuộc, chúng ta không bao giờ có liên quan gì với Đức Chúa Trời. Nhưng một khi đã được cứu, chúng ta cần dâng chính mình cho Đức Chúa Trời để đạt được mục tiêu mà vì đó Ngài đã tạo nên con người lúc ban đầu. Nếu chúng ta chỉ chú ý đến phúc âm, đó chỉ mới là một nửa vấn đề. Đức Chúa Trời đòi hỏi phân nửa kia, ấy là con người có thể cai trị cho Ngài trên đất và không cho phép Sa-tan lưu lại đây lâu hơn nữa. Phân nửa này cũng đòi hỏi phải có Hội thánh. Hê-bơ-rơ chương 2 cho chúng ta thấy rằng sự cứu chuộc không chỉ vì sự tha thứ các tội phạm để con người được cứu, mà cũng để phục hồi con người lại với mục đích của sự sáng tạo.

Sự cứu chuộc có thể ví như thung lũng ở giữa hai đỉnh núi. Khi một người xuống khỏi một đỉnh núi để tiếp tục lên đỉnh núi kia, người ấy gặp sự cứu chuộc tại nơi thấp nhất của thung lũng. Cứu chuộc chỉ có nghĩa là ngăn không cho con người sa ngã thêm và nâng họ lên. Một mặt, ý muốn của Đức Chúa Trời là đòi đòi và thẳng tắp, không có chỗ trùng nào cả để mục đích của sự sáng tạo có thể được hoàn thành. Mặt khác, có một điều gì đó đã xảy ra. Con người đã sa ngã và lìa bỏ Đức Chúa Trời. Khoảng cách giữa họ và mục đích đòi đòi của Đức Chúa Trời càng ngày càng xa hơn. Ý muốn của Đức Chúa Trời từ đòi đòi đến đòi đòi là một đường thẳng, nhưng từ khi sa ngã, con người không thể đạt đến ý muốn ấy. Tạ ơn Đức Chúa Trời, có một giải pháp gọi là sự cứu chuộc. Khi sự cứu chuộc đến, con người không cần phải đi xuống nữa. Sau sự cứu chuộc, con người được thay đổi và bắt đầu đi lên. Vì con người tiếp tục vươn lên nên sẽ đến một ngày họ lại chạm đường thẳng ấy. Ngày họ đạt đến đường thẳng ấy là ngày vương quốc đến.

Chúng ta tạ ơn Đức Chúa Trời vì chúng ta có sự cứu chuộc. Nếu tách rời khỏi sự cứu chuộc, càng ngày chúng ta sẽ càng chìm xuống sâu hơn; chúng ta sẽ bị Sa-tan đàn áp càng ngày càng nhiều cho đến khi không còn cách nào trở dậy được. Ngợi khen Đức Chúa Trời, sự cứu chuộc làm cho

chúng ta trở lại với mục đích đời đời của Đức Chúa Trời. Điều Đức Chúa Trời không đạt được trong sự sáng tạo và điều con người đã đánh mất trong sự sa ngã, thì trong sự cứu chuộc đã hoàn toàn chiếm lại được.

Chúng ta phải xin Đức Chúa Trời mở mắt chúng ta thấy những gì Ngài đã làm để đời sống và công tác của chúng ta có thể có một sự xoay chuyển thật sự. Nếu tất cả công tác của chúng ta chỉ là cứu người, chúng ta vẫn thất bại và không thể thỏa mãn lòng Đức Chúa Trời. Cả sự cứu chuộc lẫn sự sáng tạo đều để nhận lấy vinh hiển và lật đổ mọi quyền lực của ma quỷ. Chúng ta hãy tuyên bố tình yêu của Đức Chúa Trời và uy quyền của Ngài khi chúng ta thấy tội và sự sa ngã của con người. Nhưng đồng thời, chúng ta phải thi hành uy quyền thuộc linh để lật đổ quyền lực của ma quỷ. Sứ mạng của Hội thánh có hai phương diện: làm chúng về sự cứu rỗi của Đấng Christ và làm chúng về sự đắc thắng của Đấng Christ. Một mặt, Hội thánh phải đem lợi ích đến cho con người, và mặt khác, Hội thánh phải làm cho Sa-tan bị thiệt hại nặng nề.

## SỰ NGHĨ NGOI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Trong suốt sáu ngày, Đức Chúa Trời thực hiện công tác sáng tạo, sự sáng tạo con người thật là khác biệt. Tất cả công tác của Ngài suốt sáu ngày là vì điều này. Đích điểm thật của Ngài là sáng tạo con người. Để làm điều này, trước hết Đức Chúa Trời phải sửa lại đất và trời đã bị hư hoại. (Sáng. 2:4 chép: “Đây là gốc tích các tầng trời và trái đất khi chúng được sáng tạo, vào ngày Chúa là Đức Chúa Trời đã tạo nên trái đất và các tầng trời”. “Các tầng trời và trái đất” nói về sự sáng tạo ban đầu, vì lúc ấy các tầng trời được tạo thành trước và rồi đến trái đất. Nhưng phần thứ hai: “vào ngày Chúa là Đức Chúa Trời đã làm nên trái đất và các tầng trời”, nói về công tác sửa chữa và phục hồi, vì trong công tác này, trái đất được quan tâm trước rồi đến trời). Sau khi Đức Chúa Trời phục hồi trái đất và trời đã bị hư hoại

ấy, Ngài sáng tạo con người theo ý định của Ngài. Sau ngày thứ sáu là ngày thứ bảy; vào ngày này, Đức Chúa Trời nghỉ ngơi mọi công việc của Ngài.

Sự nghỉ ngơi đến sau công việc: công việc phải đi trước và rồi sự nghỉ ngơi sẽ theo sau. Hơn nữa, công việc phải được hoàn tất đến mức mỹ mãn trước khi có sự nghỉ ngơi. Nếu công việc chưa hoàn thành mỹ mãn, tâm trí hay tâm lòng không bao giờ được nghỉ ngơi. Vì vậy, chúng ta không nên xem nhẹ sự kiện Đức Chúa Trời nghỉ ngơi sau sáu ngày sáng tạo. Vì đối với Đức Chúa Trời, nghỉ ngơi là một việc quan trọng. Ngài cần đạt được một mục tiêu nào đó trước khi có thể nghỉ ngơi. Quyền năng làm cho một Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo như vậy phải nghỉ ngơi hẳn là một quyền năng lớn! Để khiến một Đức Chúa Trời như vậy, là Đấng hoạch định rất nhiều điều và là Đấng đầy dẫy sự sống, bước vào sự nghỉ ngơi đòi hỏi một sức mạnh lớn lao nhất.

Sáng Thế Kí chương 2 cho chúng ta thấy Đức Chúa Trời nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy. Làm thế nào Đức Chúa Trời có thể nghỉ được? Phần cuối Sáng Thế Kí chương 1 ghi lại rằng vì “Đức Chúa Trời thấy mọi việc Ngài đã làm và ngắm nhìn; thật rất tốt lành” (c. 31).

Đức Chúa Trời nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy. Trước ngày thứ bảy, Ngài phải làm việc, và trước khi làm việc, Ngài có một mục đích. La Mã chương 11 nói đến tâm trí của Chúa, sự phán xét của Ngài và đường lối Ngài. Ê-phê-sô chương 1 nói về sự huyền nhiệm của ý chỉ Ngài, niềm vui thỏa tốt lành của Ngài và mục tiêu định trước của Ngài. Ê-phê-sô chương 3 cũng nói về mục đích đã định trước của Ngài. Từ những câu Kinh văn này, chúng ta kết luận được rằng Đức Chúa Trời không những là Đức Chúa Trời làm việc mà cũng là Đức Chúa Trời có mục đích và kế hoạch. Khi Ngài thích làm việc, Ngài tiến hành công việc; Ngài làm việc vì Ngài muốn làm việc. Khi Ngài đã thỏa lòng với công việc của mình, Ngài nghỉ ngơi. Nếu chúng ta muốn biết ý muốn của

Đức Chúa Trời, kế hoạch của Ngài, niềm vui thích của Ngài, và mục đích của Ngài, chúng ta cần phải nhìn vào những gì làm cho Ngài an nghỉ. Nếu chúng ta thấy Đức Chúa Trời nghỉ ngơi trong một điều nào đó, khi ấy chúng ta có thể biết đó là điều Ngài theo đuổi từ ban đầu. Con người cũng không thể nghỉ ngơi trong điều mình không thỏa lòng; họ phải đạt được điều mình tìm kiếm thì họ mới nghỉ ngơi. Chúng ta không được xem nhẹ sự nghỉ ngơi này vì ý nghĩa của nó rất quan trọng. Đức Chúa Trời không nghỉ ngơi trong sáu ngày đầu, nhưng Ngài nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy. Sự nghỉ ngơi của Ngài bày tỏ rằng Đức Chúa Trời đã hoàn thành khát vọng của lòng Ngài. Điều Ngài thực hiện làm cho Ngài vui thỏa. Vì vậy, Ngài có thể nghỉ ngơi.

Chúng ta phải lưu ý chữ “ngắm nhìn” trong Sáng Thế Kí 1:31. Điều này có ý nghĩa gì? Khi chúng ta mua một vật nào đó mà mình đặc biệt thỏa lòng, chúng ta xoay nó qua lại cách thích thú và ngắm nghía kĩ lưỡng. Đây là ý nghĩa của chữ ngắm nhìn. Đức Chúa Trời không chỉ nhìn cách bình thường những gì mà Ngài đã sáng tạo và thấy là tốt lành. Trái lại, Ngài “ngắm nhìn” mọi vật Ngài đã sáng tạo và thấy chúng rất tốt lành. Chúng ta cần lưu ý rằng vào lúc Ngài sáng tạo, Đức Chúa Trời ở đó để “ngắm nhìn” những gì Ngài đã sáng tạo. Chữ “nghỉ ngơi” là một lời tuyên bố rằng Đức Chúa Trời thỏa mãn, Ngài vui thích trong những gì Ngài đã làm nên; từ ngữ này công bố rằng mục đích của Đức Chúa Trời đã đạt và sự thỏa lòng của Ngài đã đến mức đầy đủ nhất. Công tác của Ngài hoàn hảo đến mức khó có thể được thực hiện tốt hơn.

Vì lí do này Đức Chúa Trời ra lệnh cho dân Israel giữ ngày Sa-bát suốt các thế hệ. Đức Chúa Trời theo đuổi một điều gì đó. Đức Chúa Trời tìm kiếm một điều gì đó để thỏa mãn chính Ngài và Ngài đã đạt được; vì vậy, Ngài nghỉ ngơi. Đây là ý nghĩa của ngày Sa-bát. Đó không phải là con người nên mua sắm ít hơn hay đi bộ ngắn hơn vài dặm đường. Ngày Sa-bát cho chúng ta biết Đức Chúa Trời có một



khát vọng trong lòng, một đòi hỏi để làm thỏa mãn chính Ngài, và một công tác phải được thực hiện để hoàn thành khát vọng và đòi hỏi của lòng Ngài. Vì Đức Chúa Trời đã đạt được điều Ngài theo đuổi nên Ngài nghỉ ngơi. Đây không phải là vấn đề một ngày đặc biệt. Ngày Sa-bát cho chúng ta biết Đức Chúa Trời đã hoàn thành kế hoạch của Ngài, đạt được mục tiêu của Ngài và đã thỏa lòng. Đức Chúa Trời là Đấng đòi hỏi sự thỏa lòng, và Ngài cũng là Đấng có thể được thỏa mãn. Sau khi Đức Chúa Trời có được điều Ngài mong muốn thì Ngài nghỉ ngơi.

Thế thì, điều gì đã đem đến sự nghỉ ngơi cho Đức Chúa Trời? Điều gì đã làm Ngài thỏa mãn như vậy? Trong sáu ngày sáng tạo đã có ánh sáng, không khí, cỏ cây hoa lá; đã có mặt trời, mặt trăng, và các vì sao; đã có cá, chim, gia súc, các loài bò sát và dã thú. Nhưng trong tất cả mọi điều ấy, Đức Chúa Trời không tìm được sự nghỉ ngơi. Cuối cùng, có con người, và Đức Chúa Trời nghỉ ngơi khỏi mọi công việc. Trước khi có con người cả cõi sáng tạo chỉ là sự chuẩn bị. Mọi sự mong đợi của Đức Chúa Trời tập trung nơi con người. Khi Đức Chúa Trời có được con người, Ngài thỏa mãn và nghỉ ngơi.

Chúng ta hãy đọc Sáng Thế Kí 1:27-28 một lần nữa: “VẬY, ĐỨC CHÚA TRỜI SÁNG TẠO LOÀI NGƯỜI THEO CHÍNH HÌNH ẢNH CỦA NGÀI, NGÀI SÁNG TẠO CON NGƯỜI THEO HÌNH ẢNH ĐỨC CHÚA TRỜI; NGÀI SÁNG TẠO HỌ, NGƯỜI NAM VÀ NGƯỜI NỮ. VÀ ĐỨC CHÚA TRỜI BAN PHƯỚC CHO HỌ, VÀ NGÀI PHÁN VỚI HỌ: HÃY SINH SẢN, GIA TĂNG BỘI PHẦN, VÀ LÀM CHO ĐẦY DẪY ĐẤT, BẮT TRÁI ĐẤT PHỤC TÙNG, VÀ THỐNG TRỊ TRÊN CÁ BIỂN, CHIM TRỜI, VÀ MỌI VẬT SỐNG CHUYỂN ĐỘNG TRÊN MẶT ĐẤT”. Bây giờ xin đọc Sáng Thế Kí 1:31 và Sáng Thế Kí 2:3: “ĐỨC CHÚA TRỜI NHÌN THẤY MỌI VIỆC NGÀI ĐÃ LÀM VÀ NGẮM XEM; THẬT RẤT TỐT LÀNH... VÀO NGÀY THỨ BẢY NGÀI NGHỈ NGƠI KHỎI MỌI CÔNG VIỆC MÀ NGÀI ĐÃ SÁNG TẠO VÀ LÀM NÊN”. Đức Chúa Trời có một mục đích, và mục đích này là có được con người, tức con người với uy quyền để cai trị trên trái đất. Chỉ có nhận thức được mục

đích này mới có thể làm thỏa lòng Đức Chúa Trời. Nếu đạt được điều này, mọi sự sẽ tốt đẹp. Vào ngày thứ sáu mục đích của Đức Chúa Trời đã đạt được. “Đức Chúa Trời nhìn thấy mọi việc Ngài đã làm và ngắm xem; thật rất tốt lành....Vào ngày thứ bảy Ngài nghỉ ngơi khỏi mọi công việc mà Ngài đã sáng tạo và làm nên”. Đức Chúa Trời đã đạt được mục đích và sự mong đợi của Ngài; Ngài có thể dừng lại và nghỉ ngơi. Sự nghỉ ngơi của Đức Chúa Trời dựa trên con người là những người sẽ cai trị.



## CHƯƠNG 2

### HÌNH BÓNG VỀ Ê-VA

Trong sự sáng tạo, có hai người được sáng tạo: một là A-đam và hai là Ê-va. Cả hai đều là những con người thọ tạo, nhưng mỗi người lại hình bóng cho một điều khác nhau. 1 Cô-rin-tô chương 15 nói rằng A-đam là hình bóng của Chúa Jesus, và La Mã chương 5 nói A-đam là bóng của người phải đến. Thế thì, A-đam báo hiệu trước về Đấng Christ; ông mô tả Đấng Christ bằng hình ảnh. Nói cách khác, tất cả những gì Đức Chúa Trời dự định trong A-đam sẽ được thành tựu trong Đấng Christ.

Nhưng trong cõi sáng tạo, ngoài A-đam còn có một người nữ là Ê-va. Đức Chúa Trời rất cẩn thận ghi lại sự sáng tạo người nữ này trong Sáng Thế Kí chương 2, và khi đến Ê-phê-sô chương 5, chúng ta được biết rằng Ê-va là hình bóng về Hội thánh. Vì vậy, chúng ta có thể thấy ý muốn đời đời của Đức Chúa Trời được thành tựu một phần qua Đấng Christ và một phần qua Hội thánh. Để hiểu được thế nào Hội thánh có thể hoàn thành được ý muốn của Đức Chúa Trời trên đất, chúng ta phải học hỏi từ Ê-va. Mục đích của cuốn sách này không phải để thảo luận về hình bóng A-đam. Vì vậy, chúng ta sẽ không xem xét vấn đề này ở đây; trái lại, sự nhấn mạnh là vào Ê-va. Chúng ta không tập trung suy nghĩ vào công tác của Đấng Christ, mà vào vị trí của Hội thánh trong mối tương quan với công tác ấy.

Khi đọc Sáng Thế Kí 2:18-24 và Ê-phê-sô 5:22-32, chúng ta thấy một người nữ được đề cập ở cả hai nơi. Trong Sáng

Thế Kí chương 2 có một người nữ, và trong Ê-phê-sô chương 5 cũng có một người nữ. Người nữ đầu tiên là dấu hiệu làm hình bóng cho Hội thánh; người nữ thứ hai là người nữ thứ nhất. Người nữ thứ nhất được Đức Chúa Trời hoạch định trước khi tạo lập thế giới và xuất hiện trước sự sa ngã. Người nữ thứ hai cũng được hoạch định trước khi tạo lập thế giới nhưng được khải thị sau sự sa ngã. Dù một người xuất hiện trước sự sa ngã và người kia xuất hiện sau sự sa ngã, nhưng trong cách nhìn của Đức Chúa Trời không có gì khác biệt: Hội thánh là Ê-va trong Sáng Thế Kí chương 2. Đức Chúa Trời sáng tạo A-đam để làm hình bóng về Đấng Christ; Ngài cũng sáng tạo Ê-va để làm hình bóng về Hội thánh. Mục đích của Đức Chúa Trời không những được hoàn thành bởi Đấng Christ mà cũng được hoàn thành bởi Hội thánh. Trong Sáng Thế Kí 2:18, Chúa là Đức Chúa Trời phán: “Con người ở một mình không tốt; ta sẽ dựng nên cho người một người giúp đỡ tương xứng”. Mục đích của Đức Chúa Trời trong việc sáng tạo Hội thánh là để Hội thánh có thể làm người giúp đỡ tương xứng với Đấng Christ. Một mình Đấng Christ chỉ mới là một nửa; cần phải có một nửa kia, là Hội thánh. Đức Chúa Trời phán: “Con người ở một mình không tốt”. Điều này có nghĩa là theo mắt Đức Chúa Trời, một mình Đấng Christ là chưa đủ. Sáng Thế Kí 2:18-24 lập lại những sự kiện sáng tạo vào ngày thứ sáu. Vào ngày thứ sáu, Đức Chúa Trời sáng tạo A-đam, nhưng sau đó dường như Ngài cân nhắc một chút và phán: “Không được, con người ở một mình không tốt”. Vì vậy, Ngài sáng tạo Ê-va cho A-đam. Khi ấy, mọi sự đều được trọn vẹn, và chúng ta thấy Sáng Thế Kí chương 1 kết thúc bằng lời này: “Đức Chúa Trời nhìn thấy mọi việc Ngài đã làm và ngắm xem thật rất tốt lành” (c. 31). Qua điều này, chúng ta nhận thấy chỉ có một mình A-đam, hay có thể nói, chỉ có một mình Đấng Christ, là chưa đủ để làm thỏa lòng Đức Chúa Trời. Đối với Đức Chúa Trời cần phải có Ê-va nữa, tức là cũng phải có Hội thánh. Khi ấy, Ngài sẽ thỏa lòng.

Chúa là Đức Chúa Trời phán: “Con người ở một mình không tốt”. Nói cách khác, Đức Chúa Trời ao ước có cả A-đam lẫn Ê-va. Mục đích của Ngài là có một Đấng Christ đắc thắng cộng với một Hội thánh đắc thắng, một Đấng Christ chiến thắng công việc của ma quỷ, cộng với một Hội thánh lật đổ công việc của ma quỷ. Mục đích của Ngài là có một Đấng Christ cai trị và một Hội thánh cai trị. Đây là điều Đức Chúa Trời hoạch định vì niềm vui thỏa của riêng Ngài, và Ngài đã thực hiện điều đó để chính Ngài được thỏa mãn. Điều ấy đã được thực hiện vì Ngài ao ước thực hiện. Đức Chúa Trời ao ước có Đấng Christ, và Ngài cũng ao ước có Hội thánh giống y như Đấng Christ. Đức Chúa Trời không chỉ ao ước Đấng Christ có quyền thống trị, Ngài còn ao ước có một Hội thánh có quyền thống trị. Đức Chúa Trời cho phép ma quỷ ở trên đất vì Ngài phán: “Hãy để họ”, tức là Đấng Christ và Hội thánh, “thống trị”. Đức Chúa Trời dự định rằng Hội thánh, là người tương xứng với Đấng Christ, nên tham gia vào việc xử lí Sa-tan. Nếu Hội thánh không tương xứng với Đấng Christ, mục đích của Đức Chúa Trời sẽ không được thực hiện. Trong chiến trận, Đấng Christ cần một sự giúp đỡ tương xứng và ngay cả trong vinh hiển, Ngài cũng cần một sự giúp đỡ tương xứng. Đức Chúa Trời đòi hỏi Hội thánh phải giống như Đấng Christ về mọi phương diện. Đức Chúa Trời ao ước Đấng Christ phải có một người giúp đỡ tương xứng.

### Ê-VA RA TỪ A-ĐAM

A-đam cần có một người giúp đỡ tương xứng. Đức Chúa Trời đã làm gì để đáp ứng nhu cầu này? Sáng Thế Kí 2:19-20 chép: “Và từ bụi đất, Đức Chúa Trời tạo thành mọi loài thú đồng, mọi loài chim trời; và đưa chúng đến trước mặt A-đam để người đặt tên cho chúng; và bất cứ tên nào A-đam gọi mỗi sinh vật, đều trở thành tên của chúng. A-đam đặt tên cho mọi loài gia súc, chim trời, thú đồng; nhưng A-đam không tìm được cho mình một người giúp đỡ nào tương xứng

cả”. Đức Chúa Trời đem mọi loại sinh vật đến trước mặt A-đam, nhưng ông không tìm được một người giúp đỡ tương xứng giữa vòng chúng. Không một sinh vật nào làm bằng bụi đất có thể làm một người giúp đỡ tương xứng với A-đam.

Vì vậy, “Chúa là Đức Chúa Trời làm cho A-đam ngủ say, và người ngủ; rồi Ngài lấy một xương sườn, lấp thịt thể vào. Chúa là Đức Chúa Trời dùng xương sườn mà Ngài đã lấy từ con người, tạo nên một người nữ, đem đến cho con người. A-đam nói: Đây là xương của xương tôi, thịt của thịt tôi: người được gọi là Người Nữ, vì lấy ra từ Người Nam” (cc. 21-23). Đây là người giúp đỡ tương xứng của A-đam và là hình ảnh của Hội thánh trong Ê-phê-sô chương 5. Kinh Thánh nói rõ rằng tất cả những gì làm bằng bụi đất, không phải lấy từ thân thể của A-đam, không thể là người giúp đỡ tương xứng của ông. Tất cả các loài thú đồng, gia súc và chim trời đều làm bằng bụi đất. Chúng không được lấy ra từ A-đam; vì vậy chúng không thể làm người giúp đỡ tương xứng của A-đam. Chúng ta phải nhớ Ê-va được hình thành từ một chiếc xương sườn lấy từ A-đam; vì vậy, Ê-va là một thành phần cấu tạo của A-đam. Điều này có nghĩa là Hội thánh ra từ Đấng Christ. Chỉ có điều nào ra từ Đấng Christ mới có thể là Hội thánh. Bất cứ điều nào không ra từ Đấng Christ đều không phải là Hội thánh.

Chúng ta cần lưu ý một vài từ ngữ trong Sáng Thế Kí 1:26 và 27. Câu 26 chép: “Đức Chúa Trời phán: Chúng Ta hãy làm nên con người theo hình ảnh của Chúng Ta, theo hình trạng của Chúng Ta: và để họ....” Trong tiếng Hê-bơ-rơ, chữ “con người” là số ít, nhưng ngay sau đó, đại từ số nhiều “họ” được sử dụng. Cũng cách nói này được dùng trong câu 27: “Vậy Đức Chúa Trời sáng tạo con người theo hình ảnh của Ngài, Ngài sáng tạo con người theo hình ảnh của Đức Chúa Trời; Ngài sáng tạo họ, người nam và người nữ”. Danh từ “con người” là số ít, nhưng đại từ theo sau “họ” là số nhiều. Đức Chúa Trời tạo nên một người; nhưng

chúng ta cũng có thể nói Ngài tạo nên hai người! Một là hai, tuy nhiên hai là một vì Ê-va ở trong A-đam.

Xin lưu ý thêm điều câu 27 chép: “Vậy Đức Chúa Trời sáng tạo con người theo hình ảnh của Ngài, Ngài sáng tạo con người theo hình ảnh của Đức Chúa Trời; Ngài sáng tạo họ, người nam và người nữ”. Cách Đức Chúa Trời sáng tạo “con người” cũng là cách Ngài sáng tạo “họ”. Không những A-đam được sáng tạo, nhưng Ê-va cũng được bao hàm trong ông. “Đức Chúa Trời sáng tạo con người theo hình ảnh Ngài”. “Con người” này là số ít và là hình bóng về Christ. “Ngài sáng tạo họ theo hình ảnh của Đức Chúa Trời”. “Họ” là số nhiều và là hình bóng về Christ và Hội thánh. Đức Chúa Trời không những muốn có một Con độc sinh, Ngài cũng muốn có nhiều con. Nhiều con này cũng phải giống như Con độc sinh. Qua những câu này chúng ta thấy nếu Hội thánh không ở trong tình trạng tương xứng với Đấng Christ, Đức Chúa Trời sẽ không nghỉ ngơi và công việc Ngài sẽ không hoàn tất. Không những A-đam là hình ảnh của Đức Chúa Trời mà Ê-va cũng vậy. Không những Đấng Christ có sự sống của Đức Chúa Trời, Hội thánh cũng phải có sự sống của Đức Chúa Trời.

### HỘI THÁNH RA TỪ ĐẤNG CHRIST

Thế thì chúng ta nên hỏi: “Hội thánh là gì?” Hội thánh là phần được lấy ra từ Đấng Christ. Chúng ta cần phải thấy hai phương diện của A-đam, và rồi chúng ta sẽ dễ dàng hiểu được. Về một mặt, A-đam chỉ là chính ông; mặt khác, ông là một hình bóng. Nói về chính A-đam, ông được làm bằng đất sét. Mọi con người thiên nhiên đều làm bằng đất sét. Nhưng A-đam cũng là hình bóng về Đấng Christ. Sự kiện Ê-va ra từ A-đam nghĩa là Hội thánh được làm từ Đấng Christ. Ê-va được tạo nên bằng xương sườn của A-đam. Vì Ê-va ra từ A-đam nên bà vẫn là A-đam. Thế thì Hội thánh là gì? Hội thánh là một hình thức khác của Đấng Christ, cũng như Ê-va là một hình thức khác của A-đam.



Hội thánh chính là Đấng Christ. Ôi, có nhiều người nghĩ rằng Hội thánh gồm nhiều “người” tin Chúa và được cứu họp lại với nhau. Không, điều ấy không đúng! Thế thì ai cấu tạo nên Hội thánh? Hội thánh chỉ là một phần lấy từ Đấng Christ. Nói cách khác, Hội thánh là người mà Đức Chúa Trời đã tạo nên bằng cách dùng Christ làm vật liệu. Đó không phải là một người được làm bằng đất sét. Vật liệu của Hội thánh là Đấng Christ. Không có Đấng Christ, Hội thánh không có địa vị, không có sự sống, không có sinh hoạt và không tồn tại được. Hội thánh ra từ Đấng Christ.

1 Cô-rin-tô 10:17 chép: “Vì chỉ có một ổ bánh, chúng ta tuy nhiều nhưng chỉ là một Thân thể”. Câu này nghĩa là dù chúng ta là nhiều, nhưng ổ bánh chúng ta bẻ là một; vì vậy, Thân thể cũng là một. Sứ đồ Phao-lô nó rõ ràng một ổ bánh đại diện cho Thân thể của Đấng Christ, tức là toàn thể Hội thánh. Dù chúng ta nhiều, nhưng Thân thể là một. Khi chúng ta nhớ Chúa, tôi lấy một miếng bánh nhỏ từ ổ bánh, anh em lấy một miếng bánh nhỏ từ ổ bánh và những người khác cũng làm như vậy. Qua nhiều thế kỉ, mọi Cơ Đốc nhân trên khắp thế giới đều cầm lấy một phần nhỏ từ ổ bánh này và ăn! Nếu anh em có thể thâu tất cả những mẩu bánh họ đã ăn và ráp lại với nhau, họ sẽ trở thành cả Hội thánh. Hội thánh không phải là một cá nhân “tôi” cộng với một cá nhân “anh”. Không phải ông Smith cộng với ông Jones, thậm chí cũng không phải tất cả các Cơ Đốc nhân trên thế giới cộng lại với nhau. Hội thánh là Đấng Christ trong anh em, Đấng Christ trong người khác, và Đấng Christ trong mọi Cơ Đốc nhân khắp thế giới suốt mọi thời đại họp lại với nhau. Con người thiên nhiên của chúng ta không có gì liên quan đến Hội thánh. Phần duy nhất trong chúng ta có liên quan đến Hội thánh là phần của ổ bánh mà chúng ta đã ăn. Điều này được khải thị cách đặc biệt trong Phúc Âm Giảng, sách này khải thị rằng tất cả những người tin Chúa đều có Đấng Christ cư trú trong họ và do đó là một trong Linh.

Hội thánh gồm những gì ra từ Đấng Christ. Tài năng, khả năng, tư tưởng, sức mạnh và tất cả những gì họ có đều ở bên ngoài Hội thánh. Mọi điều đến từ sự sống thiên nhiên đều ở bên ngoài Hội thánh, và bất cứ điều gì được đưa vào Hội thánh mà thuộc về sự sống thiên nhiên thì chỉ phá đổ chứ không xây dựng. Chỉ có điều gì đến từ Đấng Christ mới ở trong Hội thánh. Ê-va không được làm từ đất sét, nhưng từ A-đam, là người tượng trưng cho Đấng Christ. Điều quý báu là Đức Chúa Trời đã lấy một xương sườn của A-đam và tạo nên Ê-va. Chỉ có điều gì ra từ A-đam, không phải từ đất sét, mới có thể gọi là “Ê-va”, và chỉ có điều gì ra từ Đấng Christ mới có thể được gọi là Hội thánh. Bất cứ điều nào không đến từ Đấng Christ thì chẳng liên quan gì đến Hội thánh.

Một số người rất thẳng thắn trước khi tin Chúa. Sau khi được cứu, họ dùng sự thẳng thắn của mình để phụng sự Đức Chúa Trời. Họ cho rằng sự thẳng thắn thiên nhiên của mình là rất hữu dụng, và họ hãnh diện về điều đó. Nhưng sự thẳng thắn của họ bắt nguồn từ đâu? Nó có đến từ Đấng Christ không? Nó đã được thập tự giá xử lí chưa? Ô, nếu nó không ra từ Đấng Christ, nếu nó chưa bao giờ được thập tự giá xử lí thì không ích lợi gì cho Hội thánh! Ê-va chỉ được cấu tạo bằng những gì ra từ A-đam, cũng vậy, Hội thánh chỉ được cấu tạo bằng những gì ra từ Đấng Christ. Bất cứ điều gì của chính con người thì không phải là Hội thánh.

Một vài người có khẩu tài trước khi tin Chúa. Họ kể chuyện và mô tả điều này, điều kia cho người khác một cách dễ dàng. Sau khi được cứu, họ chỉ thay đổi đề tài và bắt đầu giảng. Nhưng chúng ta không nên cho rằng những người như vậy có thể giảng tốt. Trái lại, chúng ta nên hỏi: “Khẩu tài của họ bắt nguồn từ đâu? Đã được thập tự giá xử lí chưa?” Nếu khẩu tài ấy là điều họ vốn có và chưa được thập tự giá xử lí, thế thì nó hoàn toàn ra từ bản chất thiên nhiên của họ. Khẩu tài mà họ đem vào Hội thánh là điều ra từ A-đam thuộc đất. Hội thánh sẽ thật sự bị phá đổ bởi những

con người như vậy. Chỉ có những gì ra từ Đấng Christ mới là Hội thánh; không một điều nào ra từ bản chất thiên nhiên của con người là Hội thánh được.

Chúng ta cũng có thể gặp nhiều người rất thông minh. Tâm trí của họ sắc bén cách đặc biệt. Trước khi được cứu, họ sử dụng tâm trí ấy để học triết lí, khoa học và văn chương. Sau khi được cứu, họ dùng tâm trí mình để học Lời Đức Chúa Trời. Nhưng chúng ta phải hỏi: “Tâm trí sắc bén ấy đến từ đâu? Đã được thập tự giá xử lí chưa? Có ở dưới sự cai trị của Thánh Linh không? Hay đó chỉ là tâm trí họ đã có từ đầu?” Nếu vậy, đó chỉ là một điều ra từ A-đam thuộc đất, ra từ chính con người, từ bản chất con người, và thuộc về xác thịt. Dù những người này đã thay đổi đề tài, nhưng tâm trí họ vẫn là tâm trí cũ kĩ! Và khi họ dùng tâm trí này để học Kinh Thánh, thay vì giúp đỡ Hội thánh, họ sẽ làm cho Hội thánh bị thiệt hại. Chỉ có điều gì ra từ Đấng Christ mới có thể là Hội thánh. Bất cứ điều gì ra từ con người không phải là Hội thánh.

Đức Chúa Trời phải xử lí chúng ta đến mức mọi điều từ bản chất con người của chúng ta đều phải bị kiểm chế. Sức mạnh thiên nhiên của chúng ta phải được thập tự giá xử lí và phục tùng sự cai trị của Thánh Linh. Chỉ khi ấy chúng ta mới không gây thiệt hại cho Hội thánh. Mọi điều ra từ sự sống A-đam thiên nhiên trong chúng ta được làm bằng bụi đất và không phải là điều Đức Chúa Trời mong muốn. Chỉ có điều gì làm bằng xương sườn của A-đam mới là Ê-va. (Xương tượng trưng cho sự sống phục sinh. Khi Chúa ở trên thập tự giá, không một cái xương nào của Ngài bị gãy). Chỉ có điều nào được hình thành từ sự sống phục sinh của Đấng Christ mới là Hội thánh.

Ê-va phải được làm từ xương của A-đam. Không có xương của A-đam thì cũng không có Ê-va. Người giúp đỡ tương xứng của A-đam cũng là thân thể của A-đam, vì nguồn gốc của sự sống Ê-va là chính xương của ông. A-đam là nền tảng cho sự hiện hữu của Ê-va. Bà chỉ có thể

tồn tại vì một phần của A-đam ở trong bà. Đối với Hội thánh cũng vậy, Chúng ta cần liên tục tuyên bố với Chúa: “Chúng con nợ Ngài mọi sự. Không có Ngài, chúng con không có sự sống, không hiện hữu, không có gì cả! Chúng con ra từ Ngài!”

Điểm quan trọng trọng sự tân sinh của chúng ta chỉ là như vậy: sự ăn năn không làm cho chúng ta trở nên một phần của Hội thánh; sự xưng tội hay đức tin của chúng ta cũng không. Chỉ có sự sống mà Đấng Christ đã truyền cho chúng ta mới làm chúng ta nên một phần của Hội thánh. Nền tảng mà nhờ đó chúng ta trở nên một phần của Hội thánh là sự tân sinh của chúng ta, vì khi ấy Đấng Christ truyền chính Ngài cho chúng ta. Vì vậy, chúng ta cần sống, cư xử và hành động theo sự sống này, là sự sống của Đấng Christ. Đức Chúa Trời không thể làm gì cho chúng ta hơn là truyền Con Ngài vào trong chúng ta để chúng ta có thể dựa phần vào sự sống của Đấng Christ. Dù chúng ta chỉ là những bình bằng đất nhưng lại có một báu vật lớn lao trong chúng ta. Điều gì có thể làm chúng ta rúng động? Tuy nhiên, nếu hành động theo chính mình, chúng ta ở bên ngoài Hội thánh. Bất cứ điều nào khác hơn phần của Đấng Christ trong chúng ta đều không phải là Hội thánh, mà chỉ là chính mình. Nếu chúng ta làm việc theo chính mình thì không phải chúng ta đang làm công việc Chúa. Chúng ta nên tự hỏi xem chúng ta đang phụng sự Chúa, làm công việc Ngài, theo đuổi những điều thuộc linh, và sống đời sống thuộc linh trên nền tảng nào và từ nguồn nào. Mọi điều chúng ta làm dựa trên Đấng Christ hay dựa trên chính mình? Nếu làm mọi việc bằng chính Đấng Christ, chúng ta có thể hoàn thành mục đích của Đức Chúa Trời, nhưng nếu chúng ta làm mọi điều bởi chính mình, thì dù điều ấy hoàn tất, nó chỉ có thể thuộc về bản chất thuộc đất và không thể hoàn thành ý chỉ đời đời của Đức Chúa Trời.

Mục đích đời đời của Đức Chúa Trời là đạt được một con người. Con người này là một con người tập thể ra từ Đấng

Christ. Đó là Hội thánh. Hội thánh không phải là vấn đề một vài Cơ Đốc nhân này hợp lại với một vài Cơ Đốc nhân khác. Không phải là nhiều “con người”, mà là sự sống. Hội thánh là Hội thánh chỉ vì có nhiều người chia sẻ cùng một sự sống, cùng một Đấng Christ. Anh em có một phần của Đấng Christ, và người kia có một phần của Đấng Christ; mỗi người trong chúng ta có một phần của Đấng Christ. Khi tất cả những phần của Đấng Christ hợp lại với nhau, đó là Hội thánh.

Chúng ta phải sáng tỏ rằng Đức Chúa Trời không mong muốn có các cá nhân. Đức Chúa Trời tạo nên con người, người nam và người nữ. Người nam là số ít và người nữ cũng là số ít. Đấng Christ là số ít, và Hội thánh cũng là số ít. Theo cách nhìn của Đức Chúa Trời chỉ có một Đấng Christ và chỉ có một Hội thánh. Trong tương lai, chúng ta sẽ thấy chỉ có một con người ở Ha-đét và một con người ở trên các tầng trời; không có con người thứ ba. Theo cách nhìn của Đức Chúa Trời, Ngài chỉ thấy hai con người trên cả thế giới. 1 Cô-rin-tô chương 15 bày tỏ A-đam là người đầu tiên và Đấng Christ là người sau cùng. Không có người nào khác. Thân thể Đấng Christ, cũng như Ê-va, chỉ có một, không có nhiều!

Vì vậy, dù có sự sống của Đức Chúa Trời ở bên trong, chúng ta vẫn cần Đức Chúa Trời hành động trên chúng ta để phá vỡ chủ nghĩa cá nhân của mình. Đức Chúa Trời phải phá vỡ tư tưởng cho rằng chỉ một mình tôi là đủ. Chúng ta cần hiệp một với mọi con cái khác của Đức Chúa Trời. Chỉ có một Ê-va; cũng vậy, chỉ có một Thân thể Đấng Christ. Tất cả các con cái của Đức Chúa Trời, tất cả những người cùng san sẻ sự sống của Đấng Christ, đều không phải là nhiều cá nhân nam nữ mà chỉ là một người. Đức Chúa Trời phải phá vỡ chủ nghĩa cá nhân của chúng ta. Ngài phải nghiền chúng ta hằng ngày, cho đến khi chúng ta nhận biết sự sống của Thân thể.

Nhiều người nghĩ rằng họ có thể là những Cơ Đốc nhân hoàn toàn độc lập! Nhưng Đức Chúa Trời không cho phép

như vậy. Những lời cầu nguyện cá nhân của họ thường không được đáp lời, sự nghiên cứu Kinh Thánh cách cá nhân không soi sáng cho họ, và sự tìm kiếm cách cá nhân không dẫn họ đến ý muốn của Đức Chúa Trời. Một người như vậy nên nói với một anh em hay một chị em khác rằng: “Tôi không thể tự giải quyết vấn đề này, anh hay chị giúp tôi được không?”, rồi họ sẽ cầu nguyện với nhau, và cuối cùng người ấy sẽ được sáng tỏ. Bất cứ điều gì người ấy không thể tự hiểu, thì sẽ thấy rõ khi cùng với anh em mình tìm kiếm câu trả lời. Một người như vậy thường vẫn còn kiêu ngạo, nghĩ rằng mình có thể tự giải quyết hầu hết mọi việc, và chỉ có một vài lần mình không thông suốt. Đó là chủ nghĩa cá nhân. Trong Hội thánh, chủ nghĩa cá nhân phải bị phá vỡ. Chúng ta phải cho phép Đấng Christ trong chúng ta và Đấng Christ trong tất cả các anh chị em khác trở nên gắn bó với nhau trong một Thân thể.

Nhiều Cơ Đốc nhân biết sự sống mà chúng ta có trong Christ, nhưng rất tiếc phải nói rằng họ không biết sự sống trong Thân thể của Đấng Christ. Cũng như sự sống của Đấng Christ là một thực tại, thì sự sống của Thân thể Đấng Christ cũng là một thực tại. Các Cơ Đốc nhân không phải là những cá thể; họ là một. Sứ đồ Phao-lô nói chúng ta dầu nhiều nhưng vẫn là một bánh và một Thân thể. Nếu sống theo Đấng Christ, chúng ta là một với tất cả những Cơ Đốc nhân khác. Nhưng nếu sống theo chính mình, chúng ta phân rẽ khỏi tất cả những con cái của Đức Chúa Trời.

Vì vậy, có hai bước cần thiết để Hội thánh trở nên một Hội thánh thật: sự lan tỏa hay gia tăng Đấng Christ và sự tiêu hủy bản ngã của chúng ta. Sự lan tỏa Đấng Christ bắt đầu lúc chúng ta được tái sinh; và từ khi chúng ta được cứu, Chúa hành động trên chúng ta mỗi ngày để thiêu đốt bản ngã chúng ta. Chúa sẽ tiếp tục công việc của Ngài cho đến một ngày chúng ta có thể nói trước mặt Đức Chúa Trời rằng: “Không một điều nào con có thể tự mình làm được. Mọi việc con làm đều làm theo nguyên tắc giúp đỡ hỗ tương

giữa vòng các chi thể. Tất cả những gì con thực hiện đều theo nguyên tắc tương giao, là nguyên tắc Thân thể”. Hội thánh là Thân thể của Đấng Christ. Chỉ có điều gì thuộc về Đấng Christ mới là Hội thánh; bất cứ điều gì ra từ con người đều không phải là Hội thánh.

Chúng ta phải nhận biết rằng Đức Chúa Trời lưu tâm đến nguồn gốc của những sự việc, chứ không lưu tâm đến việc chúng tốt hay xấu. Con người luôn luôn hỏi: “Điều ấy tốt hay xấu?” Nhưng Đức Chúa Trời hỏi: “Điều ấy đến từ đâu?” Điều ra từ A-đam được gọi là Ê-va; cũng vậy, điều ra từ Đấng Christ được gọi là Hội thánh. Bất cứ điều gì không ra từ Đấng Christ thì không phải là Hội thánh. Con người hỏi: “Anh có yêu thương không?” Nhưng Đức Chúa Trời hỏi: “Tình thương của con đến từ đâu?” Con người hỏi “Anh có nhiệt thành không?” Nhưng Đức Chúa Trời hỏi: “Nguồn nhiệt thành của con là gì?” Chúng ta cần phải giải quyết vấn đề nguồn gốc, chứ không phải tốt hay xấu. Câu hỏi tốt hay xấu đến sau Sáng Thế Kí chương 3. Có lẽ một người nào đó sẽ nói: “Tôi không có khả năng sao? Tôi không nhiệt thành sao?” Nhưng vấn đề là khả năng và lòng nhiệt thành của anh đến từ đâu?

Chúng ta thường cảm thấy tự mình có khả năng yêu thương và giúp đỡ người khác. Dĩ nhiên yêu thương và giúp đỡ người khác là tốt, nhưng “nếu tôi dâng thân thể mình lên để có thể khoe khoang, mà không có tình yêu thương”, tức tình yêu thương của Đấng Christ, “thì chẳng ích chi cho tôi” (1 Cô. 13:3). Dâng mình để giúp đỡ người khác có gì sai không? Vấn đề là: Hành động ấy đến từ đâu? Chỉ có điều nào đến từ Đấng Christ mới là Hội thánh. Bất cứ điều nào không ra từ Đấng Christ thì không có liên quan gì đến Hội thánh.

Trong đời sống Cơ Đốc của chúng ta, bài học đầu tiên và cuối cùng chúng ta cần học là phân biệt nguồn của mọi sự. Bài học đầu tiên là từ bỏ tất cả mọi điều ra từ chúng ta, và bài học cuối cùng vẫn là từ bỏ tất cả những gì ra từ chúng

ta. Điều này không có nghĩa là chúng ta không nên phấn đấu hay không nên nhiệt thành, nhưng vấn đề là sự phấn đấu và nhiệt thành của chúng ta phải đến từ Chúa. Chúng ta không nói chúng ta không nên làm việc, nhưng chúng ta muốn công việc được khởi xướng bởi Chúa. Chúng ta không nói mình không nên tìm kiếm quyền năng, nhưng chúng ta nên tìm kiếm quyền năng đến từ Chúa. Toàn bộ vấn đề là như vậy: Điều đó bắt nguồn từ đâu?

Trong Phúc Âm Giảng, Chúa Jesus từng phán: “Con không thể làm bất cứ điều gì từ chính Ngài” (Gi. 5:19). Theo bản Hi văn, chữ “từ” cũng có thể dịch là “ra từ”. Điều này có nghĩa là Con không thể làm gì ra từ chính Ngài. Nếu đối với Chúa mà như vậy, thì với chúng ta còn phải đến mức nào! Làm thế nào chúng ta có thể thực hiện một điều gì ra từ chính mình? Trước mặt Đức Chúa Trời, chúng ta cần thấy rằng chúng ta không thể làm gì từ chính mình. Ngài phải đem chúng ta đến chỗ nhận biết chúng ta thật sự không thể tự làm điều gì, mọi sự phải bởi Ngài và ra từ Ngài.

Khi chúng ta phụng sự Chúa, lòng nhiệt thành vẫn chưa đủ. Không, chúng ta phải làm công việc nào Chúa chỉ định cho mình. Trong Cô-lô-se 1:29, Phao-lô nói: “tôi cũng vì đó mà lao khổ, đang khi tranh chiến theo sự vận hành của Ngài đang vận hành trong tôi trong quyền năng” (RcV). Đức Chúa Trời đang hành động trong chúng ta để chúng ta có thể làm việc ra bên ngoài. Chúng ta thường làm nhiều điều bên ngoài, nhưng không có nhiều điều được thực hiện ở bên trong. Đức Chúa Trời chưa hành động được bên trong nhiều như vậy; hầu hết những điều được thực hiện là do chính chúng ta. Loại công việc này cho dù có thể là đáng kể, vẫn không ích lợi gì cả. Trong vấn đề phụng sự Chúa, Đức Chúa Trời phải đem chúng ta đến chỗ chúng ta không mong muốn bất cứ điều gì không đến từ Chúa. Nếu Chúa không chuyển động thì chúng ta không dám chuyển động.

Ê-va là xương của xương A-đam và là thịt của thịt ông. Điều này có nghĩa là xương ở bên trong và thịt ở bên ngoài



đều ra từ Đấng Christ. Mọi sự ở bên trong và mọi sự ở bên ngoài đều là của Ngài; không có điều gì ra từ chúng ta. Mọi sự của Ê-va ra từ A-đam, và mọi sự của Hội thánh ra từ Đấng Christ. Dù chúng ta có thể làm điều gì tốt đến đâu chẳng nữa, điều ấy cũng hoàn toàn vô ích trong việc đạt đến mục đích đời đời của Đức Chúa Trời. Dù một điều nào đó tốt đến đâu chẳng nữa, nó vẫn không làm vinh hiển Đức Chúa Trời nếu bắt nguồn từ chúng ta.

Người nữ đầu tiên tượng trưng cho người nữ theo lòng của Đức Chúa Trời. Không những có một người nam bày tỏ lòng Đức Chúa Trời mà cũng có một người nữ nữa. Không những Đấng Christ làm thỏa lòng Đức Chúa Trời mà còn có Hội thánh nữa. Đấng Christ làm thỏa lòng Đức Chúa Trời, vì Ngài để Đức Chúa Trời làm đầu của Ngài. Hội thánh cũng vậy. Hội thánh cũng phải để Đức Chúa Trời làm đầu của mình. Khi Hội thánh đạt đến vị trí này, ý muốn của Đức Chúa Trời sẽ được thực hiện. Đức Chúa Trời dự định có loại người này trên đất, và khi Ngài đạt được, khát vọng của lòng Ngài sẽ được thỏa mãn. Chúng ta hãy nhớ rằng bất cứ điều nào ra từ bản ngã con người thì chỉ là bụi đất, và không xứng đáng làm vật liệu để tạo nên người giúp đỡ tương xứng. Chỉ có điều gì ra từ Đấng Christ mới là Hội thánh.

### **Ê-VA ĐƯỢC LÀM NÊN TỪ GIẤC NGỦ CỦA A-ĐAM – HỘI THÁNH ĐƯỢC SINH RA QUA “CÁI CHẾT KHÔNG PHẢI ĐỂ CỨU CHUỘC” CỦA ĐẤNG CHRIST**

Chúng ta đã thấy Ê-va không được làm nên bằng bụi đất mà ra từ A-đam; A-đam là vật liệu để làm nên Ê-va. Cũng vậy, Đấng Christ là vật liệu để làm nên Hội thánh. Đức Chúa Trời dùng Đấng Christ để làm nên Hội thánh. Bây giờ, chúng ta sẽ xem cách Ê-va được làm nên, và cách Hội thánh đã được làm nên.

Chúng ta hãy đọc Sáng Thế Kí 2:21-23 “Và Chúa là Đức Chúa Trời làm cho A-đam ngủ mê và người ngủ; Ngài lấy

một xương sườn của người và lấp thịt thế vào. Chúa là Đức Chúa Trời dùng xương sườn mà Ngài đã lấy từ người nam, làm nên một người nữ và đem đến cho người nam. A-đam nói: Bây giờ người này mới là xương của xương tôi, thịt của thịt tôi: nàng sẽ được gọi là Người Nữ, vì nàng đã được lấy ra từ Người Nam”.

Đức Chúa Trời sinh ra Hội thánh từ sự chết của Đấng Christ. Về sự chết của Đấng Christ, các lời trong Sáng Thế Kí chương 2 rất đặc biệt: “Chúa là Đức Chúa Trời làm cho A-đam ngủ mê” (c. 21). Câu này không nói Đức Chúa Trời làm cho A-đam chết, nhưng Ngài làm cho ông chìm vào một giấc ngủ sâu. Nếu sự chết được đề cập, chắc hẳn có liên hệ đến tội vì câu 17 của phân đoạn trước đó nói rằng sự chết liên hệ với tội. Giấc ngủ của A-đam tượng trưng cho phương diện của sự chết Đấng Christ mà không liên quan đến sự cứu chuộc. Trong sự chết của Đấng Christ, có một phương diện không liên quan đến sự cứu chuộc nhưng liên quan đến sự phóng thích chính Ngài. Chúng tôi không nói sự chết của Đấng Christ không phải để cứu chuộc – chúng tôi thật sự tin rằng sự chết của Ngài là vì sự cứu chuộc, nhưng sự chết của Ngài bao hàm luôn cả phương diện không liên hệ đến sự cứu chuộc. Phương diện này là sự phóng thích chính Ngài để sáng tạo nên Hội thánh. Phương diện này không liên quan gì đến tội. Đức Chúa Trời đang lấy một điều gì đó ra từ Đấng Christ và dùng điều đó để sáng tạo nên Hội thánh. Do đó, “giấc ngủ” được dùng để làm hình bóng cho sự chết của Ngài, mà qua đó con người nhận được sự sống.

Sự cứu chuộc và việc nhận lãnh sự sống là hai điều riêng biệt. Sự cứu chuộc liên quan đến phương diện tiêu cực là xử lí các tội phạm. Chúng ta đã phạm tội và đáng chết; vì vậy, Đấng Christ đến để mang lấy các tội phạm của chúng ta. Sự chết của Ngài hoàn thành sự cứu chuộc cho chúng ta. Phương diện này của sự chết Ngài liên quan đến tội. Nhưng có một phương diện khác của sự chết Ngài

không liên quan đến sự cứu chuộc: đó là truyền chính Ngài cho chúng ta để qua sự chết của Ngài, chúng ta có thể nhận được sự sống.

Giấc ngủ của A-đam không phải để cứu chuộc Ê-va, mà để lấy một cái xương sườn của ông để tạo nên Ê-va. (Lúc đó, tội chưa bước vào – phần kĩ thuật về tội ở trong Sáng Thế Kí chương 3). Ê-va hiện hữu qua A-đam. Ê-va có thể nhận được sự sống vì A-đam ngủ. Cũng vậy, một phương diện trong sự chết của Đấng Christ là để truyền sự sống cho Hội thánh.

Khi A-đam chìm vào giấc ngủ sâu, Đức Chúa Trời lấy một xương sườn khỏi ông. Cũng vậy, khi Đấng Christ chết, một điều đã xảy ra cho xương sườn của Ngài, tức là hông của Ngài (xem Gi. 19:31-37). Hông của Ngài không bị đâm để cứu chuộc, vì nhát đâm này xảy ra sau khi Ngài đã chết. Vấn đề cứu chuộc đã được giải quyết. Theo phong tục Do Thái, bất cứ ai bị đóng đinh đều phải bị hạ xuống đem đi trước khi mặt trời lặn. Nếu họ chưa chết, những người lính sẽ đánh gãy xương để làm cho họ mau chết. Hai tên trộm bị đóng đinh với Chúa chưa chết; vì vậy, xương của họ bị đánh gãy. Nhưng khi những người lính thấy Chúa đã chết, họ không đánh gãy xương Ngài. Thay vào đó, họ lấy giáo đâm vào hông Ngài, rồi huyết và nước tuôn ra. Điều này mang ý nghĩa là công tác cứu chuộc đã hoàn tất trước khi hông Ngài bị đâm. Điều này khẳng thị rằng công tác của Đấng Christ không chỉ bao hàm sự đổ huyết để cứu chuộc chúng ta khỏi tội mà cũng tuôn tràn nước, hình bóng cho việc truyền sự sống Ngài cho chúng ta. Phương diện này không liên quan đến tội và sự cứu chuộc. Huyết xử lí các tội phạm của chúng ta, trong khi nước làm cho chúng ta nhận được sự sống của Ngài. Hông bị thương của Ngài nói cho chúng ta biết như vậy.

Tất cả chúng ta cần phân biệt rõ hai phương diện này của sự chết Đấng Christ. Một là vì sự cứu chuộc, trong khi phương diện kia không vì sự cứu chuộc. Phương diện thứ

nhất của sự chết Ngài giải quyết mọi điều xảy ra sau khi con người sa ngã trong Sáng Thế Kí chương 3. Vì con người sa ngã nên Đấng Christ đến để cứu chuộc chúng ta, đem chúng ta trở về với mục đích ban đầu khi Đức Chúa Trời sáng tạo con người. Nhưng phương diện thứ hai của sự chết Ngài không liên quan gì đến tội. Phương diện này hoàn toàn là để phóng thích sự sống của Ngài hầu cho sự sống này được truyền vào trong chúng ta.

Vì sự chết của Đấng Christ có hai phương diện rõ ràng như vậy, nên Kinh Thánh dùng hai thực chất khác nhau để làm hình bóng cho hai phương diện ấy. Huyết được dùng để cứu chuộc; nước được dùng vì phương diện không cứu chuộc. Nguyên Đức Chúa Trời mở mắt chúng ta để thấy tầm quan trọng của vấn đề này. Huyết là để cứu chuộc, còn nước là để truyền sự sống. Vì chúng ta đã phạm tội và có tội trước mặt Đức Chúa Trời nên huyết luôn ở trước mặt Ngài để nói thay cho các tội phạm của chúng ta. Nhưng nước hình bóng cho chính Chúa là sự sống. Giăng 19:34 nói nước từ Ngài tuôn chảy ra, và trong chương 20, Chúa cho các môn đồ xem hông Ngài. Giăng chương 20 không phải là một chương bàn về sự cứu chuộc. Chúa nói: “Ta lên với Cha của Ta, cũng là Cha của các em, và Đức Chúa Trời của Ta, cũng là Đức Chúa Trời của các em.” (c. 17, Rcv) Đây là vấn đề truyền sự sống.

Nhưng vẫn chưa hết. Chúng ta hãy đọc Sáng Thế Kí 2:22 và 23 một lần nữa: “Chúa là Đức Chúa Trời dùng xương sườn mà Ngài đã lấy từ người nam, dựng nên một người nữ và đem đến cho người nam. A-đam nói: Bây giờ người này mới là xương của xương tôi, thịt của thịt tôi”. Ở một chỗ trong Kinh văn, chúng ta được đề cập như là “thịt và huyết” (1 Cô. 15:50), nhưng khi nhắc đến con người trong sự phục sinh, Kinh văn mô tả họ là “thịt và xương”, chứ không đề cập gì đến huyết (xem Lu. 24:39). Đức Chúa Trời dùng xương sườn của A-đam để dựng nên Ê-va; Ngài không dùng huyết của A-đam. Trong cả Kinh Thánh, từ huyết được đề cập hơn bốn trăm lần, nhưng Sáng Thế Kí chương 2

không đề cập gì đến huyết vì chương này không bàn đến vấn đề cứu chuộc. Bất cứ khi nào huyết được đề cập là có liên quan đến vấn đề cứu chuộc. Huyết là để cứu chuộc. Cựu Ước ghi lại thế nào con người đã dùng huyết của thú vật để chuộc các tội phạm. Trong Tân Ước, Hê-bo-rơ 9:22 chép: “Không đổ huyết thì không có sự tha thứ”. Dầu ở trong Cựu Ước hay Tân Ước, chúng ta đều thấy huyết có liên quan đến sự cứu chuộc. Nhưng trong sự sáng tạo Ê-va, huyết không được đề cập đến vì không có tội ở đó; Đức Chúa Trời không thấy tội ở đó.

## **HỘI THÁNH TRONG KẾ HOẠCH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI - KHÔNG CÓ TỘI**

Khi đọc Ê-phê-sô 5:25, chúng ta thấy cũng có ý nghĩa giống như vậy. “Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình, cũng như Đấng Christ đã yêu Hội thánh và phó chính Ngài vì Hội thánh”. Trong phân đoạn này, chúng ta cần lưu ý ba điểm:

Thứ nhất, Đấng Christ đã phó chính Ngài cho chúng ta vì chúng ta là Hội thánh. La Mã chương 5, chương nói về Đấng Christ chết cho tội nhân, có liên quan đến sự cứu chuộc. Tuy nhiên, Ê-phê-sô chương 5 không đề cập nan đề tội nhân nhưng đề cập đến vấn đề Hội thánh. Văn mạch của Ê-phê-sô chương 5 không phải Đấng Christ đến để chết cho chúng ta vì chúng ta là tội nhân, nhưng là Ngài đã phó chính Ngài cho chúng ta vì chúng ta là Hội thánh.

Thứ hai, Đấng Christ đã phó chính Ngài cho chúng ta vì Ngài đã yêu chúng ta chứ không phải vì chúng ta đã phạm tội. Theo 1 Cô-rin-tô chương 15, Đấng Christ chết vì các tội phạm của chúng ta, nhưng Ê-phê-sô chương 5 nói Đấng Christ đã yêu Hội thánh và đã phó chính Ngài vì Hội thánh. Ngài đã phó chính Ngài vì tình yêu, không phải vì tội của chúng ta. Chết vì tội là một điều, nhưng chết vì tình yêu là một điều hoàn toàn khác. Chết vì tội thì giải quyết vấn đề

tội, đó là sự cứu chuộc. Nhưng Đấng Christ đã phó chính Ngài cho chúng ta lại là vấn đề của tình yêu. Tội không liên quan gì đến Ê-phê-sô chương 5. Phương diện này của sự chết Ngài có liên quan đến tình yêu và không liên quan gì đến tội.

Thứ ba, Đấng Christ đã phó chính Ngài vì chúng ta, để ban chính Ngài cho chúng ta, mà không chất vấn về các tội phạm của chúng ta. Câu này có thể được dịch là: “Đấng Christ cũng đã yêu Hội thánh và đã phó chính Ngài cho Hội thánh”. A-đam truyền xương của ông cho Ê-va; Đấng Christ cũng truyền chính Ngài cho chúng ta. Chúng ta có Ngài trong mình vì Ngài đã chết; Ngài đã vào trong chúng ta rồi. Vì Ngài chết nên bây giờ chúng ta có chính sự sống của Ngài trong mình. Chính Ngài đã được truyền cho chúng ta.

Chúng ta hãy suy xét điều này một chút. Đây không phải là điều kì diệu sao? Theo quan điểm của Đức Chúa Trời, Hội thánh không bao giờ phạm tội và không bao giờ liên quan đến tội. Sự thật là Đức Chúa Trời biết con người đã sa ngã và cần được cứu chuộc, nhưng thật kì diệu, theo một phương diện khác, Ngài hoàn toàn không nhìn thấy tội. Nói cách khác, có một phần trong chúng ta không cần đến sự cứu chuộc. Đó là phần chúng ta đã nhận lãnh từ Đấng Christ. Phần này không cần được cứu chuộc vì vượt trên tội. (Dĩ nhiên chúng ta nhận được phần này sau khi chúng ta được cứu chuộc). Phần này là Hội thánh.

Kinh văn khải thị thể nào Đức Chúa Trời đã dùng nhiều người nữ làm hình bóng về Hội thánh. Ngoài câu chuyện về Ê-va, Sáng Thế Kí còn có truyện Rê-bê-ca và A-sê-na (Ách-nát). Rê-bê-ca được gả cho Y-sác hình bóng cho Hội thánh được gả cho Đấng Christ. A-sê-na được gả cho Giô-sép và sinh con tại Ai Cập hình bóng cho Hội thánh được chọn ra từ thế giới cho Đức Chúa Trời. Xuất Ai Cập Kí nói về Sê-phô-ra được gả cho Môi-se trong hoang mạc. Điều này hình bóng cho Hội thánh trong hoang mạc. Sách Giô-suê kể về Ác-sa, sau khi lập gia đình, đã xin những suối nước ở miền

trên và miền dưới. Điều này hình bóng cho Hội thánh được thừa kế cơ nghiệp. Cuộc hôn nhân của Ru-tơ với Bô-ô hình bóng cho sự cứu chuộc Hội thánh. Cuộc hôn nhân của A-bi-ga-in với Đa-vít hình bóng cho Hội thánh gia nhập quân đội để đánh trận.

Cựu Ước nói về nhiều người nữ hình bóng cho các phương diện khác nhau của Hội thánh; Hội thánh được chọn từ thế giới, được cứu chuộc, được đưa qua hoang mạc, được gọi nhập ngũ để chiến đấu, được ban cho cơ nghiệp và được dâng cho Đấng Christ. Tất cả những hình bóng này trong Kinh văn đều chỉ về Hội thánh, nhưng trong số đó, hình bóng trong Sáng Thế Kí chương 2 thật độc đáo. Không có hình bóng nào tương tự vì Ê-va mô tả Hội thánh vốn thật là vậy trong tâm trí của Đức Chúa Trời và vị trí của Hội thánh trong kế hoạch đời đời của Ngài. Tất cả những hình bóng khác đều xảy ra sau khi con người sa ngã; chỉ có hình bóng về Ê-va đến trước sự sa ngã. Tất cả những hình bóng khác đều liên quan đến vấn đề trách nhiệm đạo đức, chỉ có hình bóng này là không.

Ê-va mà Đức Chúa Trời dựng nên ra từ A-đam, chứ không phải ra từ một tội nhân được cứu chuộc. Bà đã được dựng nên trước khi tội xuất hiện. Cũng vậy, Hội thánh ra từ Đấng Christ; đây không phải là vấn đề tội nhân nhận được ân điển và được cứu. Ê-va ra từ A-đam và hoàn toàn vì A-đam; cũng vậy, Hội thánh ra từ Đấng Christ và hoàn toàn vì Đấng Christ.

Chúng ta có thể cho rằng Hội thánh bao gồm nhiều người được cứu—những người giống như Ru-tơ. Ru-tơ hoàn toàn có liên quan đến tội, và Bô-ô đã đến để chuộc Ru-tơ. Nhưng đó không phải là bức tranh về Hội thánh mà Sáng Thế Kí chương 2 đã mô tả. Vào thời Ru-tơ, tội đã bước vào rồi, nhưng trong Sáng Thế Kí chương 2 không có nạn đề tội. Đây là Hội thánh trong buổi ban đầu, không liên quan gì đến tội. Ô, đây là một vấn đề lớn lao và đây là những từ ngữ đầy ý nghĩa. Trong chủ tâm của Đức Chúa Trời, Hội thánh không có lịch sử tội!

Khi người ta hỏi về lịch sử sự cứu rỗi của mình, chúng ta luôn luôn bắt đầu với sự sa ngã, tức là chúng ta đã phạm tội như thế nào và lang thang trong tội ra sao, chúng ta gian ác và xấu xa như thế nào, và thế nào chúng ta đã nghe phúc âm, tin Chúa Jesus và được cứu. Chúng ta luôn luôn bắt đầu bằng sự sa ngã. Nhưng trong cách nhìn Đức Chúa Trời, Hội thánh chưa bao giờ bị tội chạm đến. Hội thánh là phần ra từ Đấng Christ mà phần ấy chưa bao giờ bị tội chạm đến và chưa hề biết tội. Điều mà hoàn toàn không có tội được gọi là Ê-va, điều hoàn toàn ra từ Đấng Christ được gọi là Hội thánh. Điều mà hoàn toàn ra từ Đấng Christ và chỉ vì một mình Đấng Christ là Ê-va tức Hội thánh. Ê-va hình bóng cho người tập thể được Đức Chúa Trời làm nên—Hội thánh hoàn toàn thuộc về Đấng Christ. Hội thánh không được cấu tạo bằng những con người đến từ mọi quốc gia, chủng tộc và dân tộc. Không! Chỉ có điều gì ra từ Đấng Christ mới được gọi là Hội thánh. Đó không phải là nhiều người tin Jesus và trở thành Hội thánh. Hội thánh chỉ là phần ra từ Đấng Christ mà thôi. Chúng ta phải thấy Hội thánh là chiếc bình được Đức Chúa Trời chọn để bày tỏ Con Ngài là Đấng Christ, và để đạt được mục đích đời đời của Ngài. Hội thánh không liên quan gì đến tội và không bao giờ chạm đến tội.

Tư tưởng chúng ta phải được đổi mới và đi vào vấn đề mà Đức Chúa Trời cho là quan trọng nhất. Nhiều con cái của Đức Chúa Trời nói đến chuyện gì cũng gắn vào nan đề tội và được cứu. Họ luôn luôn nghĩ rằng mình thật tội lỗi biết bao và đã được cứu như thế nào. Dường như chúng ta luôn luôn nhìn từ khía cạnh tội. Vấn đề này luôn luôn ám ảnh chúng ta, nhưng Đức Chúa Trời có ý định đảo ngược hoàn toàn suy nghĩ của chúng ta. Ngài muốn chúng ta có một cái nhìn hoàn toàn mới về Hội thánh; Ngài muốn chúng ta thấy Hội thánh không liên quan gì đến tội cả. Từ đầu đến cuối, Hội thánh ra từ Đức Chúa Trời, vì Đức Chúa Trời, và không bao giờ chạm đến tội. Có một phần trong chúng ta ra



từ Đấng Christ và là chính Đấng Christ. Phần này không bao giờ là tội và không bao giờ liên quan đến tội; tội không có cách nào tiếp xúc với phần ấy được. Chúng ta có thể thật sự nói có một điều gì đó trong chúng ta thật thánh biệt. Ô, nguyện tất cả chúng ta đều có thể bước vào quan điểm của Đức Chúa Trời về Hội thánh! Theo quan điểm của Ngài, dường như Ngài hoàn toàn xóa bỏ lịch sử của tội.

Trong cõi đời đời, khi chúng ta dâng lời ngợi khen Ngài, chúng ta không cần đề cập về mình xem mình vốn là loại tội nhân nào. Đức Chúa Trời ao ước đem chúng ta đến một giai đoạn mà toàn bộ lịch sử tiếp theo Sáng Thế Kí chương 3 sẽ qua đi và chỉ có điều gì thuộc về Đấng Christ mới được đem đến cho Ngài. Đây là mục đích đời đời của Đức Chúa Trời! Đức Chúa Trời ao ước có được một Hội thánh, một người tập thể, mà trong người đó mọi sự đều ra từ Đấng Christ và vì Đấng Christ, là một Hội thánh không có lịch sử tội trong đó.

Chúng ta quay lại Sáng Thế Kí 2:18. “Chúa là Đức Chúa Trời phán: con người ở một mình không tốt; ta sẽ tạo nên một người giúp đỡ tương xứng với người”. Ê-va được sáng tạo là để thỏa mãn khát vọng của lòng của Đức Chúa Trời. Vì có một khát vọng như vậy, nên Ngài đã thực hiện điều ấy. Chúng ta phải lưu ý rằng việc dựng nên Ê-va được ghi lại trong Sáng Thế Kí chương 2, trước khi những biến cố trong Sáng Thế Kí chương 3 xảy ra. Không có vấn đề trách nhiệm đạo đức giữa Đức Chúa Trời và con người vì lúc ấy tội chưa xuất hiện. Con người không có nan đề gì với Đức Chúa Trời; vì vậy, mọi sự kiện được ghi lại trong Sáng Thế Kí chương 2 là vì mục đích đáp ứng nhu cầu của chính Đức Chúa Trời, không phải để giải quyết các thiếu hụt của con người. Việc Đức Chúa Trời dựng nên Ê-va trong Sáng Thế Kí chương 2 cho chúng ta thấy thế nào Đức Chúa Trời dự định có Hội thánh từ đời đời đến đời đời. Điều đầu tiên trong cách nhìn của Đức Chúa Trời không phải là sự sa ngã của con người mà là kế hoạch mà Ngài đã định từ quá khứ đời đời. Kế hoạch của Đức Chúa Trời trong cõi đời đời là

con người thi hành uy quyền của Ngài và phá hỏng mọi công việc của Sa-tan. Đây là mục đích của Đức Chúa Trời dành cho Hội thánh, và tất cả sẽ được hoàn thành trong cõi đời đời sắp đến. Đức Chúa Trời theo đuổi một Hội thánh như vậy để làm thoả mãn lòng Ngài. Sau khi dựng nên người nam và người nữ, Ngài bước vào sự nghỉ ngơi. Đức Chúa Trời được thoả mãn vì Ngài đã có được một Hội thánh như vậy.



## CHƯƠNG 3

### THÂN THỂ ĐẰNG CHRIST VÀ CÔ DÂU CỦA ĐẰNG CHRIST

Chúng ta đã thấy thể nào Ê-va là hình bóng về Hội thánh trong kế hoạch của Đức Chúa Trời. Theo kế hoạch của Đức Chúa Trời, tất cả những gì thuộc về Hội thánh đều hoàn toàn ra từ Đấng Christ. Hội thánh không chứa đựng điều gì của con người và không liên hệ đến tội. Đức Chúa Trời của chúng ta nhất quyết có một Hội thánh như vậy. Bất cứ điều gì kém hơn thế đều không làm cho Ngài thỏa lòng. Không những Ngài hoạch định để có một Hội thánh như vậy, mà Ngài còn đạt được điều đó. Ha-lê-lu-gia! Đây là một sự thật. Chúng ta phải biết rằng Đức Chúa Trời của chúng ta không bao giờ bị cản trở hay bị ngăn trở. Một khi Ngài đã có ý định về một điều gì, thì dù cả Ha-đét hay toàn thể các lực lượng thọ tạo trở dậy chống cự Ngài, đều không thể chống cự được. Dù chúng ta vấp ngã và đầy thất bại, dù chúng ta xác thật và thuộc hồn, xa cách Đức Chúa Trời và không vâng lời Ngài, thì Đức Chúa Trời vẫn đạt được mục đích của Ngài. Dù con người có làm gì chẳng nữa, họ vẫn không thể phá hỏng kế hoạch của Đức Chúa Trời; điều cao nhất mà họ có thể làm là trì hoãn chương trình ấy. Vì vậy, không những chúng ta phải nhận biết mục đích của Đức Chúa Trời mà còn phải sáng tỏ rằng Đức Chúa Trời sẽ hoàn toàn đạt được những gì Ngài hoạch định. Từ cõi đời đời, Đức Chúa Trời đã có ý định có một Hội thánh hoàn toàn ra từ Đấng Christ, một Hội thánh không chứa đựng sự

bất khiết của con người, không có yếu tố nào thuộc đất, cũng không có mùi vị của tội. Mỗi một phần của Hội thánh ấy đều ra từ Đấng Christ, và Đấng Christ chính là sự sống của Hội thánh.

Tuy nhiên, bắt đầu từ Sáng Thế Kí chương 3, con người đã sa ngã. Bây giờ không những chúng ta có sự kiện về mục đích sáng tạo của Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo mà cũng có sự kiện về sự sa ngã của con người. Do đó, chúng ta hãy xem xét cách Đức Chúa Trời đã nghĩ ra để thay đổi tình hình này.

Ê-phê-sô 5:25-30 chép: “Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình, cũng như Đấng Christ đã yêu Hội thánh và phó chính Ngài vì Hội thánh để Ngài có thể thánh hóa Hội thánh, tẩy sạch Hội thánh bằng sự tẩy rửa của nước trong lời để Ngài có thể trình diện cho chính Ngài Hội thánh vinh hiển, không vết nhơ hay nếp nhăn hay bất cứ điều gì như thế, nhưng thánh biệt và không chỗ trách được. Cũng vậy, chồng cũng phải yêu vợ mình như chính thân mình; ai yêu vợ mình là yêu chính mình. Vì không hề có ai ghét chính xác thịt mình, nhưng nuôi dưỡng và ấm áp nó, cũng như Đấng Christ đối với Hội thánh, vì chúng ta là các chi thể của Thân thể Ngài”. (RcV)

Sáu câu này trong Kinh văn có thể được chia thành hai phần: các câu 25-27 cho chúng ta biết lí do thứ nhất chồng nên yêu thương vợ; các câu 28-30 nói đến lí do thứ hai chồng nên yêu thương vợ. Trong hai phần này, chúng ta thấy hai mạng lệnh để yêu thương vợ và chúng ta thấy hai lí do. Nhưng có một sự khác biệt giữa hai phần này. Phần đầu nói rằng Đấng Christ “đã yêu” Hội thánh và “phó” chính Ngài vì Hội thánh—hai động từ này đều ở thì quá khứ. Bắt đầu từ câu 28, các động từ đều ở thì hiện tại, chẳng hạn như “nuôi dưỡng” và “ấm áp”. Vì vậy, hai phần Kinh văn này liên quan đến những yếu tố thời gian khác nhau—một phần nói đến một điều gì đó trong quá khứ, còn phần kia nói đến hiện tại.

Chủ đề của hai phần này cũng khác nhau. Phần đầu đề cập đến Hội thánh là *Cô dâu* của Đấng Christ; phần thứ hai nói đến Hội thánh là *Thân thể* của Đấng Christ. Trong phần đầu, thì quá khứ được dùng khi Hội thánh được đề cập đến là *Cô dâu* của Đấng Christ. Đó là vì toàn bộ mục đích của Đấng Christ như đã được khải thị cho chúng ta là muốn có một *Cô dâu*. Ngay cả sự chết của Ngài cũng là để có một *Cô dâu*. Dù Ngài sẽ có được một *Cô dâu* trong tương lai, nhưng công tác thì đã hoàn thành trong quá khứ. Còn về hiện tại, Hội thánh là *Thân thể* của Đấng Christ, và hiện nay Chúa đang nuôi dưỡng và ẵm ấp Hội thánh của Ngài.

### MỐI QUAN HỆ GIỮA THÂN THỂ VÀ CÔ DÂU

Trong cách nhìn của Chúa, Hội thánh có hai địa vị: về sự sống, Hội thánh là *Thân thể* của Đấng Christ, nhưng về tương lai, Hội thánh là *Cô dâu* của Đấng Christ. Về mối liên hiệp giữa Đấng Christ với Hội thánh, Hội thánh là *Thân thể* của Ngài; về mối quan hệ thân thiết giữa Đấng Christ với Hội thánh, Hội thánh là *Cô dâu* của Ngài.

Bất cứ khi nào Lời Đức Chúa Trời nói đến sự hiệp một giữa Đấng Christ và Hội thánh, chúng ta thấy Đấng Christ là *Đầu* và Hội thánh là *Thân thể* của Ngài. Bất cứ khi nào Lời bày tỏ sự phân biệt giữa Đấng Christ và Hội thánh, chúng ta thấy Hội thánh là *Cô dâu* của Đấng Christ. A-đam và Ê-va được nói đến như là hai người đã trở nên “một thịt”, nhưng họ vẫn là hai người; Đức Chúa Trời vẫn kể họ là hai. A-đam là A-đam và Ê-va là Ê-va. Họ được liên hiệp làm một. Đây là mối quan hệ giữa Hội thánh và Đấng Christ. Từ một, họ trở thành hai; và từ hai, họ trở nên một. Khi Đức Chúa Trời mới sáng tạo con người, Ngài dựng nên người nam và người nữ. Ê-va ra từ A-đam; như vậy, Ê-va và A-đam là một. Cũng vậy, Hội thánh ra từ Đấng Christ; do đó, Hội thánh và Đấng Christ cũng là một. Tuy nhiên, vì A-đam và Ê-va đều đồng hiện hữu nên có sự phân biệt giữa họ. Cũng vậy, vì Hội thánh và Đấng Christ đồng hiện hữu, nên

cũng có sự phân biệt. Nói về sự hiệp một, họ là một, nhưng về vấn đề phân biệt, hai bên khác nhau.

Hai địa vị này liên quan đến sự khác biệt trong cõi thời gian. Ngày nay, Hội thánh là Thân thể của Đấng Christ, nhưng trong tương lai, Hội thánh sẽ là Cô dâu của Đấng Christ. Ngày nay, Hội thánh là Thân thể của Đấng Christ vì mục đích bày tỏ sự sống của Đấng Christ. Đến một ngày kia, khi Hội thánh trưởng thành trong sự sống, Đức Chúa Trời sẽ đem Hội thánh đến với Đấng Christ; ngày ấy Hội thánh sẽ trở nên Cô dâu của Đấng Christ. Có người nghĩ rằng ngày nay Hội thánh là Cô dâu của Đấng Christ, nhưng nghĩ như vậy là sai. Không có điều nào như vậy cả. Vì Chúa Jesus chưa phải là Chàng rể, làm thế nào Hội thánh đã là Cô dâu của Ngài rồi? Chỉ đến khi nào công tác của Hội thánh là Thân thể của Đấng Christ hoàn thành thì Đức Chúa Trời sẽ đem Hội thánh đến với Đấng Christ như Cô dâu của Ngài.

Khi xem xét hình bóng trong Sáng Thế Kí chương 2, chúng ta cũng có thể thấy mối liên hệ giữa Thân thể và Cô dâu. Ê-va được làm nên từ xương sườn của A-đam, cho nên Ê-va là thân thể của A-đam. Vì một phần thân thể của A-đam được dùng để dựng nên Ê-va nên vị trí của Ê-va là thân thể của A-đam. Nhưng sau khi Ê-va được làm nên, Đức Chúa Trời đem bà đến cho A-đam và trở nên cô dâu của A-đam. Đây là mối quan hệ giữa Thân thể và Cô dâu. Khi chúng ta nói về Ê-va ra từ A-đam, nghĩa là Ê-va là thân thể của A-đam; nhưng khi Ê-va được đem đến cho A-đam để trở nên một người giúp đỡ tương xứng với A-đam thì Ê-va trở thành cô dâu của A-đam. Điều ra từ A-đam là thân thể của A-đam và điều được đem đến cho A-đam là Cô dâu của A-đam.

Chỉ có những gì ra từ A-đam mới có thể trở nên người giúp đỡ tương xứng với A-đam. Bất cứ điều gì không ra từ A-đam sẽ không bao giờ trở nên người giúp đỡ tương xứng của ông được. Do đó, khi mọi loài chim trên trời được đưa

đến cho A-đam, ông không lấy một con nào làm người giúp đỡ cho mình vì chúng không từ ông mà ra. Khi tất cả các loài gia súc được đem đến, ông cũng không chọn con nào vì chúng cũng không ra từ ông. Tất cả các loài thú cũng vậy. Nguồn gốc của chúng không đúng đắn. Vì không ra từ A-đam, chúng không thể làm người giúp đỡ tương xứng với ông. Thế thì ai có thể làm người giúp đỡ tương xứng của A-đam? Ê-va! Ê-va được đưa đến cho A-đam cũng giống như chim trời, gia súc ngoài đồng và các loài thú. Tuy nhiên, giữa Ê-va và chúng có một sự khác biệt cơ bản; chúng không ra từ A-đam. Vì Ê-va là người duy nhất ra từ A-đam, nên chỉ một mình Ê-va đủ điều kiện làm cô dâu của ông. Đã ra từ A-đam, Ê-va lại được đem trở về với ông. Bất cứ điều gì ra từ ông là thân thể của ông; bất cứ điều gì được đem trở về với ông là cô dâu của ông.

Chỉ điều gì ra từ Đấng Christ mới có thể trở về với Đấng Christ. Những gì không ra từ Christ thì không bao giờ trở về với Ngài. Chỉ có những gì ra từ trời mới có thể trở về trời. Nếu chúng ta không đến từ trời, chúng ta không thể trở về trời. Nhà là nơi ở gốc của chúng ta. Khi chúng ta nói mình đi về nhà có nghĩa là chúng ta trở về nơi mình đã từ đó mà đến. Chỉ có điều gì ra từ trời mới có thể trở về trời. Chỉ có điều gì ra từ A-đam mới có thể trở về với A-đam. A-đam chỉ nhận những gì ra từ chính ông. Đây là một hình bóng—cho thấy rằng Đấng Christ chỉ tiếp nhận những gì ra từ chính Ngài. Chỉ những ai ra từ Đấng Christ mới có thể trở về với Ngài. Chỉ những ai nhận lãnh sự sống từ Ngài mới có thể được Ngài tiếp nhận.

Có nhiều người cảm thấy họ nên dâng tất cả những gì họ là và tất cả những gì họ có để Chúa sử dụng. Nhưng Đức Chúa Trời không chấp nhận bất cứ điều gì dâng cho Ngài mà lại ra từ nguồn con người. Đức Chúa Trời không thể nhận hay dùng bất cứ điều gì ra từ chính con người. Giữa vòng các Cơ Đốc nhân, đặc biệt là những người thật nhiệt thành, thường mắc phải một lỗi lầm nghiêm trọng. Họ nghĩ



rằng mọi sự đều tốt đẹp miễn là họ dâng chính mình, khả năng, tài năng và mọi điều họ có cho Chúa. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng Đấng Christ chỉ chấp nhận những gì ra từ chính Ngài; Ngài sẽ không chấp nhận bất cứ điều gì ra từ con người.

Anh em có thể nói: “Trong số các sứ đồ, không phải đã có một Phao-lô sao? Ông không phải là một người học thức sao? Ông không phải là một người rất thông minh sao?” Nhưng chúng ta phải nhớ những lời Phao-lô nói về chính mình: “Vì tôi đã quyết định rằng, ở giữa anh em tôi chẳng biết sự gì khác ngoài Jesus Christ, và Jesus Christ chịu đóng đinh trên thập tự giá. Tôi ở giữa anh em bộ yếu đuối, sợ sệt và run rẩy lắm; lời tôi nói, lời tôi tuyên bố chẳng phải bằng lời khéo léo của sự khôn ngoan, nhưng bằng sự chứng minh của Linh và quyền năng” (1 Cô. 2:2-4). Chúng ta cảm tạ Đức Chúa Trời vì những con người thông minh và có tài hùng biện có thể vào trong Hội thánh, nhưng sự thông minh thiên nhiên vốn có, và tài hùng biện thiên nhiên ban đầu của họ không có hữu dụng thuộc linh trong Hội thánh. Trong Hội thánh, chỉ có một điều được thừa nhận: những gì ra từ Đấng Christ. Chỉ có những gì ra từ Đấng Christ mới có thể trở về với Đấng Christ. Vật liệu để xây dựng một Cô dâu như vậy là chính Đấng Christ.

Đây là vấn đề chúng ta cần lưu ý: chỉ có những gì ra từ Đấng Christ mới có giá trị và hữu dụng thuộc linh trong Hội thánh. Đức Chúa Trời không bao giờ dùng sáng tạo cũ để xây dựng sáng tạo mới. Ngài cũng không dùng những gì của con người để xây dựng những gì thuộc về Đức Chúa Trời. Ngài không bao giờ, nhất định không bao giờ dùng những điều thuộc xác thịt để sinh ra một điều thuộc linh. Chúa Jesus nói: “Điều gì được sinh bởi Linh là linh” (Gi. 3:6b). Những gì do xác thịt sinh ra có thể trở thành linh được không? Không! “Điều gì do xác thịt sinh ra là xác thịt”. Mọi nan đề đều phát sinh từ vấn đề nguồn gốc. Nếu muốn biết kết quả có thuộc linh hay không, chúng ta chỉ cần hỏi nguồn

gốc có thuộc linh không? Chúa Jesus nói: “Điều gì được sinh bởi Linh là linh”. Chúng ta không thể dùng bất cứ điều gì của xác thịt để sinh ra điều gì đó của linh. Một bài giảng ra từ các tư tưởng thì chỉ sinh ra các tư tưởng. Công tác thực hiện bằng cách khuấy động cảm xúc thì chỉ tạo ra sự kích thích cảm xúc. Chỉ có chỉ có công tác ra từ linh mới sinh ra linh. Vấn đề không phải là mục tiêu hay mục đích có đúng đắn không, mà là diễn tiến như thế nào. Người ta nghĩ rằng nếu mục tiêu đúng đắn, mọi điều khác sẽ đúng đắn. Nhưng Đức Chúa Trời không chỉ hỏi mục tiêu có đúng không, Ngài còn hỏi chúng ta thực hiện mục tiêu ấy như thế nào. Có lẽ sẽ có người nói: “Tôi là vì Chúa, và công tác tôi đang làm là vì Hội thánh—công tác cứu hồn người, công tác thuộc linh, công tác mở mang vương quốc thuộc trời. Tôi dâng tất cả khả năng và trí thông minh của tôi cho công tác này. Như vậy không tốt sao?” Dù vậy, khả năng và trí thông minh thiên nhiên của con người—một khi chưa được thập tự giá xử lí—thì không hữu ích thuộc linh. Chúa nói: “Điều gì được sinh bởi xác thịt là xác thịt” (c. 6a).

Như vậy, không những cần phải có mục đích thuộc linh, mà diễn tiến cũng phải thuộc linh. Phương pháp phải là thuộc linh và chính con người cũng phải là người thuộc linh. Chỉ có điều gì ra từ Thánh Linh mới có thể là thuộc linh. Chỉ có những gì ra từ A-đam mới có thể trở về với A-đam. Trước hết điều đó là thân thể của A-đam; và sau đó, sẽ là Cô dâu của A-đam. Trước hết, chúng ta phải là Thân thể của Đáng Christ, rồi sau đó, chúng ta mới có thể được đưa trở về để làm Cô dâu của Đáng Christ. Hi vọng rằng chúng ta sẽ đụng chạm được ít nhiều thực tại thuộc linh trong vấn đề này. Chúng ta cần phải thấy điều Đức Chúa Trời thật sự theo đuổi. Ngài đòi hỏi mọi sự đều ra từ Christ, mọi người đều do Linh sinh ra.

Vì thế, mỗi một Cơ Đốc nhân phải theo đuổi sự sống của Thân thể. Nếu không tìm kiếm sự sống Thân thể, chúng ta cũng không tìm kiếm sự sống của Cô dâu. Chúng ta đừng

bao giờ nghĩ rằng kinh nghiệm sự sống Thân thể hay không cũng không quan trọng bao nhiêu. Chúng ta phải nhận thức rằng nếu có sự sống Thân thể hôm nay, chúng ta sẽ có sự sống của Cô dâu trong tương lai. Nếu ngày nay sống hững hờ và vô mục đích, chúng ta sẽ không bao giờ nhận biết sự sống của Cô dâu. Mỗi một Cơ Đốc nhân phải nhận biết Thân thể Đấng Christ. Theo cách nhìn của Đức Chúa Trời, chúng ta phải theo đuổi điều này. Chúng ta không thể cứ sống như những cá thể; chúng ta phải bước đi cùng với những con cái khác của Đức Chúa Trời. Một Cơ Đốc nhân phải thấy mình là một chi thể của cả Thân thể. Người ấy không những là một Cơ Đốc nhân ở giữa nhiều Cơ Đốc nhân khác mà còn là một chi thể nữa. Người ấy phải sống như một chi thể với những Cơ Đốc nhân khác, có một mối quan hệ thân thể hỗ tương với họ. Nếu thật sự nhận biết sự sống của Thân thể, chúng ta sẽ thấy một Cơ Đốc nhân không thể sống một ngày mà không có Chúa Jesus, cũng không thể sống một ngày mà thiếu các Cơ Đốc nhân khác. Không có Chúa Jesus, người ấy không thể tồn tại, và không có những Cơ Đốc nhân khác, người ấy cũng không thể tồn tại. Đức Chúa Trời đang tìm kiếm một Thân thể, không phải nhiều Cơ Đốc nhân riêng lẻ, biệt lập. Đức Chúa Trời ao ước một Ê-va đầy đủ, không phải một cái tay ở đây và một cái chân ở đằng kia. Ngài phải có được một Ê-va trọn vẹn; khi ấy Ê-va sẽ hữu dụng cho Ngài. Ngài không muốn một người tật nguyền. Ngài muốn một người mới, một người tập thể.

Vì lí do này, mọi sự chia rẽ và cá nhân chủ nghĩa phải bị loại trừ. Vấn đề chia rẽ không phải chỉ là điều gì đó ở bên ngoài—mà là một nan đề của lòng chúng ta. Martin Luther nói vị giáo hoàng lớn nhất không sống ở La Mã mà ở ngay trong lòng chúng ta. Chúng ta cần nhận biết rằng sự ngăn trở lớn nhất đối với Đức Chúa Trời không phải là những sự chia rẽ bên ngoài mà là chính chúng ta, tức những con người riêng lẻ, không biết sự sống của Thân thể. Ở điểm này, chúng ta cần hai sự khác nhau: thứ nhất, nhìn

thấy Thân thể là một, và thứ hai, nhìn thấy chúng ta là một phần của Thân thể ấy, là những chi thể của Thân thể ấy. Khi thấy Thân thể là một, chúng ta sẽ không bao giờ dám chia rẽ. Khi thấy mình là các chi thể, chúng ta chỉ là một phần của cả Thân thể, thì chúng ta sẽ không bao giờ tự biện minh cho mình, hay cũng không dám nghĩ rằng: là những chi thể riêng lẻ, chúng ta là một đơn vị trọn vẹn. Chỉ có toàn Thân thể mới là một đơn vị. Là những chi thể, chúng ta quá nhỏ bé và thật không đầy đủ. Ôi, nguyện Đức Chúa Trời cứu chúng ta khỏi tình trạng làm những người cá nhân chủ nghĩa. Khi ấy chúng ta mới có thể trở thành những người hữu dụng cho Ngài được.

### **ĐÁNG CHRIST YÊU HỘI THÁNH**

Bây giờ, chúng ta hãy đọc Ê-phê-sô 5:28-29: “Cũng vậy, chồng cũng phải yêu vợ mình như chính thân mình; ai yêu vợ mình là yêu chính mình. Vì không hề có ai ghét chính xác thịt mình, nhưng nuôi dưỡng và ấm áp nó, cũng như Đấng Christ đối với Hội thánh”. Chồng phải yêu vợ vì yêu vợ là yêu chính thân thể mình. Người ta luôn luôn nuôi dưỡng, ấm áp thân thể mình, và Đấng Christ cũng nuôi dưỡng, ấm áp Hội thánh. Trong cách nhìn của Đấng Christ, Hội thánh là Thân thể của chính Ngài, xương của xương Ngài và thịt của thịt Ngài. Những câu này cho chúng ta thấy Hội thánh là Thân thể của Đấng Christ, và công tác của Ngài dành cho Hội thánh ngày nay là nuôi dưỡng và ấm áp, vì Hội thánh là chính Ngài. Chắc chắn Ngài sẽ nuôi dưỡng và ấm áp chúng ta, vì tất cả chúng ta đều ra từ Đấng Christ. Chúng ta đều biết chúng ta nuôi dưỡng và ấm áp thân thể mình chu đáo như thế nào. Đấng Christ sẽ nuôi dưỡng và ấm áp chúng ta giống như vậy. “Vì không hề có ai ghét chính xác thịt mình”, đó là một sự thật. Nếu một người bình thường bị đứt tay, người ấy sẽ cẩn thận ấm áp tay mình; nếu chân bị thương, người ấy sẽ dịu dàng chăm sóc nó. Người ta luôn luôn nuôi dưỡng và ấm áp chính mình.

Tương tự như vậy, Đấng Christ yêu Hội thánh, vì Hội thánh là chính Ngài.

Chúng ta hãy đọc Ê-phê-sô 5:25-27: “Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình, cũng như Đấng Christ đã yêu Hội thánh và phó chính Ngài vì Hội thánh để Ngài có thể thánh hóa Hội thánh, tẩy sạch Hội thánh bằng sự tẩy rửa ấy của nước trong lời để Ngài có thể trình diện cho chính Ngài Hội thánh vinh hiển, không vết nhơ hay nếp nhăn hay bất cứ điều gì như thế, nhưng thánh biệt và không chỗ trách được”. Ba câu này nói về Hội thánh là Cô dâu của Đấng Christ. “Để Ngài có thể trình diện cho chính Ngài Hội thánh” trình bày quang cảnh Đức Chúa Trời đem Ê-va đến cho A-đam. Cũng vậy, Đấng Christ sẽ đem Hội thánh đến và trình diện Hội thánh cho chính Ngài. Tuy nhiên, đây là điều sẽ xảy ra trong tương lai. Hội thánh ngày nay chưa đạt đến điều này. Đấng Christ đang hành động từng bước một trong Hội thánh cho đến ngày Ngài trình diện Hội thánh cho chính mình. Nói cách khác, Ê-phê-sô 5:25-27 nói về con đường từ sự cứu chuộc đến vương quốc. Từng bước một, Hội thánh bây giờ đang được chuẩn bị để Đấng Christ có thể trình diện cho chính Ngài vào ngày ấy.

Vì sao ở đây lại nói Hội thánh phải được “tẩy sạch”? Vì đây là Ê-phê-sô chương 5 chứ không phải Sáng Thế Kí chương 2. Sự khải thị cao nhất về Hội thánh được thấy trong sách Ê-phê-sô. Đặc điểm nổi bật của sách này là không bắt đầu với những tội nhân được cứu mà bằng việc chúng ta được lựa chọn từ cõi đời đời. La Mã chương 1 trước hết nói về tội-thể nào chúng ta đã phạm tội và sau đó được cứu. Nhưng Ê-phê-sô chương 1 bắt đầu từ cõi đời đời và việc chúng ta được lựa chọn trước khi lập nền thế giới. Mãi cho đến chương 2, tội mới được đề cập. Sách Ê-phê-sô khải thị về hai con đường: một là từ cõi đời đời đến cõi đời đời, hai là từ sự sa ngã đến sự cứu chuộc của con người. Trong sách Ê-phê-sô có một điều gì đó vượt trội được khải thị cho chúng ta. Chúng ta thấy thể nào Hội thánh ra từ Đấng Christ, thể

nào Hội thánh được lựa chọn trước khi lập nền thế giới, và sẽ mãi mãi bày tỏ vinh hiển của Đấng Christ trong cõi đời đời là như thế nào. Đồng thời, sách này cũng cho chúng ta thấy sự sa ngã của con người là một sự thật, con người phạm tội là một sự thật, và sự tồn tại của sự sống thiên nhiên của chúng ta cũng là một sự thật. Vì vậy, chương 5 nói Đấng Christ sẽ tẩy sạch chúng ta bằng sự tẩy rửa của nước trong lời, cho đến khi chúng ta được thánh hoá. Ngài muốn phục hồi chúng ta đến mức hoàn toàn tương xứng với ý muốn đời đời của Đức Chúa Trời.

Một mặt, chúng ta cần có khái tượng để thấy rằng Hội thánh chưa bao giờ thất bại, phạm tội hay sa ngã. Hội thánh chưa bao giờ chạm đến tội; từ cõi đời đời đến cõi đời đời, Hội thánh ở trên một đường thẳng tắp. Mặt khác, chúng ta cần thấy: chúng ta chỉ là một nhóm tội nhân được cứu bởi ân điển; do đó, chúng ta cần sự rửa sạch của nước trong lời. Chúng ta cần sự sống của Ngài qua lời Ngài để thánh hoá chúng ta và phục hồi chúng ta đến điểm cao nhất. Nguyên Đức Chúa Trời ban cho chúng ta ân điển để có thể đạt đến điểm ấy.

### **TẨY SẠCH HỘI THÁNH BẰNG SỰ TẨY RỬA CỦA NƯỚC TRONG LỜI**

Chúng ta phải lưu ý đến cụm từ “bằng sự tẩy rửa của nước trong lời”. Trong Tân Ước, có hai từ ngữ Hi Lạp được dùng để chỉ về *lời*. Một là *logos*, nói đến lời với một ý nghĩa tổng quát; từ ngữ kia là *rhema*, Dù cũng được dịch là *lời* trong Kinh văn, nhưng có một ý nghĩa khá khác biệt với *logos*. *Logos* vừa chỉ về những điều đã được khẳng định đời đời, vừa chỉ về những điều được dùng cách khách quan. Đây là *lời*, như chúng ta dùng cách chung chung và *lời*, như được biết cách tổng quát trong Cơ Đốc giáo. Nhưng *rhema* chỉ về những lời được nói ra. *Rhema* có tính chủ quan hơn *logos*. Chúng ta hãy xem một vài phân đoạn trong Tân Ước có sử dụng từ *rhema*.

Trong Ma-thi-ơ 4:4, Chúa Jesus nói: “Có chép: ‘Loài người sống không chỉ nhờ bánh mà thôi, song cũng nhờ mọi lời ra từ miệng Đức Chúa Trời nữa’” (RcV). Trong câu này, chữ “lời” là *rhema*, không phải *logos*. Khi chúng ta nói Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời, chữ “lời” là *logos*, không phải *rhema*. Chúng ta có thể nào nói người ta sống không phải chỉ nhờ bánh mà thôi, nhưng nhờ Lời Đức Chúa Trời được ghi trong Kinh Thánh không? Không. Chúng tôi không nói Lời thành văn của Đức Chúa Trời là không hữu dụng gì, nhưng chúng tôi nói *logos* –Lời Đức Chúa Trời được ghi trong Kinh Thánh – *tự nó* không hữu dụng gì cho chúng ta. Một ngày nọ, có một người đến báo tin cho một người mẹ biết con bà bị xe đụng và sắp chết. Người mẹ lập tức mở Kinh Thánh ra và tình cờ lật nhằm Giăng 11:4: “Bệnh này không đến chết đâu...”. Nhờ câu này, bà cảm thấy bình an và thậm chí còn bắt đầu vui mừng, nhưng khi bà đến hiện trường, bà thấy con bà đã chết rồi. Như vậy những gì được ghi lại trong Phúc Âm Giăng không phải là Lời Đức Chúa Trời sao? Đó là Lời Đức Chúa Trời, nhưng đó là *logos*, không phải *rhema*. Lời bà mẹ nắm lấy không phải là lời Đức Chúa Trời phán với bà trong trường hợp cụ thể ấy. Cả *logos* lẫn *rhema* đều là Lời Đức Chúa Trời, nhưng *logos* là Lời của Đức Chúa Trời được ghi lại cách khách quan trong Kinh Thánh, trong khi *rhema* là lời của Đức Chúa Trời phán với chúng ta trong một trường hợp cụ thể.

La Mã 10:17 chép: “Cho nên đức tin đến do nghe, và nghe qua lời của Đấng Chris.” Trong câu này chữ *rhema*, chứ không phải *logos*, được dùng đến. Điều này có nghĩa là chúng ta có thể tin khi Đấng Christ phán trong chúng ta trước.

Giăng 3:16 là một câu nhiều người trong chúng ta có thể đọc thuộc lòng. Có lẽ chúng ta biết câu này cách đây 10 hay 20 năm. Câu này có phải Lời Đức Chúa Trời không? Chắc chắn đó là Lời Đức Chúa Trời, nhưng đó là *logos*. Tuy nhiên, một ngày nào đó khi đọc câu này, chúng ta thấy câu này

hoàn toàn khác hẳn đối với chúng ta hơn trước đó. “Vì Đức Chúa Trời quá yêu thế giới...” Bây giờ, Đức Chúa Trời không chỉ yêu thương thế giới mà Ngài còn yêu thương tôi. “...Đến nỗi Ngài đã ban Con độc sinh của Ngài...” Đức Chúa Trời không chỉ ban Con Ngài cho thế giới, mà Ngài còn ban Con ấy cho tôi. “...Hầu cho hễ ai tin vào Con ấy...” Không phải một người nào đó tin Ngài mà là tôi tin Ngài. “...Sẽ không bị diệt vong, nhưng có sự sống đời đời”. Ấy là tôi không bị diệt vong, và ấy là bây giờ tôi có sự sống đời đời. Lời này, bây giờ là *rhema*. Đức Chúa Trời phán lời này với chúng ta, và ngay lúc ấy chúng ta có đức tin. Vì vậy, chúng ta phải cầu xin Đức Chúa Trời: “Đức Chúa Trời ơi, nếu Ngài đầy ân điển đối với con, con cầu xin Ngài luôn luôn ban cho con *rhema*.” Nói như vậy không có nghĩa là *logos* không ích lợi gì. *Logos* có công dụng rõ rệt của *logos*, vì nếu không có *logos*, chúng ta không bao giờ có được lời *rhema*. Tất cả những lời *rhema* của Đức Chúa Trời đều dựa trên *logos*. Chúng ta không thể phủ nhận rằng Giăng 3:16 là Lời Đức Chúa Trời. Nhưng khi *logos* của Đức Chúa Trời trở nên *rhema* được Đức Chúa Trời phán với chúng ta, thì chúng ta có đức tin và toàn bộ vấn đề được giải quyết.

Giăng 6:63 chép: “Những lời Ta đã nói với các anh là linh và là sự sống”. Người Do Thái không có *logos* của Đức Chúa Trời sao? Họ có chứ. Họ rất quen thuộc với *logos* và có thể đọc thuộc lòng các điều răn Cựu Ước rất giỏi, nhưng điều đó không ích lợi gì cho họ. Chỉ có những lời Chúa nói với họ mới là linh và sự sống. Chỉ có *rhema* mới là linh và sự sống.

Mác 14:72 chép: “Và lập tức, gà gáy lần thứ hai. Phi-e-ơ bèn nhớ lại thể nào lời Jesus đã nói với mình rằng: ‘Trước khi gà gáy hai lượt, anh sẽ chối Ta ba lần’. Ông ngấm nghĩ lời ấy mà khóc”. Phi-e-ơ nhớ lại *rhema* mà Jesus đã phán với ông. *Rhema* là lời đã được đem đến kí ức của ông. Trong khi Phi-e-ơ đang nói dối thì thành linh *rhema* đến. Chính câu Chúa nói đã đến với ông. *Rhema* là lời Chúa đã phán và bây giờ Ngài phán lời ấy một lần nữa.



Trong Lu-ca 1:38, Ma-ri nói: “Này, nô lệ của Chúa đây. Nguyên điều ấy xảy đến cho tôi theo lời ngài”. Thiên sứ rời khỏi Ma-ri”. Trong câu này chữ *rhema* được dùng. Đây không chỉ là một lời tiên tri trong Ê-sai 7:14: “Này, một trinh nữ sẽ có thai và sẽ sanh một con trai”, mà còn là một lời thiên sứ phán cụ thể với Ma-ri: “Này, cô sẽ thọ thai và sinh một con trai” (Lu. 1:31). Vì Ma-ri nghe lời này, cô nhận được sức mạnh và điều ấy đã thành tựu.

Trong Lu-ca 2:29, Si-mê-ôn nói: “Thưa Chủ, bây giờ xin Chủ cho nô lệ Ngài được qua đời bình an, theo như lời Ngài”. “Lời” ở trong câu này là *rhema*. Trước khi Chúa Jesus đến, Đức Chúa Trời phán lời Ngài với Si-mê-ôn rằng ông sẽ không chết cho đến khi được thấy Đấng Christ của Chúa. Nhưng vào ngày Si-mê-ôn thấy Chúa Jesus, ông nói: “Thưa Chủ, bây giờ xin Chủ cho nô lệ Ngài được qua đời bình an, theo như lời Ngài”. Si-mê-ôn có *rhema* từ Chúa. Lời này không phải trích theo một chương hay một câu nào trong Kinh Thánh, nhưng đó là theo lời Chúa nói với ông vào ngày ấy. Chỉ có lời từ một chương nào đó và một câu nào đó trong Kinh Thánh thì không đủ. Chỉ có lời Chúa nói với chúng ta mới công hiệu. *Rhema* khả thị một điều nào đó cho chúng ta cách cá nhân và trực tiếp; lời này cho thấy những gì chúng ta cần xử lý và những gì chúng ta cần được tẩy sạch. Chúng ta phải tìm kiếm chính điều này cách cụ thể, vì đời sống Cơ Đốc nhân chúng ta đặt nền tảng trên *rhema* này. Đức Chúa Trời đã thật sự phán lời nào cho chúng ta, và Ngài đã phán với chúng ta như thế nào? Chúng ta phải nhớ rằng đạo Đấng Christ ngày nay vẫn là đạo về sự khả thị cá nhân. Nếu Đức Chúa Trời không phán gì bên trong con người, thì đó không phải là đạo Đấng Christ, và cũng không phải là Tân Ước.

Lu-ca 3:2 chép: “Trong khi An-na và Cai-phe làm thầy tế lễ thượng phẩm thì lời Đức Chúa Trời đến với Giăng, con trai Xa-cha-ri, trong hoang mạc”. “Lời” trong câu này cũng là *rhema*.

Lu-ca 5:5 chép: “Si-môn đáp rằng: “Thưa Chủ, chúng tôi đã vất vả suốt đêm mà không bắt được gì; nhưng theo lời Ngài, tôi sẽ thả lưới xuống.”” Chữ “lời” trong câu này là một điều gì đó mà Chúa đã nói trong trường hợp đó. Đây là điều Chúa đã nói riêng với Si-môn. Đây là *rhema*. Chúa không nói trong một chương nào đó, câu nào đó của Kinh văn rằng Si-môn nên thả lưới. Nếu một người nào đó nỗ lực đi trên mặt biển vì lời chép trong Ma-thi-ơ 14:29, chắc chắn người ấy sẽ chìm. Đó không phải lời Chúa nói ngày nay, dù Ngài đã phán vào ngày ấy. Đúng là lời Đức Chúa Trời phán trong quá khứ và lời Ngài phán ngày nay có uy quyền như nhau, không bao giờ thay đổi. Nhưng điều quan trọng là Đức Chúa Trời có đang phán chính lời ấy cho chúng ta ngày hôm nay không?

Lu-ca 24:8 chép: “Họ nhớ lại các lời của Ngài (*rhema*)”. Tóm lại, *rhema* là gì? *Rhema* là một điều Chúa đã phán trước đây mà bây giờ Ngài lại phán. Nói cách khác, *rhema* là lời Chúa nói lần thứ hai. Đây là một điều sống động.

Trong Công vụ các Sứ đồ 11:16, Phi-e-rơ nói: “Tôi nhớ lại lời của Chúa, thể nào Ngài đã phán: Giảng đã làm báp-têm trong nước, nhưng các người sẽ chịu báp-têm trong Thánh Linh”. Trong khi Phi-e-rơ đang rao giảng tại nhà Cọt-nây, Linh của Chúa giảng trên họ, và lời của Chúa đến với Phi-e-rơ. Không phải Phi-e-rơ cố gắng dùng trí nhớ để gọi lại lời Chúa, nhưng ấy là Chúa nói với ông: “Giảng đã làm báp-têm bằng nước, nhưng các anh sẽ chịu báp-têm trong Thánh Linh”.

Chúng ta sẽ luôn luôn quý trọng sự kiện Chúa vẫn còn phán ngày nay. Không những Ngài phán trong Kinh văn, không những Ngài phán với Phao-lô và Giảng, mà Ngài cũng phán với chúng ta hôm nay. Lời phán của Chúa không bao giờ ngưng. Bất cứ khi nào có một người công tác cho Chúa, đứng lên nói cho Ngài, người ấy phải mong đợi *rhema*. Nếu ngày nay, Chúa không phán với chúng ta, chúng ta thật sự thất bại. Có bao lần chúng ta rao giảng mà

Chúa không phán một lời? Không phải có điều gì sai trong bài giảng, nhưng tất cả đều là những lời chung chung của Chúa; không có *rhema* trong đó. Nan đề của Hội thánh ngày nay là thiếu lời sống động của Chúa; thay vào đó, chỉ có giáo lí chết. Có sự thiếu hụt thật sự về sự thông công trực tiếp từ Đức Chúa Trời. Chỉ có sự truyền đạt lời rao giảng của con người. Thật đáng thương vì quá nhiều người đã chết bởi những giáo lí tốt! Nguyện Đức Chúa Trời thương xót chúng ta và ban *rhema* cho chúng ta. Nguyện Ngài phán cách riêng tư và trực tiếp với chúng ta hôm nay. Chỉ khi nào có *rhema* chúng ta mới thật sự tiến tới và có nước sống để cung ứng cho người khác. Điều chúng ta cần là *rhema*.

Trong kế hoạch đời đời của Đức Chúa Trời, Hội thánh không có tội. Hội thánh không có lịch sử tội; Hội thánh hoàn toàn thuộc linh và hoàn toàn ra từ Đấng Christ. Nhưng còn lịch sử thật sự của Hội thánh thì sao? Chúng ta biết Hội thánh chưa hoàn toàn ra từ Christ và có nhiều yếu tố của Hội thánh là thuộc đất. Đấng Christ đem Hội thánh đến chỗ trọn vẹn bằng cách nào? Ngài sẽ làm điều đó bằng cách tẩy sạch Hội thánh bằng sự tẩy rửa của nước trong lời—*rhema*. Trước đây, chúng ta đã đề cập nước chỉ về sự sống. Nước hình bóng cho sự sống được giải phóng qua phương diện<sup>1</sup> không-phải-vì-sự-cứu-chuộc trong sự chết của Đấng Christ. Đấng Christ đang dùng sự sống của Ngài trong lời Ngài, là *rhema* của Ngài, để tẩy sạch chúng ta.

Đấng Christ tẩy sạch chúng ta bằng sự sống Ngài qua lời Ngài, có ý nghĩa gì? Trước hết, chúng ta phải thấy nan đề của Hội thánh từ quan điểm của Đức Chúa Trời. Khuyết điểm của Hội thánh không phải là Đấng Christ mà Hội thánh nhận lãnh quá nhỏ bé, nhưng là Hội thánh có quá

---

<sup>1</sup> Hai phương diện của sự chết Đấng Christ là: (1) xử lí mọi điều tiêu cực, và (2) chuẩn bị cho mọi điều tích cực—mọi điều trong sự sống của Đấng Christ. Vì vậy, sự sống được giải phóng qua sự chết của Ngài không vì sự cứu chuộc. Sự cứu chuộc là phương diện tiêu cực của sự chết Đấng Christ.

nhiều điều khác hơn Đấng Christ. Trong ý muốn của Đức Chúa Trời, Hội thánh hoàn toàn ra từ Đấng Christ, không có một tội nào, không có xác thịt và không chứa đựng sự sống thiên nhiên. Nhưng tình trạng thật của chúng ta thì sao? Trong chúng ta, những người thật sự thuộc về Đấng Christ, đều có một phần chỉ là và hoàn toàn là Đấng Christ. Chúng ta cảm tạ Đức Chúa Trời về phần này. Ngoài phần này ra, chúng ta vẫn có nhiều điều không thuộc về Đấng Christ. Chúng ta cần được tẩy sạch vì có tất cả những điều này. Tẩy sạch nghĩa là gì? Nghĩa là trừ ra, rút ra, không phải là cộng vào, thêm vào. Nếu tẩy sạch mà có nghĩa là thêm một điều gì vào trong chúng ta thì đó là nhuộm. Ê-va trong Sáng Thế Kí chương 2 không cần được tẩy sạch, vì Ê-va là hình bóng về Hội thánh trong kế hoạch đời đời của Đức Chúa Trời. Nhưng nếu chúng ta cho rằng ngày hôm nay mình không cần được tẩy sạch thì chúng ta tự lừa dối mình. Đức Chúa Trời dự định đem chúng ta đến chỗ không cần sự tẩy sạch, nhưng ngày nay chúng ta vẫn cần được tẩy sạch.

Đức Chúa Trời tẩy sạch chúng ta bằng cách nào? Ngài thực hiện điều này bằng sự sống của Ngài qua chính lời Ngài. Nhiều lúc chúng ta không biết mình cần được tẩy sạch về phương diện nào. Nhưng một ngày kia sự sống trong chúng ta không để chúng ta trốn thoát. Chẳng bao lâu *rhema* của Ngài đến trong chúng ta, chỉ ra điều gì chúng ta cần giải quyết. Một mặt, đó là sự sống đụng chạm chúng ta, và mặt khác, đó là lời đã nói với chúng ta. Đôi khi chúng ta liên quan đến một điều nào đó tưởng chừng như rất tốt theo giáo lí, và lí do khiến chúng ta làm điều đó cũng thật là đúng đắn, nhưng bên trong có một điều luôn chạm đến chúng ta và không để chúng ta yên. Cuối cùng, Chúa phát ngôn với chúng ta; *rhema* đến, lời quyền năng của Chúa đến. Lời ấy bảo chúng ta rằng một điều nào đó trong chúng ta cần phải được xử lí và tẩy sạch. Một mặt, đây là sự sống, và mặt khác, đây là lời Chúa. Qua đó, chúng ta được tẩy

sạch. Đôi khi thứ tự thay đổi. Lúc đầu, chúng ta không cảm thấy gì cả khi liên quan đến một việc gì đó; thật ra, chúng ta cảm thấy mọi sự đều tốt đẹp. Nhưng khi *rhema* đến, trước hết lời Chúa phát ngôn với chúng ta, nói với chúng ta rằng điều ấy là sai, và sau đó sự sống bên trong đòi hỏi chúng ta xử lý điều ấy. Đây là nếp sống hàng ngày của chúng ta. Hoặc sự sống của Chúa trước hết không cho phép chúng ta làm một điều gì đó, rồi lời Chúa đến; hoặc trước hết lời Chúa đến, rồi sự sống theo sau đòi hỏi chúng ta xử lý điều đó. Nhưng luôn luôn có sự tẩy rửa của nước trong lời để thánh hoá chúng ta.

Vì vậy, toàn bộ vấn đề lớn lên và tiến bộ của chúng ta tùy thuộc vào thái độ của chúng ta đối với sự sống và *rhema*. Nếu có bất cứ một cảm nhận nào của sự sống bên trong, chúng ta đừng bao giờ bỏ qua. Chúng ta phải cầu nguyện: “Chúa ôi, xin ban *rhema* cho con để con biết cách giải quyết tình trạng này”. Nếu trước hết, Chúa ban *rhema* cho chúng ta, phán với chúng ta, khi ấy chúng ta vẫn cần cầu xin Ngài cung ứng sự sống, để chúng ta giải quyết vấn đề. Nếu chúng ta lưu tâm đến những vấn đề này và không xem nhẹ, Chúa sẽ tẩy sạch chúng ta bằng sự tẩy rửa của nước trong lời, để chúng ta được thánh hóa.

Trước mặt Chúa, ý nghĩa của việc Hội thánh được tẩy sạch nhờ sự tẩy rửa của nước, là sự sống của Đấng Christ xử lý mọi phần không ra từ Đấng Christ. Sự sống thiên nhiên và mọi điều không ra từ Đấng Christ cần được gột rửa. Sự thánh hóa chỉ có thể đến sau sự tẩy sạch, và nền tảng của sự tẩy sạch là lời Chúa, tức là *rhema*. Nếu không biết lời Chúa, chúng ta không có cách nào được tẩy sạch và thánh hóa. Kể từ ngày chúng ta trở thành Cơ Đốc nhân, kiến thức của chúng ta đến từ đâu? Từ một nguồn bên ngoài hay từ nguồn bên trong? Chúng ta có hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời từ bên trong, hay ý muốn của Ngài vẫn là một điều gì đó bên ngoài chúng ta? Nhiều nan đề đã bắt rễ từ chính điều này – thiếu lời Đức Chúa Trời. Lí do Thân thể

của Đấng Christ không được xây dựng là vì chúng ta chỉ có điều gì đó ở bên ngoài mà không có điều gì đó ở bên trong. Toàn bộ nền tảng của đức tin Cơ Đốc tùy thuộc vào lời phán của Chúa. Sự lớn lên của Hội thánh cũng tùy thuộc vào những gì Chúa phán. Do đó, điểm trọng yếu nhất trong lời cầu nguyện của chúng ta phải là chúng ta mong mỗi sự phát ngôn của Chúa. Ôi, nguyện Chúa phát ngôn với chúng ta! Lời Chúa phát ngôn với chúng ta sẽ làm cho chúng ta đạt được mục đích đời đời của Đức Chúa Trời. Hội thánh ngày nay không giống như Ê-va trong Sáng Thế Kí chương 2, vì Hội thánh đã sa ngã. Cho nên, Chúa phải tẩy rửa chúng ta nhờ sự tẩy sạch của nước trong lời.

Hội thánh theo ý muốn của Đức Chúa Trời và Hội thánh trong kinh nghiệm là hai điều hoàn toàn khác nhau. Trong kế hoạch của Đức Chúa Trời, Hội thánh hoàn toàn không có tội; Hội thánh không bao giờ biết đến tội, cũng không có lịch sử tội. Hội thánh vượt trên tội, không có một dấu vết nào của tội. Hội thánh hoàn toàn thuộc linh, và hoàn toàn ra từ Đấng Christ. Tuy nhiên, theo lịch sử, Hội thánh đã thất bại và sa ngã. Ngày nay, Chúa đang hành động giữa những con người sa ngã để đem họ trở về với Hội thánh theo ý muốn ban đầu của Ngài. Chúa muốn hành động giữa những con người sa ngã, bại hoại, cô độc, đầy tội lỗi và ô uế để Ngài có được một Hội thánh từ giữa họ. Ngài dự định phục hồi và khôi phục họ trở lại với những gì Ngài đã định trong quá khứ đời đời, để Ngài có được điều mà có thể hoàn thành khát vọng của Ngài trong tương lai đời đời. Trong công tác kì diệu của Ngài, Chúa đang dùng lời phán của Ngài làm công cụ để đưa Hội thánh trở về với mục đích ban đầu của Đức Chúa Trời. Ôi, nguyện chúng ta không xem nhẹ những lời của Chúa.

Chúng ta phải nhớ rằng tri thức là một điều và tâm vóc thuộc linh là một điều hoàn toàn khác. Mọi giáo lí, sự dạy dỗ, thần học, và tri thức không ích lợi bao nhiêu nếu chỉ được tuôn ra từ người này qua người khác. Sự lớn lên thật

tùy thuộc vào lời chúng ta nhận trực tiếp từ Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đang dùng *rhema* của Ngài để thực hiện công tác của Ngài và Ngài muốn phát ngôn với chúng ta. Vì vậy, nếu mục đích của chúng ta trong việc đọc Kinh văn chỉ vì tri thức thì chúng ta thật đáng thương. Nếu như vậy, chúng ta đã kết thúc. Giá trị thật của Kinh văn là Đức Chúa Trời có thể phán với con người qua Kinh văn. Nếu muốn được hữu dụng trong tay Chúa, chúng ta phải được Chúa phát ngôn. Sự gây dựng của chúng ta có thuộc linh hay không tùy thuộc vào việc Chúa có phát ngôn với chúng ta hay không. Tri thức và giáo lý không lợi ích về mặt thuộc linh. Chỉ có lời Chúa phát ngôn với chúng ta mới có giá trị thuộc linh.

Làm sao chúng ta có thể thỏa mãn với tri thức và giáo lý trong khi Hội thánh đang ở trong tình trạng sa ngã, trong khi Hội thánh không đạt đến ý muốn của Đức Chúa Trời và mù lòa đối với ý muốn ấy? Nguyên Đức Chúa Trời thương xót chúng ta và đầy ân điển đối với chúng ta! Ôi, nguyện chúng ta cầu nguyện như vậy: “Chúa ơi, chúng con cầu xin Ngài phát ngôn với chúng con”. Tất cả những lời ở bên ngoài, tất cả những lời người khác truyền cho chúng ta, cho dù họ có nói một ngàn lần hay mười ngàn lần, cũng chẳng ích lợi gì. Chỉ có *rhema* mới có giá trị. Nếu chúng ta làm một điều gì đó chỉ vì người khác bảo chúng ta làm thì chúng ta đang giữ luật pháp; chúng ta không ở trong Tân Ước. Những người có tâm trí sáng suốt có thể chia sách La Mã ra làm nhiều phần, chẳng hạn như “Sự cứu rỗi”, “Sự xưng công chính”, v.v. Nhưng trong họ có một sự thiếu hụt lớn – Đức Chúa Trời không phát ngôn với họ. Một người có thể có tri thức, nhưng không có lời Đức Chúa Trời. Nhiều người nghĩ rằng có tri thức Kinh văn và hiểu biết giáo lý là thuộc linh. Không có chuyện đó! Tri thức Kinh Thánh không bao giờ có thể thay thế cho tình trạng thuộc linh. Chỉ có lời Đức Chúa Trời phán với chúng ta cách cá nhân và trực tiếp thì mới có giá trị thật. Khi Đức Chúa Trời phán với chúng ta qua lời

Ngài, chúng ta được soi sáng; qua lời Ngài, chúng ta được thánh hóa; qua lời Ngài, chúng ta được làn cho lớn lên. Chúng ta cần biết điều gì là chết và điều gì là sống, điều gì chỉ là kiến thức suông và điều gì là thuộc linh. Tất cả những gì không sống động đều không có giá trị thuộc linh. Nếu chúng ta có *rhema*, là lời sống động của Đức Chúa Trời, chúng ta có thể được tẩy sạch và thánh hóa.

### “HỘI THÁNH...VINH HIỂN”

Mục đích của Đấng Christ trong công tác tẩy sạch và thánh hóa là gì? Ấy là để một ngày kia, “Ngài có thể trình diện cho chính Ngài Hội thánh vinh hiển” (Êph. 5:27). Đấng Christ đang chờ đợi Hội thánh được chuẩn bị và trình diện cho Ngài. “Hội thánh...vinh hiển” trong nguyên văn có nghĩa là Hội thánh được đem vào vinh hiển. Nói cách khác, Hội thánh sẽ mặc lấy vinh hiển. Ê-phê-sô chương 4 nói rằng Hội thánh sẽ đạt đến sự hiệp một của đức tin và đạt đến tâm thước vóc dáng theo sự đầy đủ của Đấng Christ (c. 13). Sau đó, chương 5 nói Hội thánh sẽ được mặc lấy vinh hiển để được trình diện cho Đấng Christ. Đức Chúa Trời dự định đem cả Hội thánh đến tình trạng này. Đây thật là một vấn đề lớn! Khi nhìn vào tình trạng Hội thánh ngày nay, chúng ta nói: “Làm thế nào có điều đó được?” Chúng ta thậm chí có thể nghi ngờ ý định của Đức Chúa Trời, nhưng Chúa vẫn đang hành động. Một ngày kia, Hội thánh sẽ đạt đến sự hiệp một của đức tin; Hội thánh sẽ đạt đến đạt đến tâm thước vóc dáng theo sự đầy đủ của Đấng Christ; Hội thánh sẽ được mặc lấy vinh hiển và trình diện cho Đấng Christ. Đây là điều Chúa mong muốn và Ngài sẽ đạt được. Đây cũng là điều chúng ta ao ước và sẽ đạt được.

Hội thánh vinh hiển này sẽ không có tí vết, không có vết nhơ hay nếp nhăn hoặc bất cứ điều gì như vậy, nhưng sẽ thánh biệt và không chỗ trách được (5:27). Chúa sẽ tẩy sạch chúng ta đến mức dường như Hội thánh không bao giờ có một vết bẩn, hay một sự ô uế nào. Dường như Hội



thánh chưa bao giờ phạm tội, cũng không có một dấu vết tội lỗi nào.

Không những Hội thánh không có vết nhơ mà cũng không có nếp nhăn. Tất cả chúng ta đều biết rằng trẻ em và thanh niên không có nếp nhăn. Hễ khi nào nếp nhăn xuất hiện nơi một người, nghĩa là người ấy đang già đi. Chúa muốn đem Hội thánh đến tình trạng không có gì già nua, không có gì của quá khứ. Ngài muốn mọi sự trong Hội thánh phải mới mẻ. Khi Hội thánh đứng trước mặt Chúa, dường như Hội thánh chưa bao giờ phạm tội, dường như Hội thánh chưa bao giờ có lịch sử tội. Hội thánh sẽ không có vết nhơ hay nếp nhăn nào. Trong tương lai, Hội thánh sẽ là Hội thánh theo mục đích của Đức Chúa Trời vào lúc sáng tạo.

Hội thánh không những sẽ không có vết nhơ hay nếp nhăn mà cũng sẽ không có “điều gì giống như thế”. Trong một bản dịch từ tiếng Hi Lạp, cụm từ này có thể đọc là: “Khuyết điểm loại này hay loại khác”. Không những Hội thánh không có vết nhơ và nếp nhăn mà cũng không có bất cứ khuyết điểm nào; mọi khuyết điểm đều bị loại bỏ. Sẽ đến một ngày, khi công tác của Đức Chúa Trời trên Hội thánh đạt đến một giai đoạn như vậy, thì Hội thánh sẽ được vinh hiển trọn vẹn.

Hơn nữa, Hội thánh sẽ “thánh biệt và không vết nhơ”. Theo ý nghĩa trong Hi văn, cụm từ này có thể dịch là: “Hội thánh sẽ thánh biệt và không có điều gì đáng trách”. Đức Chúa Trời sẽ đem Hội thánh đến tình trạng mà trong mọi khía cạnh, Hội thánh không thể nào bị phê phán gì được. Thế giới không nói gì được; Sa-tan không nói gì được; mọi người và mọi sự sẽ không nói gì được; ngay cả chính Đức Chúa Trời cũng không nói gì cả. Vào ngày ấy, khi được vinh hiển như vậy, Hội thánh sẽ trở nên Cô dâu của Đấng Christ.

Chúng ta phải thấy hai vấn đề này một cách rất rõ ràng. Trước hết, ngày nay, chúng ta là Thân thể của Đấng Christ.

Là Thân thể của Ngài, Đáng Christ đang gột rửa và chuẩn bị chúng ta để chúng ta có thể trở nên Hội thánh mà Đức Chúa Trời dự định từ cõi đời đời. Thứ hai, đến thời điểm nào đó, Đáng Christ sẽ đến, và chúng ta sẽ được đưa vào sự hiện diện của Ngài để trình diện cho Ngài như một Hội thánh vinh hiển, tức là Cô dâu của Ngài. Do đó, trước hết, chúng ta có lịch sử của Thân thể Đáng Christ trên đất và sau đó là lịch sử của Cô dâu trong vinh hiển. Bây giờ, chúng ta đang ở trong tiến trình được tẩy sạch. Đây là lúc chúng ta cần *rhema*. Những Cơ Đốc nhân chưa bao giờ nhận được sự khải thị trực tiếp, đang làm chậm trễ Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta chưa bao giờ nghe Chúa phát ngôn với mình, chúng ta đang ngăn cản Chúa đổ ân điển của Ngài. Nguyên Đức Chúa Trời thương xót chúng ta để chúng ta không trở nên những người cản trở Ngài. Trái lại, nguyện chúng ta là những người lắng nghe Ngài và tiến tới để Hội thánh được đưa đến giai đoạn làm Cô dâu của Đáng Christ.

### **CÔNG TÁC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI THÁNH TRƯỚC MẶT ĐỨC CHÚA TRỜI**

Sách Ê-phê-sô khải thị về Hội thánh mà Đức Chúa Trời đã dự định trong cõi đời đời. Chương 5 nói rằng Hội thánh sẽ là một Hội thánh vinh hiển, không vết nhơ hay nếp nhăn, hay bất cứ điều gì như vậy, nhưng thánh biệt và không tì vết. Sau đó chương 6 nói về công tác thực tiễn của Hội thánh là chiến trận thuộc linh.

Khi đọc Ê-phê-sô 6:10-12, chúng ta nhận thấy công tác và trách nhiệm của Hội thánh là chiến trận thuộc linh. Các đối thủ trong chiến trận thuộc linh không phải là thịt và huyết, nhưng là những hữu thể thuộc linh ở trên không trung. Chúng ta hãy đọc câu 13 và 14. “Vì vậy, hãy mang toàn bộ binh giáp của Đức Chúa Trời để anh em có thể chống trả trong ngày gian ác, và sau khi đã làm mọi sự mà vẫn đứng. Vậy, anh em hãy đứng”. Ở đây chúng ta được bảo rằng hãy đứng, chứ không phải hãy tấn công. Chiến trận

thuộc linh là phòng vệ, chứ không phải tấn công, vì Chúa Jesus đã đánh trận và giành được chiến thắng rồi. Công tác của Hội thánh trên đất chỉ là duy trì chiến thắng của Chúa. Chúa đã thắng trận và Hội thánh ở đây là để duy trì chiến thắng của Ngài. Công tác của Hội thánh không phải là chiến thắng ma quỷ mà là chống lại kẻ mà Chúa đã chiến thắng rồi. Công tác của Hội thánh không phải là cột trời kẻ mạnh sức – kẻ mạnh sức này đã bị cột trời rồi. Công tác của Hội thánh là không thả hấn ra. Không cần phải tấn công; chỉ cần canh giữ là đủ. Khởi điểm của chiến trận thuộc linh là đứng trên chiến thắng của Đấng Christ; ấy là thấy Đấng Christ đã chiến thắng rồi. Không phải là đối phó với Sa-tan mà là tin cậy Chúa. Không phải là hi vọng chúng ta sẽ chiến thắng, vì Chúa đã chiến thắng rồi. Ma quỷ không thể làm gì cả.

Công tác và trách nhiệm của Hội thánh là chiến trận thuộc linh. Đây là cuộc xung đột giữa uy quyền của Đức Chúa Trời và quyền lực của Sa-tan. Bây giờ chúng ta hãy xem mối quan hệ giữa Hội thánh và vương quốc của Đức Chúa Trời.

Một vài người nghĩ rằng vương quốc Đức Chúa Trời chỉ liên quan đến vấn đề phần thưởng. Đây là một sự đánh giá quá thấp về vương quốc Đức Chúa Trời. Chúa Jesus từng giải thích ý nghĩa của vương quốc Đức Chúa Trời. Ngài phán: “Nhưng nếu Ta nhờ Linh của Đức Chúa Trời mà đuổi quỷ thì vương quốc Đức Chúa Trời đã đến trên các ông” (Mat. 12:28, Rêv). Vương quốc Đức Chúa Trời là gì? Đó là sự lật đổ quyền lực của Sa-tan bằng quyền năng của Đức Chúa Trời. Khi ma quỷ không thể đứng ở một nơi nào đó thì vương quốc đã đến nơi ấy rồi. Ở đâu ma quỷ bị đuổi ra, ở đâu công việc của kẻ thù được thay thế bằng quyền năng của Đức Chúa Trời, ở đó là vương quốc của Đức Chúa Trời.

Khải Thị 12:9-10 chép: “Con rồng lớn bị ném xuống, tức là con rắn xua, gọi là ma quỷ và Sa-tan, đưa lừa dối cả thiên hạ, nó bị ném xuống đất, các sứ giả của nó cũng bị ném

xuống nữa. Tôi nghe trên trời có tiếng lớn nói rằng: Bây giờ, sự cứu rỗi, quyền năng, vương quốc của Đức Chúa Trời, và uy quyền của Đấng Christ của Ngài đã đến, vì kẻ kiêu cao anh em chúng ta đã bị ném xuống, tức là kẻ ngày đêm kiêu cao họ trước mặt Đức Chúa Trời”. Chúng ta phải chú ý đến chữ “vì” trong câu 10. Vương quốc Đức Chúa Trời đã đến “vì” Sa-tan đã bị ném xuống. Sa-tan mất chỗ đứng, nên không thể đứng đó được nữa. Khi ấy, trên trời có một tiếng lớn nói rằng: “Bây giờ sự cứu rỗi, quyền năng, vương quốc của Đức Chúa Trời, và uy quyền của Đấng Christ của Ngài đã đến.” Sa-tan lìa khỏi một nơi là vì nơi đó có vương quốc của Đức Chúa Trời. Ở đâu có vương quốc của Đức Chúa Trời, ở đó không thể có Sa-tan. Điều này cho thấy rõ ràng theo Kinh văn, ý nghĩa thiết yếu đầu tiên về vương quốc của Đức Chúa Trời là có liên quan đến việc xử lí Sa-tan.

Khi người Pha-ri-si hỏi khi nào vương quốc của Đức Chúa Trời đến, Chúa Jesus đáp: “Vương quốc của Đức Chúa Trời không đến theo cách quan sát được; người ta cũng sẽ không nói được: ‘Này, ở đây!’ hay ‘Ở đó!’ Vì kìa, vương quốc Đức Chúa Trời đang ở giữa các ông” (Lu. 17:20-21, Rcv). Chúa muốn nói gì khi Ngài bảo “vương quốc Đức Chúa Trời đang ở giữa các ông”? Ngài muốn nói: “Ta đang đứng đây”. Dĩ nhiên, chúng ta đều biết vương quốc Đức Chúa Trời không thể ở trong người Pha-ri-si được. Vào ngày ấy, vương quốc Đức Chúa Trời ở giữa họ vì Chúa Jesus đang đứng ở giữa họ. Khi Ngài ở đó, Sa-tan không thể ở đó được. Chúa Jesus nói: “Kẻ cai trị thế giới này đang đến, và trong Ta, hấn chẳng có gì” (Gi. 14:30, Rcv). Ở đâu có Chúa Jesus, ở đó Sa-tan phải lìa khỏi. Trong Lu-ca chương 4, có một người bị quỷ ám. Khi thấy Chúa, người này phản ứng ra sao? Trước khi Chúa lên tiếng đuổi nó ra, quỷ đã kêu lên: “Thưa Jesus, người Na-xa-rét? Có phải Ngài đến để hủy diệt chúng tôi?” (c. 34, Rcv). Nơi nào có Chúa, ở đó không thể có ma quỷ. Chính sự hiện diện của Chúa Jesus đại diện cho vương quốc của Đức Chúa Trời, và

Ngài là vương quốc của Đức Chúa Trời. Ngài ở đâu, vương quốc của Đức Chúa Trời cũng ở đó.

Điều này liên hệ gì với chúng ta? Khải Thị 1:5-6 chép: “Đấng thương yêu chúng ta, và đã lấy huyết Ngài giải thoát chúng ta khỏi các tội của mình và làm cho chúng ta trở thành một vương quốc, trở thành những thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời là Cha của Ngài, nguyện vinh hiển và quyền năng về nơi Ngài đời đời vô cùng. A-men”. Hãy lưu ý chữ “vương quốc” trong câu 6. Điều này cho thấy không những nơi nào có Chúa Jesus, mà nơi nào có Hội thánh thì ở đó là vương quốc của Đức Chúa Trời. Không những Chúa Jesus đại diện cho vương quốc Đức Chúa Trời mà Hội thánh cũng đại diện cho vương quốc Đức Chúa Trời nữa. Điểm quan trọng ở đây không phải là vấn đề phần thưởng tương lai, hay địa vị trong vương quốc, lớn hay nhỏ, cao hay thấp. Mối quan tâm không phải là những điều ấy. Vấn đề thiết yếu là Đức Chúa Trời muốn Hội thánh đại diện cho vương quốc của Ngài.

Công tác của Hội thánh trên đất là đem vương quốc của Đức Chúa Trời đến. Toàn thể công tác của Hội thánh đều được chi phối bởi nguyên tắc vương quốc Đức Chúa Trời. Việc cứu hồn người cũng theo nguyên tắc này, việc đuổi quỷ và tất cả các công tác khác cũng vậy. Mọi sự đều phải theo nguyên tắc vương quốc của Đức Chúa Trời. Vì sao chúng ta chinh phục hồn người? Vì vương quốc Đức Chúa Trời – không phải chỉ vì con người cần được cứu rỗi. Chúng ta phải đứng ở vị trí của vương quốc Đức Chúa Trời mỗi khi chúng ta làm việc, và chúng ta phải áp dụng vương quốc của Đức Chúa Trời để đối phó với quyền lực của Sa-tan.

Chúa muốn chúng ta cầu nguyện: “Thưa Cha chúng tôi là Đấng ở trên các tầng trời, nguyện danh Cha được tôn thánh; vương quốc Cha đến; ý chỉ Cha được thực hiện trên đất, cũng như trên trời” (Mat. 6:9-10, Rcv). Nếu vương quốc Đức Chúa Trời tự động đến, Chúa sẽ không bao giờ dạy chúng ta cầu nguyện như vậy. Nhưng vì Chúa dạy chúng ta

cầu nguyện như vậy, Ngài đơn giản bày tỏ cho chúng ta biết rằng đây là công tác của Hội thánh. Vâng, Hội thánh phải rao giảng phúc âm, nhưng còn hơn thế nhiều, Hội thánh cần phải cầu nguyện để đem vương quốc của Đức Chúa Trời đến. Có người cho rằng dù chúng ta có cầu nguyện hay không, vương quốc Đức Chúa Trời vẫn sẽ tự động đến. Nhưng nếu biết Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ không bao giờ nói như vậy. Nguyên tắc của công tác Đức Chúa Trời là chờ đợi dân Ngài chuyển động. Khi ấy, Ngài mới chuyển động.

Đức Chúa Trời nói với Áp-ra-ham rằng dân Israel sẽ ra khỏi quốc gia đã làm khổ họ. Tuy nhiên, mãi bốn trăm ba mươi năm sau điều này mới hoàn thành. Khi dân Israel kêu la với Đức Chúa Trời, Ngài nghe tiếng kêu của họ và đến giải cứu họ. Đừng bao giờ cho rằng dù chúng ta có kêu la hay không, mọi sự vẫn xảy ra như cách nó phải xảy ra. Đức Chúa Trời cần con người hợp tác với Ngài trong công việc Ngài. Khi dân Đức Chúa Trời chuyển động, Ngài cũng chuyển động. Khi dân Đức Chúa Trời thấy họ nên rời khỏi Ai Cập (Dù không phải toàn dân Israel nhận biết điều này, nhưng một số người nhận biết), họ kêu la với Đức Chúa Trời và Ngài chuyển động để giải cứu họ.

Ngay cả sự ra đời của Chúa Jesus cũng là kết quả của sự hợp tác của một số người trong vòng dân của Đức Chúa Trời với Ngài. Tại Giê-ru-sa-lem có một số người liên tục tìm kiếm sự an ủi cho dân Israel. Đây là lí do vì sao Chúa được sinh ra. Dù mục đích của Đức Chúa Trời là đem vương quốc của Ngài đến, nhưng chỉ riêng phần Ngài thì không đủ. Ngài cần Hội thánh cộng tác với Ngài. Qua sự cầu nguyện, Hội thánh phải giải phóng quyền năng của vương quốc Đức Chúa Trời trên đất. Khi Chúa đến, vương quốc của thế giới sẽ trở nên vương quốc của Chúa chúng ta và của Đấng Christ Ngài (Khải. 11:15).

Vì công tác của Hội thánh là đứng về phía Đức Chúa Trời và không nhường chỗ cho Sa-tan, chúng ta phải có nếp sống như thế nào để hoàn thành công tác này? Mọi tội phạm

và sự bất chính của chúng ta cần được xử lí, chúng ta phải dâng mình cho Chúa cách trọn vẹn, sự sống thuộc hồn phải bị giết chết, và con người thiên nhiên phải bị từ bỏ. Năng lực của xác thịt tuyệt đối vô dụng trong chiến trận thuộc linh. “Cái tôi” không thể chống Sa-tan. “Cái tôi” phải ra đi! Khi nào “cái tôi” ra đi, Chúa Jesus sẽ bước vào. Khi nào “cái tôi” bước vào, khi ấy có sự thất bại. Hễ khi nào Chúa đến thì có chiến thắng. Sa-tan chỉ nhận biết một người – Chúa Jesus. Chúng ta không thể chống Sa-tan. Những mũi tên lửa của Sa-tan có thể xuyên qua xác thịt chúng ta, nhưng ngọn khen Đức Chúa Trời, chúng ta có thể mặc lấy Đấng Christ là Đấng đã chiến thắng.

Chúng ta tin rằng Đấng Christ sắp trở lại. Nhưng đừng nghĩ rằng Chúa Jesus sẽ tự động đến, nếu chúng ta cứ ngồi chờ Ngài một cách thụ động. Không, có một công tác Hội thánh phải làm. Là Thân thể của Đấng Christ, chúng ta phải học tập hợp tác với Đức Chúa Trời. Chúng ta đừng bao giờ nghĩ rằng được cứu là đủ. Điều đó chưa đủ. Chúng ta phải quan tâm đến nhu cầu của Đức Chúa Trời. Sự sa ngã của con người để lại hai hậu quả: một là nan đề về trách nhiệm đạo đức của con người, hai là Sa-tan chiếm đoạt uy quyền trên trái đất này. Một mặt, con người chịu thiệt hại, nhưng mặt khác, Đức Chúa Trời cũng bị thiệt hại. Sự cứu chuộc giải quyết nan đề trách nhiệm đạo đức của con người và sự thiệt hại của con người, nhưng sự thiệt hại mà Đức Chúa Trời phải chịu chưa được giải quyết. Sự thiệt hại của Đức Chúa Trời không thể được phục hồi bằng sự cứu chuộc, mà chỉ được phục hồi bằng vương quốc. Trách nhiệm đạo đức của con người đã được giải quyết bằng thập tự giá, nhưng nan đề uy quyền của Sa-tan phải được giải quyết bằng vương quốc. Mục đích trực tiếp của sự cứu chuộc là vì con người, trong khi mục đích trực tiếp của vương quốc là xử lí Sa-tan. Sự cứu chuộc giành lại được những gì con người đã đánh mất; vương quốc sẽ hủy diệt những gì Sa-tan đã giành được.

Từ ban đầu, con người được giao trách nhiệm lật đổ uy quyền của Sa-tan, nhưng thay vào đó, con người đã sa ngã, giao uy quyền cho Sa-tan. Ngay cả chính con người cũng trở nên phục tùng Sa-tan. Sa-tan trở nên kẻ mạnh và con người trở thành tài sản của hắn (Mat. 12:29). Tình trạng này cần vương quốc xử lí. Nếu không có vương quốc, công việc của Sa-tan không cách nào bị lật đổ vì con người đã sa ngã.

Trời mới đất mới không xuất hiện ngay sau khi sự cứu chuộc đã hoàn tất vì nan đề Sa-tan vẫn chưa được xử lí. Trước khi có trời mới, đất mới, cần phải có vương quốc. Khải Thị 11:15 chép: “Vương quốc của thế giới đã trở nên vương quốc của Chúa chúng ta và của Đấng Christ Ngài, và Ngài sẽ cai trị đời đời vô cùng”. Một khi vương quốc đến, cõi đời đời sẽ được đưa vào. Vương quốc nối kết với cõi đời đời. Chúng ta có thể nói rằng vương quốc là sự giới thiệu trời mới đất mới. Khải Thị chương 21 và 22 cho chúng ta thấy trời mới, đất mới xuất hiện sau vương quốc. Thậm chí Ê-sai chương 65 còn mô tả vương quốc là trời mới, đất mới. Điều này có nghĩa là Ê-sai nhìn thấy vương quốc như là phần giới thiệu cho trời mới đất mới. Như vậy, khi vương quốc bắt đầu, trời mới và đất mới cũng bắt đầu.

Nguyện Đức Chúa Trời mở mắt chúng ta để chúng ta không xem mình là trung tâm. Vì sao chúng ta được cứu? Có phải để chúng ta khỏi đi địa ngục không? Không. Đó không phải là trọng tâm. Vì sao Đấng Christ muốn cứu chúng ta? Chúng ta có thể trả lời câu hỏi này theo hai quan điểm khác nhau – quan điểm của con người và quan điểm của Đức Chúa Trời. Khi nhìn cùng một điều theo hai góc độ, chúng ta sẽ thấy điều ấy với ánh sáng khác nhau. Chúng ta không nên chỉ nhìn vấn đề này theo quan điểm của con người. Chúng ta phải nhìn theo quan điểm của Đức Chúa Trời. Thật ra, khôi phục sự mất mát của con người cũng vì để khôi phục sự thiệt hại của Đức Chúa Trời. Sự thiệt hại của Đức Chúa Trời phải được khôi phục qua vương quốc. Ngày nay, Đức Chúa Trời đã làm cho chúng ta được dự



phần vào chiến thắng của Chúa Jesus. Ở đâu chiến thắng của Chúa Jesus được bày tỏ, ở đó Sa-tan phải bỏ chạy. Chúng ta chỉ phải đứng vững, vì Chúa Jesus đã giành chiến thắng rồi. Trong công tác cứu chuộc của Ngài, Chúa Jesus đã hủy diệt tất cả mọi nền tảng pháp lí của ma quỷ. Qua sự cứu chuộc, toàn bộ quyền cai trị mang tính pháp lí của Sa-tan đã chấm dứt. Sự cứu chuộc là bản án truất phế địa vị pháp lí của Sa-tan. Bây giờ trách nhiệm thi hành bản án ấy ở trên Hội thánh. Khi Đức Chúa Trời thấy Hội thánh đã thi hành nhiệm vụ này cách đầy đủ, vương quốc sẽ đến và trời mới đất mới sẽ theo sau. Trời mới đất mới trong sách Ê-sai sẽ dẫn đến trời mới, đất mới trong sách Khải Thị.

Ngày nay, chúng ta đang đứng giữa sự cứu chuộc và vương quốc. Khi nhìn lại phía sau, chúng ta thấy sự cứu chuộc, nhìn tới phía trước, chúng ta thấy vương quốc. Trách nhiệm của chúng ta gồm hai mặt. Một mặt, chúng ta phải hướng dẫn con người trong thế giới đến chỗ được cứu, mặt khác, chúng ta phải đứng vững vì vương quốc. Ô, nguyện chúng ta có khả tượng này để nhìn thấy trách nhiệm Chúa đã giao phó cho Hội thánh.

Chúng ta hãy ôn lại xem vương quốc của Đức Chúa Trời là gì. Vương quốc của Đức Chúa Trời là lãnh vực Ngài thi hành uy quyền của Ngài. Chúng ta phải có một vương quốc như vậy giữa vòng chúng ta. Trong khi để cho Đức Chúa Trời thi hành uy quyền của Ngài trên các tầng trời, chúng ta cũng phải đồng ý cho Ngài thi hành uy quyền của Ngài trên chúng ta. Đức Chúa Trời phải có uy quyền, quyền năng và vinh hiển của Ngài giữa vòng chúng ta. Không những chúng ta phải tìm kiếm để sống trước mặt Đức Chúa Trời theo Ê-phê-sô chương 5, mà cũng phải theo đuổi trách nhiệm đã bày tỏ cho chúng ta trong Ê-phê-sô chương 6. Khi ấy, chúng ta không những là một Hội thánh vinh hiển, thánh biệt, không tì vết mà cũng sẽ là những người hợp tác với Đức Chúa Trời để đem vương quốc Ngài đến và làm cho Sa-tan phải bị thiệt hại trên trái đất này.

## CHƯƠNG 4

### “VÀ NÀNG SINH MỘT NGƯỜI-CON-TRAI”

Chúng ta đã thấy người nữ trong Sáng Thế Kí chương 2 và thế nào người nữ ấy nói về người nam mà Đức Chúa Trời trong ý chỉ đòi đòi của Ngài, ao ước có được để làm vinh hiển danh Ngài. Sau đó, trong Ê-phê-sô chương 5, chúng ta thấy một người nữ khác, là thực tại của người nữ trong Sáng Thế Kí chương 2. Người nữ này cho thấy Đức Chúa Trời đang hành động để phục hồi mọi sự theo mục đích ban đầu của Ngài sau khi con người sa ngã là như thế nào. Bây giờ chúng ta hãy xem Khải Thị chương 12 nói về một người nữ khác. Chúng ta phải xem xét người nữ này trong mối liên hệ với người nữ trong Sáng Thế Kí chương 2.

Khải Thị là một sách bày tỏ những điều thuộc thời kì sau cùng. Có tất cả hai mươi hai chương trong sách này, nhưng cuối chương 11, chúng ta có thể nói mọi sự đều đã được hoàn tất. Khải Thị 10:7 chép: “Nhưng đến ngày của tiếng thiên sứ thứ bảy, khi người sắp thổi lên, thì huyền nhiệm của Đức Chúa Trời sẽ được trọn.” Trong chương 11, khi thiên sứ thứ bảy thổi kèn, mọi sự liên quan đến huyền nhiệm của Đức Chúa Trời và mọi sự liên quan đến Đức Chúa Trời đều được thành tựu. Câu 15 chép: “Và thiên sứ thứ bảy thổi kèn, có những tiếng lớn trên trời rằng: Vương quốc thế giới đã trở nên vương quốc của Chúa chúng ta và của Đấng Christ Ngài, và Ngài sẽ cai trị đời đời vô cùng.” Điều này có nghĩa là khi thiên sứ thứ bảy thổi kèn, cõi đời đời đã bắt đầu rồi. Thiên hi niên, trời mới đất mới, và mọi

sự liên quan đến cõi đời đời đều được hàm ý trong câu này. Thế thì vì sao sau mười một chương đầu vẫn còn có thêm mười một chương nữa? Câu trả lời của chúng ta là mười một chương sau là phần bổ sung cho mười một chương đầu. Bắt đầu từ chương mười hai, chúng ta biết vương quốc thế giới sẽ trở nên vương quốc của Chúa chúng ta là như thế nào và của Đấng Christ của Ngài, và Đức Chúa Trời sẽ lập Con Ngài làm Vua đời đời là như thế nào.

Theo Khải Thị 11:19, khi thiên sứ thứ bảy thổi kèn, có một điều đã xảy ra. “Đền thờ Đức Chúa Trời ở trên trời mở ra, Hòm giao ước được thấy tại trong đền thờ của Ngài; rồi có chớp, tiếng sấm, động đất và mưa đá lớn.” Sách Khải Thị chứa đựng nhiều Khải tượng, nhưng có hai Khải tượng trọng yếu làm nền tảng cho tất cả những Khải tượng khác. Trước hết là Khải tượng về ngai (Khải. 4:2). Tất cả những Khải tượng từ chương bốn đến chương mười một, là lúc thiên sứ thứ bảy thổi kèn, đều căn cứ trên ngai này. Khải tượng thứ hai là Khải tượng về đền thờ (Khải. 11:19). Từ chương mười hai đến cuối sách, mọi Khải tượng đều căn cứ trên đền thờ của Đức Chúa Trời.

Trong chương 4, Giảng thấy Khải tượng về ngai Đức Chúa Trời với một cầu vồng bao quanh. Điều này có nghĩa là từ chương này trở đi, mọi sự đều dựa trên uy quyền của ngai và sự nhớ lại giao ước Đức Chúa Trời lập với mọi sinh vật trên đất. Cầu vồng là dấu hiệu của giao ước Đức Chúa Trời lập với mọi sinh vật. Hiện nay, chúng ta không thể thấy một cầu vồng trọn vẹn. Cùng lắm là chúng ta chỉ thấy một nửa cầu vồng. Nhưng có một cầu vồng đầy đủ bao quanh ngai. Cầu vồng ấy trọn vẹn, không có chỗ nào đứt đoạn. Đức Chúa Trời thành tín; Ngài sẽ nhớ và giữ giao ước của Ngài. Đức Chúa Trời sẽ nhớ giao ước Ngài đã lập với mọi sinh vật trên đất. Khi Đức Chúa Trời muốn làm bất cứ điều gì cho loài người, Ngài phải theo đúng giao ước Ngài đã lập.

Vào cuối chương mười một, Giảng thấy một Khải tượng khác – Khải tượng về đền thờ của Đức Chúa Trời. Trong đền

thờ, chúng ta thấy có Hòm giao ước. Ban đầu, Đức Chúa Trời bảo dân Israel đóng Hòm giao ước theo kiểu mẫu Ngài chỉ trên núi và đặt Hòm giao ước vào Nơi chí thánh trong đền tạm. Về sau, khi Sa-lô-môn xây đền thờ, Hòm giao ước đã được đặt vào đó. Khi dân Israel bị lưu đày qua Ba-by-lôn, Hòm giao ước bị mất. Nhưng dù Hòm giao ước trên đất bị mất, Hòm giao ước trên trời vẫn còn. Hòm giao ước trên đất được làm theo Hòm giao ước trên trời. Bóng trên đất biến mất nhưng thực chất, thực tại trên trời vẫn còn. Vào cuối Khải Thị chương 11, một lần nữa Đức Chúa Trời cho chúng ta thấy Hòm giao ước.

Hòm giao ước là gì? Hòm giao ước là sự bày tỏ chính Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời phải thành tín với chính Ngài. Ngài là nơi Đức Chúa Trời thi hành uy quyền, và đền thờ là nơi Ngài cư ngụ. Ngài là một điều gì ở bên ngoài hướng về thế giới và nhân loại, nhưng đền thờ là điều gì đó dành cho chính Đức Chúa Trời. Cầu vồng quanh ngài nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ không làm gì hại cho con người, trong khi Hòm giao ước trong đền thờ nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ không làm gì mà thiếu hụt chính Ngài. Điều gì Đức Chúa Trời đã định, Ngài phải hoàn thành. Điều gì Đức Chúa Trời muốn làm, Ngài có thể thực hiện cách thành công. Hòm giao ước không chỉ vì con người mà cũng vì chính Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không thể từ chối chính Ngài; Ngài không thể tự mâu thuẫn. Trong cõi đời đời, Đức Chúa Trời dự định có một dân tộc được làm cho vinh hiển, và Ngài quyết định vương quốc của thế giới này sẽ trở nên vương quốc của Chúa chúng ta và của Đấng Christ Ngài. Khi nhìn thấy tình trạng của Hội thánh ngày nay, chúng ta không thể không hỏi: “Làm thế nào Đức Chúa Trời hoàn thành mục đích này?” Tuy nhiên, chúng ta biết Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ ngừng lại giữa chừng. Ngài có Hòm giao ước, và chính Ngài đã lập giao ước. Đức Chúa Trời công chính không thể không công chính với con người. Hơn nữa, Đức

Chúa Trời công chính không bao giờ có thể không công chính với chính Ngài. Con người không bao giờ làm điều gì mâu thuẫn với chính mình, vì mỗi người có cá tính riêng. Đức Chúa Trời cũng không phủ nhận chính Ngài trong công tác của Ngài, vì Ngài cũng có đặc tính của riêng Ngài. Khi Đức Chúa Trời bày tỏ Hòm giao ước cho chúng ta, Ngài muốn nói rằng những gì Ngài ao ước thực hiện, Ngài phải hoàn thành.

Ở đây, chúng ta phải thấy một điểm. Nền tảng mà trên đó Đức Chúa Trời và Đấng Christ của Ngài sẽ cai trị đời đời, mãi mãi là gì? Dựa trên nền tảng nào Đức Chúa Trời làm cho vương quốc của thế giới này trở nên vương quốc của Chúa chúng ta và của Đấng Christ Ngài? Nền tảng ấy là đặc tính của Ngài. Đức Chúa Trời sẽ hoàn thành mọi điều này vì chính đặc tính của Ngài. Không điều gì có thể ngăn cản Ngài. Chúng ta phải học biết rằng bất cứ điều gì thuộc về Đức Chúa Trời thì không bao giờ bị ngăn trở. Hòm giao ước vẫn còn, tượng trưng cho chính Đức Chúa Trời và giao ước của Ngài. Đức Chúa Trời sẽ hoàn thành điều này bằng chính Ngài. Chúng ta cảm tạ Đức Chúa Trời vì từ chương 12 đến cuối sách, chúng ta được biết Đức Chúa Trời sẽ hoàn thành mọi điều Ngài đã định trong cõi đời đời qua sự thành tín của chính Ngài.

### NGƯỜI NỮ TRONG KHẢI TƯỢNG

Khải Thị 12:1 chép: “Trên trời thấy có một dấu lạ lớn: một người nữ mặc mặt trời, dưới chân có mặt trăng, đầu đội mào miện bằng mười hai ngôi sao”. Người nữ được mô tả ở đây là ai? Đây là người nữ mà nhiều nhà nghiên cứu Kinh Thánh đã tranh luận rất nhiều. Người thì nói người nữ này tượng trưng cho Ma-ri, mẹ của Chúa Jesus. Những người khác nói người nữ này tượng trưng cho quốc gia Israel. Tuy nhiên, theo Kinh văn, người nữ này không thể là Ma-ri, mẹ của Chúa, và cũng không phải quốc gia Israel. Đây là những lí do:

(1) Vì khái tượng này được khải thị ở trên trời, nên người nữ này hoàn toàn thuộc trời. Ma-ri hay quốc gia Israel đều không có vị trí này.

(2) Sau khi người nữ này sinh người-con-trai, nàng chạy trốn vào trong hoang mạc. Nếu so sánh người nữ này với quốc gia Israel, thì người-con-trai mà nàng sinh ra là Đấng Christ, và so sánh người con trai được đưa lên trời với sự thăng thiên của Đấng Christ, thì điều này không tương ứng với những sự kiện thật sự. Dù quốc gia Israel bị tan lạc, việc dân tộc này đi vào hoang mạc không phải là kết quả do sự thăng thiên của Đấng Christ. Vào lúc Đấng Christ thăng thiên, dân Israel đã bị tan lạc một thời gian rồi và không còn là một quốc gia nữa. Nhưng ở đây chúng ta thấy người nữ chạy trốn vào hoang mạc sau khi người-con-trai được cất lên đến Đức Chúa Trời. Trước khi Chúa thăng thiên rất lâu đã không còn quốc gia Israel. Vì vậy, người nữ này không thể chỉ về quốc gia Israel. Lại càng không đủ nền tảng để nói rằng người nữ này chỉ về Ma-ri.

(3) Trong khi người nữ này quận thất để sinh người-con-trai, nàng đã gặp một con rồng. Con rồng này có bảy đầu và mười sừng. Chương 17 cho chúng ta thấy 7 đầu này là 7 vua: 5 đã ngã, 1 còn tồn tại và một chưa đến. 10 sừng là 10 vua chưa nhận được vương quốc, về sau sẽ dấy lên. Chúng ta biết rằng trước khi Đấng Christ thăng thiên không có các sự kiện lịch sử nào như vậy đã xảy ra. Vì vậy, người nữ này và người-con-trai phải chỉ về những điều trong tương lai. Nếu chúng ta nói người nữ này chỉ về quốc gia Israel, hoặc chỉ về Ma-ri, và người-con-trai chỉ về Chúa Jesus, thì chúng ta đã mâu thuẫn với lịch sử.

(4) Sau khi người-con-trai được cất lên đến Đức Chúa Trời, có một cuộc chiến trên trời trên trời và Sa-tan bị ném xuống đất. Khi ấy có một lời công bố trên trời: "Bây giờ, sự cứu rỗi, quyền năng, vương quốc của Đức Chúa Trời chúng ta, và uy quyền của Đấng Christ của Ngài đã đến, vì kẻ kiêu căng anh em chúng ta đã bị ném xuống, tức là kẻ ngày đêm

kiện cáo họ trước mặt Đức Chúa Trời” (Khải. 12:10). Chúng ta biết điều này chưa được hoàn tất. Ê-phê-sô chương 6 cho chúng ta biết Hội thánh trên đất vẫn phải đánh trận với các bậc cai trị, với các uy quyền và các lực lượng thuộc linh gian ác trên cõi trời. Sa-tan vẫn còn đó. Vì phần Kinh văn này chưa xảy ra, nên không thể chỉ về thời Chúa Jesus được.

(5) Khi con rồng bị ném xuống đất, nó bắt bớ người đàn bà đã sinh người-con-traí. Nhiều người dùng điều này để khẳng định rằng người nữ ấy là Ma-ri. Sau khi Ma-ri sinh Chúa Jesus, bà chạy trốn qua Ai Cập; tuy nhiên, bà không làm như vậy khi Chúa thăng thiên. Câu 14 đến 16 chép: “Và nàng được ban cho một cặp cánh chim ưng lớn để bay vào hoang mạc đến chỗ của mình, nơi nàng được nuôi dưỡng một thì, những thì và nửa thì khỏi mặt con rắn. Rắn phun nước ở miệng nó ra như sông theo sau người nữ, để cuốn nàng đi theo dòng nước ấy. Và đất giúp đỡ người nữ, há miệng nuốt sông mà con rồng đã phun khỏi miệng nó”. Dù người ta có nói người nữ này chỉ về Ma-ri hay quốc gia Israel hay không, qua lịch sử, chúng ta biết khi Đấng Christ thăng thiên, không một điều nào như vậy đã xảy ra. Vì vậy, người đàn bà này không thể chỉ về Ma-ri hay quốc gia Israel.

(6) Còn có một bằng chứng nữa. Câu 17 chép: “Con rồng nổi giận với người nữ và bỏ đi gây chiến với những người khác của dòng dõi nàng, là kẻ giữ điều răn của Đức Chúa Trời và có chứng cứ của Jesus”. Sau khi người-con-traí do người nữ sinh ra được đưa lên đến ngai, những người còn lại của dòng dõi bà còn ở lại trên đất. Đây không thể là Ma-ri. Hơn nữa, những người còn lại này giữ điều răn của Đức Chúa Trời và có chứng cứ của Jesus. Nếu nói quốc gia Israel giữ điều răn của Đức Chúa Trời thì điều ấy có thể chấp nhận được, nhưng nói họ giữ chứng cứ của Jesus thì sẽ lẫn lộn Cựu Ước với Tân Ước. Tóm lại, người nữ này không thể là Ma-ri hay quốc gia Israel.

Thế thì người nữ này là ai? Cựu Ước bày tỏ chỉ có một người nữ gặp con rắn-Ê-va trong Sáng Thế Kí chương 3.

Trong Tân Ước cũng chỉ có một người nữ gặp con rắn. Ở đây chúng ta thấy sự tương ứng và tương quan của Kinh văn từ đầu đến cuối. Hơn nữa, Đức Chúa Trời đặc biệt chỉ ra con rồng lớn là con rắn xưa. Điều này có nghĩa là Ngài nói đến con rắn mà trước đó đã từng được đề cập. Đức Chúa Trời làm cho điểm này sáng tỏ: đó chính là con rắn xưa duy nhất ấy. Chữ “ấy” (mạo từ “the” trong tiếng Anh) được nhấn mạnh—con rắn xưa ấy. Do đó, người nữ được đề cập ở đây cũng phải là người nữ ấy.

Mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao được đề cập trong Sáng Thế Kí chương 1 cũng được đề cập trong Khải Thị chương 12 theo cùng nguyên tắc này. Con rắn đã từng ở trong Sáng Thế Kí chương 3 cũng có ở đây. Dòng dõi của người nữ được đề cập trong Sáng Thế Kí chương 3 cũng được đề cập ở đây. Hơn nữa, sự quặn thắt khi sinh nở trong Sáng Thế Kí chương 3 cũng có ở đây. Nếu đặt hai phần Kinh văn này lại với nhau, chắc chắn chúng ta có thể thấy người nữ trong Khải Thị chương 12 chính là người nữ mà Đức Chúa Trời định trong ý muốn đòi đòi của Ngài. Tất cả những gì xảy ra cho nàng vào thời sau cùng được bày tỏ rõ ràng ở đây. Người nữ trong Sáng Thế Kí chương 2 nói về mục đích đòi đòi của Đức Chúa Trời; người nữ trong Ê-phê-sô chương 5 nói về vị trí và tương lai của Hội thánh; và người nữ trong Khải Thị chương 12 bày tỏ những sự việc vào thời sau cùng. Ngoài ba người nữ này, còn có một người nữ khác bày tỏ những điều trong cõi đời đời.

Khi người nữ này xuất hiện trong Khải tượng, Kinh văn trước hết nêu rõ nàng “mặc mặt trời, dưới chân có mặt trăng và đầu đội mào miện bằng mười hai ngôi sao” (12:1). Những sự kiện này rất có ý nghĩa liên quan đến các thời đại.

(1) Người nữ này mặc mặt trời. Mặt trời chỉ về Chúa Jesus. Việc nàng mặc mặt trời có nghĩa là khi mặt trời chiếu sáng rực rỡ nhất thì mặt trời ấy chiếu sáng trên nàng. Trong thời đại hiện nay, Đức Chúa Trời đang bày tỏ chính



Ngài qua nàng. Điều này bày tỏ mối quan hệ giữa nàng với Đấng Christ và thời ân điển.

(2) Người nữ này có mặt trăng ở dưới chân nàng. Cụm từ “dưới chân nàng” không có nghĩa là nàng giầy đạp mặt trăng. Theo Hi văn, nó có nghĩa là mặt trăng chịu khuất phục dưới chân nàng. Ánh sáng của mặt trăng là ánh sáng phản chiếu; tự nó không có ánh sáng. Mọi sự trong thời đại kinh luật chỉ phản chiếu những gì trong thời đại ân điển. Kinh luật chỉ là hình bóng. Đèn thờ và Hòm giao ước là hình bóng. Hương, bánh trần thiết trong Nơi thánh, và các sinh tế do các thầy tế lễ dâng lên đều là hình bóng, huyết của chiên và bò cũng thế. Mặt trăng ở dưới chân người nữ này nghĩa là mọi điều liên quan đến kinh luật đều thấp hơn nàng. Điều này nói đến mối quan hệ của nàng với thời đại kinh luật.

(3) Người nữ này có một vương miện gồm 12 ngôi sao trên đầu. Những nhân vật chính trong thời đại các tổ phụ là từ thời Á-p-ra-ham đến 12 chi phái. Vương miện gồm 12 ngôi sao trên đầu nàng chỉ về mối quan hệ của nàng với thời đại các tổ phụ.

Theo cách ấy, chúng ta thấy người nữ không chỉ liên quan đến thời đại ân điển mà cũng liên quan đến thời đại kinh luật và thời đại các tổ phụ. Tuy nhiên, nàng liên quan đến thời đại ân điển mật thiết hơn. Nàng bao hàm tất cả các thánh đồ thuộc thời đại ân điển cũng như tất cả các thánh đồ thuộc thời đại kinh luật và thời đại các tổ phụ.

### SỰ RA ĐỜI CỦA NGƯỜI-CON-TRAI

Khải Thị 12:2 chép: “Nàng có thai, kêu la, quặn thắt và đau đớn trong sự sinh nở”. Có thai ở đây có tính cách hình bóng chứ không phải thật. Có thai nghĩa là gì? Có nghĩa là một em bé đang ở trong bụng mẹ, đứa bé và bà mẹ kết hiệp trong một thân thể. Khi người mẹ ăn, đứa bé được nuôi dưỡng. Khi người mẹ đau ốm, đứa bé cũng bị ảnh hưởng. Tình trạng của người mẹ là tình trạng của đứa bé. Người mẹ và đứa bé là một.

Tuy nhiên, đứa bé này cũng khác với người mẹ; nó là một hữu thể khác. Nếu anh em nói họ là một, họ thật sự là một, vì đứa bé nhận lãnh sự sống từ người mẹ. Tuy nhiên, về tương lai, nó khác với mẹ. Tương lai của nó hoàn toàn khác với tương lai của mẹ nó. Ngay sau khi ra đời, người con trai được đưa lên ngai của Đức Chúa Trời, trong khi người mẹ chạy trốn vào hoang mạc.

Hơn nữa, trong khi người nữ này có thai, người ta chỉ nhìn thấy người mẹ; còn đứa bé được giấu kín. Nhìn bên ngoài, dường như chỉ có người mẹ. Chắc chắn, đứa bé đang hiện hữu, nhưng nó ẩn giấu bên trong người mẹ; nó được bao hàm bên trong người mẹ.

Câu 3 chép: “Trên trời cũng thấy có một dấu hiệu khác nữa; kia, có một con rồng lớn màu đỏ, có bảy đầu và mười sừng, đầu đội bảy vương miện”. Sau vài ngàn năm, con rắn ấy hoàn toàn khác hẳn. Ban đầu nó là một con rắn, nhưng bây giờ nó phát triển thành một con rồng. Hình thể con rồng này ra sao? Nó có 7 đầu, 10 sừng và có 7 vương miện trên các đầu. Bên ngoài của nó giống như con thú từ biển lên. Khải Thị 13:1 chép: “Rồi tôi thấy một con thú dưới biển lên, có mười sừng và bảy đầu, có mười vương miện trên các sừng của nó”. Con thú ở biển lên cũng có 7 đầu và 10 sừng với các vương miện. Điều này nói lên mục tiêu của Sa-tan – nó muốn có các vương miện, tức là uy quyền. Sự khác biệt giữa con rồng và con thú là các vương miện của con rồng thì ở trên đầu, trong khi các vương miện con thú thì ở trên các sừng của nó. Đầu nghĩa là uy quyền để quyết định, và sừng là uy quyền để thi hành. Đầu kiểm soát và sừng thi hành. Nói cách khác, sừng vâng phục mệnh lệnh của đầu. Khi nào đầu chuyển động thì sừng sẽ đi theo. Nghĩa là mọi hành vi cử chỉ của con thú đều ở dưới quyền kiểm soát của con rồng.

Khải Thị 12:4 bắt đầu như vậy: “Đuôi nó kéo một phần ba các ngôi sao trên trời và ném xuống đất”. Ê-sai 9:15 cho thấy rằng đuôi chỉ về sự nói dối và lừa dối. Trong Khải Thị chương 2 và 3, các ngôi sao chỉ về các thiên sứ. Vì các ngôi

sao trên trời được đề cập đến ở đây nên chúng là các thiên sứ. Một phần ba các thiên sứ trên trời bị con rồng lừa dối, chúng rơi xuống và bị ném xuống cùng với con rồng.

Câu 4 nói tiếp: “Con rồng đứng trước người đàn bà sắp sinh, để khi nàng sinh, nó sẽ nuốt con của nàng”. Đây là người nữ mà Đức Chúa Trời đã định trong ý chỉ Ngài và người-con-traoi mà Ngài ao ước có được. Nhưng con rồng ngăn trở điều Đức Chúa Trời theo đuổi trong người nữ. Con rồng biết người nữ sắp sinh một đứa con trai; vì vậy, nó đứng trước người nữ và chờ đợi để nuốt con nàng ngay khi nàng sinh ra.

Câu 5 chép: “Và nàng sinh một con trai, một người-con-traoi”. Để thấy được mối quan hệ giữa người nữ và người-con-traoi, chúng ta hãy xem Ga-la-ti 4:26: “Nhưng Giê-ru-sa-lem ở trên thì tự do, tức là mẹ của chúng ta”. Phần cuối của Ga-la-ti 4:27 chép: “Vì con cái của kẻ cô độc nhiều hơn con cái của người có chồng” (RcV). Giê-ru-sa-lem ở trên là Giê-ru-sa-lem Mới, và Giê-ru-sa-lem Mới là người nữ, là mục tiêu mà Đức Chúa Trời ao ước có được trong cõi đời đời. Người nữ trong sự sáng tạo là Ê-va, người nữ trong thời đại ân điển là Thân thể của Đấng Christ, người nữ vào cuối thời đại ân điển được mô tả trong Khải Thị chương 12, và người nữ trong tương lai đời đời sẽ là Giê-ru-sa-lem Mới. Khi Lời Chúa nói Giê-ru-sa-lem ở trên có nhiều con cái, không có nghĩa là mẹ và các con tách rời nhau, mà có nghĩa là một người đã trở nên nhiều người và nhiều người được kết hợp làm một. Nhiều con cộng lại sẽ bằng người mẹ. Không phải người mẹ sinh năm người con rồi sau đó có sáu cá thể, nhưng là năm người con cộng lại tạo nên người mẹ. Mỗi người con là một phần của người mẹ – một phần của người mẹ được lấy ra vì người con này, một phần khác được lấy ra vì người con khác, và mỗi người con đều như vậy. Đường như chúng đều do bà sinh ra, nhưng thật ra chúng là chính bà. Người mẹ không phải là một hữu thể khác cộng với những người con; bà là tổng cộng của tất cả các con. Khi

nhìn toàn thể, chúng ta thấy người mẹ; khi nhìn từng người chúng ta thấy các con. Khi nhìn toàn bộ mọi người trong mục đích của Đức Chúa Trời, chúng ta thấy người nữ; nếu nhìn riêng từng người, chúng ta thấy nhiều con trai. Đây là một nguyên tắc đặc biệt.

Cùng một ý nghĩa như vậy được áp dụng trong Khải Thị chương 12 khi chương này nói về người đàn bà sinh một con trai, một người-con-trai. Người-con-trai nàng sinh ra là một điều lạ lùng, một dấu hiệu. Các chữ “sinh ra” không có nghĩa là đưa bé ban đầu ở với nàng và sau đó lia khỏi nàng, nhưng chỉ có nghĩa là bên trong nàng có một hữu thể như vậy. “Nàng sinh một con trai, một người-con-trai” đơn giản có nghĩa là có một nhóm người được bao hàm trong người nữ này.

Toàn dân của Đức Chúa Trời đều có phần trong mục đích đòi đòi của Ngài, nhưng không phải tất cả đều đảm đương trách nhiệm đúng đắn của mình. Vì vậy, Đức Chúa Trời chọn lựa một số người giữa vòng họ. Nhóm người này là một phần của toàn thể, một phần được Đức Chúa Trời chọn lựa giữa nhiều người. Đây là người-con-trai do người nữ sinh ra. Về toàn thể, ấy là người mẹ, về thiểu số, ấy là người-con-trai. Người-con-trai là “các anh em” trong câu 10 và “họ” trong câu 11. Điều này có nghĩa là người-con-trai không phải là một cá nhân riêng lẻ, mà là một tập thể gồm nhiều người. Tất cả những người này cộng lại với nhau thành người-con-trai. So sánh với người mẹ, người-con-trai có vẻ nhỏ bé. Khi nhóm người này được đem so với toàn thể, họ chỉ là thiểu số. Nhưng kế hoạch của Đức Chúa Trời được hoàn thành trong họ và mục đích của Ngài đặt để trên họ.

Câu 5 chép: “Nàng sinh một con trai, một người-con-trai, con trai ấy sẽ dùng gậy sắt mà chặn dất muôn dân”. Điều này nói về vương quốc thiên hi niên. Những người đắc thắng là công cụ để Đức Chúa Trời đạt đến mục đích của Ngài. Sách Khải Thị đề cập đến việc chặn dất muôn dân bằng gậy sắt 3 lần. Trước hết, 2:26-27 chép: “Người đắc

thắng và giữ công việc Ta đến cùng, Ta sẽ ban cho uy quyền trên các dân tộc; và người sẽ chặn họ bằng gậy sắt”. Phân đoạn này rõ ràng nói đến những người đắc thắng trong Hội thánh. Lần cuối cụm từ này được nhắc đến là ở 19:15: “Có lưỡi gươm bén từ miệng Ngài ra để đánh các dân tộc; và Ngài sẽ chặn họ bằng gậy sắt”. Phân đoạn này chỉ về Chúa Jesus. Thế thì phần Kinh Thánh ở chương 12 chỉ về ai? Phần Kinh Thánh này chắc hẳn phải chỉ về hoặc người đắc thắng trong Hội thánh, hoặc Chúa Jesus. Có thể nào phần này chỉ về Chúa Jesus không? Không. (Tuy nhiên, điều này không phải là hoàn toàn không thể vì sau đó chúng ta thấy Chúa Jesus được bao hàm ở đây). Vì sao lại không thể? Trước hết, người-con-trai được đưa lên đến ngai Đức Chúa Trời ngay sau khi được sinh ra. Vì vậy, không thể chỉ về Chúa Jesus. Chúa Jesus không được đưa lên trời ngay sau khi Ngài sinh ra. Ngài đã sống 33 năm rưỡi trên trái đất này, rồi Ngài chết, phục sinh rồi sau đó mới lên trời. Vì lý do này, chúng ta tin rằng người-con-trai chỉ về những người đắc thắng trong Hội thánh. Đây là một số người đắc thắng trong Hội thánh. Người-con-trai chỉ về họ, không phải chỉ về Chúa Jesus. (Tuy nhiên, người-con-trai cũng bao hàm luôn Chúa Jesus bởi vì Chúa Jesus là người đắc thắng đầu tiên và tất cả những người đắc thắng đều bao hàm trong Chúa Jesus). Người-con-trai và người mẹ khác nhau, tuy nhiên, họ cũng là một. Người đắc thắng khác với Hội thánh, nhưng họ được bao hàm trong Hội thánh.

### SỰ CẤT LÊN CỦA NGƯỜI-CON-TRAI

Khải Thị 12:5 tiếp tục như sau: “Người con của nàng được cất lên đến Đức Chúa Trời và ngai Ngài”. “Được cất lên” trong câu này khác với ý nghĩa “được cất lên” như được dùng trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca chương 4. Câu ấy nói một số người sẽ được cất lên trong các đám mây, trong khi ở đây nói người-con-trai được cất lên đến ngai của Đức Chúa Trời. Người-con-trai được cất lên đến ngai vì đã có một người nào

đó ở trên ngai rồi. Đầu của Hội thánh đang ở trên ngai. Mục đích của Đức Chúa Trời không phải chỉ có một người ở trên ngai, nhưng là nhiều người ở trên ngai. Ao ước ban đầu của Ngài là có một nhóm người ở trên ngai để thi hành uy quyền của Ngài. Đức Chúa Trời ao ước Đấng Christ và Hội thánh cùng hoàn thành mục đích của Ngài. Tuy nhiên, đại đa số mọi người trong Hội thánh vẫn sẽ không đạt đến ngai được. Chỉ có một thiểu số, được gọi là những người đắc thắng, có thể lên đến ngai của Đức Chúa Trời. Họ sẽ được cất lên đến ngai Ngài vì họ sẽ đạt được mục đích của Ngài.

Hai điều này xảy ra ngay sau khi người-con-trai được cất lên: “Và người nữ chạy trốn vào hoang mạc, tại đó nàng có một chỗ Đức Chúa Trời đã chuẩn bị sẵn để họ nuôi nàng trong một 1260 ngày. Và trên trời có chiến trận: Mi-ca-ên và các thiên sứ người chiến đấu với con rồng. Rồng và các thiên sứ của nó chiến đấu lại” (Khải. 12:6-7). Xin hãy lưu ý chữ “và” được dùng hai lần ngay sau khi người-con-trai được cất lên trong câu 5. Câu 6 chép: “Và người nữ trốn vào hoang mạc...” Kế đến câu 7 chép: “Và trên trời có chiến trận...” Sự việc người nữ chạy trốn vào hoang mạc và chiến trận trên trời đều vì người-con-trai đã được cất lên.

Chúng ta hãy xem cuộc chiến trên trời. Trước hết có Mi-ca-ên, một cái tên đầy ý nghĩa. Mi-ca-ên nghĩa là “Ai giống như Đức Chúa Trời?” Đây là một câu hỏi tuyệt vời. Ý định của Sa-tan là muốn giống như Đức Chúa Trời, nhưng Mi-ca-ên hỏi: “Ai giống như Đức Chúa Trời?” Không những Sa-tan ao ước giống Đức Chúa Trời, hắn còn cám dỗ con người trở nên giống Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, câu hỏi của Mi-ca-ên: “Ai giống như Đức Chúa Trời?” làm rung động quyền lực của Sa-tan. Dường như Mi-ca-ên đang nói với Sa-tan: “Người muốn giống Đức Chúa Trời, nhưng người sẽ không bao giờ làm được điều đó!” Đây là điều mà tên của Mi-ca-ên bày tỏ cho chúng ta.

Ngay sau khi người-con-trai được cất lên, có cuộc chiến trận ở trên trời. Nói cách khác, nguyên nhân gây nên cuộc

chiến ở trên trời là vì sự cất lên của người-con-traí. Qua điều này, chúng ta thấy sự cất lên của người-con-traí không phải chỉ là vấn đề của một vài cá nhân được cất lên, mà hơn thế nữa, điều ấy kết thúc trận chiến đã diễn ra trong suốt các thời đại và các thế hệ. Con rắn xưa, tức kẻ thù của Đức Chúa Trời, đã chiến đấu với Ngài suốt mấy ngàn năm. Khi cuộc chiến này xảy ra trên trời, Mi-ca-ên và các thiên sứ chiến đấu với con rồng, tức là con rắn xưa. Trước đây, hấn là một con rắn, nhưng bây giờ hấn đã đổi dạng thành một con rồng. Hấn đã liên tục tăng cường sức mạnh của mình cách kiên trì. Tuy nhiên, một khi người-con-traí được cất lên, không những con rồng không thể phát triển hơn nữa mà còn bị ném xuống khỏi trời. Sự cất lên của người-con-traí là một sự việc khiến cho Sa-tan không còn chỗ ở trên trời nữa.

Kết quả của cuộc chiến giữa Mi-ca-ên và các thiên sứ của người với con rồng và các thiên sứ của hấn ra sao? Câu 8 và 9 chép: “Và chúng [con rồng và các thiên sứ của hấn] không thắng được, ở trên trời cũng không thấy chỗ của chúng nữa. Và con rồng lớn bị ném xuống, tức là con rắn xưa, gọi là ma quỷ và Sa-tan, đưa lừa dối cả thiên hạ; hấn bị ném xuống đất, và các thiên sứ của hấn bị ném xuống cùng với hấn”. Kết quả của cuộc chiến này là sự bại trận của con rồng. Không có chỗ nào cho hấn trên trời; hấn và các thiên sứ của hấn đều bị ném xuống đất.

Sự chết của Chúa Jesus đã xử lí vị trí mà Sa-tan chiếm được bởi sự sa ngã của con người rồi. Nói cách khác, sự cứu chuộc đã phá hủy địa vị pháp lí của Sa-tan. Công tác của Hội thánh là thi hành trong vương quốc Đức Chúa Trời điều mà Chúa Jesus đã hoàn thành trong sự cứu chuộc và kết quả là hoàn toàn kết thúc địa vị pháp lí mà Sa-tan đã chiếm được qua sự sa ngã của con người. Sự cứu chuộc là giải pháp của Đấng Christ đối với sự sa ngã; vương quốc là giải pháp của Hội thánh đối với sự sa ngã. Công tác phán xét là công tác của Đấng Christ, trong khi nhiệm vụ thi hành sự phán xét

này đặt trên Hội thánh. Lật đổ Sa-tan là công tác của chúng ta. Đức Chúa Trời đang tìm cách kết thúc thời đại này. Ngài cần những người đắc thắng. Nếu không có người-con-trai, sẽ không có cách nào lật đổ công việc của Sa-tan. Sa-tan đã bị phán xét bởi sự cứu chuộc rồi; bây giờ hình phạt phải được vương quốc thi hành.

Sau khi con rồng và các thiên sứ của nó bị ném xuống khỏi trời, câu 10 chép: “Và tôi nghe một tiếng lớn trên trời nói: Bây giờ, sự cứu rỗi và quyền năng và vương quốc của Đức Chúa Trời chúng ta và uy quyền của Đấng Christ Ngài đã đến”. Đây là vương quốc. Khi Sa-tan bị ném xuống, khi các thiên sứ của hắn bị ném xuống với hắn, và khi không có chỗ cho chúng trên trời, thì đây là sự cứu rỗi, quyền năng, vương quốc của Đức Chúa Trời chúng ta và uy quyền của Đấng Christ Ngài.

Chúng ta hãy cùng đọc hai câu trong Khải Thị: “Và thiên sứ thứ bảy thổi kèn; và có những tiếng lớn trên trời nói rằng: Vương quốc thế giới đã trở nên vương quốc của Chúa chúng ta và của Đấng Christ Ngài, và Ngài sẽ cai trị đời đời, mãi mãi” (11:15). Đó mới là chủ đề. “Và tôi nghe một tiếng lớn trên trời nói: Bây giờ sự cứu rỗi, và quyền năng và vương quốc của Đức Chúa Trời chúng ta và uy quyền của Đấng Christ Ngài đã đến” (12:10). Đây chính là chủ đề đã được thi hành một cách thành công. Bí quyết dẫn đến sự thành công là sự cất lên của người con trai. Vì người-con-trai được cất lên nên sẽ có chiến trận trên trời và Sa-tan sẽ bị ném xuống. Kết quả việc Sa-tan bị ném xuống là sự xuất hiện của vương quốc của Chúa chúng ta và của Đấng Christ Ngài. Sự cất lên của những người đắc thắng khiến Sa-tan bị ném xuống và giới thiệu vương quốc. Công tác của những người đắc thắng là đem vương quốc của Đức Chúa Trời đến. Công tác của Chúa đã hoàn tất và Ngài đang ngồi trên ngai. Bây giờ những người đắc thắng đem điều này vào hiện thực.

Có một phân đoạn tương ứng trong Lu-ca chương 10 nói rằng: “Và bảy mươi người vui mừng trở về nói: Thưa Chúa,



ngay cả các quỷ cũng phục chúng tôi trong danh Ngài” (c. 17). Các môn đồ đã đuổi được quỷ. Sau đó Chúa nói: “Ta thấy Sa-tan từ trời sa xuống như chớp” (c. 18). Câu này nói về Sa-tan bị ném xuống khỏi trời. Nhưng sự kiện này xảy ra khi nào? Xảy ra trong Khải Thị chương 12. Điều gì làm cho Sa-tan bị ném xuống? Theo Lu-ca 10:18, mà câu này dựa trên câu 17, Sa-tan bị ném xuống khỏi trời vì Hội thánh đuổi quỷ. Câu 17 cũng cho thấy việc đuổi quỷ không phải là vấn đề một lần đủ cả; trái lại, Hội thánh cần tiếp tục đuổi quỷ trên đất để Sa-tan bị ném xuống khỏi trời. Khi Chúa Jesus chết, tất cả quyền lực của Sa-tan bị hủy diệt. Nhưng điều gì thật sự làm cho Sa-tan mất quyền lực trên trời? Tất cả quyền lực của hắn có thể bị chấm dứt do các con của Đức Chúa Trời trên đất liên tục xử lí hắn, từng trường hợp một. Khi các quỷ bị bắt phục nhiều lần trong danh Chúa Jesus, Sa-tan sẽ bị ném xuống.

Giả sử, chúng ta có một cái cân. Trên một đĩa cân là Sa-tan. Vì không biết Sa-tan nặng bao nhiêu nên chúng ta phải liên tục đặt thêm trọng lượng lên đĩa cân bên kia. Mỗi lần xử lí Sa-tan là chúng ta thêm trọng lượng vào bên kia. Khi trọng lượng gia tăng đến một mức nào đó, Sa-tan sẽ bị dời chỗ. Ban đầu, khi chúng ta tiếp tục đặt thêm trọng lượng vào phía bên kia thì dường như không có tác dụng gì. Nhưng mỗi lần gia tăng thêm trọng lượng thì đều có giá trị. Sau cùng, khi trọng lượng cuối cùng được thêm vào, cái cân sẽ bắt đầu chuyển động. Chúng ta không biết ai sẽ thêm trọng lượng cuối cùng vào, nhưng tất cả trọng lượng được thêm vào từ đầu đến cuối đều tạo nên hiệu quả. Công tác của Hội thánh là chống lại công việc của Sa-tan để chúng ta có thể cùng nhau đuổi quỷ. Đây là lí do vì sao Sa-tan sẽ làm bất cứ điều gì với năng lực của hắn để ngăn cản chúng ta trở nên người đắc thắng.

Đuổi quỷ không nhất thiết có nghĩa là khi chúng ta gặp quỷ chúng ta phải đương đầu với hắn. Đuổi quỷ nghĩa là chúng ta đuổi mọi công tác và quyền lực của quỷ. Chúng ta

nắm lấy uy quyền của Chúa và đứng vững trong vị trí của mình. Anh em này thêm vào một ít trọng lượng và anh em khác lại thêm vào một ít nữa. Rồi một ngày kia Sa-tan sẽ bị ném xuống khỏi trời. Đức Chúa Trời không trực tiếp ra tay ném Sa-tan xuống khỏi trời. Ngài có thể làm điều này rất dễ dàng, nhưng Ngài không làm. Ngài đã phó thác công tác này cho Hội thánh. Ôi, thật đáng thương vì Hội thánh đã thất bại trong vấn đề này và không thể thực hiện điều đó được! Đây là lí do vì sao cần phải có những người đắc thắng đứng trong vị trí Hội thánh để làm công việc của Đức Chúa Trời. Khi những người đắc thắng đứng trong vị trí của Hội thánh và làm công việc mà lẽ ra Hội thánh phải làm, kết quả sẽ là: “Bây giờ sự cứu rỗi, quyền năng và vương quốc của Đức Chúa Trời chúng ta và uy quyền của Đấng Christ Ngài đã đến”. Người-con-trai trong Khải Thị chương 12 gồm có những người đắc thắng đại diện cho Hội thánh. Vì vậy, ngay sau khi người-con-trai được cất lên, Sa-tan bị ném xuống khỏi trời và vương quốc liền đến.

### NGUYÊN TẮC CỦA NGƯỜI-CON-TRAI

Kinh văn nói rằng người-con-trai sẽ “chấn dất các dân tộc bằng một cây gậy sắt”. Đây là mục đích của Đức Chúa Trời. Công tác của Hội thánh sẽ làm cho Sa-tan mất năng quyền và đem vương quốc của Đức Chúa Trời đến. Hội thánh mà Đức Chúa Trời ao ước phải có những đặc tính của A-bi-ga-in, ấy là hợp tác với Đấng Christ. Nhưng vì Hội thánh không đạt đến mục đích của Đức Chúa Trời, thậm chí Hội thánh cũng không biết đến mục đích của Đức Chúa Trời nên Ngài phải làm gì? Ngài sẽ chọn một nhóm người đắc thắng là những người đạt đến mục đích của Ngài và hoàn thành đòi hỏi của Ngài. Đây là nguyên tắc của người-con-trai.

Có nhiều ví dụ về nguyên tắc này trong Kinh Thánh. Mục đích của Đức Chúa Trời trong việc lựa chọn dân Israel trong thời Cựu Ước là gì? Xuất Ai Cập Kí chương 19 cho

chúng ta biết Ngài chọn họ để làm một vương quốc gồm các thầy tế lễ. Một vương quốc gồm các thầy tế lễ nghĩa là gì? Nghĩa là cả quốc gia ấy phải phụng sự Đức Chúa Trời và là các thầy tế lễ của Ngài. Tuy nhiên, không phải toàn dân Israel đều trở nên thầy tế lễ, vì họ đã thờ bò con vàng. Thay vì phụng sự Đức Chúa Trời, họ thờ lạy hình tượng. Vì vậy, Môi-se ra lệnh cho dân Israel rằng: “Ai thuộc về Đức Giê-hô-va, hãy đến cùng ta” (Xuất. 32:26). Sau đó tất cả các con trai Lê-vi hiệp lại, đến với Môi-se. Kế đến, Môi-se bảo họ: “Chúa là Đức Chúa Trời của Israel phán như vậy: Mỗi người trong các ngươi hãy đeo gươm bên mình, đi qua đi lại trong trại quân, từ cửa này đến cửa kia, và mỗi người hãy giết anh em, bạn hữu, và kẻ lân cận mình” (c. 27). Thờ hình tượng là tội nặng nhất, nên Đức Chúa Trời đòi hỏi những người này giết chính anh em mình bằng gươm. “Và con cái Lê-vi làm theo lời Môi-se” (c. 28). Họ muốn phụng sự Đức Chúa Trời hơn là giữ tình cảm con người, nên Đức Chúa Trời chọn họ làm các thầy tế lễ. Từ đó về sau, giữa vòng toàn thể người Israel, chỉ có những người thuộc chi phái Lê-vi được làm thầy tế lễ. Từ đó, toàn thể hội chúng Israel đến gần Đức Chúa Trời qua chi phái Lê-vi. Ban đầu, toàn thể dân Israel đều được lựa chọn để phụng sự Đức Chúa Trời, nhưng họ đã làm cho Ngài thất vọng; vì vậy, từ giữa vòng một hội chúng thất bại ấy, Đức Chúa Trời đã chọn một nhóm người để đứng vào vị trí của họ. Nhóm người này là những người đắc thắng.

Chúng ta phải nhớ rằng người Lê-vi không vì chính mình mà phụng sự Đức Chúa Trời, họ cũng không phải là những người đắc thắng do tự mình lựa chọn. Nói họ cho mình là cao trọng hơn người khác thì lại càng không phải. Nếu điều ấy xảy ra thì họ đã kết thúc. Người Lê-vi được Đức Chúa Trời chọn lựa để đại diện cho toàn thể hội chúng Israel làm thầy tế lễ. Điều mà con cái Israel lẽ ra phải dâng cho Đức Chúa Trời, thì con cái Lê-vi đã dâng thay cho họ. Sự phụng sự của người Lê-vi trước mặt Đức Chúa Trời

được kể là sự phụng sự của toàn quốc gia Israel. Chỉ có người Lê-vi mới là thầy tế lễ, nhưng cả quốc gia Israel đều nhận được lợi ích từ chức vụ tế lễ của họ. Cũng vậy, công tác của những người đắc thắng là vì toàn thể Hội thánh. Công tác ấy thuộc về những người đắc thắng, nhưng Hội thánh nhận được phước hạnh của công tác này. Đây là vinh hiển của những người đắc thắng. Công việc là của họ nhưng thành tựu của họ đem vinh hiển đến cho cả Hội thánh; công tác là của họ, nhưng cả Hội thánh nhận được phước hạnh.

Trong thời Các Quan Xét, dân Israel bị dân Ma-đi-an áp bức và ở trong tình trạng rất tuyệt vọng. Từ một trong các chi phái của họ, Đức Chúa Trời dấy Ghê-đê-ôn lên để lãnh đạo một đội quân và xua đuổi kẻ thù. Cả quốc gia được giải phóng nhờ đội quân này. Trách nhiệm ở trên cả một quốc gia nhưng vì có một số người sợ hãi và số khác thì biếng nhác nên chỉ một số người ra trận và đem lại lợi ích cho toàn thể quốc gia.

Chúng ta cũng thấy nguyên tắc này khi dân Israel trở về sau khi bị lưu đày. Ban đầu Đức Chúa Trời hứa rằng sau 70 năm lưu đày, dân Israel sẽ trở về và phục hồi miền đất. Tuy nhiên, không phải tất cả đều trở về; chỉ có một số ít được Ê-xơ-ra, Nê-hê-mi, Xô-rô-ba-bên và Giê-hô-sua dẫn dắt đã trở về để xây dựng lại đền thờ và thành Giê-ru-salem. Nhưng những gì họ đã làm được kể cho cả quốc gia Israel. Điều ấy được kể như sự khôi phục và trở về của cả quốc gia.

Nguyên tắc về người đắc thắng là: không phải một cá nhân thuộc linh cách đặt biệt sẽ được vương miện và vinh hiển đang chờ đợi người ấy. Điều đó cũng không có nghĩa là các cá nhân sẽ không được ban thưởng vương miện và vinh hiển trong ngày ấy. Họ có thể nhận được những điều đó, nhưng họ không theo đuổi chúng vì đó không phải là mục đích chính của họ. Lí do những người đắc thắng trở nên những người đắc thắng không phải là để nhận được vương

miện hay vinh hiển cho mình, nhưng chỉ là để chiếm lấy địa vị mà cả Hội thánh nên chiếm và thực hiện công tác thay cho Hội thánh. Trước mặt Đức Chúa Trời, Hội thánh nên ở trong tình trạng mà Ngài ao ước; Hội thánh nên có trách nhiệm đối với Ngài, hoàn thành công tác đã được giao phó cho mình và đứng ở vị trí đúng đắn. Tuy nhiên, Hội thánh đã thất bại và ngày nay vẫn còn thất bại. Hội thánh đã không trở thành điều mà từ ban đầu Chúa dự định Hội thánh phải trở thành; Hội thánh đã không thực hiện công tác của mình, gánh lấy trách nhiệm của mình, cũng không đứng ở vị trí đúng đắn của mình. Hội thánh đã không chiếm được nền tảng cho Đức Chúa Trời. Chỉ có một nhóm người ít ỏi còn lại thực hiện công tác thay cho Hội thánh và gánh vác trách nhiệm của Hội thánh. Nhóm người này là những người đắc thắng. Những gì họ làm được kể như công tác của cả Hội thánh. Nếu có những người trở nên những người đắc thắng thì Đức Chúa Trời sẽ đạt được mục đích và sẽ thỏa lòng. Đây là nguyên tắc về người-con-traí.

Lí do chúng ta xem xét vấn đề người-con-traí là vì trong mục đích đời đời của Đức Chúa Trời, Ngài cần một nhóm người đắc thắng. Theo lịch sử, chúng ta phải thừa nhận rằng Hội thánh đã thất bại. Vì vậy, Đức Chúa Trời đang kêu gọi những người đắc thắng đứng thay cho Hội thánh. Người-con-traí được nói đến trong phân đoạn này của sách Khải Thị đặc biệt chỉ về những người đắc thắng trong thời đại sau cùng. Khi được sinh ra, người-con-traí sẽ được cất lên đến ngai Đức Chúa Trời. Sau đó, các biến cố sẽ ngay lập tức xảy ra trên trời và Sa-tan sẽ bị ném xuống. Nan đề của Đức Chúa Trời được giải quyết bởi sự cất lên của người-con-traí. Vấn đề của Ngài được giải quyết. Dường như một khi người-con-traí sinh ra, mục đích của Đức Chúa Trời không còn bị ngăn trở nữa. Đây là điều Đức Chúa Trời đang kêu gọi cho ngày hôm nay; đây là điều Ngài quan tâm hiện nay. Đức Chúa Trời cần một nhóm người đạt đến mục tiêu ban đầu của Ngài.

## NỀN TẢNG VÀ THÁI ĐỘ CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐẮC THẮNG

Trong Khải Thị 3:21 Chúa Jesus nói: “Kẻ đắc thắng, Ta sẽ cho ngồi với Ta trên ngai Ta”. Lí do người-con-trai có thể ở trên ngai là vì người ấy đã đắc thắng. Bây giờ, chúng ta xem họ đắc thắng như thế nào và thái độ của họ ra sao.

Khải Thị 12:11 chép: “Và họ đã thắng nó bởi huyết Chiên Con, và bởi lời làm chứng của mình, và họ chẳng thương tiếc sự sống hồn mình cho đến chết”.

“Họ đã thắng nó”. “Nó” ở đây chỉ về Sa-tan. Họ đắc thắng Sa-tan bằng cách làm cho hắn không thể thực hiện được bất cứ công việc nào của hắn trên họ. Họ đã thắng nó (1) bởi huyết Chiên Con, (2) bởi lời làm chứng của họ, và (3) bởi họ có thái độ không yêu sự sống hồn mình cho đến chết.

### Huyết Chiên Con

Trước hết, “họ đã thắng nó bởi huyết Chiên Con”. Sự chiến thắng trong chiến trận thuộc linh dựa trên huyết Chiên Con. Huyết không chỉ vì sự tha thứ và cứu rỗi mà còn là nền tảng nhờ đó chúng ta đắc thắng Sa-tan. Có lẽ một số người nghĩ rằng huyết không có giá trị bao nhiêu đối với những người đã lớn lên trong Chúa. Họ tưởng một số người có thể lớn lên đến mức không cần đến huyết. Chúng ta phải nhấn mạnh rằng không hề có điều đó! Không ai lớn lên đến mức không còn cần đến huyết nữa. Lời Đức Chúa Trời phán: “Họ đã thắng nó bởi huyết Chiên Con”.

Hoạt động chính yếu của Sa-tan để chống lại các Cơ Đốc nhân là buộc tội họ. Sa-tan có phải là kẻ giết người không? Phải. Hắn có phải là kẻ nói dối và kẻ cám dỗ không? Đúng. Hắn có phải là kẻ tấn công chúng ta không? Phải. Nhưng chưa hết. Công tác chính yếu của hắn là buộc tội. Khải Thị 12:10 chép: “Kẻ kiện cáo anh em chúng ta đã bị ném xuống, tức là kẻ ngày đêm kiện cáo họ trước mặt Đức Chúa Trời”. Ở đây, chúng ta thấy Sa-tan kiện cáo các anh em ngày đêm.

Không những hấn là kẻ kiện cáo trước mặt Đức Chúa Trời mà còn là kẻ kiện cáo trong lương tâm chúng ta, và sự kiện cáo của hấn có thể làm cho chúng ta yếu đuối và hoàn toàn mất hết năng lực. Hấn thích buộc tội người ta đến độ làm cho họ nghĩ rằng mình vô dụng và như vậy họ hoàn toàn không còn nền tảng để chiến đấu chống lại hấn. Chúng ta không nói chúng ta không cần xử lí tội. Chúng ta phải có một cảm nhận nhạy bén đối với tội, nhưng chúng ta không nên chấp nhận những lời kiện cáo của Sa-tan.

Một khi con cái của Đức Chúa Trời chấp nhận những lời kiện cáo của Sa-tan, họ sẽ cảm thấy mình sai lầm suốt ngày. Sáng sớm, khi mới thức dậy, họ cảm thấy mình sai lầm. Khi quỳ gối xuống cầu nguyện, họ cũng cảm thấy mình sai lầm và thậm chí không dám tin rằng Đức Chúa Trời sẽ đáp lời cầu nguyện của mình. Khi muốn nói một lời trong buổi nhóm, họ cảm thấy lời ấy không ích lợi gì, vì mình không đúng đắn. Khi muốn dâng hiến một điều gì cho Chúa, họ lại tự hỏi tại sao mình dâng khi Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ không nhận một của dâng nào từ một người tẻ như mình. Quan tâm chính yếu của những Cơ Đốc nhân như thế này không phải là Chúa Jesus vinh hiển và đắc thắng dường nào, mà là họ xấu xa và vô giá trị biết bao. Từ sáng đến tối, cái suy nghĩ cho rằng mình là kẻ không ra gì làm cho họ hao mòn. Cho dù đang khi làm việc, nghỉ ngơi, đi dạo, đọc Kinh Thánh, hay cầu nguyện, không một giây phút nào trôi qua mà họ không suy nghĩ rằng mình vô giá trị biết bao. Đây là sự kiện cáo của Sa-tan. Nếu Sa-tan có thể giữ họ trong tình trạng ấy thì hấn đã chiến thắng. Những người lâm vào tình trạng này không có năng lực gì cả trước mặt Sa-tan. Nếu chấp nhận những lời kiện cáo này, không bao giờ chúng ta có thể làm người đắc thắng. Thông thường, khi chúng ta mãi mê quan tâm suy nghĩ về sự xấu xa riêng của mình, rất dễ cho chúng ta lầm tưởng đó là sự khiêm nhường của Cơ Đốc nhân, mà không biết mình đang chịu đựng kết quả tai hại của sự kiện cáo đến từ Sa-tan. Khi

phạm tội, chúng ta phải xưng tội và xử lí nó. Nhưng chúng ta phải học một bài học khác; chúng ta phải học đừng nhìn chính mình, mà chỉ nhìn Chúa Jesus. Ý thức về mình mỗi ngày từ sáng đến tối là một tình trạng bệnh hoạn. Đây là hậu quả do chấp nhận lời kiện cáo của Sa-tan.

Trong lương tâm của một số con cái Chúa, ít có cảm nhận tội. Loại người này không hữu dụng bao nhiêu về mặt thuộc linh. Tuy nhiên, nhiều con cái Chúa lại có lương tâm yếu đuối đến nỗi họ không thật sự nhận biết công tác của Chúa Jesus. Nếu chúng ta hỏi xem họ có cảm nhận về một tội cụ thể nào không thì họ không thể chỉ ra tội gì. Tuy nhiên, họ luôn luôn cảm thấy mình sai. Họ luôn luôn cảm thấy mình yếu đuối và vô giá trị. Mỗi khi nghĩ đến chính mình, họ mất hết bình an và niềm vui. Họ chấp nhận sự kiện cáo của Sa-tan. Mỗi khi Sa-tan đem đến loại cảm xúc này, chúng ta bị yếu đuối và không thể chống lại hắn.

Vì vậy, chúng ta đừng xem nhẹ sự kiện cáo của Sa-tan. Công tác chính yếu của hắn là buộc tội chúng ta và ngày đêm hắn liên tục làm điều đó. Hắn buộc tội trong lương tâm chúng ta cũng như trước mặt Đức Chúa Trời cho đến khi lương tâm chúng ta trở nên yếu đuối đến nỗi không thể làm cho mạnh mẽ được.

Trong đời sống hằng ngày và công tác của một Cơ Đốc nhân, lương tâm là điều rất quan trọng. Sứ đồ Phao-lô nói trong 1 Cô-rin-tô chương 8 rằng nếu lương tâm một người nào bị ô ướ, thì người ấy bị hủy hoại. Bị hủy hoại không có nghĩa là bị diệt vong đời đời, nhưng là một người không còn có khả năng xây dựng được nữa. Người ấy yếu đuối đến nỗi đã trở nên vô giá trị. 1 Ti-mô-thê chương 1 nói rằng một người bỏ lương tâm mình thì đức tin họ bị đắm chìm. Một chiếc thuyền bị đắm không thể giăng buồm. Vì vậy, một Cơ Đốc nhân đứng được trước mặt Đức Chúa Trời hay không tùy thuộc vào lương tâm người ấy có bị cáo trách không. Một khi chấp nhận lời kiện cáo của Sa-tan, lương tâm người ấy bị cáo trách và một khi lương tâm bị cáo trách thì người



ấy không thể tiến tới trong sự phụng sự Chúa, cũng không thể chiến đấu cho Đức Chúa Trời được nữa. Vì vậy, chúng ta phải nhận biết rằng công tác chính yếu của Sa-tan là kiện cáo chúng ta và đây là công tác mà chúng ta phải đắc thắng.

Làm thế nào chúng ta có thể đắc thắng những lời kiện cáo của Sa-tan? Tiếng nói từ trời cho chúng ta biết: “Họ đã thắng nó bởi huyết Chiên Con”. Huyết là nền tảng của sự chiến thắng, và là công cụ để thắng Sa-tan. Hắn có thể kiện cáo chúng ta, nhưng chúng ta có thể đáp rằng huyết của Jesus Christ, Con Đức Chúa Trời, tẩy sạch mọi tội của chúng ta (1 Gi. 1:7). “Mọi tội” nghĩa là bất cứ tội nào, dầu lớn hay nhỏ. Huyết của Con Đức Chúa Trời tẩy sạch chúng ta khỏi mọi tội. Sa-tan có thể nói chúng ta sai lầm, nhưng chúng ta có huyết của Chúa Jesus. Huyết của Chúa Jesus có thể tẩy sạch chúng ta khỏi nhiều tội của mình. Đây là Lời Đức Chúa Trời. Huyết của Jesus, Con Đức Chúa Trời, tẩy sạch mọi tội của chúng ta.

Không những chúng ta phải từ chối những lời kiện cáo vô căn cứ mà còn phải từ chối những lời kiện cáo có căn cứ nữa. Khi con cái Đức Chúa Trời làm một điều gì sai, chúng ta chỉ cần huyết của Jesus, Con Ngài chứ không cần lời kiện cáo của Sa-tan. Tội cần huyết quý báu chứ không cần sự kiện cáo. Lời Đức Chúa Trời không bao giờ nói về việc cần phải bị kiện cáo sau khi chúng ta phạm tội. Nan đề duy nhất là chúng ta có xưng tội hay không. Nếu chúng ta xưng tội, khi ấy còn gì để nói nữa? Nếu chúng ta phạm tội mà không xưng tội, lúc ấy chúng ta đáng bị kiện cáo. Nhưng ở đâu không có tội, thì không có căn cứ để kiện cáo. Nếu phạm tội mà đã xưng tội, chúng ta không cần phải bị kiện cáo.

Nếu phạm tội, anh em có thể quỳ xuống xưng tội với Đức Chúa Trời. Ngay lập tức, huyết của Chúa Jesus sẽ tẩy sạch anh em. Đừng nghĩ rằng nếu xét xem mình tội lỗi đến mức nào thì anh em sẽ thánh khiết hơn một chút, hoặc nếu có nhiều cảm xúc đối với tội hơn thì anh em sẽ thánh khiết

hơn. Không. Anh em chỉ cần hỏi chính mình một điều: Tôi áp dụng huyết của Chúa Jesus như thế nào? Chúng ta đã phạm tội, nhưng huyết Ngài tẩy sạch chúng ta khỏi mọi tội. “Mọi tội” nghĩa là tội lớn hay tội nhỏ, tội còn nhớ hay tội đã quên, tội thấy được hay không thấy được, tội mà chúng ta nghĩ có thể tha thứ được cũng như tội chúng ta cho rằng không thể tha thứ được – các loại tội này đều bao hàm trong “mọi”. Huyết của Chúa Jesus, Con Đức Chúa Trời không những tẩy sạch chúng ta khỏi 1 hay 2 tội, hay thậm chí nhiều tội, mà còn có thể tẩy sạch chúng ta khỏi mọi tội.

Chúng ta thừa nhận rằng chúng ta có tội. Chúng ta không nói mình không có tội. Nhưng dầu vậy, chúng ta không chấp nhận những lời kiện cáo của Sa-tan. Trước mặt Đức Chúa Trời, chúng ta tinh sạch vì chúng ta có huyết quý báu. Chúng ta không nên tin vào những lời kiện cáo nhiều hơn tin vào huyết quý báu. Khi phạm tội, chúng ta không làm Đức Chúa Trời được vinh hiển, nhưng khi không tin vào huyết quý báu, chúng ta còn sỉ nhục Ngài nhiều hơn. Phạm tội là điều đáng hổ thẹn, nhưng không tin vào huyết quý báu lại càng đáng hổ thẹn hơn. Chúng ta phải học tin cậy vào huyết của Chiên Con.

La Mã 5:9 chép: “...Bây giờ đã được xưng công chính trong huyết Ngài”. Khi nhiều người bước vào sự hiện diện của Chúa, họ không được bình an trong lòng. Họ cũng cảm thấy mình vô giá trị và sai trật ở bên trong. Lí do là vì họ nuôi một hi vọng giả dối. Họ mong rằng mình sẽ có một điều gì đó tích cực trong chính mình để dâng lên cho Đức Chúa Trời. Khi họ khám phá trong mình không có điều gì tích cực để dâng thì sự kiện cáo đến với họ. Một lời kiện cáo tương tự như vậy: “Một người như ngươi sẽ không bao giờ có điều gì tốt để dâng lên cho Đức Chúa Trời”. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng mình vốn không có gì tốt lành, tích cực trước mặt Đức Chúa Trời. Trong chúng ta không có điều gì tốt để có thể dâng cho Đức Chúa Trời cả. Chúng ta chỉ có thể dâng cho Ngài một điều – huyết. Chúng ta chỉ được kể là công

chính nhờ huyết. Chúng ta không có sự công chính tích cực nào trong mình. Chúng ta trở nên công chính chỉ bởi sự công chính mà chúng ta nhận được qua sự cứu chuộc. Mỗi khi đến ngai ân điển, chúng ta có thể ngửa trông Ngài để nhận được ân điển. Đó là ngai ân điển, không phải ngai công chính. Mỗi khi chúng ta đến trước Đức Chúa Trời điều kiện duy nhất ấy là chúng ta đã được cứu chuộc chứ không phải chúng ta đã tiến bộ trong đời sống Cơ Đốc. Không một Cơ Đốc nhân nào có thể đạt đến một giai đoạn để có thể nói: “Gần đây tôi khá tốt, nên bây giờ tôi có sự dạn dĩ để cầu nguyện”. Không. Mỗi khi chúng ta đến trước mặt Đức Chúa Trời, nền tảng duy nhất, vị trí duy nhất của chúng ta là dựa trên huyết. Chúng ta phải nhận thức rằng không một mức độ lớn lên thuộc linh nào có thể thay thế được hiệu lực của huyết. Không một kinh nghiệm thuộc linh nào có thể thay thế công tác của huyết. Cho dù một người nào có trở nên thuộc linh như sứ đồ Phao-lô, sứ đồ Giăng, hay sứ đồ Phi-e-rơ chẳng nữa, người ấy vẫn cần huyết để đứng trước mặt Đức Chúa Trời.

Đôi khi chúng ta phạm tội, Sa-tan đến buộc tội chúng ta, và có khi chúng ta không phạm tội, hấn vẫn đến để buộc tội chúng ta. Đôi lúc, vấn đề không phải là có phạm tội hay không mà là không có một sự công chính tích cực để dâng lên cho Đức Chúa Trời nên Sa-tan buộc tội chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta phải sáng tỏ: Chúng ta có thể vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời chỉ nhờ huyết, không nhờ một điều gì khác. Vì chúng ta đã được tẩy sạch bởi huyết và được kể là công chính cũng bởi huyết, nếu chúng ta không có nghĩa vụ phải chấp nhận những lời kiện cáo của Sa-tan, dù dưới bất kì hình thức nào đi nữa.

Huyết quý báu là nền tảng cho chiến trận thuộc linh. Nếu không biết giá trị của huyết, chúng ta không thể chiến đấu. Một khi lương tâm bị yếu đuối, chúng ta kết thúc. Vì vậy, nếu không duy trì một lương tâm trong sạch và không chỗ trách được, chúng ta không có cách nào xử lí

Sa-tan. Trong những lời kiện cáo của hắn, Sa-tan có thể dùng hàng ngàn lí do để chống lại chúng ta. Nếu chấp nhận, chúng ta sẽ ngã dài. Nhưng khi Sa-tan nói, chúng ta có thể đối đáp với mọi lí lẽ của hắn bằng một câu trả lời là huyết. Chẳng một lí luận nào không thể trả lời bằng huyết. Chiến trận thuộc linh đòi hỏi một lương tâm không bị cáo trách, và chỉ có huyết mới có thể ban cho chúng ta một lương tâm như vậy.

Hê-bơ-rơ 10:2 chép: “Bởi vì kẻ phụng sự đã một lần được sạch rồi, lương tâm đâu còn cảm biết tội nữa....” Khi lương tâm một Cơ Đốc nhân không còn có cảm nhận về tội nữa, ấy là do huyết. Một khi chúng ta đứng trên nền tảng của huyết, một khi chúng ta tin nơi huyết, Sa-tan không còn hành động trên chúng ta nữa. Chúng ta thường thích lí luận rằng vì đã phạm tội, chúng ta không còn chiến đấu được nữa. Nhưng Chúa biết chúng ta tội lỗi, vì vậy, Ngài đã chuẩn bị huyết. Chúa có cách dành cho con người tội lỗi, vì Ngài có huyết. Nhưng Ngài không có phương cách nào dành cho người sẵn sàng chấp nhận những lời kiện cáo của Sa-tan. Những ai chấp nhận những lời kiện cáo của Sa-tan là từ chối quyền năng của huyết. Không ai tin nơi huyết quý báu lại có thể đồng thời chấp nhận những lời kiện cáo của Sa-tan. Hoặc điều này hay điều kia phải ra đi. Nếu chúng ta chấp nhận những lời kiện cáo thì huyết phải ra đi; nếu chúng ta chấp nhận huyết thì những lời kiện cáo phải ra đi.

Chúa Jesus là Thầy tế lễ thượng phẩm và là Người trung bảo cho chúng ta (xem Hê. 2:17-18; 4:14-16; 7:20-28; 8:6; 9:15; 1 Gi. 2:1). Ngài luôn luôn phụng sự trong địa vị này, tức là Thầy tế lễ thượng phẩm và là Người trung bảo. Mục đích phụng sự của Ngài là giữ chúng ta khỏi những lời kiện cáo của Sa-tan. Con người chỉ mất vài phút để tiếp nhận Ngài làm Đấng Cứu Rỗi nhưng đương đầu với sự buộc tội của Sa-tan là một vấn đề lâu dài. Từ Người trung bảo trong tiếng Hi Lạp có nghĩa là “người biện hộ được chỉ định”. Chúa là Người trung bảo của chúng ta, là Người biện

hộ của chúng ta. Chúa nói thay cho chúng ta. Nhưng chúng ta đứng về phía Người trung bảo hay đứng về phía kẻ kiện cáo? Thật vô lí nếu chúng ta tin lời của kẻ kiện cáo mình trong khi Người trung bảo đang hành động để bảo vệ chúng ta. Nếu một luật sư biện hộ đang liên tục chứng minh bị cáo vô tội, còn bị cáo thì cứ khẳng khẳng tin người kiện cáo mình, thì như vậy có ngớ ngẩn không? Ô, nguyện chúng ta thấy Chúa Jesus là Người trung bảo của mình và Ngài đang bênh vực chúng ta. Nguyện chúng ta thấy huyết là nền tảng để xử lí Sa-tan. Chúng ta đừng bao giờ đáp lại những lời kiện cáo của Sa-tan bằng phẩm hạnh tốt đẹp, chúng ta nên đáp lại bằng huyết. Nếu chúng ta nhận biết giá trị của huyết, các Cơ Đốc nhân trên đất ngày nay sẽ có sự bình an và vui mừng nhiều hơn biết bao.

“Họ đã thắng nó bởi huyết Chiên Con.” Những lời này quý báu biết bao! Các anh em đắc thắng hẳn không nhờ công lao của mình, sự tiến bộ của mình, hay kinh nghiệm của mình. Họ thắng hẳn bởi huyết Chiên Con. Mỗi khi có những lời kiện cáo đến từ Sa-tan, chúng ta cần đối phó bằng huyết. Một khi chúng ta chấp nhận huyết, quyền lực của Sa-tan sẽ bị vô hiệu hóa. Tất cả những gì chúng ta là đều tùy thuộc vào huyết và chúng ta cần huyết mỗi ngày. Vào ngày được cứu, chúng ta đã dựa vào huyết và tin cậy huyết như thế nào thì từ ngày ấy trở đi, chúng ta cũng phải tiếp tục dựa vào huyết và tin cậy huyết như vậy. Huyết là nền tảng duy nhất của chúng ta. Đức Chúa Trời muốn giải cứu chúng ta khỏi nhiều lời kiện cáo vô nghĩa. Ngài muốn bẻ gãy những xiềng xích này. Chúng ta đừng bao giờ cảm thấy mình phải khiêm nhường bằng cách tiếp nhận những lời kiện cáo ấy hằng ngày. Chúng ta phải học thắng hơn những lời kiện cáo ấy. Nếu không đắc thắng những lời kiện cáo, không bao giờ chúng ta có thể trở thành những người đắc thắng. Người đắc thắng phải biết giá trị của huyết. Dù không biết giá trị lớn lao của huyết, nhưng chúng ta vẫn có thể nói với Chúa: “Ôi Chúa, xin thay con áp dụng huyết

theo sự đánh giá của Ngài về huyết”. Chúng ta nên xử lý quyền lực Sa-tan theo sự đánh giá của Đức Chúa Trời về huyết chứ không theo sự đánh giá của mình.

### Lời chứng của họ

Điều thứ hai là các anh em ấy đã đắc thắng nó bởi “lời làm chứng của mình”. Khi lương tâm chúng ta không bị cáo trách, miệng chúng ta mới làm chứng được. Khi lương tâm chúng ta bị kiện cáo, chúng ta không thể nói gì cả. Đường như càng nói, giọng chúng ta càng yếu đi. Ý nghĩa của lời chứng ở đây là làm chứng cho người khác, không phải cho chính mình. Khi có huyết trước mặt Đức Chúa Trời, anh em sẽ được dạn dĩ trước mặt Ngài, và anh em sẽ có một lời chứng trước mặt con người. Không những anh em làm chứng rằng tội nhân được tha thứ và con người được chấp nhận nhờ Đấng Christ, mà anh em cũng sẽ làm chứng về vương quốc của Đức Chúa Trời. “Lời chứng” nghĩa là nói với người khác những gì có trong Đấng Christ, và lời chứng là điều gì đó phải được nói ra. Những người đắc thắng phải thường xuyên công bố chiến thắng của Đấng Christ. Sa-tan sợ nhất khi những sự thật này cứ được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Vương quốc thuộc trời sẽ đến là một sự thật; Chúa là Vua là một sự thật; Đấng Christ chiến thắng và mãi mãi chiến thắng là một sự thật, Sa-tan bị đánh bại là một sự thật; kẻ mạnh sức đã bị trói và bị kết án cách hợp pháp là một sự thật; Đấng Christ đã hủy diệt mọi công tác của Sa-tan trên thập tự giá là một sự thật. Khi công bố tất cả những sự thật này, chúng ta có lời chứng. Khi chúng ta công bố Đấng Christ là thế này và Đấng Christ là thế kia, thì đó là lời chứng.

Lời chứng là lời làm cho Sa-tan sợ hãi nhất. Sa-tan không sợ khi chúng ta cố gắng lí luận với hắn, nhưng hắn sợ khi chúng ta công bố sự thật. Sa-tan không sợ khi chúng ta nói chuyện thần học hay khi giải thích Kinh văn, nhưng hắn thật sự sợ khi chúng ta công bố những sự thật thuộc

linh. “Jesus là Chúa” là một sự thật thuộc linh. Nhiều người nói về Jesus là Chúa và giải thích Ngài là Chúa như thế nào, nhưng Sa-tan không sợ chút nào. Tuy nhiên, khi một người nào đó công bố Jesus là Chúa trong đức tin, thì Sa-tan sợ. Hắn không sợ sự rao giảng hay thần học của chúng ta, nhưng sợ lời chứng của chúng ta.

Danh Chúa Jesus vượt trên hết mọi danh là một sự thật thuộc linh. Chúng ta phải công bố điều này trong đức tin, không phải chỉ với con người mà cũng với Sa-tan. Chúng ta thường nói để Sa-tan nghe; chúng ta cố ý nói để hắn nghe. Chúng ta gọi đây là lời chứng. Ngay cả khi ở một mình trong phòng, chúng ta vẫn có thể công bố lớn tiếng: “Jesus là Chúa”. Chúng ta có thể nói: “Chúa Jesus mạnh hơn kẻ mạnh sức”, hay “Con Đức Chúa Trời đã cật trối Sa-tan rồi”, v.v. Đây là lời chứng của chúng ta.

Cơ Đốc nhân phải dựa trên sự cầu nguyện trong mọi sự, nhưng đôi lúc lời chứng của chúng ta hiệu quả hơn lời cầu nguyện. Trong Mác 11:23, Chúa Jesus nói: “Hễ ai bảo núi này: ‘Hãy cất lên và gieo xuống biển’, và trong lòng không nghi ngờ nhưng tin rằng điều mình nói xảy ra, thì người ấy sẽ có điều đó”. Chúa Jesus không nói những gì người ấy cầu nguyện sẽ xảy ra, nhưng là những gì người ấy nói sẽ xảy ra. Người Hoa có một câu châm ngôn là: “Xuất khẩu thành thơ”. Nhưng các Cơ Đốc nhân có thể nói: “Xuất khẩu thì thành tựu”. Đức Chúa Trời sáng tạo trời và đất bằng một lời từ miệng Ngài. Sự việc xảy ra trong Mác chương 11 cho thấy chúng ta có thể nói với núi. Nếu chúng ta chỉ nói bằng đức tin thì một điều gì đó sẽ được thành tựu. Nhiều lúc quyền năng cầu nguyện không mạnh bằng quyền năng công bố. Lắm lúc chúng ta phải dùng lời chứng của mình để đối phó với Sa-tan.

Khi đọc sách Công vụ các Sứ đồ, chúng ta có thể thấy có nhiều lời chứng. Trong chương 3, Phi-e-rơ và Giăng thấy người què tại cửa đền thờ, và điều Phi-e-rơ làm là nói với người ấy rằng: “Bạc và vàng tôi không có, nhưng điều tôi có,

tôi cho anh: Trong danh Jesus Christ người Na-xa-rét, hãy trở dậy và bước đi”. Điều này được gọi là lời chứng. Không phải là nài nỉ Đức Chúa Trời đối phó với tình huống, mà là xử lí trực tiếp trong danh Chúa. Trong Công vụ các Sứ đồ chương 16, khi Phao-lô đuổi quỷ, ông cũng dùng lời công bố: “Trong danh Jesus Chris, ta ra lệnh cho ngươi phải lìa khỏi cô này”. Ngay lập tức, quỷ liền ra khỏi.

Chúng ta hãy minh họa rõ hơn qua một sự kiện sau. Có hai chị em tham gia việc rao giảng phúc âm. Một ngày nọ, họ đến một ngôi làng và ở lại đó ít lâu. Có một phụ nữ bị quỷ ám trong làng ấy, và một người trong gia đình của bà này mời hai chị em đến nhà để đuổi quỷ. Sau khi cầu nguyện, họ cảm thấy mình nên đi đến đó. Khi đến nơi, họ thấy người phụ nữ đó ăn mặc đàng hoàng và nhà cửa ngăn nắp. Họ tự hỏi không biết có phải bà này thật sự bị quỷ ám không. Sau đó họ rao giảng cho bà, và bà tỏ ra rất sáng suốt (thật ra quỷ không thể sáng suốt, nhưng chúng chỉ giả vờ). Hai chị em cảm thấy trường hợp này thật kì lạ. Họ hỏi bà: “Bà có tin Chúa Jesus không?” Bà đáp: “Tôi tin đã nhiều năm rồi”. Nghe bà trả lời như vậy, hai chị em thật bối rối; họ không biết phải đối phó làm sao. Sau đó họ hỏi: “Bà có biết Jesus là ai không?” Bà đáp: “Nếu các cô muốn biết Jesus là ai, hãy đến xem”. Sau đó bà dẫn họ từ căn phòng phía trước ra căn phòng phía sau nhà. Chỉ vào một hình tượng, bà nói: “Đây là Jesus mà tôi đã tin nhiều năm nay”. Khi ấy một trong hai chị em cảm thấy mình phải tuyên bố lời chứng. Xin lưu ý đây là loại lời chứng mà chúng tôi đang nói đến.

Chị chụp tay người phụ nữ và nói (không phải nói với bà ta, mà là với quỷ): “Ngươi có nhớ rằng cách đây hơn 1900 năm, Con của Đức Chúa Trời đã từ trời đến để trở nên một con người trong 33 năm rưỡi không? Ngài đã nhiều lần đuổi các quỷ giống như ngươi. Ngươi có nhớ rằng các ngươi muốn tấn công và làm hại Ngài không? Ngươi và tất cả bọn ngươi đã nổi dậy giết Ngài và đóng đinh Ngài trên thập tự giá.



Khi ấy người rất vui mừng. Người không biết rằng sau ba ngày, Ngài sống lại và bẻ gãy tất cả quyền lực của người. Người chỉ là một linh gian ác dưới tay của Sa-tan. Người có nhớ khi Con của Đức Chúa Trời ra khỏi Ha-đét, Đức Chúa Trời từ trời công bố với mọi sinh vật và với mọi linh rằng: “Từ nay trở đi, danh của Jesus vượt trên hết mọi danh. Mỗi khi danh Ngài được đề cập, mọi lưỡi phải xưng nhận và mọi đầu gối phải quỳ xuống”, không? Vậy, trong danh Jesus, ta ra lệnh cho người phải ra khỏi người này!” Khi chị công bố như vậy, quỷ vật người đàn bà xuống sàn nhà và ra khỏi.

Câu hỏi “Người có nhớ không?” của chị em ấy thật vô cùng quan trọng. Chị nhấn mạnh câu hỏi ấy nhiều lần, ấy là lời chứng của chị. Nếu chúng ta rao giảng cho Sa-tan, hắn cũng có thể giảng và hắn có thể giảng rất nhiều. Nếu chúng ta lí luận với hắn, hắn có đủ mọi lí lẽ. Nhưng nếu chúng ta nói ra những sự kiện, đặc biệt là những sự kiện thuộc linh, Sa-tan sẽ bất lực.

Chúng ta phải hiểu biết các sự kiện trong Kinh Thánh và tin các sự kiện ấy. Chúng ta phải được bao phủ bằng huyết để Đức Chúa Trời có thể bảo vệ chúng ta khỏi mọi sự tấn công của kẻ thù. Sau đó, chúng ta có thể nói với Sa-tan. Sa-tan sợ khi chúng ta nói lời chứng với hắn. Trong kinh nghiệm Cơ Đốc của mình, thỉnh thoảng chúng ta cảm thấy yếu đuối đến nỗi thậm chí không thể cầu nguyện với Đức Chúa Trời. Vào những lúc ấy chúng ta phải nhớ các sự kiện thuộc linh, những sự kiện đắc thắng. Chúng ta phải công bố cho Sa-tan và các quỷ rằng Chúa Jesus đã chiến thắng và Jesus là Chúa. Một sự công bố như vậy là lời chứng, và lời chứng là sự công bố. Chúng ta công bố điều gì? Chúng ta công bố rằng Jesus là Chúa, rằng Chúa đắc thắng, và Sa-tan đã bị giày đập dưới chân Ngài. Chúng ta phải công bố thêm rằng Chúa đã ban cho chúng ta uy quyền để giày đập rắn và bọ cạp và đắc thắng mọi quyền lực của kẻ thù. Đây là lời chứng. Lời chứng làm cho Sa-tan mất chỗ đứng. Khi đưa ra lời chứng, chúng ta giảng cho Sa-tan một đòn chí tử.

Công tác của Chúa đã thực hiện không những ban cho chúng ta huyết để bảo vệ mình mà còn ban cho lời chúng để nhờ đó chúng ta có thể đánh bại Sa-tan.

### **Không yêu sự sống hồn mình**

Chúng ta đã nói đến nền tảng của sự đắc thắng, nhưng kinh nghiệm của chính những người đắc thắng là gì? Họ đối diện với thử thách và gặp nhiều nan đề, nhưng Khải Thị 12:11 chép: “Họ không yêu sự sống hồn mình cho đến chết”. Đây là thái độ của những người đắc thắng trong chiến trận. Trong câu này chữ “sự sống” có 2 ý nghĩa. Một nghĩa chỉ về sự sống thuộc thể, trong khi nghĩa kia chỉ về năng lực của hồn. (Chữ “sự sống” có thể được dịch là “sự sống hồn”). Chúng ta hãy suy xét về năng lực của hồn hay khả năng thiên nhiên.

Cách tốt nhất Sa-tan dùng để đối phó với chúng ta là khiến chúng ta hành động bằng sức mạnh của chính mình. Sa-tan muốn chúng ta chuyển động trong chính mình. Hắn muốn chúng ta vận dụng khả năng thiên nhiên và năng lực xác thịt trong công tác chúng ta làm cho Đức Chúa Trời.

Khả năng thiên nhiên là gì? Khả năng thiên nhiên là khả năng bẩm sinh chúng ta có và chưa bao giờ được thập tự giá xử lí. Khả năng này đi kèm với tính cách của chúng ta. Khả năng thiên nhiên của một người có thể là sự khéo léo của người ấy. Trong bất cứ điều gì người ấy làm, người ấy cũng đem sự khéo léo của mình ra. Khả năng thiên nhiên của người khác có thể là tài hùng biện. Người ấy có thể nói rất giỏi không cần lệ thuộc quyền năng đặc biệt nào của Thánh Linh. Tuy nhiên, con người không thể phụng sự Đức Chúa Trời bằng khả năng thiên nhiên mà chưa bao giờ được thập tự giá xử lí. Sự thất bại của Hội thánh là do con người đem khả năng thiên nhiên của mình vào Hội thánh. Ôi, tất cả chúng ta đều phải được Đức Chúa Trời đem đến chỗ run rẩy, sợ sệt để không dám làm gì mà không có Chúa. Chúng ta phải trở thành những con người như vậy, không

phải chỉ nói suông những điều ấy mà thật sự là những con người như vậy. Khi ấy, chúng ta sẽ hữu dụng trong tay Đức Chúa Trời.

Chúng ta không khích lệ ai giả vờ thánh biệt. Điều đó chẳng ích lợi gì vì không đến từ Đấng Christ. Nhưng chúng ta nói Đức Chúa Trời muốn phá vỡ mọi điều thiên nhiên trong con người. Chỉ khi nào chúng ta được cắt bỏ mọi yếu tố bắt nguồn từ bản ngã của mình thì Đấng Christ mới được lộ ra. Chúng ta phải để Đức Chúa Trời tiêu trừ bản ngã nhờ thập tự giá. Một ngày nào đó, chúng ta phải để Đức Chúa Trời bẻ gãy xương sống của sự sống thiên nhiên chúng ta. Chúng ta không nên cố gắng giải quyết vấn đề này từng phần một, từng điều một. Chỉ giải quyết những điều bên ngoài và rồi không đụng đến sự sống thiên nhiên bên trong thì không những vô ích, mà trái lại còn làm cho chúng ta kiêu ngạo. Chúng ta sẽ tự mãn về chính mình, nhưng tình trạng bên trong sẽ lại càng khó bị xử lý hơn.

Phải đến một ngày, năng lực làm lành và khả năng phụng sự Đức Chúa Trời của chúng ta bị phá vỡ. Khi ấy, chúng ta sẽ thừa nhận trước mặt Chúa và con người là chúng ta không thể làm gì cả. Từ đó về sau, Đấng Christ sẽ bày tỏ quyền năng Ngài trên chúng ta. Tất cả chúng ta phải được Đức Chúa Trời đem đến chỗ nhìn thấy mình không thể làm gì trong Hội thánh với sức mạnh thiên nhiên của mình. Nhiều người nghĩ rằng miễn là động cơ của họ đúng đắn là tốt rồi. Nhưng không phải như vậy. Khi anh em nói mình đang làm việc, Chúa sẽ hỏi: “Con đang làm bởi điều gì?” Nếu anh em nói mình rất nhiệt thành, Chúa sẽ hỏi: “Sự nhiệt thành của con đến từ đâu?” Nếu anh em nói mình có năng lực, Chúa sẽ hỏi: “Nguồn gốc năng lực con là gì?” Vấn đề không phải anh em đang làm gì, nhưng là anh em làm điều đó với năng lực nào. Vấn đề không phải việc ấy có tốt hay không mà là sự tốt lành ấy bắt nguồn từ đâu.

Chúng ta phải học tập kinh nghiệm thập tự giá. Mục đích của thập tự giá là xử lý chúng ta, để chúng ta không

còn dám tự chuyển động. Chỉ nói về sứ điệp thập tự giá hay chỉ nghe giảng về thập tự giá là vô ích. Đức Chúa Trời cần có những con người đã trải qua thập tự giá và đã bị thập tự giá xử lí. Bài giảng của chúng ta đúng đắn vẫn chưa đủ. Chúng ta phải hỏi: “Còn chính con người mình thì sao? Chúng ta thuộc hạng người nào?” Sứ đồ Phao-lô nói: “Vì tôi đã quyết định rằng ở giữa anh em, tôi chẳng biết điều gì khác ngoài Jesus Christ, và Jesus Christ bị đóng đinh trên thập tự giá. Tôi ở với anh em trong sự yếu đuối, sợ sệt và run rẩy lắm; lời tôi nói, và những gì tôi công bố không bằng những lời thuyết phục của sự khôn ngoan” (1 Cô. 2:2-4). Phần đầu của câu này nói đến bài giảng của Phao-lô, và phần sau nói đến con người của ông. Chúng ta thường nghĩ khi một người như Phao-lô đứng lên nói, chắc hẳn ông phải cảm thấy phong phú và đầy dẫy nguồn năng lực riêng. Nhưng sứ điệp của Phao-lô là thập tự giá, và chính ông ở trong sự yếu đuối, sợ sệt, và rất run rẩy. Hễ khi nào biết thập tự giá, chúng ta sẽ ở trong sự yếu đuối, sợ sệt và run rẩy lắm. Nếu đã được thập tự giá xử lí, chúng ta sẽ không còn tự tin, và sẽ không dám khoe khoang. Nếu chúng ta kiêu ngạo, nghĩ rằng mình rất tài năng, thì chúng ta không biết gì về thập tự giá.

Công tác chủ quan của thập tự giá trong chúng ta là cất bỏ những điều không bắt nguồn từ Đức Chúa Trời. Thập tự giá chỉ để lại những gì thuộc về Đức Chúa Trời. Thập tự giá không thể làm rung động những gì đến từ Đức Chúa Trời, nhưng bất cứ điều nào của con người thì chẳng có năng lực gì trước thập tự giá. Một vài anh em nói trong quá khứ, họ có nhiều phương cách để giúp đỡ người ta được cứu, nhưng sau khi bắt đầu kinh nghiệm sự xử lí của thập tự giá, thập tự giá đã xử lí nhiều phương cách của họ, và dường như họ không thể làm gì được cả. Điều này chứng minh rằng những gì họ làm trước đây ra từ chính họ, vì tất cả những gì của Đức Chúa Trời không thể bị thập tự giá tiêu diệt. Những gì bị thập tự giá hủy diệt chắc chắn thuộc về con người. Những

gì vượt qua thập tự giá và sống lại là thuộc về Đức Chúa Trời; điều gì không thể sống lại là thuộc về con người. Chúa Jesus thuộc về Đức Chúa Trời, vì sau khi trải qua thập tự giá, Ngài có thể sống lại. Chúng ta không nên yêu điều gì thuộc về sự sống hồn hay thuộc về sự sống của xác thịt, nhưng hãy để cho mọi điều ấy đi vào sự chết. Chúng ta không được để cho bất cứ điều gì thuộc về sự sống ấy vẫn còn trong chúng ta. Nền tảng đắc thắng của chúng ta là huyết Chiên Con và lời chứng của mình. Hơn nữa, thái độ của chúng ta là chúng ta sẽ không sống bởi chính mình trong mọi phương diện; chúng ta sẽ không đánh giá cao khả năng riêng của mình hay có chút tự tin nào. Chúng ta phải sống như những người đầy sợ sệt và run rẩy. Chúng ta cần phải nhận biết mình là những tạo vật yếu ớt.

Ý nghĩa thứ hai của việc không yêu mến sự sống thuộc hồn là chúng ta không yêu sự sống thuộc thể của mình. Chúng ta phải đứng cho Đức Chúa Trời ngay cả phải trả giá bằng mạng sống của mình. Trong sách Gióp, Sa-tan nói với Đức Chúa Trời: “lấy da đền da, phàm vật chi một người có tất sẽ trao thế cho mạng sống mình” (Gióp 2:4). Sa-tan nhận biết rằng người ta đánh giá mạng sống của mình trên mọi điều khác. Nhưng Đức Chúa Trời nói những người đắc thắng không yêu mạng sống. Thái độ của những người đắc thắng là không quan tâm của họ đến những gì Sa-tan có thể làm cho họ. Dù Sa-tan muốn cắt mạng sống của họ, nhưng họ không bao giờ cúi xuống trước mặt Sa-tan mà vẫn luôn trung tín với Đức Chúa Trời. Thái độ của người đắc thắng là sẵn sàng nói với Chúa rằng: “Vì có Ngài, không một điều nào con không từ bỏ, ngay cả mạng sống của con”.

## CHƯƠNG 5

### THÀNH THÁNH, GIÊ-RU-SA-LEM MỚI

Chúng ta đã thấy người nữ trong Sáng Thế Kí chương 2 chính là người nữ trong Ê-phê-sô chương 5 và trong Khải Thị chương 12. Bây giờ, chúng ta hãy xem một người nữ khác, được ghi lại trong Khải Thị chương 21 và 22.

Dù có một khoảng cách lớn ở giữa, nhưng 2 chương cuối của sách Khải Thị tương ứng với 3 chương đầu của Sáng Thế Kí. Đức Chúa Trời sáng tạo nên trời đất trong Sáng Thế Kí, và trời mới, đất mới trong 2 chương cuối của sách Khải Thị. Trong cả Sáng Thế Kí và Khải Thị đều có cây sự sống. Trong Sáng Thế Kí có 1 dòng sông tuôn chảy từ vườn Ê-đen, và trong Khải Thị có 1 dòng sông nước sự sống tuôn chảy từ ngai Đức Chúa Trời và Chiên Con. Trong Sáng Thế Kí có vàng, ngọc trai (ngọc châu), và 1 loại đá quý (mã não), trong Khải Thị có vàng, ngọc trai và mọi loại đá quý. Trong Sáng Thế Kí chương 2, Ê-va là vợ A-đam. Trong Khải Thị chương 21 Chiên Con cũng có một người Vợ. Vợ của Chiên Con là Giê-ru-sa-lem Mới, và mục tiêu đời đời của Đức Chúa Trời được hoàn thành trong người nữ này. Trong Sáng Thế Kí chương 3, theo sau sự sa ngã của con người là sự chết, bệnh tật, khốn khổ và rủa sả. Nhưng khi Giê-ru-sa-lem Mới từ trời xuống trong Khải Thị chương 21, không còn sự chết, buồn rầu, kêu khóc hay là đau đớn nữa vì những điều trước đây đều đã qua rồi. Nếu đọc Kinh Thánh cách cẩn thận, chúng ta sẽ thấy Sáng Thế Kí từ chương 1 đến chương 3 thật tương ứng với Khải Thị chương 21 và 22. Những

chương này đối diện với nhau ở hai đầu của một khoảng thời gian.

Bây giờ, chúng ta đã thấy 4 người nữ: Ê-va trong Sáng Thế Kí chương 2, người Vợ (Hội thánh) trong Ê-phê-sô chương 5, người nữ trong khái tượng của Khải Thị chương 12 và Vợ của Chiên Con trong Khải thị chương 21. Bốn người nữ này thật sự chỉ là một người, nhưng lịch sử của nàng được chia làm 4 giai đoạn. Khi được nàng hoài thai trong kế hoạch của Đức Chúa Trời, thì được gọi là Ê-va. Khi nàng được cứu chuộc và bày tỏ Đấng Christ trên đất, nàng được gọi là Hội thánh. Khi bị con rồng lớn bắt bớ, nàng là người nữ trong khái tượng. Khi hoàn toàn được vinh hiển trong cõi đời đời, nàng là Vợ của Chiên Con. Bốn người nữ này cho thấy công tác của Đức Chúa Trời từ đời đời đến đời đời. Người nữ trong Sáng Thế Kí chương 2 là người nữ mà Đức Chúa Trời đã định trước trong lòng Ngài từ quá khứ đời đời, và người nữ trong Khải Thị chương 21 là người nữ hoàn thành mục đích của Đức Chúa Trời trong tương lai đời đời. Trong hai người nữ ở giữa, một là Hội thánh, được Đức Chúa Trời chuẩn bị cho Đấng Christ, và người nữ kia là người sẽ sinh ra người-con-traoi vào thời sau cùng. Nói cách khác, bốn người nữ này cho chúng ta thấy 4 giai đoạn về lịch sử của một người nữ: một giai đoạn nằm trong quá khứ đời đời, hai giai đoạn nằm giữa hai đầu của cõi đời đời, và một giai đoạn khác nữa ở trong tương lai đời đời. Dù bốn người nữ này có vẻ khác nhau khi chúng ta nói về họ một cách riêng rẽ nhưng họ giống nhau khi chúng ta ráp họ lại với nhau. Vợ của Chiên Con là người nữ trong Ê-phê-sô chương 5. Vì Chúa Jesus là Chiên Con người nữ trong Ê-phê-sô chương 5 không thể là người nào khác hơn Vợ của Chiên Con. Người nữ trong Ê-phê-sô chương 5 cũng được so sánh với Ê-va, và Ê-va cũng được so sánh với Vợ của Chiên Con trong Khải Thị chương 21. Khi có những người đắc thắng, mà công tác của họ đại diện cho công tác của cả Hội thánh, người nữ trong Khải Thị chương 12 sẽ giới thiệu

người nữ trong Khải Thị chương 21. Kết quả là, trong tương lai đời đời, Đức Chúa Trời sẽ thật sự có được một người nữ, một người nữ cai trị là người đã xử lí Sa-tan triệt để. Đức Chúa Trời sẽ thật sự có được một người Vợ cho Chiên Con, và mục đích của Ngài được hoàn thành. Chúng ta hãy xem người nữ trong Khải Thị chương 12 trở thành người nữ trong Khải Thị chương 21 là như thế nào.

### SỰ SỤP ĐỔ CỦA BA-BY-LÔN

Trong 2 người nữ được nhắc đến trong Khải Thị 17:1-3 và 21:9-10, một người được gọi là đại kĩ nữ, người kia được gọi là Cô dâu. Khải Thị 17:1 chép: “Và một trong bảy thiên sứ cầm bảy bát đến nói với tôi rằng: Hãy đến đây, tôi sẽ chỉ cho xem sự phán xét đại kĩ nữ ngồi trên nhiều dòng nước”. Khải Thị 21:9 chép: “Và một trong bảy thiên sứ đã có bảy bát đựng đầy bảy tai họa chót đến nói với tôi, hãy đến đây, tôi sẽ chỉ cho xem Cô dâu, là Vợ của Chiên Con”. Khải Thị 17:3 chép: “Và người đưa tôi đi trong linh vào trong hoang mạc; và tôi thấy một người nữ”. Khải Thị 21:10 chép: “Và người đưa tôi đi trong linh lên một ngọn núi lớn và cao và chỉ cho tôi thấy thành thánh Giê-ru-sa-lem, từ trời ở nơi Đức Chúa Trời xuống”. Khi Thánh Linh cảm thúc con người viết Kinh Thánh, Ngài có ý định dùng một cấu trúc song song chỉ về 2 người nữ này để chúng ta có một ấn tượng rõ ràng.

Trước hết, chúng ta hãy xem xét những điều liên quan đến kĩ nữ. Kĩ nữ được nói đến trong Khải Thị chương 17 và 18 là Ba-by-lôn, là người có những việc làm buồn lòng Đức Chúa Trời vô cùng. Vì sao hành vi của bà lại xúc phạm Đức Chúa Trời đến như vậy? Ba-by-lôn tiêu biểu cho điều gì và nguyên tắc của Ba-by-lôn là gì? Vì sao Đức Chúa Trời xử lí Ba-by-lôn và vì sao cần phải chờ đợi cho đến khi Ba-by-lôn bị phán xét thì Vợ của Chiên Con mới xuất hiện? Nguyên Đức Chúa Trời mở mắt chúng ta để chúng ta thật sự thấy Ba-by-lôn theo như Kinh văn.



Tên gọi Ba-by-lôn bắt nguồn từ chữ “Ba-bên”. Chúng ta nhớ câu chuyện tháp Ba-bên trong Kinh Thánh. Nguyên tắc của tháp Ba-bên liên hệ đến nỗ lực xây dựng một điều gì từ đất vươn lên đến trời. Khi con người xây dựng tháp này, họ dùng gạch. Có sự khác biệt căn bản giữa gạch và đá. Đá do Đức Chúa Trời tạo nên, còn gạch do con người làm ra. Gạch là phát minh của con người, sản phẩm của con người. Ý nghĩa của Ba-by-lôn liên quan đến nỗ lực riêng của con người để xây dựng một cái tháp cao đến trời. Ba-by-lôn tiêu biểu cho khả năng của con người. Ba-by-lôn tiêu biểu cho Cơ Đốc giáo giả tạo, một Cơ Đốc giáo không cho phép Thánh Linh có uy quyền, không tìm kiếm sự dẫn dắt của Thánh Linh, làm mọi sự bằng nỗ lực của con người. Tất cả đều bằng gạch do con người nung; mọi sự đều tùy thuộc vào hành động của con người. Những ai theo nguyên tắc này không thấy mình hữu hạn; trái lại, họ nỗ lực làm công việc của Chúa bằng khả năng thiên nhiên của mình. Họ không đứng trong vị trí để có thể thật sự nói rằng: “Chúa ôi, nếu Ngài không ban ân điển cho chúng con, chúng con không thể làm gì được cả”. Họ nghĩ rằng khả năng con người có thể đáp ứng được những điều thuộc linh. Họ định thiết lập một điều gì đó trên đất mà có thể dựng được đến trời.

Tuy nhiên, Đức Chúa Trời không bao giờ chấp nhận điều này. Một người có một tài năng nào đó và nghĩ rằng mình có thể giảng sau khi đã học được một ít thần học. Đó là gì? Gạch! Một người khác rất thông minh sau khi được giúp đỡ chút ít và có được một số kiến thức liền trở thành một công nhân Cơ Đốc. Đây lại là gì? Gạch! Một người nào đó có khả năng làm nhiều điều, cho nên anh được mời đến để quản lí công việc Hội thánh. Đây là gì? Gạch! Tất cả những điều này là nỗ lực của con người để xây dựng một điều gì đó từ đất vươn lên trời bằng khả năng của con người, tức là bằng gạch.

Một lần nữa, chúng tôi phải nhấn mạnh rằng không có chỗ nào cho con người trong Hội thánh. Những điều thuộc

trời chỉ có thể đến từ trời; những điều thuộc đất không bao giờ có thể lên đến trời. Nan đề của con người là họ không thấy mình đang ở dưới sự phán xét, cũng không thấy mình chỉ là bụi và đất sét. Con người có thể xây cao, nhưng trời vẫn cao hơn đỉnh cao nhất của con người. Cho dù con người có thể xây dựng tháp của họ cao đến đâu chẳng nữa, họ vẫn không thể đụng đến trời. Trời luôn luôn ở trên con người. Dù con người có thể trèo cao, xây cất và có thể không sụp đổ, họ vẫn không thể đụng đến trời được. Đức Chúa Trời phá hủy kế hoạch xây dựng tháp Ba-bên của con người để chúng tỏ cho họ thấy họ vô dụng trong những vấn đề thuộc linh. Con người không thể làm gì được cả.

Trong Cựu Ước có một sự kiện khác minh họa rất tốt cho nguyên tắc này. Khi dân Israel bước vào đất Ca-na-an, người đầu tiên phạm tội là A-can. A-can phạm tội gì? Ông nói: “Khi tôi thấy trong các chiến lợi phẩm một cái áo choàng Si-nê-a tốt đẹp... tôi tham muốn và đã lấy chúng” (G-suê. 7:21). Một cái áo của người Ba-by-lôn đã cám dỗ A-can phạm tội. Cái áo choàng đẹp đẽ ấy ngụ ý điều gì? Một cái áo choàng đẹp đẽ được mặc là vì bề ngoài. Khi một người mặc một cái áo đẹp nghĩa là người ấy trang điểm chính mình để trau chuốt bề ngoài của mình, làm cho mình thêm đẹp. A-can tham muốn chiếc áo Ba-by-lôn nghĩa là ông muốn trau chuốt chính mình, làm cho mình trông tốt đẹp hơn. Đây là tội của A-can.

Ai là những người đầu tiên đã phạm tội trong Tân Ước, sau khi bắt đầu có Hội thánh? Kinh Thánh cho biết đó là Ana-nia và Sa-phi-ra. Họ đã phạm tội gì? Họ nói dối Thánh Linh. Họ không yêu Chúa lắm, nhưng họ muốn người ta nghĩ rằng họ rất yêu Chúa. Họ chỉ giả vờ. Họ không muốn dâng hiến cho Đức Chúa Trời cách vui lòng. Tuy nhiên, trước mặt con người, họ hành động như thể họ đã dâng tất cả. Đây là cái áo Ba-by-lôn.

Vì vậy, nguyên tắc Ba-by-lôn là giả hình. Không có thực tại nhưng người ta làm như thể là có để được vinh hiển từ

con người. Tại đây, có một hiểm họa cho con cái Đức Chúa Trời, tức là sự giả vờ thuộc linh. Có nhiều hành vi cử chỉ thuộc linh được đóng kịch một cách giả tạo. Đó chỉ là mặc lên một lớp vỏ bề ngoài. Nhiều lời cầu nguyện dài dòng giả tạo; nhiều giọng điệu cầu nguyện không thật. Không có thực tại, nhưng làm ra vẻ là có. Đó là nguyên tắc Ba-by-lôn. Bất cứ khi nào chúng ta mặc chiếc áo không phù hợp với tình trạng thật của mình, chúng ta đang ở trong nguyên tắc Ba-by-lôn.

Con cái Đức Chúa Trời không biết mình đã mặc lên bao nhiêu sự giả dối để nhận lấy vinh hiển từ con người. Đây là điều hoàn toàn trái ngược với thái độ của Cô dâu. Mọi điều được thực hiện cách giả dối đều theo nguyên tắc của kĩ nữ, không theo nguyên tắc của Cô dâu. Giải cứu con cái Đức Chúa Trời khỏi sự giả dối trước mặt con người là cả một vấn đề lớn lao. Nguyên tắc Ba-by-lôn là giả vờ để nhận được vinh hiển từ con người. Nếu chú tâm vào vinh hiển và địa vị của con người trong Hội thánh, chúng ta đang tham dự vào tội của chiếc áo Ba-by-lôn và tội của A-na-ria và Sa-phi-ra. Sự dâng mình giả dối là tội, thuộc linh giả tạo cũng là tội. Sự thờ phượng thật ở trong linh và trong sự chân thật. Nguyên Đức Chúa Trời làm cho chúng ta trở nên những con người chân thật.

Một tình trạng khác của Ba-by-lôn được nhìn thấy trong Khải Thị 18:7: “Vì bà tự nhủ trong lòng: ‘Ta ngự ngôi nữ vương, và ta không phải là góa phụ’”. Bà ngồi như một nữ vương. Bà đã mất hết tất cả những tính chất của một bà góa. Bà không cảm xúc gì về Chúa Jesus đã bị giết và bị đóng đinh trên thập tự giá. Trái lại, bà nói: “Ta ngự ngôi nữ vương”. Bà đã mất lòng chung thủy; bà đã đi lệch khỏi mục tiêu đúng đắn. Đó là nguyên tắc Ba-by-lôn, và đó là Cơ Đốc giáo bại hoại.

Chương 18 cho chúng ta biết nhiều điều khác về Ba-by-lôn, đặc biệt là về những sự xa xỉ mà bà hưởng thụ. Về thái độ của chúng ta đối với những phát minh khoa học, chúng

ta có thể sử dụng nhiều điều khi chúng ta có nhu cầu. Cũng như sứ đồ Phao-lô nói về việc sử dụng thế giới (1 Cô. 7:31), mục đích của chúng ta đối với những điều này là chỉ để sử dụng chúng. Tuy nhiên, sự hưởng thụ xa hoa lại là một vấn đề khác. Có một số Cơ Đốc nhân từ chối mọi sự xa hoa và mọi điều góp phần cho sự hưởng thụ của xác thịt. Chúng tôi không nói chúng ta không nên dùng những điều này chút nào, nhưng chúng tôi nói bất cứ điều gì vượt quá mức đều là xa xỉ. Cho dù đó là y phục, thức ăn, hay nhà cửa, nếu chúng vượt quá nhu cầu của chúng ta, chúng là xa xỉ và nằm trong nguyên tắc Ba-by-lôn. Đức Chúa Trời cho phép sử dụng mọi điều chúng ta cần, nhưng Ngài không chấp nhận những gì vượt quá nhu cầu của chúng ta. Chúng ta nên sắp xếp cuộc sống của mình theo nguyên tắc nhu cầu; khi ấy Đức Chúa Trời sẽ chúc phước cho chúng ta. Nếu sống theo lòng ham muốn của mình, chúng ta ở trong nguyên tắc Ba-by-lôn và Đức Chúa Trời sẽ không ban phước cho chúng ta.

Chúng ta đã thấy nguyên tắc Ba-by-lôn là pha trộn những gì của con người với Lời của Đức Chúa Trời, những điều của xác thịt với những điều của Linh. Đó là đem những điều của con người ngụy tạo thành những điều thuộc về Đức Chúa Trời. Đó là nhận lấy vinh hiển đến từ con người để thỏa mãn lòng tham muốn của con người. Do đó, Ba-by-lôn là Cơ Đốc giáo pha trộn và bại hoại. Chúng ta nên có thái độ nào đối với Ba-by-lôn? Khải Thị 18:4 chép: “Và tôi nghe một tiếng khác ra từ trời rằng: Hỡi dân ta, hãy ra khỏi nó để các ngươi không tham dự vào các tội của nó và để các ngươi khỏi chịu những tai họa của nó”. 2 Cô-rin-tô 6:17-18 cũng chép: “Cho nên, Chúa nói: ‘Các ngươi hãy ra khỏi giữa họ, hãy phân rẽ ra khỏi chúng, đừng đụng đến những gì ô uế, thì Ta sẽ tiếp nhận các ngươi; Ta sẽ làm Cha các ngươi, các ngươi sẽ làm con trai, con gái Ta’”. Theo lời Đức Chúa Trời, con cái của Ngài không thể can dự đến bất cứ điều gì có tính chất của Ba-by-lôn. Đức Chúa Trời phán chúng ta phải ra khỏi mọi tình trạng nơi mà năng lực con người pha trộn với

quyền năng của Đức Chúa Trời, nơi mà khả năng con người pha trộn với công việc của Đức Chúa Trời, và nơi mà ý kiến con người pha trộn với Lời Đức Chúa Trời. Chúng ta không thể tham dự vào bất cứ điều gì có đặc tính của Ba-by-lôn. Chúng ta phải ra khỏi đó. Từ những nơi sâu thẳm của linh mình, con cái của Đức Chúa Trời phải học tập phân rẽ chính mình khỏi Ba-by-lôn và phán xét tất cả mọi hành vi của nó. Nếu làm như vậy, chúng ta sẽ không bị định tội chung với Ba-by-lôn.

Ba-by-lôn khởi đầu với tháp Ba-bên. Càng ngày Ba-by-lôn càng trở nên to lớn hơn. Nhưng cuối cùng Đức Chúa Trời sẽ phán xét nó. Khải Thị 19:1-4 chép: “Sau việc ấy, tôi nghe như trên trời có tiếng lớn của một đám đông rất lớn, nói rằng: Ha-lê-lu-gia! Sự cứu rỗi, vinh hiển và quyền năng đều thuộc về Đức Chúa Trời chúng ta. Vì sự phán xét của Ngài là chân thật và công chính; vì Ngài đã phán xét đại kỹ nữ từng dùng sự dâm loạn nó mà làm bại hoại trái đất, và Ngài đã trả thù huyết của các nô lệ Ngài nơi tay nó. Họ lại nói lần thứ hai: Ha-lê-lu-gia! Khói của nó bay lên đến đời đời vô cùng. 24 trưởng lão và 4 sinh vật sắp mình xuống thờ lạy Đức Chúa Trời, là Đấng ngồi trên ngai rằng: Amen, Ha-lê-lu-gia!” Khi Đức Chúa Trời phán xét kỹ nữ này và làm tan tác công việc của nó, và khi Ngài đuổi tất cả những gì nó là và nguyên tắc nó đại diện thì trên trời có những tiếng nói rằng: “Ha-lê-lu-gia!” Trong Tân Ước, có rất ít tiếng “Ha-lê-lu-gia”, và tất cả đều được tung hô trong chương này vì Ba-by-lôn, kẻ đã pha trộn Lời của Đấng Christ, đã bị phán xét.

Phân đoạn trong Khải Thị 18:2-8 cho chúng ta biết lí do cho sự sa ngã và phán xét của Ba-by-lôn. Những việc làm tội lỗi của Ba-by-lôn đã bị công bố và hậu quả sự phán xét nó đã được nêu lên. Tất cả những ai có cùng tâm trí với Đức Chúa Trời phải nói Ha-lê-lu-gia, vì Đức Chúa Trời đã phán xét Ba-by-lôn. Dù sự phán xét thật ở trong tương lai, nhưng sự phán xét thuộc linh phải diễn ra hôm nay. Đức Chúa

Trời sẽ thi hành sự phán xét thực thụ trong tương lai, nhưng chúng ta phải thi hành sự phán xét thuộc linh hôm nay. Nếu con cái Đức Chúa Trời đem nhiều điều không thuộc linh vào trong Hội thánh, chúng ta cảm thấy thế nào? Phải chăng sự kiện tất cả chúng ta đều là con cái Đức Chúa Trời và việc chúng ta nên yêu thương lẫn nhau có nghĩa là chúng ta không nên nói Ha-lê-lu-gia đối với sự phán xét của Đức Chúa Trời? Chúng ta phải nhận thức rằng đây không phải là vấn đề yêu thương, mà là vấn đề vinh hiển của Đức Chúa Trời. Về nguyên tắc, Ba-by-lôn là lộn xộn và ô uế; vì vậy, tên của nó là kĩ nữ. Vài phân đoạn trong sách Khải Thị được Đức Chúa Trời dùng để mô tả Ba-by-lôn đã cho chúng ta thấy rằng Ngài vô cùng ghét nó. “Những kẻ đã hủy hoại trái đất” được chép trong Khải Thị 11:18 là thuộc về người nữ này, mà chương 19 nói rằng bà đã “làm bại hoại trái đất” (c. 2).

Đức Chúa Trời ghét nguyên tắc Ba-by-lôn hơn bất cứ điều gì khác. Trong hiện diện của Chúa, chúng ta phải lưu ý xem bao nhiêu phần của bản thể chúng ta vẫn chưa tuyệt đối vì Ngài. Bất cứ điều gì nửa vời và không tuyệt đối đều gọi là Ba-by-lôn. Chúng ta cần được Đức Chúa Trời soi sáng để trong sự sáng của Ngài chúng ta có thể phán xét mọi điều trong chúng ta mà không tuyệt đối cho Ngài. Chỉ khi nào tự phán xét chính mình như vậy chúng ta mới có thể xưng nhận rằng chúng ta cũng ghét nguyên tắc Ba-by-lôn. Bởi ân điển của Ngài, nguyên Chúa dùng để chúng ta tìm bất cứ vinh hiển và sự tôn trọng nào ở ngoài Đấng Christ. Chúa đòi hỏi chúng ta phải là những người vui thỏa và tìm cách trở nên những con người tuyệt đối chứ không phải là những người sống theo nguyên tắc Ba-by-lôn.

Khải Thị 19:5 chép: “Có tiếng ra từ ngai phán rằng: Hỡi tất cả những nô lệ của Ngài và những ai kính sợ Ngài, dầu nhỏ hay lớn, hãy ngợi khen Đức Chúa Trời chúng ta”. Nét đặc trưng của sách Khải Thị là những lời công bố từ trời. Chúng ta đọc thấy những điều như “có tiếng ra từ trời”, và

“có tiếng ra từ ngai” (18:4; 19:5). Đây là những sự công bố từ trời, cho biết thời điểm Đức Chúa Trời phán, nơi chốn Đức Chúa Trời nói và những gì Ngài nhấn mạnh. Sự công bố trong Khải Thị 19:5 có những lí do rõ ràng. Một mặt, ấy là vì đại kĩ nữ bị phán xét, mặt khác, ấy là vì mong đợi tiệc cưới Chiên Con sắp đến. Vì vậy, từ ngai có lời công bố là hãy dâng sự ngợi khen cho Đức Chúa Trời chúng ta. Đức Chúa Trời đã hành động từ đời đời và đã sử dụng nhiều năng lực trong công tác của Ngài để Ngài có thể nhận được sự ngợi khen. Sách Ê-phê-sô nói Đức Chúa Trời có cơ nghiệp trong các thánh đồ. Cơ nghiệp của Đức Chúa Trời trong các thánh đồ là gì? Chỉ có một điều mà con người có thể đáp lại cho Đức Chúa Trời, đó là ngợi khen. Ngợi khen là cơ nghiệp của Đức Chúa Trời trong các thánh đồ. Tiếng từ trời công bố rằng tất cả các tội tở của Đức Chúa Trời, tất cả những ai thuộc về Đức Chúa Trời, cả nhỏ lẫn lớn đều phải ngợi khen Ngài. Mục đích của Đức Chúa Trời phải được thực hiện và sẽ sớm được hoàn thành. Đức Chúa Trời phải đạt được điều Ngài theo đuổi; tất cả chúng ta phải ngợi khen Ngài.

Khi tiếng từ ngai công bố rằng sự ngợi khen phải dâng lên cho Đức Chúa Trời, có nhiều tiếng vang dội khắp cả vũ trụ. Khải Thị 19:6 chép: “Tôi lại nghe dường như tiếng của quần chúng rất đông, giống như tiếng của nhiều dòng nước, như tiếng sấm lớn, nói rằng: Ha-lê-lu-gia! Vì Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta, là Đấng Toàn Năng đang cai trị”. Một mặt, có lời công bố từ ngai, mặt khác, có muôn ngàn muôn vạn tiếng đáp ứng. Đang khi Giăng lắng tai, ông không nghe tiếng của một người; trái lại, ông nghe tiếng của một đám đông dường như tiếng của nhiều dòng nước và tiếng sấm lớn. Khi đã nghe tiếng của một thác nước lớn hay tiếng sóng biển rồi, anh em có thể nhận biết tiếng của nhiều dòng nước lớn như thế nào. Tiếng sấm đã lớn rồi; tiếng của nhiều tiếng sấm mạnh mẽ lại còn lớn đến đâu! Tất cả những âm thanh mạnh mẽ và rền vang như sấm này nói rằng: Ha-lê-lu-gia! Sự công bố từ trời, sự đáp ứng từ cả vũ trụ, và mọi

tiếng đều nói: Ha-lê-lu-gia, vì một biến cố đặc biệt sắp xảy ra. Biến cố ấy là “Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta, là Đấng Toàn Năng cai trị”.

Đang khi đọc lời tuyên bố này, lòng chúng ta đặt vào điều gì? Phân đoạn này không nói rằng chúng ta sẽ cai trị và vì vậy chúng ta nên vui mừng và hết sức thỏa lòng. Phân đoạn này cũng không nói rằng chúng ta sẽ nhận được vương miện, và vì vậy, chúng ta nên ngợi khen Đức Chúa Trời. Đoạn này nói Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta, là Đấng Toàn Năng cai trị. Ý tưởng của Đức Chúa Trời là Ngài phải cai trị, Ngài phải thi hành uy quyền. Khi Đức Chúa Trời cai trị, ấy là Đấng Christ cai trị. Chúng ta hãy quay lại Khải Thị 11:15: “Vương quốc của thế giới đã trở nên vương quốc của Chúa chúng ta và của Đấng Christ Ngài, và Ngài sẽ cai trị đời đời mãi mãi”. “Chúa chúng ta” chỉ về Đức Chúa Trời, và “Đấng Christ Ngài” chỉ về Đấng Christ. Nhưng đại từ “Ngài” theo sau được dùng một cách khá kì lạ. Vì phân đoạn này bắt đầu bằng “Chúa của chúng ta và... Đấng Christ của Ngài” nên câu này có vẻ hợp lí hơn nếu được tiếp tục như sau: “Họ sẽ cai trị đời đời mãi mãi”. Như vậy sẽ đúng về mặt văn phạm. Nhưng phân đoạn trên không được viết như vậy. Nó được nối tiếp bằng cụm từ “Ngài sẽ cai trị đời đời mãi mãi”. Qua điều này, chúng ta hiểu sự cai trị của Chúa là sự cai trị của Đấng Christ, và sự cai trị của Đấng Christ là sự cai trị của Đức Chúa Trời. Vương quốc của Đức Chúa Trời là vương quốc của Đấng Christ. Sự cai trị của Đức Chúa Trời là sự cai trị của Đấng Christ. Vì Đức Chúa Trời cai trị và Đấng Christ cai trị nên mọi người đều vui mừng cũng hết sức thỏa lòng và reo lên: Ha-lê-lu-gia!

Khải Thị 19:7 tiếp tục: “Chúng ta hãy vui mừng hơn hở, hãy tôn vinh Ngài”. Đây là thời điểm khi Đức Chúa Trời được tôn vinh. Câu Kinh Thánh theo sau nói rằng “...vì lễ cưới của Chiên Con đã đến, và Vợ Ngài đã tươm tủa soạn rồi”. (Vợ là từ ngữ dịch đúng, Dù một vài dịch giả dùng chữ Cô dâu). Không những uy quyền của Đức Chúa Trời đã bắt



đầu, mà vương quốc cũng đã được đem đến. Hơn nữa, con người tập thể, tức Ê-va đòi đòi mà Đức Chúa Trời ao ước, thì Ngài đã có được. Lễ cưới của Chiên Con đã đến, và Vợ Ngài đã tự sửa soạn rồi. Có 2 lí do để ngợi khen. Thứ nhất là Đức Chúa Trời cai trị. Đối với sự kiện này, chúng ta nói Ha-lê-lu-gia! Thứ hai, Đức Chúa Trời đã đạt được điều Ngài quyết định phải có trong quá khứ đòi đòi. Về điều này, chúng ta cũng nói Ha-lê-lu-gia! Chúng ta cũng nên vui mừng và hết sức thỏa lòng, vì một ngày kia chắc chắn Đức Chúa Trời sẽ có được điều Ngài ao ước. Khi lễ cưới của Chiên Con đến, người Vợ đã tự chuẩn bị sẵn sàng.

Khi nhìn vào chính mình, dường như không thể nào có một ngày như vậy sẽ xảy đến, là lúc Đấng Christ trình diện Hội thánh vinh hiển ấy cho chính Ngài, không tì vết, không nếp nhăn, hay bất cứ điều gì như vậy. Nhưng vì điều này sẽ xảy ra, làm thế nào chúng ta có thể kiềm chế mà không nói Ha-lê-lu-gia! Cho dù cả hôm qua lẫn hôm nay có nhiều sự yếu đuối như thế nào, vào ngày ấy Đức Chúa Trời vẫn có được điều Ngài đã quyết. Đừng bao giờ quên điều này: vào ngày đó, người Vợ đã sẵn sàng. Do đó, chúng ta hãy dâng vinh hiển cho Ngài, và phải nói Ha-lê-lu-gia!

Chúng ta hãy đọc lại câu 7: “Chúng ta hãy vui mừng hơn hở, hãy tôn vinh Ngài, vì lễ cưới Chiên Con đã đến, và Vợ Ngài đã tự sửa soạn rồi”. Chúng ta phải lưu ý rằng phân đoạn này nói về Vợ của Chiên Con, không phải Cô dâu của Chiên Con. Bây giờ, chúng ta hãy tiếp tục xem 21:1-2: “Đoạn, tôi thấy trời mới và đất mới.... Tôi cũng thấy thành thánh, là Giê-ru-sa-lem mới, từ trời ở nơi Đức Chúa Trời mà xuống, sửa soạn như một Cô dâu trang sức đợi chồng mình”. Khi nào những sự kiện liên quan đến người Vợ tự mình chuẩn bị sẵn sàng trong chương 19 sẽ xảy ra? Trước thiên hi niên. Khi nào thì những sự kiện liên quan đến Cô dâu đã sẵn sàng trong chương 21 sẽ xảy ra? Sau thiên hi niên. Vì Giê-ru-sa-lem Mới phải chờ đợi trời mới, đất mới trước khi trở thành Cô dâu của Chiên Con, vậy tại sao lại nói Vợ của

Chiên Con đã chuẩn bị trước thiên hi niên? Xin lưu ý rằng chương 19 không nói về lễ cưới Chiên Con, mà chỉ nói lễ cưới của Chiên Con đã đến. Khi ấy, nếu nhìn ngược lại, chúng ta sẽ thấy kĩ nữ đã sụp đổ, và nếu nhìn tới, chúng ta sẽ thấy trời mới, đất mới. Vì vậy, có lời công bố lễ cưới của Chiên Con đã đến. Tuy nhiên, thực ra, có một ngàn năm ở giữa. Chỉ khi nào một ngàn năm này trôi qua thì thời điểm thật sự dành cho lễ cưới của Chiên Con mới đến. Người nữ thật sự là Vợ của Đấng Christ trong trời mới, đất mới chứ không phải trong thời vương quốc.

Có một điều nữa chúng ta cần lưu ý. Trong chương 12, có một người nữ với người-con-traí và những con cái khác. Nhưng trong chương 19 chỉ có một người Vợ. Người-con-traí và những người con ấy ở đâu? Đường như họ đã biến mất. Làm thế nào người nữ, người-con-traí và tất cả những người con khác của bà có thể trở nên Vợ của Chiên Con?

Để sáng tỏ, chúng ta phải xem nguyên tắc người-con-traí. Hãy nhớ rằng người-con-traí hoàn thành mọi điều như thể đại diện cho cả Hội thánh. Trong chương 19, lời công bố rằng người Vợ đã tự chuẩn bị được nói đến khi đang nhìn vào những người đắc thắng. Cả Hội thánh phải chờ đợi cho đến thời điểm trời mới đất mới để trở nên Cô dâu. Khi ấy, Hội thánh mới sẵn sàng. Nhưng một ngàn năm trước đó, có một lời công bố rằng người Vợ đã tự sửa soạn rồi. Sao nói như vậy? Sự sửa soạn đó là gì? Lời công bố này nói đến sự sửa soạn của những người đắc thắng và không chỉ về ai ngoài những người đắc thắng. Vì những người đắc thắng đã hoàn toàn sẵn sàng nên có thể công bố rằng người Vợ đã tự sửa soạn.

Chúng ta phải nhớ rằng những gì mà những người đắc thắng đã hoàn thành không phải là cho chính họ, nhưng cho cả Hội thánh. Lời Đức Chúa Trời nói khi một chi thể được tôn vinh, tất cả các chi thể khác đều cùng vui mừng với chi thể ấy (1 Cô. 12:26). Người đắc thắng thay mặt cho cả Hội thánh chiến đấu với Sa-tan. Sự đắc thắng của họ đem lợi ích

đến cho toàn thể Hội thánh. Vì vậy, sự sẵn sàng được đề cập trong chương 19 liên quan đến vấn đề sự sống. Vì những người đắc thắng trưởng thành hơn trong sự sống nên họ đã chuẩn bị sẵn sàng. Vì những người đắc thắng đã sẵn sàng trước mặt Đức Chúa Trời nên Ngài kể sự sẵn sàng của họ là sự sẵn sàng của cả Thân thể.

Chúng ta có cảm thấy sự quý báu của điều này không? Chúng ta phải nhớ một điều, đó là tất cả sự tìm kiếm và mọi sự lớn lên của mình không vì chúng ta cách cá thể, nhưng vì Thân thể. Những gì mỗi chi thể nhận được từ Đức Chúa Trời đều vì cả Thân thể. Khi tai anh em nghe một lời nào đó, anh em không thể nói rằng anh em không nghe, vì đôi tai anh em là một với thân thể anh em. Khi miệng anh em nói điều gì sai, anh em không thể phủ nhận rằng anh em đã không nói sai, vì miệng và thân thể của anh em liên hiệp với nhau. Cũng vậy, bất cứ điều gì những người đắc thắng hoàn thành là sự hoàn thành của cả Thân thể. Vì Chúa là Đầu của Hội thánh nên những gì Ngài đã hoàn thành trên thập tự giá đều thuộc về Hội thánh. Cũng vậy, như chúng ta nhận được lợi ích từ Đầu, chúng ta cũng nhận lợi ích từ Thân thể. Như chúng ta tham dự vào những gì Chúa đã hoàn thành, chúng ta cũng tham dự vào những gì các chi thể khác đã hoàn thành. Khi Đức Chúa Trời thấy sự sẵn sàng của những người đắc thắng, Ngài kể đó là sự sẵn sàng của toàn bộ Hội thánh. Vì vậy, có thể nói, người Vợ đã tự sửa soạn rồi.

Sự sẵn sàng của người Vợ đặc biệt chỉ về những chiếc áo của người Vợ. 19:8 chép: “Cũng đã cho nàng mặc áo bằng vải lanh mịn sáng láng và tinh sạch; vì vải lanh mịn là sự công chính của các thánh đồ”. Kinh văn khẳng thị rằng có hai chiếc áo cho Cơ Đốc nhân. Một là Chúa Jesus. Chúa Jesus là y phục của chúng ta. Hai là chiếc áo bằng vải lanh mịn, sáng láng và tinh sạch, được nói đến trong câu 8. Mỗi khi chúng ta đến trước mặt Đức Chúa Trời, thì Chúa Jesus là chiếc áo của chúng ta. Ngài là sự công chính của chúng ta,

và chúng ta mặc lấy Ngài khi đến gần Đức Chúa Trời. Chiếc áo này là y phục thông thường; mỗi thánh đồ đều mặc trước mặt Đức Chúa Trời và không thể để mình lỏa lồ. Mặt khác, khi được trình diện cho Đấng Christ, chúng ta phải mặc vải lanh mịn, sáng láng và tinh sạch. Đây là những sự công chính của các thánh đồ. “Những sự công chính” có nghĩa là một chuỗi những việc làm công chính, việc làm này nối tiếp việc làm kia. Tất cả những việc làm công chính này hợp lại với nhau thành chiếc áo vải lanh mịn của chúng ta. Khi được cứu, chúng ta bắt đầu nhận được chiếc áo vải lanh mịn để trang sức, tức là những sự công chính của các thánh đồ.

Chúng ta cũng có thể thấy 2 bộ áo này dành cho Cơ Đốc nhân trong Thi Thiên 45. Câu 13 chép: “Công chúa trong đền được rất vinh hiển; / Áo nàng đều thêu dệt bằng vàng”. Vật liệu y phục nàng là vàng, vàng được đánh dát. Sau đó, câu 14 chép: “Nàng sẽ mặc áo thêu ra mắt vua”. Y phục được đề cập trong câu 13 khác với y phục trong câu 14. Trong câu 13, y phục là bằng vàng, nhưng trong câu 14, y phục là công tác thêu dệt. Y phục bằng vải lanh mịn trong Khải Thị chương 19 thì được thêu, không phải làm bằng vàng.

Thế thì vàng là gì? Chúa Jesus là vàng. Ngài là vàng vì Ngài hoàn toàn thuộc về Đức Chúa Trời. Sự công chính mà Chúa Jesus ban cho chúng ta, y phục Ngài mặc cho chúng ta khi chúng ta được cứu là một điều gì đó bằng vàng. Ngoài loại y phục này, từ ngày nhận được sự cứu rỗi, chúng ta đang thêu một bộ y phục khác. Bộ y phục này liên quan đến những hành động công chính của các thánh đồ. Nói cách khác, y phục bằng vàng là do Đức Chúa Trời ban cho chúng ta qua Chúa Jesus, trong khi y phục bằng công tác thêu dệt được Chúa Jesus ban cho chúng ta qua Thánh Linh. Khi chúng ta tin Chúa, Đức Chúa Trời ban cho chúng ta chiếc áo bằng vàng qua Chúa Jesus. Chiếc áo này là chính Chúa Jesus và không có gì liên quan đến hạnh kiểm của chúng ta. Y phục này do Ngài trang bị, được may sẵn. Tuy nhiên,

chiếc áo thêu dệt có liên quan đến việc làm của chúng ta, được thực hiện hằng ngày mỗi khi công tác của Thánh Linh thêu một mũi kim vào trong chúng ta.

Ý nghĩa của sự thêu dệt này là gì? Ban đầu, có một tấm vải trơn, không có gì trên đó. Sau đó, “chỉ” được thêu lên, và nhờ công tác thêu dệt này, tấm vải ban đầu và chỉ thêu trở nên một. Điều này có nghĩa là khi Linh của Đức Chúa Trời hành động trên chúng ta, Ngài cấu tạo Đấng Christ vào trong chúng ta, đó là công tác thêu dệt. Sau đó, chúng ta không chỉ có chiếc áo bằng vàng mà còn có chiếc áo được Thánh Linh thêu dệt. Nhờ công tác này, Đấng Christ sẽ được cấu tạo trong chúng ta và được biểu lộ qua chúng ta. Chiếc áo thêu dệt này là những hành động công chính của các thánh đồ. Công tác này không phải chỉ thực hiện một lần đủ cả, nhưng được lập đi lập lại hằng ngày cho đến khi Đức Chúa Trời nói rằng đã sẵn sàng.

Có lẽ có người hỏi những hành động công chính được nói đến ở đây cách cụ thể là gì. Các sách Phúc Âm ghi lại nhiều hành động công chính, chẳng hạn như hành động bày tỏ lòng yêu Chúa của Ma-ri bằng cách xúc dầu cho Ngài. Sự công chính này có thể là một trong những mũi chỉ thêu ngang dọc trên chiếc áo bằng vải lanh mịn của nàng. Có những người khác, chẳng hạn như Gian-nơ, vợ của Chu-xa và nhiều người nữ khác, vì yêu Chúa, đã cung cấp nhu cầu vật chất cho Chúa và các môn đồ của Ngài. Đây cũng là những hành động công chính. Lòng của chúng ta thường được tình yêu Chúa đụng chạm và chúng ta bày tỏ điều ấy ra bên ngoài bằng hành động. Đây là sự công chính của chúng ta, là y phục bằng vải lanh mịn của chúng ta. Đây là công tác thêu dệt đang được thực hiện ngày nay. Bất cứ sự bày tỏ nào là kết quả của tình yêu chúng ta đối với Chúa và được thực hiện qua Thánh Linh đều là một mũi thêu của hàng ngàn mũi thêu khác trong công tác thêu dệt. Kinh Thánh nói rằng bất cứ ai cho một người nhỏ bé trong vòng anh em Chúa uống một li nước lạnh thì chắc chắn sẽ không

mất phần thưởng của mình. Đây là một hành động công chính được thực hiện vì lòng yêu Chúa. Khi chúng ta bày tỏ hay có một hành động nào vì yêu Chúa, đó là sự công chính.

Khải Thị 7:9 nói chiếc áo này là áo dài trắng, đã được giặt và làm cho trắng trong huyết Chiên Con. Chúng ta phải nhớ mình chỉ có thể được làm cho trắng bằng cách được huyết tẩy sạch tội. Không những chúng ta phải được tẩy sạch khỏi tội, mà còn phải được tẩy sạch khỏi những hành vi tốt lành của mình. Điều này cũng chỉ có thể trở nên trắng do được tẩy sạch trong huyết. Không một hành động nào của Cơ Đốc nhân vốn trắng cả. Dù công chính phần nào, chúng ta cũng vẫn bị pha trộn và không thuần khiết. Chúng ta thường tử tế với người khác, nhưng bên trong chúng ta không vui lòng. Chúng ta thường kiên nhẫn với người khác, nhưng khi về nhà, chúng ta cần nhẫn. Vì vậy, sau khi thực hiện một hành động công chính nào, chúng ta vẫn cần được huyết tẩy sạch. Chúng ta cần huyết Chúa Jesus tẩy sạch chúng ta khỏi những tội mình đã vi phạm, và chúng ta cũng cần huyết Chúa Jesus tẩy sạch những hành động công chính của mình.

Không một Cơ Đốc nhân nào có thể may một chiếc áo trắng tinh. Dù chúng ta có may một chiếc áo 99 % tinh khiết thì cũng vẫn có 1 % pha trộn. Trước mặt Đức Chúa Trời, không một ai là hoàn toàn không có điều đáng trách. Ngay cả những việc lành được thực hiện xuất phát từ lòng yêu Chúa cũng cần được huyết tẩy sạch. Một người rất thuộc linh từng nói ngay cả nước mắt ông đổ ra vì tội cũng cần phải được huyết tẩy sạch. Ôi, ngay cả nước mắt ăn năn cũng cần phải được huyết tẩy sạch! Vì vậy, Khải Thị 7:14 cho thấy rằng những chiếc áo dài của họ đã được làm cho trắng tinh trong huyết Chiên Con. Chúng ta không có gì để khoe khoang. Từ bên ngoài cho đến bên trong, không có gì hoàn toàn thuần khiết cả. Càng biết chính mình, chúng ta càng thấy mình ô uế biết bao. Những việc làm tốt nhất và những ý định tốt nhất của chúng ta cũng bị sự ô uế pha trộn

vào. Không có sự tẩy sạch của huyết, không thể nào tinh sạch được.

Nhưng y phục không những trắng mà còn sáng láng hay tỏa sáng (19:8). Ý nghĩa của sáng láng là tỏa sáng. Màu trắng có khuynh hướng trở nên ngà ngà, nhợt nhạt và tầm thường. Nhưng y phục này không những trắng mà còn tỏa sáng. Trước khi Ê-va phạm tội, bà có thể trắng, nhưng không tỏa sáng chút nào. Trước khi sa ngã, Ê-va không có tội, nhưng bà vô tội, chứ không thánh biệt. Đức Chúa Trời không chỉ đòi hỏi chúng ta trắng mà Ngài cũng đòi hỏi chúng ta phải tỏa sáng. Trắng là phương diện tiêu cực, thụ động, nhưng tỏa sáng là phương diện tích cực, sống động.

Vì vậy, chúng ta đừng sợ khó nhọc, cũng đừng mong đợi một con đường bằng phẳng, vì những ngày khó khăn có thể làm cho chúng ta tỏa sáng. Đối với một vài Cơ Đốc nhân, chúng ta không cảm thấy họ phạm tội hay sai trật trong bất cứ phương diện nào. Trái lại, chúng ta cảm thấy họ rất tốt hầu như về mọi mặt. Nhưng chúng ta cũng không cảm thấy họ có điều gì sáng láng. Cái tốt của họ chỉ là cái tốt bình thường. Họ trắng, nhưng không sáng. Tuy nhiên có những Cơ Đốc nhân thường bị thử thách và đối diện với nhiều đau khổ. Họ thường rung động, đến nỗi dường như chắc họ sẽ sa ngã, nhưng họ lại tiếp tục đứng. Sau một thời gian, những Cơ Đốc nhân này đạt được phẩm chất tỏa sáng. Họ tỏa sáng qua tính cách và mỹ đức của mình. Họ không tầm thường, nhưng tỏa sáng; họ không những trắng mà còn sáng láng.

Đức Chúa Trời đang hành động trong chúng ta cách liên tục. Ngài liên tục dành nhiều nỗ lực trên chúng ta để làm cho chúng ta trở nên trắng, và Ngài đang liên tục lao tác trên chúng ta để làm chúng ta tỏa sáng. Niềm ao ước của Ngài là chúng ta trở nên sáng láng. Vì vậy, chúng ta phải trả một giá cao. Chúng ta phải sẵn lòng chấp nhận mọi khó khăn đến với mình. Nếu không, chúng ta sẽ không bao giờ có thể sáng láng. Chỉ trắng thôi thì chưa đủ; Đức Chúa Trời đòi hỏi rằng sự sáng láng tích cực trong chúng ta phải được

nhìn thấy. Nỗi sợ gian khổ, rắc rối và muốn đi con đường dễ và bằng phẳng sẽ làm cho chúng ta mất đi sự sáng láng của mình. Càng gặp nhiều đau khổ và khó khăn, chúng ta càng chiếu sáng. Những con người có đời sống bình thường và dễ chịu có thể trắng, nhưng họ sẽ không bao giờ chiếu sáng.

Chiếc áo này bằng vải lanh mịn. Theo Kinh văn, len có ý nghĩa khác với vải lanh. Len chỉ về công tác của Chúa Jesus còn vải lanh mịn chỉ về công tác của Thánh Linh. Ê-sai 53:7 mô tả Chúa Jesus như một chiên câm trước mặt kẻ hót lông. Qua câu này, chúng ta thấy len có tính chất cứu chuộc. Tuy nhiên, không có tính cứu chuộc đối với vải lanh mịn. Vải lanh được sản xuất từ thực vật và không liên quan đến huyết. Vải lanh mịn là sản phẩm của công tác Thánh Linh trong con người. Chiếc áo vải lanh mịn cho chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời không chỉ đòi hỏi con người có sự công chính của Ngài, mà còn phải có những việc làm công chính của chính mình. Đức Chúa Trời không chỉ dự định có được sự công chính của Ngài trong chúng ta mà Ngài còn dự định có được nhiều sự công chính trong chúng ta.

“Đã cho nàng mặc y phục bằng vải lanh mịn, sáng láng và tinh sạch” (Khải. 19:8). Mọi việc làm, mọi sự công chính bên ngoài đều là sản phẩm của ân điển. “Đã cho nàng...”. Các việc làm không do con người thiên nhiên tạo ra, chúng là sản phẩm của công tác Thánh Linh trong con người. Chúng ta phải học tập ngừa trông Chúa và cầu nguyện với tấm lòng trông đợi rằng: “Chúa ơi, xin ban điều ấy cho con. Chúa ơi, xin ban ân điển cho con”. Điều ấy tốt đẹp biết bao – chiếc áo này được ban cho bởi ân điển! Nếu chúng ta nói mình làm nên chiếc áo ấy thì vẫn đúng. Đó thật sự là công việc của chúng ta. Nhưng mặc khác, ấy là do Đức Chúa Trời ban cho, vì chúng ta không thể nào sản sinh ra một điều gì khi nương cậy nơi chính mình. Qua Thánh Linh, Chúa hoàn thành điều ấy trong chúng ta.

Nhiều lúc chúng ta cảm thấy một gánh nặng thật lớn. Chúng ta muốn chạy trốn, gần như chúng ta nài khẩn



Chúa: “Chúa ơi, xin giải phóng con!” Nhưng chúng ta phải đổi cách cầu nguyện của mình mà thưa: “Chúa ơi, xin làm cho con có thể mang được gánh nặng này. Chúa ơi, xin làm cho con có thể chịu đựng được điều ấy. Xin làm trắng con và cho con được mặc y phục sáng láng”.

Khải Thị 19:9 chép: “Và người (thiên sứ) nói với tôi: ‘Hãy ghi chép...’”. Đức Chúa Trời phán, và Ngài bảo Giăng ghi chép. Giăng đã viết gì? “Phước cho những người được kêu gọi đến dự tiệc cưới Chiên Con”. Vị thiên sứ nói: “Đây là những lời chân thật của Đức Chúa Trời”. Ô, không thể có đặc quyền nào, địa vị nào cao hơn điều này, ấy là được kêu gọi đến dự tiệc cưới Chiên Con. “Đây là những lời chân thật của Đức Chúa Trời”. Đức Chúa Trời đặc biệt nói rõ rằng đây là những lời chân thật của Ngài. Chúng ta phải tiếp nhận, lắng nghe và ghi nhớ những lời này.

Giữa những người được kêu gọi đến dự tiệc cưới và Cô dâu của Chiên Con thì có sự khác biệt thế nào? Cô dâu là nhóm người được tuyển chọn, là người mới. Nhưng những người được gọi đến tiệc cưới Chiên Con gồm rất nhiều cá nhân, tức là những người đắc thắng. Tiệc cưới Chiên Con chỉ về thời đại vương quốc. Những người được kêu gọi đến sẽ cùng với Chúa vui hưởng một mối tương giao đặc biệt, có một không hai, mà trước đây chưa ai từng nếm biết. Chúa nói qua thiên sứ rằng: “Phước cho những người được kêu gọi đến dự tiệc cưới Chiên Con... Đây là những lời chân thật của Đức Chúa Trời”. Vì có Ngài, nguyện Đức Chúa Trời làm cho chúng ta có thể được vui hưởng mối tương giao đặc biệt này với Ngài. Nguyện Ngài làm cho chúng ta trở nên những người tìm cách làm thỏa mãn lòng ao ước của Ngài một cách khiêm nhường. Nguyện Ngài làm cho chúng ta tìm cách trở nên những người cung ứng sự sống vì có Hội thánh. Và nguyện Ngài làm cho chúng ta trở nên những người đắc thắng vì có vương quốc.

## TRỜI MỚI ĐẤT MỚI

21:1 chép: “Doạn, tôi thấy trời mới và đất mới; vì trời thứ nhất và đất thứ nhất đã qua rồi, và không còn có biển nữa”. Một lần nữa, ở đây chúng ta đứng đối lại với Sáng Thế Kí từ một khoảng xa. Trong Sáng Thế Kí chương 1, trời và đất là trời đất ban đầu, nhưng trong câu này, chúng ta có trời mới và đất mới. Trong Sáng Thế Kí có biển, nhưng trong câu này biển không còn nữa.

Câu 2 tiếp tục: “Tôi cũng thấy thành thánh, là Giê-ru-sa-lem Mới, từ trời ở nơi Đức Chúa Trời xuống, sửa soạn như một tân phụ trang sức đợi chồng mình”. Trong chương 19, có lời tuyên bố lễ cưới Chiên Con đã đến và Vợ Ngài đã tự sửa soạn rồi. Nhưng trong chương này, Giê-ru-sa-lem Mới đã được chuẩn bị như một Cô dâu trang sức đợi chồng mình. Đây là sự thật. Trong sách Khải Thị có nhiều lời tuyên bố, nhưng lời tuyên bố quan trọng nhất là Khải Thị 11:15. Theo thứ tự của các biến cố thì sự cất lên của người-con-traí và việc ném con rồng từ trời xuống xảy ra sau lời tuyên bố này. Vậy thì làm thế nào lời tuyên bố “Vương quốc của thế giới đã trở nên vương quốc của Chúa chúng ta và của Đấng Christ Ngài” lại có thể được đưa ra vào thời điểm này? Điều ấy có thể được, bởi vì lời tuyên bố được loan báo vào lúc bắt đầu các sự kiện chứ không phải vào lúc hoàn tất. Điều này có nghĩa là một bước ngoặt đã đến. Khi có một bước ngoặt nào đó hướng đến mục đích đời đời của Đức Chúa Trời, Ngài có thể tuyên bố một lời như vậy trên trời. Trong chương 19, Đức Chúa Trời đưa ra một lời tuyên bố khác rằng lễ cưới Chiên Con đã đến và Vợ Ngài đã tự sửa soạn rồi. Lời tuyên bố này cũng được đưa ra vào thời điểm bắt đầu các sự kiện sắp xảy ra. Vì trước mặt Ngài, những người đắc thắng đại diện cho Cô dâu và theo cách nhìn của Ngài nhóm người này đã tự sửa soạn rồi, nên Đức Chúa Trời có thể tuyên bố rằng lễ cưới Chiên Con đã đến và Vợ Ngài đã tự sửa soạn rồi. Tuy nhiên, sự kiện “đã đến” này

được nhận thấy trọn vẹn trong trời mới, đất mới. Trong Khải Thị 21:2, Giăng thật sự đã nhìn thấy Giê-ru-sa-lem Mới từ trời ở nơi Đức Chúa Trời xuống. Lúc ấy, Cô dâu thật sự sẵn sàng trong một ý nghĩa trọn vẹn. Đây không chỉ là sự sẵn sàng được tuyên bố trong chương 19, mà là một sự sẵn sàng trong thực tế.

Bây giờ, chúng ta cần quay lại đọc Ê-phê-sô 5:26 và 27. “Để Ngài có thể thánh hóa Hội thánh, tẩy sạch Hội thánh bằng sự tẩy rửa ấy của nước trong lời để Ngài có thể trình diện cho chính Ngài Hội thánh vinh hiển, không vết nhơ hay nếp nhăn hay bất cứ điều gì như thế, nhưng thánh biệt và không chỗ trách được” (RcV). “Để Ngài có thể trình diện cho chính Ngài Hội thánh vinh hiển” là điều được ứng nghiệm trong Khải Thị chương 21. Bây giờ, trước mặt Đức Chúa Trời, Cô dâu sẵn sàng được trình diện cho Chúa. “Sửa soạn như một Cô dâu” không còn khó hiểu nữa. Vào cuối thời đại vương quốc, cả Hội thánh sẽ được đưa đến chỗ này. Điều hiện nay chúng ta chưa thấy, sẽ được thấy cách trọn vẹn trong ngày ấy. Ngày nay, chúng ta có thể nói tiêu chuẩn Đức Chúa Trời dành cho Hội thánh rất cao và chúng ta thắc mắc làm thế nào Hội thánh có thể đạt đến tình trạng đó được. Chúng ta có thể không biết Đức Chúa Trời sẽ thực hiện điều đó như thế nào, nhưng chúng ta biết chắc rằng Hội thánh sẽ đạt đến địa vị đó vào thời điểm trời mới đất mới. Vài người nghĩ rằng Hội thánh sẽ đạt đến giai đoạn trong Ê-phê-sô chương 5 trước thời đại vương quốc. Tuy nhiên, Chúa không nói như vậy. Mãi cho đến Khải Thị chương 21, Hội thánh mới đạt đến điểm ấy. Vào thời đại trời mới và đất mới, sẽ không chỉ có một nhóm thánh đồ hoàn hảo mà tất cả các thánh đồ, cả Thân thể, từ tất cả các quốc gia, suốt mọi thời đại sẽ được hoàn hảo. Tất cả sẽ cùng nhau ở trước mặt Đức Chúa Trời và được vinh hiển trong sự hiện diện của Ngài.

Khải Thị 21:3 chép: “Và tôi nghe một tiếng lớn ra từ ngai, nói rằng: Kìa, nhà trại của Đức Chúa Trời ở giữa loài

người, Ngài sẽ đóng trại giữa họ, và họ sẽ làm dân Ngài, chính Đức Chúa Trời ở giữa họ và làm Đức Chúa Trời của họ". Câu này bày tỏ trời mới đất mới sẽ như thế nào. Trời mới đất mới là phước hạnh đời đời và phước hạnh tích cực được nói đến ở đây. Tiếp theo câu này là những mệnh đề nói rằng sẽ không còn điều này, không còn điều kia. Đây là những phương diện tiêu cực, không phải tích cực. Phước hạnh đời đời và tích cực là gì? Ấy là Đức Chúa Trời sẽ ở với chúng ta. Sự hiện diện của Đức Chúa Trời là phước hạnh. Tất cả những gì Kinh văn từng nói về phước hạnh đời đời được tóm lại trong các lời này: "Chính Đức Chúa Trời sẽ ở với họ". Nỗi đau khổ lớn lao nhất là không có sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Nhưng tất cả sự vui hưởng trong cõi đời đời sẽ là hiện diện của Đức Chúa Trời. Phước hạnh của ngày ấy không gì khác hơn là Đức Chúa Trời ở với chúng ta. Sa-lô-môn từng nói: "Kìa, trời và trời của các tầng trời chẳng có thể chứa Ngài được thay, phương chi cái đền này tôi đã cất!" (1 Vua 8:27). Trời và trời của các tầng trời không thể chứa đựng Ngài, nhưng chúng ta có thể nói Giê-ru-sa-lem Mới có thể chứa đựng Ngài. Đức Chúa Trời ở trong Giê-ru-sa-lem Mới, và ngai của Đức Chúa Trời được lập tại đó.

Giê-ru-sa-lem Mới là người nữ mà chúng ta đã suy gẫm. Trong Sáng Thế Kí, chúng ta thấy một khu vườn và một người nữ. Người nữ này phạm tội, và Đức Chúa Trời đuổi nàng ra khỏi vườn. Bây giờ, trong trời mới đất mới, người nữ và thành thánh là một; họ không còn là hai thực thể riêng biệt nữa. Vì Giê-ru-sa-lem Mới là một người nữ nên Giê-ru-sa-lem Mới là Vợ của Chiên Con; do đó, người nữ này và thành thánh là một. Không những vậy, ngai của Đức Chúa Trời còn được thiết lập tại Giê-ru-sa-lem, hay chúng ta có thể nói chính Đức Chúa Trời ở trong người nữ này. Đấng Toàn Năng ở trong nàng. Vì vậy, dầu quyền lực hay sự cám dỗ đến từ bên ngoài có lớn đến đâu chẳng nữa cũng không thành vấn đề. Các thế lực gian ác không còn có thể tiến vào, và con người cũng không thể sa ngã nữa, vì Đức

Chúa Trời đã ở bên trong nàng. Phước hạnh của trời mới đất mới là sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Tất cả những ai từng ném một điều gì đó về sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong kinh nghiệm mình đều biết đó thật là một phước hạnh. Không một phước hạnh nào lớn hơn hay quý báu hơn điều này.

Chúng ta hãy đọc lại phần cuối câu 3: “Ngài sẽ đóng trại với họ, và họ sẽ là dân Ngài. Chính Đức Chúa Trời sẽ ở với họ và là Đức Chúa Trời của họ”. Chúng ta có thấy mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và con người không? Làm dân của Đức Chúa Trời thật ra có ý nghĩa gì đối với chúng ta? Điều đó có nghĩa là Đức Chúa Trời ở với chúng ta và vì vậy, chúng ta là dân của Ngài. Đức Chúa Trời sẽ là Đức Chúa Trời của chúng ta có ý nghĩa gì? Có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ ở cùng chúng ta và do đó, Ngài sẽ là Đức Chúa Trời của chúng ta. Khi chúng ta xa cách hiện diện của Ngài, Đức Chúa Trời không thể làm Đức Chúa Trời của chúng ta. Phước hạnh lớn nhất và cao nhất trong cõi đời đời là Đức Chúa Trời sẽ ở với chúng ta và làm Đức Chúa Trời của chúng ta.

Câu 4 chép: “Ngài sẽ lau ráo mọi giọt lệ khỏi mắt họ, sự chết không còn nữa, cũng chẳng có tang chế, hoặc kêu khóc, hoặc đau đớn nữa; vì những sự trước đây đã qua rồi”. Mọi người đều có kinh nghiệm đổ nước mắt, nhưng trong trời mới đất mới họ sẽ nhận được phước hạnh này – Đức Chúa Trời sẽ lau ráo mọi giọt lệ khỏi mắt họ. Sự chết hoàn toàn là hậu quả của sự sa ngã. Nhưng trong trời mới đất mới, sẽ không còn sự chết nữa. Kẻ thù cuối cùng này sẽ bị xóa sạch. Buồn rầu, than thở là sự đau đớn của lòng chúng ta, là cảm xúc đau khổ bên trong; kêu khóc là sự khóc lóc bên ngoài, sự bày tỏ ra bên ngoài. Đau đớn là sự khổ sở của thân thể vật lí. Nhưng Đức Chúa Trời sẽ kết thúc mọi điều này. Tất cả những điều ấy đều được tóm lại trong những lời này: “mọi giọt lệ, sự chết, sự buồn rầu, than khóc, và đau đớn”. Nhưng những điều ấy sẽ không còn nữa; tất cả đều sẽ qua hết.

Câu 5 chép: “Đấng ngự trên ngai phán rằng: ‘Này, ta làm mới lại mọi sự’. Nan đề chúng ta đối diện ngày nay là dù chúng ta là sáng tạo mới, nhưng chúng ta vẫn sống trong sáng tạo cũ. Nhưng vào ngày ấy, mọi sự sẽ trở nên mới; tất cả mọi điều sẽ ở trong sáng tạo mới. Không những bản thể bên trong là mới, mà bên ngoài cũng mới. Toàn thể môi trường chung quanh và mọi sự ở bên trong sẽ được làm nên mới. Điều này được gọi là cõi đời đời. Sáng tạo mới là vì chúng ta. Lòng của chúng ta sẽ được thỏa mãn chỉ khi mọi vật đều ở trong sáng tạo mới. Ê-sai chương 6 nói về một kinh nghiệm đau thương mà tất cả chúng ta đều nếm trải: “Tôi là một người có môi dơ dáy”. Ngoài ra, một kinh nghiệm đau thương khác được ghi lại: “Tôi ở giữa một dân có môi dơ dáy”. Nhưng trong ngày ấy, mọi sự chung quanh chúng ta sẽ ở trong sáng tạo mới. Ngày ấy sẽ tuyệt đối vinh hiển.

Khải Thị 21:5 tiếp tục: “Và người nói: ‘Hãy viết, vì những lời này đều trung tín và chân thật’”. Thật tốt biết bao vì những lời này đã được ghi lại. Đức Chúa Trời ban những lời này cho Giăng và bảo ông ghi lại. Không một chấm hay một nét nào của những gì đã được viết có thể qua đi. Những lời này là trung tín và chân thật! Đức tin tối hậu của chúng ta là được thấy Đức Chúa Trời giành được chiến thắng cuối cùng.

Trong câu 6, Đức Chúa Trời bảo Giăng: “Xong rồi”. Dựa trên nền tảng nào Đức Chúa Trời có thể nói với Giăng là điều ấy đã được thực hiện xong? Ngài có thể nói điều này vì Ngài là “An-pha và Ô-mê-ga, đầu tiên và cuối cùng”. Thường thì công việc của Đức Chúa Trời dường như không được thành công, nhưng Ngài nói: “Ta là An-pha và Ô-mê-ga”. Đức Chúa Trời đã thiết kế kiểu mẫu ban đầu, và cuối cùng Ngài cũng sẽ hoàn thành kiểu mẫu ấy. Chúng ta cảm tạ Chúa biết bao vì Ngài là An-pha, Đấng khởi đầu mọi sự. Sáng Thế Kí 1:1 chép: “Ban đầu Đức Chúa Trời...”. Khi trời và đất được sáng tạo, Đức Chúa

Trời hoạch định mọi điều. Mọi sự bắt nguồn từ Đức Chúa Trời. Đồng thời Ngài cũng là Ô-mê-ga. Con người có thể thất bại và sẽ thất bại, nhưng Đức Chúa Trời là Ô-mê-ga. Người ta có thể nói thế này, thế kia, nhưng Đức Chúa Trời nói lời sau cùng. Ngài là Ô-mê-ga.

Đức Chúa Trời phán những điều này vì Ngài muốn cho chúng ta biết Ngài sẽ đem kế hoạch của Ngài đến chỗ hoàn tất, Ngài sẽ đạt được mục tiêu của Ngài, và Ngài sẽ hoàn thành những gì Ngài đã bắt đầu. Chúng ta thừa nhận rằng công việc của Sa-tan đã thật sự ngăn cản công việc của Đức Chúa Trời, nhưng chúng ta còn biết hơn nữa rằng Đức Chúa Trời không chỉ là An-pha, là Đấng có chủ đích từ ban đầu, nhưng cũng là Ô-mê-ga, là Đấng cuối cùng sẽ thành công. Đức Chúa Trời không bao giờ bỏ cuộc, và Ngài sẽ không bao giờ để cho bất cứ phần nào của mục đích Ngài ở trong tình trạng dang dở. Bất kể tình trạng Hội thánh trong kinh nghiệm hiện nay có ra sao chẳng nữa, Hội thánh sẽ không tì vết, không nếp nhăn, hoặc không có bất cứ điều gì như vậy trong mục tiêu của Đức Chúa Trời. Hơn nữa, Hội thánh sẽ mặc lấy vinh hiển và được trình diện cho Con Ngài.

Khi chúng ta thấy con cái Đức Chúa Trời khác nhau rất nhiều về đức tin, giáo lí cũng như trong sự thực hành, chúng ta phải tự hỏi làm thế nào họ có thể đạt đến sự hiệp một trong đức tin, như đã được nói đến trong Ê-phê-sô chương 4. Chúng ta thường thờ dãi và nói điều đó không bao giờ có thể xảy ra cho dầu có chờ đợi thêm 2000 năm nữa. Nhưng Đức Chúa Trời phán rằng Ngài là Ô-mê-ga. Sẽ đến ngày Ngài có một Hội thánh vinh hiển trước mặt Ngài. Ngài có thể dùng nước, hay dùng lửa, nhưng chắc chắn Ngài sẽ có một Hội thánh vinh hiển. Chúng ta không thể cản trở Đức Chúa Trời. Ngài sẽ đạt được điều làm Ngài thỏa lòng. Dù chúng ta có yếu đuối, hờ hững hay cứng cõi đến đâu đi nữa, thì sẽ có một ngày Đức Chúa Trời đập vỡ chúng ta tan tành. Ngài sẽ phá vỡ chúng ta, và làm cho chúng ta tan nát

để chúng ta trở nên điều lòng Ngài ao ước. Đức Chúa Trời là Ô-mê-ga. Vì Đức Chúa Trời đang làm điều này nên Ngài sẽ theo đuổi đến cùng. Ngài sẽ không bao giờ bỏ cuộc. Chúng ta hãy vui mừng ngợi khen Ngài. Ngài phải đạt được mục tiêu của Ngài!

Câu 6 tiếp tục: “Kẻ nào khát, Ta sẽ lấy nước suối sự sống mà ban cho cách vô điều kiện.” Sự nhấn mạnh ở đây không phải là vào sự cứu chuộc mà vào việc chúng ta cần Đức Chúa Trời. Ý nghĩa của cơn khát ở đây là nhu cầu về Đức Chúa Trời. Không có Đức Chúa Trời nghĩa là chúng ta không có nước. Vì vậy, suối nước sự sống là để làm thỏa mãn những người khát.

Bây giờ, chúng ta phải chú ý kĩ câu 7. Chúng ta cảm tạ Đức Chúa Trời biết bao vì lời hứa quý báu đặc biệt trong câu này cho chúng ta biết những người đắc thắng sẽ nhận được điều gì. Những người đắc thắng được nói đến ở đây khác với những người được đề cập đến trong Khải Thị chương 2 và 3. Những người đắc thắng trong các chương 2 và 3 là một nhóm người ra từ toàn thể Hội thánh, trong khi những người đắc thắng nói đến ở đây được liên hệ với “người nào khát”. Câu đi trước câu này chép: “Ta sẽ lấy nước suối sự sống mà ban cho cách vô điều kiện”. Sau đó, câu 7 chép: “Người đắc thắng sẽ thừa hưởng những điều này”. Nói cách khác, những ai uống nước suối sự sống là những người đắc thắng được nói đến ở đây. Những người đắc thắng này khác với những ai không uống nước này. Loại đắc thắng này giống như điều được nói đến trong 1 Giăng 5:4: “Hễ chi sanh bởi Đức Chúa Trời thì thắng thế giới, và sự thắng thế giới, ấy là đức tin của chúng ta.” Những ai do Đức Chúa Trời sinh ra, những ai thuộc về Chúa, thì có đức tin. Những ai không thuộc về Chúa thì không có đức tin. Và đức tin này làm cho chúng ta đắc thắng thế giới. Điều này chắc chắn làm cho chúng ta vui mừng reo lên: Ha-lê-lu-gia! Trong trời mới đất mới, tất cả chúng ta đều là người đắc thắng! Người-con-traí trong thời đại vương quốc được tạo



thành bởi một thiểu số, nhưng trong Giê-ru-sa-lem Mới, cả Thân thể đều đắc thắng. Trong Giê-ru-sa-lem Mới vấn đề chỉ là chúng ta có đức tin hay không. Nếu có đức tin, chúng ta là những người đắc thắng.

Vào ngày ấy, Đức Chúa Trời lẽ lau ráo mọi giọt lệ khỏi mắt chúng ta; sẽ không còn sự chết nữa, cũng sẽ không còn buồn rầu, kêu khóc, hay là đau đớn nữa, vì những điều trước đã qua rồi. Nhưng tất cả những điều ấy thuộc về phương diện tiêu cực. Điều tích cực là “Ngài sẽ đóng trại với họ, và họ sẽ là dân Ngài”. Trong câu 7, Đức Chúa Trời cũng phán: “Ta sẽ là Đức Chúa Trời của người, và người sẽ là con Ta”. Vì vậy, trước mặt Đức Chúa Trời, địa vị Cơ Đốc nhân của chúng ta không chỉ là dân mà còn là con. Đức Chúa Trời muốn có nhiều con bước vào vinh hiển. Chúng ta cảm tạ và ngợi khen Đức Chúa Trời vì Ngài phán: “Ta sẽ là Đức Chúa Trời của người, và người sẽ là con Ta”. Trong cõi đời đời không có phúc hạnh nào cao hơn điều này.

Câu 8 chép: “Nhưng những kẻ nhát sợ, kẻ chẳng tin, kẻ đáng gớm ghê, kẻ giết người, kẻ gian dân, kẻ tà thuật, kẻ thờ hình tượng, và mọi kẻ giả dối, phần của chúng nó sẽ ở trong hồ cháy bằng lửa và lưu huỳnh, ấy là sự chết thứ hai”. Như phúc hạnh trong cõi đời đời là một sự thật thế nào, thì hình phạt trong cõi đời đời cũng là một sự thật như vậy. Hình phạt từ Đức Chúa Trời của tình yêu là điều không thể tránh khỏi và không thể trốn thoát. Đây là lời cảnh cáo nghiêm trọng cho mọi người.

## THÀNH THÁNH TỪ TRỜI XUỐNG

Bây giờ, chúng ta hãy xem xét những chi tiết của thành thánh Giê-ru-sa-lem Mới. Khải Thị 21:9-10 chép: “Một trong bảy thiên sứ đã cầm bảy bát đựng đầy bảy tai họa chót, đến nói cùng tôi rằng: ‘Hãy đến đây, ta sẽ chỉ cho ngươi tân phụ là vợ của Chiên Con.’” Tôi ở trong linh, được người đem tôi đến một núi lớn và cao, chỉ cho tôi thấy thành thánh Giê-ru-sa-lem, từ trời ở nơi Đức Chúa Trời mà xuống”.

Khi thiên sứ muốn chỉ cho Giăng xem đại kĩ nữ trong Khải Thị 17:1-3, thiên sứ dẫn ông vào hoang mạc. Theo cách nhìn của Đức Chúa Trời và theo cách nhìn của những người được Thánh Linh cảm thúc, kĩ nữ là người ở trong hoang mạc. Bà sống ở một nơi không có sự sống và không có hoa quả, tức là một vùng đất son sẻ. Ngày nay, người ta có thể ngắm những nhà thờ cao lớn, tham dự những buổi nhóm Chúa nhật được chuẩn bị kĩ lưỡng, và họ có thể ngưỡng mộ khả năng của con người, nhưng theo cách nhìn của Đức Chúa Trời, mọi điều phát xuất từ nguồn gốc Ba-by-lôn đều ở trong hoang mạc, rất hoang vu.

Khi thiên sứ chỉ cho Giăng thấy Vợ của Chiên Con, người đưa ông lên ngọn núi lớn và cao. Tại đó, thiên sứ chỉ cho Giăng thấy thành thánh, là Giê-ru-sa-lem, từ trời ở nơi Đức Chúa Trời xuống. Từ trên ngọn núi lớn và cao Giăng đã nhìn thấy quang cảnh ấy. Điều này bày tỏ rằng nếu chúng ta ao ước thấy khải tượng đời đời của Đức Chúa Trời, chúng ta phải được Ngài đưa lên ngọn núi lớn và cao. Về mặt thuộc linh, nếu không đứng trên ngọn núi cao, chúng ta sẽ không thấy những người đang sống ở đồng bằng, sẽ không thấy Giê-ru-sa-lem Mới, chúng ta cũng không thấy công tác tối hậu của Đức Chúa Trời. Khi Môi-se đến Giô-đanh với dân Israel, Đức Chúa Trời bảo ông làm gì? Ngài truyền cho ông lên núi Phích-ga và ngược mắt lên nhìn miền đất Ngài đã hứa. Điều này cũng nói lên rằng muốn nhận được khải tượng, khải thị và thấy kế hoạch của Đức Chúa Trời, chúng ta phải ở trên cao.

Đừng bao giờ nghĩ chỉ cần làm một Cơ Đốc nhân bình thường hằng ngày, không phạm tội gì nghiêm trọng là đã đủ tốt rồi. Phải nhận biết rằng hễ khi nào chúng ta còn ở vị trí này thì kế hoạch đời đời của Đức Chúa Trời đối với chúng ta sẽ chẳng là gì ngoài giáo lí và kiến thức. Chúng ta phải hi vọng vươn lên và đạt đến một mức độ thuộc linh nào đó. Chúng ta nên mong ước leo lên núi cao. Chỉ khi nào làm như vậy, chúng ta mới có thể nhìn thấy Giê-ru-sa-lem Mới.

Đức Chúa Trời ao ước làm điều gì, Ngài sẽ hoàn thành điều đó. Điều Đức Chúa Trời đã định trong quá khứ đời đời, Ngài sẽ đạt được trong tương lai đời đời. Trước hết, cần phải có những người đắc thắng để đem vương quốc đến, và sau đó, cần phải có những người đắc thắng để đem trời mới đất mới đến. Nhưng nan đề là, ai sẽ là những người đắc thắng? Để làm người đắc thắng, chúng ta phải có khả thi. Nếu không có khả thi, chúng ta dễ tiếp nhận mọi điều như giáo điều. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng kiến thức không bao giờ sanh ra bông trái; chỉ có khả thi mới có kết quả. Tuy nhiên, để có được khả thi, chúng ta phải lên núi cao, không được ở dưới đồng bằng. Có những khó khăn khi leo núi vì chúng ta phải vận dụng sức mạnh để leo. Chúng ta không thể đạt đến đỉnh cao trừ khi nỗ lực. Nguyên Đức Chúa Trời ban cho chúng ta thành tựu thuộc linh này và giải cứu chúng ta khỏi tình trạng đồng bằng thấp thỏi. Chúng ta không nên nghĩ rằng chỉ cần được cứu và không ao ước gì nữa là đủ rồi. Đức Chúa Trời phải cứu chúng ta khỏi mức độ sống thấp kém này và bày tỏ cho chúng ta thấy khát vọng của lòng Ngài. Chỉ khi nào ở trên núi cao chúng ta mới nhận được khả thi.

Sau khi Giảng thấy Giê-ru-sa-lem Mới, ông đã làm một điều dại dột, ông quy xuống thờ phượng nơi chân thiên sứ. Hành động này dù dại dột nhưng cũng đầy ý nghĩa. Giữa vòng 12 môn đồ, Giảng là người sau cùng lia khỏi thế giới này. Sự hiểu biết, hành động, tình yêu và kinh nghiệm của ông vượt xa chúng ta; tuy nhiên trong sách Khải Thị, chúng ta thấy ông làm điều dại dột này hai lần. Có 2 trường hợp ông muốn thờ lạy thiên sứ – một lần trong 19:10 và một lần trong 22:8. Dù Giảng hành động như vậy là không hợp pháp và được khuyên: “Đừng làm như vậy”, nhưng điều ấy cũng bày tỏ rằng Giảng là một người rất hết lòng và ông đã hết sức quý trọng kế hoạch và công tác của Đức Chúa Trời. Trong một tình trạng như vậy, ông không thể kiềm chế mình nên đã làm một điều dại dột. Hành động của ông sai

lầm, nhưng tấm lòng ông đã tỏ ra đúng đắn. Điều này cho thấy thái độ chúng ta nên có khi nhìn thấy Khải tượng của Đức Chúa Trời. Nguyên Chúa cũng cho chúng ta thấy Khải tượng như vậy. Nguyên Ngài làm cho chúng ta có thể tiến lên nơi cao để nhìn thấy Giê-ru-sa-lem Mới. Ô, nguyện tất cả mọi điều trong chúng ta đều vì sự thành công của Khải tượng này và không vì điều gì khác!

Thiên sứ nói với Giăng: “Ta sẽ chỉ cho ngươi Cô dâu, là Vợ của Chiên Con” (21:9). Thiên sứ nói sẽ chỉ cho ông thấy Vợ của Chiên Con, nhưng Giăng lại nhìn thấy “thành thánh, là Giê-ru-sa-lem từ trời, ở nơi Đức Chúa Trời xuống” (c. 10). Vợ của Chiên Con mà Giăng thấy là thành thánh Giê-ru-sa-lem. Vì vậy, sự mô tả thành phố này cũng là sự mô tả Vợ của Chiên Con. Thành phố là hình ảnh tượng trưng, mô tả những đặc tính và tình trạng thuộc linh của Thân thể tập thể mà Đức Chúa Trời đã chọn trước khi sáng thế.

Thành phố này từ trời ở nơi Đức Chúa Trời xuống. Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời không chỉ quan tâm tới nơi đến của con người tập thể mà cũng quan tâm đến điểm xuất phát của con người tập thể này. Đây không chỉ là vấn đề tương lai mà còn là vấn đề nguồn gốc. Vợ của Chiên Con từ trời xuống. Giê-ru-sa-lem Mới từ trời đến, không phải từ đất. Đức Chúa Trời không bày tỏ cho chúng ta thấy một con người với một lịch sử tội, rồi về sau được cứu. (Nói vậy không có nghĩa là chúng ta không có lịch sử tội, không cần phải ăn năn và được cứu nhờ ân điển). Trái lại, phân đoạn này chỉ bày tỏ cho chúng ta thấy phần ra từ Đức Chúa Trời. Phân đoạn ấy bày tỏ cho chúng ta Hội thánh vinh hiển trong Ê-phê-sô chương 5 là Hội thánh được trình diện cho Đấng Christ.

Trong Cựu Ước, có một người nữ đại diện cho Hội thánh được dâng lên cho Đấng Christ cách đặc biệt. Người nữ ấy là Rê-bê-ca. Áp-ra-ham bảo người đầy tớ già rằng: “Ngươi không cưới một cô nào trong bọn con gái của dân Ca-na-an,

tức giữa dân ấy ta trú ngụ, làm vợ cho con trai ta. Nhưng hãy đi về quê hương ta, trong vòng bà con ta, cưới một người vợ cho Y-sác, con trai ta” (Sáng. 24:3-4). Rê-bê-ca không phải là một người ở miền đất phía tây sông O-phơ-rát, cũng không phải một người ở phía tây sông Giô-đanh, nhưng cô là họ hàng của Y-sác.

Đức Chúa Trời ao ước có một người tập thể là họ hàng của Đấng Christ. Vì Đấng Christ đến từ trời nên Hội thánh cũng phải đến từ trời. Vì vậy, Hê-bo-rơ 2:11 chép: “Vì cả Đấng thánh hóa và những người được thánh hóa đều thuộc về một Đấng, vì vậy, Ngài không hổ thẹn mà gọi họ là anh em [ruột]”. Anh em ruột là gì? Anh em ruột là những người do cùng một cha mẹ sinh ra. Chúng ta cảm tạ Chúa biết bao vì về một mặt, chúng ta được mua bằng huyết quý báu của Chúa, mặt khác, chúng ta thật sự được Đức Chúa Trời sinh ra. Lịch sử của mỗi một Cơ Đốc nhân đều có hai phương diện: một là về phương diện bên ngoài chúng ta được Đức Chúa Trời mua, hai là phương diện bề trong, chúng ta được Đức Chúa Trời sinh ra. Nhìn từ lịch sử tội của mình thì bên ngoài, chúng ta được mua; nhưng nhìn từ lịch sử không liên quan đến tội, chúng ta do Đức Chúa Trời sinh ra, vì ai do Đức Chúa Trời sinh ra đều không thể phạm tội. Phần này không có khởi đầu tội hay lịch sử tội. Sự kiện Giê-ru-sa-lem Mới từ nơi Đức Chúa Trời xuống hàm ý rằng Hội thánh chưa bao giờ ở trên trái đất này. Dường như Hội thánh đến trái đất này lần đầu tiên. Điều này không có nghĩa là chúng ta không đến với Đức Chúa Trời như những tội nhân, nhưng là có một phần trong chúng ta ra từ Đức Chúa Trời và hoàn toàn thuộc về Đức Chúa Trời. Chúng ta phải cảm tạ Chúa biết bao vì Giê-ru-sa-lem Mới ra từ trời, ở nơi Đức Chúa Trời mà xuống!

Thành này hoàn toàn khác với thành được ghi lại trong chương 17. Thành ấy được gọi là thành lớn, và thành này được gọi là thành thánh. Đặc điểm của Ba-by-lôn là to lớn, và đặc điểm của Giê-ru-sa-lem Mới là thánh biệt. Giữa vòng

các Cơ Đốc nhân có những người bị lôi cuốn theo những điều to lớn, nhưng cũng có những người chú ý đến sự thánh biệt. Những ai tập trung vào sự to lớn đều ở trong nguyên tắc Ba-by-lôn, trong khi những người quan tâm đến sự thánh biệt thì ở trong nguyên tắc Giê-ru-sa-lem Mới.

Sự thánh biệt có ý nghĩa gì? Vì chỉ một mình Đức Chúa Trời là thánh nên bất cứ điều gì ra từ Ngài cũng phải thánh. Nói rằng “Cả Đấng thánh hóa và những người được thánh hóa đều thuộc về một Đấng” có nghĩa là Đấng Christ là thánh vì Ngài thuộc về Đấng ấy, và chúng ta cũng thánh vì chúng ta cũng thuộc về Đấng ấy. Chỉ có những ai thuộc về Đấng ấy mới thánh. Chỉ có những gì ra từ Đức Chúa Trời mới có giá trị; những gì ra từ Đức Chúa Trời và chỉ có những điều ra từ Đức Chúa Trời mới là Giê-ru-sa-lem Mới. Mọi điều gì thuộc về con người phải bị gạt qua một bên. Vấn đề được cất lên là căn cứ trên điều này. Vì sao một số người bị bỏ lại? Vì họ có quá nhiều điều không thuộc về Đấng Christ, và những gì không thuộc về Đấng Christ không thể được đem lên trời. Không một điều gì không ra từ trời lại có thể trở về trời. Mọi điều thuộc đất phải bị để lại trên đất; trong khi mọi điều thuộc trời phải trở về trời.

### ÁNH SÁNG CỦA THÀNH THÁNH

Khải Thị 21:11 mô tả thành phố này “có sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, vị sáng của thành giống như bửu thạch rất quý, dường như bích ngọc, trong như thủy tinh.” Bích ngọc đã được đề cập đến trong Khải Thị chương 4. Giăng thấy một Đấng ngồi trên ngai, dáng vẻ giống như bích ngọc và hồng bửu thạch. Đấng Giăng thấy ngồi trên ngai giống như bích ngọc. Nói cách khác, ý nghĩa của bích ngọc là Đức Chúa Trời được nhìn thấy, Đức Chúa Trời được làm cho hữu hình. Khi con người đứng trước ngai, họ sẽ nhận biết Đức Chúa Trời như bích ngọc. Chúng ta sẽ nhận biết Ngài như vậy khi chúng ta đến đó, chứ không phải đang khi ở đây. Hiện nay, chúng ta nhận biết Ngài cách mù mờ về nhiều

phương diện, nhưng trong thành phố ấy, vinh hiển của Đức Chúa Trời có ánh sáng của bích ngọc. Điều này có nghĩa là khi Giê-ru-sa-lem Mới xuống đất, chúng ta sẽ có thể nhìn thấy chính Đức Chúa Trời. Chúng ta sẽ không bao giờ hiểu lầm Ngài nữa, cũng sẽ không cần hỏi lí do về bất cứ điều gì. Ánh sáng của Giê-ru-sa-lem Mới trong như thủy tinh, không một dấu vết pha trộn nào. Vào ngày ấy, mọi sự đều sẽ trong suốt và bày tỏ rõ ràng cho chúng ta. Vào ngày ấy, chúng ta sẽ thấy Đức Chúa Trời và chúng ta sẽ biết Ngài.

### DÂN CƯ CỦA THÀNH THÁNH

Các câu 12-14 chép: “Thành có bức tường cao lớn, có mười hai cổng, nơi các cổng có mười hai thiên sứ, trên ghi các danh của mười hai chi phái của các con cái Israel: phía đông có ba cổng, phía bắc ba cổng, phía nam ba cổng và phía tây ba cổng. Tường của thành có mười hai nền, và trên đó có mười hai danh của mười hai sứ đồ của Chiên Con”. Bao nhiêu người bao hàm trong con người tập thể này? Chúng ta được biết tên của 12 chi phái Israel được viết trên các cổng, và tên của 12 sứ đồ được viết trên các nền. Điều này cho chúng ta thấy thành phố bao gồm các thánh đồ của cả thời Cựu Ước lẫn Tân Ước.

Điều ấy có thể được minh chứng qua những phân đoạn Kinh Thánh sau đây. Lu-ca 13:28-29 chép: “Ở đó sẽ có khóc lóc và nghiền răng khi các anh thấy Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp cùng mọi tiên tri đều ở trong vương quốc của Đức Chúa Trời, còn các anh thì bị ném ra bên ngoài. Rồi từ Đông, Tây, Bắc, Nam, người ta sẽ đến và ngồi vào bàn trong vương quốc của Đức Chúa Trời” (RcV). Ở đây, chúng ta thấy vương quốc Đức Chúa Trời bao gồm Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp, là những người đại diện cho các thánh đồ thời Cựu Ước. Những người đến từ đông, tây, nam, bắc đại diện cho các thánh đồ thời Tân Ước. Hai nhóm người này là những người tham dự vào vương quốc Đức Chúa Trời; vì vậy, tất cả sẽ cùng vào Giê-ru-sa-lem Mới.

Hê-bo-rơ 11:8-10 chép: “Bởi đức tin Áp-ra-ham...kiều ngụ trong xứ đã hứa, như trong xứ lạ, ở trong trại với Y-sác và Gia-cốp là kẻ đồng thừa thọ cùng một lời hứa với mình. Vì người trông đợi một thành có nền tảng, mà Đấng kiến trúc và xây dựng thành ấy là Đức Chúa Trời.” Thành được đề cập đến trong phân đoạn này là Giê-ru-sa-lem Mới. Chỉ có thành này là thành có các nền tảng, mà Kiến trúc sư và Người xây dựng là Đức Chúa Trời. Câu 13 chép: “Tất cả những người này đều chết trong đức tin”. “Tất cả những người này” là A-bên, Hê-nóc, Nô-ê, Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp, và nhiều người khác. Câu 16 tiếp tục: “Nhưng nay họ thiết tha mong mỗi một quê hương tốt hơn, tức là quê hương trên trời. Cho nên, Đức Chúa Trời không thẹn mà chịu họ xưng Ngài là Đức Chúa Trời của họ, vì Ngài đã sẵn sẵn cho họ một thành.” “Họ” trong câu 16 là “những người này” trong câu 13. Điều này cho thấy các thánh đồ trong Cựu Ước có phần trong Giê-ru-sa-lem Mới. Từ A-bên vào thuở ban đầu cho đến tất cả các thánh đồ trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời đã chỉ định một thành, là Giê-ru-sa-lem Mới. Tất cả đều có phần trong đó. Các câu 39-40 chép: “Hết thấy những người đó, dầu non đức tin đã được chứng tốt, song chưa nhận được điều đã hứa, vì Đức Chúa Trời có sẵn sẵn điều tốt hơn cho chúng ta, hầu cho ngoài chúng ta họ không đạt đến sự trọn vẹn được.” Đức Chúa Trời đã để tất cả các thánh đồ Cựu Ước chờ đợi; họ chưa nhận được thành ấy. Ngài bảo họ hãy chờ đợi để rồi cả họ lẫn chúng ta đều cùng đi đến đó. Qua điều này, chúng ta thấy tất cả các thánh đồ trong thời Cựu Ước và các thánh đồ trong thời Tân Ước đều sẽ ở trong Giê-ru-sa-lem Mới.

Ê-phê-sô 2:11-14 chép: “Vây, hãy nhớ rằng anh em từng là dân ngoại trong xác thịt, bị...xem là người không chịu cắt bì, bấy giờ anh em ở ngoài Christ, xa cách quốc dân Israel, và là khách lạ đối với các giao ước của lời hứa, không có hi vọng và không có Đức Chúa Trời trong thế giới. Nhưng trong Christ Jesus, anh em là người từng xa rời mà nay đã



trở nên gắn gũi trong huyết của Đấng Christ. Vì chính Ngài là sự hòa bình của chúng ta; Ngài đã làm cho cả hai thành một và đã phá đổ bức tường ngăn cách ở giữa, tức sự thù nghịch” (RcV). Từ câu 11 đến câu 13, đại từ “anh em” được dùng, nhưng trong câu 14, đại từ này thay đổi thành đại từ “của chúng ta”. Khi chữ “anh em” được sử dụng, là chỉ về các thánh đồ tại Ê-phê-sô, nhưng khi chữ “chúng ta” được dùng, là chỉ về cả các thánh đồ Do Thái lẫn các thánh đồ tại Ê-phê-sô, cũng như các thánh đồ của cả thời Cựu Ước lẫn Tân Ước. Đấng Christ là sự hòa bình của chúng ta và Ngài làm cho cả hai nên một, phá đổ bức tường ngăn cách ở giữa. Câu 15 chép: “Bằng cách bãi bỏ trong xác thịt Ngài luật của những điều răn trong các quy định, để Ngài có thể sáng tạo cả hai trong chính Ngài thành một người mới, vậy là làm nên hòa bình” (RcV). Chữ “hai” trong câu này tương ứng với chữ “cả hai” trong câu 14. Điều này cũng chỉ về các thánh đồ trong Cựu Ước và các thánh đồ trong Tân Ước, chứ không chỉ về mối quan hệ giữa con người và Đức Chúa Trời. Có thể nào Đức Chúa Trời và con người cùng được tạo dựng thành một người mới không? Không. Phần đoạn này nói về cả các thánh đồ dân ngoại lẫn các thánh đồ Do Thái, các thánh đồ thời Cựu Ước cũng như các thánh đồ thời Tân Ước.

Câu 16 chép: “Và làm cho cả hai được phục hòa với Đức Chúa Trời trong một Thân thể qua thập tự giá, sau khi đã diệt trừ sự thù nghịch bởi điều ấy”. “Làm cho cả hai được phục hòa trong một Thân thể” có nghĩa là các thánh đồ Cựu Ước cũng như các thánh đồ Tân Ước được hòa lại với Đức Chúa Trời. Các câu 17-19 chép: “Và Ngài đến, rao báo hòa bình như là phúc âm cho anh em là người vốn xa rời, cũng rao báo hòa bình cho người ở gần, vì qua Ngài mà chúng ta cả hai đều có được lối vào trong một Linh dẫn đến Cha. Như vậy, anh em không còn là khách lạ và kiêu dân nữa, nhưng đồng là công dân với các thánh đồ và là thành viên thuộc người nhà của Đức Chúa Trời” (RcV). Các thánh đồ tại Ê-phê-sô không còn là khách lạ nữa, nhưng cùng là công dân

với các thánh đồ và là người nhà của Đức Chúa Trời. Các câu 20-22 chép: “Được xây dựng trên nền các sứ đồ và tiên tri, chính Christ Jesus là đá góc; trong Ngài cả tòa nhà, được kết liên với nhau, đang lớn lên nên đền thờ thánh trong Chúa; trong Ngài anh em cũng đang được xây dựng với nhau thành nơi ở của Đức Chúa Trời trong linh” (RcV). Như vậy, chỗ ở của Đức Chúa Trời bao hàm mọi thánh đồ thời Cựu Ước và Tân Ước. Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp có ở đó, và chúng ta cũng có mặt tại đó. Tóm lại, vào thời đại trời mới đất mới, tất cả những ai có sự sống của Đức Chúa Trời đều được bao hàm trong Giê-ru-sa-lem Mới.

### THÀNH, CÁC CỔNG VÀ TƯỜNG THÀNH

Chúng ta hãy tiếp tục đọc Khải Thị chương 21. Chúng ta phải đặc biệt chú ý đến tường của thành. Câu 12 chép: “Thành có một bức tường cao lớn”. Câu 15 chép: “Thiên sứ nói với tôi có một cây lau bằng vàng là một cây thước để đo thành, các cổng và tường thành”. Câu 17 chép: “Và người đo tường thành, được một trăm bốn mươi bốn cúp-bít, theo kích thước của loài người, tức là của một thiên sứ”.

Ban đầu, Đức Chúa Trời lập một khu vườn ở Ê-đen, và con rắn đã có thể vào được trong đó để nói chuyện với Ê-va. Điều này cho chúng ta thấy chung quanh khu vườn không có tường bao quanh. Ban đầu, Đức Chúa Trời dự định cho A-đam giữ vườn. Nói cách khác, ý định của Ngài là A-đam phải là bức tường của khu vườn. Tuy nhiên, A-đam không canh giữ vườn, và Sa-tan đã bước vào. Nhưng còn Giê-ru-sa-lem Mới thì sao? Giê-ru-sa-lem Mới có một bức tường. Về một mặt, bức tường là để bao gồm, về mặt khác, bức tường ấy là để loại ra. Bức tường đó bao gồm và gìn giữ mọi sự ở bên trong thành, cũng ngăn cản và loại trừ mọi sự ở bên ngoài thành. Khi có một bức tường bao quanh thành, nó có công dụng phân cách những gì ở bên trong với những gì ở bên ngoài; nó tạo sự khác biệt giữa những gì ở trong với những gì ở ngoài. Giê-ru-sa-lem Mới là người mới mà Đức

Chúa Trời ao ước có được. Người mới ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời và phân rẽ khỏi mọi sự ở bên ngoài. Con rắn không thể nào bò vào. Có một bức tường, một sự phân cách, một sự phân biệt. Mọi khả năng len lỏi vào của con rắn đều bị loại trừ.

Khi mô tả Giê-ru-sa-lem Mới, ngoài vinh hiển của Đức Chúa Trời, điều đầu tiên được đề cập đến là bức tường. Vì vậy, sự phân cách trong đời sống Cơ Đốc nhân là một trong những nguyên tắc quan trọng nhất. Không có sự phân cách, Cơ Đốc nhân không có giá trị gì. Cần phải vẽ một lần ranh để phân biệt những gì thuộc linh với những gì thuộc xác thịt. Giê-ru-sa-lem Mới có một sự phân cách, một ranh giới và chúng ta cần học tập từ điều này. Mọi điều của Ba-by-lôn phải bị loại bỏ, trong khi mọi điều thuộc về Đức Chúa Trời phải được bảo vệ. Xây dựng tường thành không phải là chuyện dễ vì Sa-tan ghét tường thành hơn bất cứ điều gì khác. Khi Nê-hê-mi trở về Giê-ru-sa-lem để xây dựng tường thành, San-ba-lát và Tô-bi-gia đã đến để nỗ lực ngăn chặn việc xây cất. Nê-hê-mi một tay cầm giáo, một tay xây cất vách thành. Vì vậy, chúng ta phải cầu xin Đức Chúa Trời giúp chúng ta mang những vũ khí thuộc linh để chiến đấu với sự gian ác thuộc linh ở các nơi cao và để duy trì nguyên tắc phân cách.

Thành này có 12 cổng và 12 nền. Trên các nền có tên của 12 sứ đồ của Chiên Con. Điều này cho thấy mọi sự trong thành đều dựa trên các nguyên tắc của vương quốc Đức Chúa Trời được các sứ đồ rao giảng. Ê-phê-sô 2:20 chép: “Được xây dựng trên nền các sứ đồ và các tiên tri”. Điều này có nghĩa là sự khải thị mà các sứ đồ đạt được là nền của Giê-ru-sa-lem Mới.

Cổng là để đi ra, đi vào, nhưng tại sao tên của 12 chi phái Israel lại được viết trên các cổng ấy? Chúa Jesus nói sự cứu rỗi thuộc về người Do Thái (Gi. 4:22). Chúng ta học biết mọi điều về Đức Chúa Trời từ dân Israel. Kinh luật được ban cho dân Israel, sự cứu chuộc được biết qua dân Israel và

sự cứu rỗi đến từ Israel. Vì vậy, danh của 12 chi phái Israel được ghi ở trên các cổng.

Thành phố có 3 cổng ở phía đông, 3 cổng ở phía bắc, 3 cổng ở phía nam và 3 cổng ở phía tây. Mỗi hướng có 3 cổng. Các cổng thường nằm ở một nơi tiện cho việc ra vào. Vì vậy, sự kiện thành phố có các cổng ở 4 bên chúng tỏ nó nằm ở vị trí trung tâm và là trung tâm của mọi sự. Giê-ru-sa-lem Mới là kiệt tác ở giữa lòng của Đức Chúa Trời.

Ngôi khen Đức Chúa Trời. Có 12 thiên sứ canh giữ lối vào cổng (Khải. 21:12). Trước đây, chê-ru-bim canh giữ đường đến cây sự sống, nhưng bây giờ, cây sự sống ở trong thành được các thiên sứ ở các cổng canh giữ. Các thiên sứ là các linh phục dịch (Hê. 1:14), và đến một ngày, các thiên sứ sẽ phục tùng Hội thánh.

Khải Thị 21:15 chép: “Người nói với tôi có một cây lau bằng vàng làm thước đo để đo thành, các cổng và tường thành”. Vàng trong Kinh Thánh tượng trưng cho tất cả những gì thuộc về Đức Chúa Trời. Thành được đo bằng vàng nghĩa là thành được đo theo tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời và phù hợp với tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời. Chúng ta cần tìm kiếm vinh hiển của Đức Chúa Trời, hi vọng rằng chúng ta sẽ có thể đáp ứng được tiêu chuẩn của Ngài khi Ngài đo chúng ta trong ngày ấy.

Câu 16 chép: “Thành hình vuông, chiều dài, chiều rộng bằng nhau. Người dùng cây lau đo thành, được một ngàn hai trăm xta-đi-om; chiều dài, chiều rộng và chiều cao bằng nhau”. Một nơi khác trong Kinh Thánh có chiều rộng, chiều dài và chiều cao bằng nhau, đó là Nơi chí thánh trong đền thờ. “Phía trong Nơi chí thánh có hai mươi cúp-bít chiều dài, hai mươi cúp-bít chiều rộng và hai mươi cúp-bít chiều cao” (1 Vua. 6:20). Chiều dài, chiều rộng và chiều cao giống nhau. Trong Kinh Thánh, chỉ có Nơi chí thánh trong đền thờ và thành Giê-ru-sa-lem Mới thì các kích thước về chiều rộng, chiều dài và chiều cao là bằng nhau. Nói cách khác, trong trời mới đất mới, Giê-ru-

sa-lem Mới trở nên Nơi chí thánh cho Đức Chúa Trời. Khi Đa-vít trao cho Sa-lô-môn kiểu mẫu của đền thờ, ông nói: “Nhờ tay Ngài ở trên ta, Chúa đã làm cho ta hiểu biết mà chép ra tất cả những điều này, ngay cả tất cả các công việc theo kiểu mẫu này” (1 Sứ. 28:19). Mọi sự trong đền thờ được xây dựng theo sự khải thị thần thượng. Trong trời mới đất mới, Giê-ru-sa-lem Mới chính là đền thờ của Đức Chúa Trời. Mọi sự tạo nên thành ấy đều ở trong Đức Chúa Trời. Không có điều gì ở ngoài Ngài.

Khải Thị 21:17 chép: “Người lại đo tường thành, được một trăm bốn mươi bốn cú-bít, theo kích thước của loài người, tức là kích thước của thiên sứ”. Ngày nay, chúng ta có thể nói kích thước của loài người là kích thước của thiên sứ không? Không, không hề. Bao giờ thì kích thước loài người bằng kích thước thiên sứ? Chúa Jesus nói rằng trong sự phục sinh, con người sẽ bằng các thiên sứ (Lu. 20:36). 144 cú-bít sẽ được bày tỏ khi kích thước của loài người bằng kích thước của thiên sứ. Nói cách khác, mọi điều bên trong thành này đều ở trong thực tại của sự phục sinh. Cảm tạ Đức Chúa Trời, mọi điều bao hàm trong thành này, không có điều gì không ở trong sự phục sinh. Mọi sự chết chóc và mọi điều thuộc về con người đều ở ngoài thành, nhưng bên trong, mọi sự đều được phục sinh và thuộc về Đức Chúa Trời. Phục sinh nghĩa là điều thuộc về Đức Chúa Trời. Những gì của con người một khi chết đi thì không thể sống lại được, nhưng những gì của Đức Chúa Trời dầu trải qua sự chết cũng sẽ sống lại. Bất cứ điều gì không bị sự chết cột trói hay cầm giữ thì được gọi là phục sinh. Khi những gì phát xuất từ chúng ta trải qua thập tự giá, chúng đều bị kết liễu, nhưng sự chết không thể đụng đến những gì của Đức Chúa Trời.

Khi Giăng ghi lại lời mô tả thành thánh, tất cả những con số ông dùng ở đây đều là 12 hay ra từ 12 – 12 cổng, 12 nền, 12 sứ đồ, 12 chi phái, v.v. Kích thước của tường thành là 144 cú-bít, tức là 12 nhân 12. 12 là con số được dùng

trong cõi đời đời. Đây là con số quý báu nhất trong Kinh Thánh. Trong phần đầu của sách Khải Thị, có nhiều số bảy – 7 Hội thánh, 7 ấn, 7 kèn, 7 bát, 7 thiên sứ, v.v. Nhưng trong phần sau, có nhiều số 12, chẳng hạn như những số đã được đề cập. Số 7 nghĩa là trọn vẹn, và 12 cũng là trọn vẹn, nhưng chúng không hoàn toàn giống nhau. 7 gồm 3 cộng 4, trong khi 12 là 3 nhân 4. Vì Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời Tam Nhất, số 3 tượng trưng cho Đức Chúa Trời, trong khi số 4 tượng trưng cho cõi sáng tạo, chẳng hạn như 4 hướng gió, 4 mùa, 4 sinh vật. Khi 3 được cộng với 4 có nghĩa là Đức Chúa Trời cộng với con người. Thật trọn vẹn và hoàn hảo biết bao khi Đấng Tạo Hóa cộng với tạo vật! Nhưng bất cứ điều gì được cộng vào cũng có thể bị trừ ra và mất đi; cho nên sự trọn vẹn này không bền vững. Nhưng trong Giê-ru-sa-lem Mới, mối liên hiệp của Đức Chúa Trời và loài người không còn là 7, mà là 12. Không còn là 3 cộng 4, mà là 3 nhân 4. Phép toán nhân là sự hiệp nhất trọn vẹn, một điều gì đó không bao giờ tách rời. Khi Đấng Tạo Hóa hòa quyện với tạo vật, ấy là 12, và 12 là số của mối liên hiệp trọn vẹn. Trong trời mới đất mới, Đức Chúa Trời và con người sẽ trở thành một, Đức Chúa Trời và con người không còn phân cách nữa.

### VÀNG, ĐÁ QUÝ VÀ NGỌC TRAI

Thành này được xây bằng vật liệu gì? Câu 18 chép: “Tuồng xây bằng bích ngọc”. Chúng ta đã giải thích về bích ngọc rồi. Chúng ta đã thấy sự sáng láng của thành giống như bích ngọc. Ý nghĩa của điều này là khi ngắm vinh hiển của thành, chúng ta đang thật sự nhìn vào hình ảnh thật của Đức Chúa Trời. Qua việc nhận biết hình ảnh thật của Đức Chúa Trời, con người có thể biết Đức Chúa Trời là Đấng đang ngồi trên ngai. Đức Chúa Trời không ở xa con người, Ngài cũng không phải là một Đức Chúa Trời không thể nhận biết được.

Như chúng ta đã thấy, chức năng của tuồng thành là phân cách những gì ở bên trong với những gì ở bên ngoài.

Sự kiện tường thành làm bằng bích ngọc nghĩa là sự phân cách dựa trên những gì được nhìn thấy trong ánh sáng thật của Đức Chúa Trời. Nền tảng của sự phân cách là nhìn thấy những gì Đức Chúa Trời đòi hỏi, nhìn thấy những gì Đức Chúa Trời theo đuổi. Nếu con người không sáng tỏ về những gì Đức Chúa Trời đòi hỏi, họ sẽ không có sự phân cách.

Chúng ta hãy đọc thêm câu 18: “Thành bằng vàng ròng, như thủy tinh trong suốt”. Nói cách khác, tất cả những gì trong thành đều thuộc về Đức Chúa Trời. Vàng nghĩa là những gì thuộc về Đức Chúa Trời, những gì được đặt trong cõi sáng tạo mới của Ngài. Phi-e-rơ nói chúng ta là những người dự phần bản chất thần thượng. Bên trong mỗi người thuộc về Đức Chúa Trời có một phần của Ngài. Trước khi được cứu, mọi điều trong chúng ta là xác thịt, mọi sự là thiên nhiên, không có bất cứ điều gì thuộc về bản chất thuộc linh. Nhưng khi chúng ta tiếp nhận Chúa, Đức Chúa Trời truyền sự sống Ngài vào trong chúng ta. Đây là vàng mà Ngài ban cho chúng ta. Bên trong chúng ta có một phần vàng; có một phần nào đó thật sự thuộc về Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, thật đáng tiếc, Dù chúng ta có vàng bên trong mình, nhưng vàng bị pha trộn với nhiều điều khác; nó trở thành một hợp kim. Chúng ta có bản chất của Đức Chúa Trời, nhưng đồng thời, chúng ta cũng có nhiều điều khác trong mình hoàn toàn khác với Đức Chúa Trời. Vì lí do đó, phần lớn công tác của Đức Chúa Trời đối với con cái Ngài là làm giảm bớt con người họ, chứ không phải cộng thêm điều gì cho họ.

Nhiều lúc, con người muốn nhận lãnh thêm Đức Chúa Trời, muốn được đầy dẫy Thánh Linh và biết Đấng Christ nhiều hơn. Tất cả những điều này có vị trí của nó. Chúng ta rất cần nhận thêm Đức Chúa Trời, cần được đầy dẫy Thánh Linh, và biết Đấng Christ nhiều hơn. Nhưng có một công tác khác – không phải gia tăng lên mà là giảm bớt. Công tác cơ bản của Đức Chúa Trời là giảm chúng ta xuống. Từ ngày chúng ta được cứu, Đức Chúa Trời đã và đang làm công việc

này, và công cụ để thực hiện công tác tiêu trừ này là thập tự giá. Công tác của thập tự giá là hủy bỏ. Không phải là đem thêm nhiều điều vào trong chúng ta mà là cất bỏ nhiều điều khỏi chúng ta. Bên trong chúng ta có rất nhiều điều rác rưởi. Có rất nhiều điều không thuộc về Đức Chúa Trời, không đem vinh hiển về cho Ngài. Đức Chúa Trời muốn qua thập tự giá, cất bỏ tất cả những điều này để chúng ta có thể trở nên vàng ròng. Những gì Đức Chúa Trời đặt vào trong chúng ta là vàng ròng, nhưng vì có quá nhiều cặn bã trong chúng ta, có quá nhiều điều không thuộc về Đức Chúa Trời, nên chúng ta đã trở thành một hợp kim. Vì vậy, Đức Chúa Trời phải nỗ lực nhiều để làm cho chúng ta thấy những gì trong chúng ta thuộc về bản ngã và những gì là điều không thể đem vinh hiển về cho Ngài. Chúng ta tin nếu Đức Chúa Trời phán với chúng ta, chúng ta sẽ khám phá ra nhiều điều cần được cất bỏ hơn là thêm vào. Các Cơ Đốc nhân đặc biệt mạnh mẽ trong hồn phải nhớ rằng công tác của Đức Chúa Trời trong họ, qua Thánh Linh, là cất bỏ nhiều điều khỏi họ và giảm hạ con người họ.

Đặc điểm nổi bật của Giê-ru-sa-lem Mới là vàng, vàng ròng. Không có gì pha trộn tại đó; mọi sự hoàn toàn thuộc về Đức Chúa Trời. Bài học Chúa muốn chúng ta học hôm nay là nhìn thấy rằng mọi sự ra từ chúng ta đều là cặn bã. Ngoại trừ vàng trong chúng ta, mọi sự ra từ chúng ta đều là rác rưởi. Sự tốt lành của chúng ta chỉ là rác rưởi khi pha thêm vàng vào, sự nhiệt thành của chúng ta cũng là cặn bã khi pha thêm vàng vào. Mọi sự từ chúng ta đều là cặn bã. Nói cách khác, bất cứ điều gì không thuộc về Đức Chúa Trời đều là cặn bã. Không ai có thể đứng trước mặt Đức Chúa Trời và nói mình có điều gì để đóng góp cho Ngài. Đức Chúa Trời đòi hỏi vàng ròng. Trong Giê-ru-sa-lem Mới, mọi sự đều bằng vàng ròng, không có gì là cặn bã. Sẽ có một ngày chúng ta thấy tất cả những gì không thuộc về Đức Chúa Trời đều ở trên thập tự giá. Mọi điều trong Giê-ru-sa-lem Mới đều thuộc về Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời phải đạt



được mục đích của Ngài. Khi Đức Chúa Trời nói sẽ là vàng ròng thì sẽ là vàng ròng. Không một điều gì có thể pha trộn với công việc của Đức Chúa Trời.

Câu 19 và 20 chép: “Những nền tường thành thì trang điểm bằng mọi thứ bửu thạch. Nền thứ nhứt bằng bích ngọc, nền thứ nhì bằng lam bửu thạch, nền thứ ba bằng lục mã não, nền thứ tư bằng lục bửu thạch, nền thứ năm bằng hồng mã não, nền thứ sáu bằng hồng bửu thạch, nền thứ bảy bằng hoàng bích tỷ, nền thứ tám bằng thủy thương ngọc, nền thứ chín bằng hồng bích tỷ, nền thứ mười bằng phỉ tụy ngọc, nền thứ mười một bằng xích ngọc, nền thứ mười hai bằng tử bửu thạch.” Những đá quý hàm này ý về điều gì? Có một sự khác biệt cơ bản giữa đá quý và vàng. Vàng là một nguyên tố hóa học, trong khi đá quý không phải một nguyên tố hóa học, mà là một hợp chất. Vàng là một nguyên tố vì Đức Chúa Trời tạo nên nó là vàng; vàng được Đức Chúa Trời trực tiếp tạo nên. Nhưng một viên đá quý hình thành từ nhiều loại nguyên tố khác nhau, được kết hợp lại với nhau qua một quá trình tổng hợp hóa học, trải qua không biết bao nhiêu năm dưới sức nóng và áp lực trong lòng đất. Nói cách khác, đá quý không tiêu biểu cho một điều gì do Đức Chúa Trời ban cho cách trực tiếp mà là một điều gì đó do Thánh Linh tạo ra trong con người với nhiều nỗ lực và nhiều năm nung đúc. Công tác trên đất của Thánh Linh là liên tục đặt chúng ta vào những thử thách để chúng ta có được mọi loại kinh nghiệm và trở nên đá quý trước mặt Ngài. Vì vậy, đá quý là sản phẩm ra từ việc chúng ta chịu kỷ luật bởi Thánh Linh.

Chúng tôi xin minh họa điều này. Sự ra đời của Y-sác tượng trưng cho vàng, nhưng kinh nghiệm của Gia-cốp tượng trưng cho đá quý. Y-sác ra đời, là con trai do lời hứa của Đức Chúa Trời. Ông không bao giờ phải chịu khổ, cũng không lâm lỗi gì nghiêm trọng. Tuy nhiên, trường hợp Gia-cốp thì thật khác hẳn. Ông phải chịu khổ rất nhiều và trải qua lắm thử thách. Tay của Đức Chúa Trời luôn luôn ở trên

ông. Ngày này qua ngày kia, năm này tiếp năm nọ, Đức Chúa Trời hành động để đem điều gì đó vào trong Gia-cốp để làm cho ông trở nên một viên đá quý.

Sự sống Đức Chúa Trời truyền vào trong chúng ta là vàng, trong khi sự sống mà Ngài đang tạo thành trong chúng ta là đá quý. Ngày này qua ngày kia, trong mọi hoàn cảnh, Ngài đang biến chúng ta nên hình ảnh của Đấng Christ. Đây là đá quý. Đức Chúa Trời không dừng lại khi chỉ ban cho chúng ta một phần sự sống của Đấng Christ; Ngài muốn sự sống của Đấng Christ được đem vào trong chúng ta. Về một phương diện, chúng ta cần nhận biết rằng ngoài sự sống của Chúa trong mình, chúng ta không có gì khác hơn trước khi được cứu. Nhưng về phương diện khác, sau khi theo Chúa 5 năm, 10 năm, được Ngài kỉ luật và xử lí, một phần sự sống Christ đã được Thánh Linh cấu thành trong chúng ta. Có một điều gì đó trong chúng ta đã được Chúa hình thành và đó là đá quý.

Anh em đừng ngạc nhiên khi Đức Chúa Trời liên tục đưa anh em vào lửa để nung đốt. Dường như những gì người khác gặp đều tốt đẹp, còn những gì anh em phải đương đầu thì không được thịnh vượng hoặc hanh thông. Ngay cả anh em còn bị người khác hiểu lầm và tấn công; nhiều điều xảy đến cho anh em hơn bất cứ ai khác. Nhưng anh em phải nhận biết rằng điều ấy không phải là không có lí do. Đức Chúa Trời đang liên tục nung đốt anh em; Thánh Linh đang hành động để cấu thành sự sống của Đấng Christ nhiều hơn trong anh em để anh em được biến đổi theo hình ảnh của Ngài.

Trong sách Khải Thị, chúng ta không chỉ thấy một loại đá quý mà mọi loại đá quý. Một số là bích ngọc, một số là lam bửu thạch, một số là lục mã não, một số là lục bửu thạch, một số là hồng mã não, một số là hồng bửu thạch, và các loại khác. Tất cả những loại đá quý này là kết quả của sự nung đốt. Chúng không do Đức Chúa Trời hình thành trong giấy lát nhưng do nhiều năm dài hành động của Đức

Chúa Trời. Đá quý không được ban cho chúng ta vào buổi sáng tạo, cũng không phải điều gì chúng ta nhận được khi trở thành một sáng tạo mới. Đá quý được thành hình trong chúng ta qua sự nung đốt hằng ngày của Đức Chúa Trời. Đây là một chất liệu thường xuyên được đặt vào trong lửa. Khi lửa nung đốt theo cách nào đó thì sẽ làm cho một loại khoáng chất tan chảy vào trong chất liệu đó, và nó trở nên một loại đá quý. Khi lửa nung đốt theo một cách khác, nó làm cho một loại khoáng chất khác hòa tan vào trong chất liệu đó, khiến nó trở nên một loại đá quý khác. Những cách tan chảy khác nhau của một số khoáng chất nào đó sẽ tạo nên những loại đá quý khác nhau.

Đá quý tượng trưng cho công tác của Thánh Linh. Khi được cứu, chúng ta nhận được bản chất của Đức Chúa Trời, nhưng từ thời điểm ấy, ngày này qua ngày kia, Thánh Linh hành động để đem bản chất của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta để chúng ta có thể kết trái của Linh. Không phải chỉ có một trái của Linh. Có yêu thương, vui mừng, bình an, nhịn nhục, nhân từ, tốt lành, trung tín, nhu mì, và nhiều điều khác nữa. Thánh Linh phải liên tục hành động trong chúng ta để làm cho chúng ta sinh ra tất cả những loại trái khác nhau này. Khi chúng ta được cứu, Đức Chúa Trời truyền sự sống của Ngài vào trong chúng ta. Nhưng trái của Linh không phải là điều gì được Đức Chúa Trời truyền vào trong chúng ta. Chúng ta sinh ra những trái này khi Thánh Linh hành động trong chúng ta đến một mức độ nào đó. Cũng vậy, đá quý là những gì hình thành trong chúng ta qua Thánh Linh bởi nhiều hoàn cảnh khác nhau.

Không những Đức Chúa Trời cho chúng ta được hưởng bản chất của Ngài mà hàng ngày, Ngài còn làm cho chúng ta trở nên một loại người có thể đem vinh hiển về cho danh Ngài. Khi được cứu, anh em nhận được bản chất của Đức Chúa Trời, và khi được cứu, tôi cũng nhận được bản chất của Ngài. Về điều này, mọi Cơ Đốc nhân đều giống nhau; tất cả đều nhận được bản chất của Đức Chúa Trời. Nhưng

trong những ngày tiếp theo đó, Đức Chúa Trời có thể đặt anh em vào một số hoàn cảnh để ban cho anh em một số kinh nghiệm. Có thể Ngài để anh em trải qua một số hoạn nạn, một số khó khăn, và những nỗi khổ nào đó để anh em trở thành một Cơ Đốc nhân giống như hoàng bích tỷ, lục mã não, hồng bửu thạch hay một loại đá quý khác. Đức Chúa Trời đang hành động trong từng Cơ Đốc nhân để mỗi người có thể trở nên một loại đá quý nào đó. Trước mặt Đức Chúa Trời, tất cả chúng ta đều có vàng giống nhau, nhưng sau khi chúng ta trở nên đá quý trước mặt Ngài, mỗi người sẽ có một hình thể riêng.

Những gì Thánh Linh hình thành trong chúng ta qua các hoàn cảnh sẽ còn lại mãi. Khi một Cơ Đốc nhân nhận được nhiều sự xử lý về một phương diện nào đó, người ấy sẽ học được nhiều bài học về phương diện ấy. Điều này sẽ tạo nên một đặc tính nổi bật trong người ấy, một đặc tính phải trải qua một vài năm mới hình thành nhưng sẽ còn lại cho đến đời đời. Những gì người ấy có được sẽ mãi mãi là đá quý trong Giê-ru-sa-lem Mới.

Trong nhiều con cái của Đức Chúa Trời, là những người đã bước đi với Ngài 10 hay 20 năm, có một điều gì đó mà Đức Chúa Trời đã hành động qua Thánh Linh. Không phải Đức Chúa Trời đã truyền một điều gì đó cho họ, nhưng chính họ đã trở thành một điều gì đó; ấy chính là yếu tố cấu thành họ. Qua nhiều năm, họ đã được Thánh Linh kỉ luật. Do trải qua nhiều hoạn nạn và kinh nghiệm, Thánh Linh đã hình thành một loại sự sống nào đó trong họ. Những ai quen biết họ phải thừa nhận rằng có một điều gì đó đã thật sự hoàn thành trong họ. Họ không những có sự sống được Đức Chúa Trời ban cho, mà cũng có sự sống biến đổi do Thánh Linh đem vào trong họ. Không những họ sống một sự sống trao đổi mà còn sống một sự sống biến đổi. Đây là đá quý. Đá quý là những gì được hình thành trong chúng ta nhờ công tác nung đốt của Thánh Linh. Giê-ru-sa-lem Mới sẽ đầy đầy những viên đá quý như vậy.

Đến đây, chúng ta cần phải nhận biết sự nhấn mạnh suông vào giáo lí là vô dụng biết bao. Chúng ta đừng bao giờ nghĩ rằng mình sẽ được ích lợi nếu chỉ biết thêm chút ít thần học hay sự dạy dỗ của Kinh văn. Những điều này không ích lợi bao nhiêu. Chỉ có điều gì Thánh Linh nung đốt trong chúng ta mới có giá trị. Nếu một điều gì đó chưa được nung đốt một vật dụng thì chỉ một chút chà xát cũng đủ xóa nó đi. Một điều mà chỉ một chút chà xát cũng đủ làm cho nó bị xóa sạch khỏi chúng ta thì có giá trị thuộc linh bao nhiêu? Nói vậy không có nghĩa là chúng ta không nên đọc Kinh Thánh, nhưng có nghĩa là những gì chúng ta đọc thật sự chỉ có giá trị khi Thánh Linh nung đốt điều ấy vào trong chúng ta. Tất cả đá quý đều ra từ lửa. Để có được đá quý, chúng ta cần lửa. Không có lửa, sẽ không bao giờ có đá quý.

Vì lí do đó, chúng ta đừng bao giờ từ chối những thử thách đến trên chúng ta qua hoàn cảnh. Chúng ta không bao giờ nên từ chối kỉ luật của Thánh Linh, cũng đừng phàn nàn khi bàn tay của Đức Chúa Trời bao quanh chúng ta mọi mặt và dẫn chúng ta đến chân tường. Lắm lúc chúng ta thấy mình bị trói chặt và đè nén biết bao! Chúng ta muốn phá tung mọi giam cầm và hạn chế để được thoát ra một lúc biết chừng nào. Nhưng chúng ta cần phải nhớ mình đang ở trong bàn tay định hình của Đức Chúa Trời. Ngài đang định hình chúng ta để một ngày nào đó chúng ta trở thành những viên đá quý. Đức Chúa Trời không những ban cho chúng ta sự sống của Ngài mà Ngài cũng hành động trong chúng ta đến mức để chúng ta có được một phẩm chất đặc biệt. Đây là những điều Thánh Linh đang định hình trong chúng ta qua mọi hoàn cảnh Đức Chúa Trời cho phép, và đây là điều được gọi là đá quý. Thế thì nếu chỉ có tri thức và giáo lí suông thì ích lợi gì? Chỉ có điều gì Linh nung đốt trong chúng ta mới có giá trị. Chỉ khi nào một Cơ Đốc nhân nhận được một điều gì đó qua sự nung đốt, người ấy mới có thể giảng những điều mình thật sự biết thay vì chỉ dựa trên sách vở. Chỉ có điều gì được Thánh Linh nung đốt vào trong

chúng ta mới là đá quý. Nếu không, chỉ là gỗ, cỏ khô và rom rạ mà thôi.

Đôi khi ngồi trước mặt một người cao tuổi, chúng ta cảm thấy người ấy thật là một người đã bước đi với Chúa. Trong người ấy có một sự sống đã trở nên nét đặc trưng của người ấy một cách rất rõ rệt; sự sống ấy đã trở thành bản chất đặc biệt của người ấy. Chúng ta chỉ có thể cúi xuống trước mặt người ấy. Có thể những người khác có một chức vụ lớn lao hơn và có những người gánh những trách nhiệm to tát hơn nhưng người này lại có sự sống dư dật; một điều gì đó đã thành hình bên trong người bởi Thánh Linh. Người ấy có một phẩm chất đặt biệt, một điều gì đó ra từ lửa; người ấy là một viên đá quý. Trong hiện diện của một người như vậy, chúng ta chỉ có thể cúi xuống và nói: “Chúng tôi ước ao mình cũng có được một điều gì đó cảm thúc [người khác] như vậy, đụng chạm [người khác] như vậy”. Không phải lời nói cảm thúc và đụng chạm người khác, nhưng là một điều gì đó đã trải qua lửa.

Trong Giê-ru-sa-lem Mới có những đá quý. Không có đá quý, Giê-ru-sa-lem Mới sẽ không bao giờ hiện hữu. Đức Chúa Trời cần đá quý. Ngài cần một nhóm người bày tỏ phẩm chất của đá quý. Ôi, nguyện Đức Chúa Trời giải cứu chúng ta khỏi tình trạng nông cạn! Chỉ có điều gì Thánh Linh đem vào trong đời sống chúng ta mới có giá trị hay ích lợi mà thôi.

Câu 21 tiếp tục: “Mười hai cồng bằng mười hai viên ngọc trai; mỗi cồng lần lượt là một viên ngọc trai”. Giê-ru-sa-lem Mới không chỉ bao gồm vàng ròng và đá quý mà còn có ngọc trai. Ngọc trai không được hình thành do sự nung đốt mà là kết quả do sự hình thành tiệm tiến trong một sinh vật thuộc biển sau khi nó bị thương. Vì vậy, ý nghĩa của ngọc trai là sự sống phát sinh từ sự chết. Ngọc trai tượng trưng cho sự sống mà Chúa Jesus đã giải phóng trong sự chết của Ngài theo phương diện không phải là để cứu chuộc.

Ma-thi-ơ chương 13 cũng nói về một viên ngọc trai. Viên ngọc này chỉ về ai? Viên ngọc ấy chỉ về Hội thánh, mà Chúa đã hình thành từ sự chết của Ngài. Ngài sẵn sàng bán tất cả những gì Ngài có để mua viên ngọc trai này. Ngọc trai chỉ về điều gì tích cực, không có tính cách thụ động hay tiêu cực. Đó là Hội thánh, là người mới mà Đức Chúa Trời khao khát tạo nên. Trong một Người như vậy, không có vấn đề tội, cũng không có vấn đề cứu chuộc. Ngài sẵn sàng bán tất cả để có được viên ngọc trai này. Điều này cho chúng ta thấy sự sống hoàn toàn ra từ Đấng Christ quý báu biết bao. Viên ngọc trai ấy quý báu đối với Đức Chúa Trời và quý báu đối với Đấng Christ biết bao!

Trong Giê-ru-sa-lem Mới, ngọc trai có chức năng là những cánh cổng của thành. Điều này có nghĩa là mọi điều của Đức Chúa Trời bắt đầu từ đây. Nói cách khác, để con người có được sự sống trước mặt Đức Chúa Trời, sự sống ấy không phải là điều gì của con người, nhưng ra từ sự chết của Đấng Christ, của phương diện không phải để cứu chuộc của sự chết Đấng Christ.

1 Cô-rin-tô 3:12 nói rằng kiến ốc thuộc linh cần phải có những vật liệu là vàng, bạc, đá quý, chứ không phải là gỗ, cỏ khô hay rom rạ. Trong 1 Cô-rin-tô chương 3 có vàng, bạc và đá quý; nhưng trong Sáng Thế Kí chương 2, trong vườn Ê-đen, có vàng, đá quý và ngọc trai – không có bạc. Trong Khải Thị chương 21, trong Giê-ru-sa-lem Mới, một lần nữa lại có vàng, đá quý và ngọc trai; không có bạc. Điều này có ý nghĩa gì? Vàng, đá quý và ngọc trai, cả ba điều này đều được tìm thấy cả trong vườn Ê-đen lẫn trong Giê-ru-sa-lem Mới. Điều ấy có nghĩa là vàng, đá quý và ngọc trai đã có từ đời đời đến đời đời.

Trong cõi đời đời Đức Chúa Trời không hoạch định có bạc, vì bạc tượng trưng cho sự cứu chuộc. Đức Chúa Trời biết con người sẽ phạm tội và cần được cứu chuộc, nhưng đây không phải là kế hoạch đời đời của Ngài. Trong công tác của Đức Chúa Trời có sự cứu chuộc, nhưng trong mục đích

đòi đòi của Ngài không có sự cứu chuộc. Vì vậy, về phương diện này, Giê-ru-sa-lem Mới cũng giống như vườn Ê-đen – không có bạc. Điều này có nghĩa là trong tương lai đòi đòi, chúng ta sẽ được đem đến chỗ không có dấu vết của tội. Tuy nhiên, ngày nay, chúng ta không thể lơ là hay xem nhẹ bạc. Ngày nay, nếu có ai nghĩ mình không cần đến bạc, người ấy phải cầu xin Đức Chúa Trời thương xót. Chúng ta không thể tiếp tục tiến lên nếu không có bạc. Nếu không có bạc, chúng ta không có sự cứu chuộc và không thể làm gì cả. Nhưng sự cứu chuộc không có phần trong mục đích của Đức Chúa Trời. Trong Giê-ru-sa-lem Mới chúng ta không thể tìm ra bạc. Điều này cho thấy Đức Chúa Trời sẽ xóa sạch toàn bộ lịch sử tội, vì sự cứu chuộc không ở trong thành này. Trong Giê-ru-sa-lem Mới con người không còn cần sự cứu chuộc vì họ sẽ không phạm tội nữa. Đức Chúa Trời sẽ đem chúng ta đến một chỗ vững chắc mà chúng ta không thể sa ngã nữa. Có một sự sống bên trong chúng ta không liên quan gì đến tội và không cần gì đến sự cứu chuộc. Sự sống ở trong chúng ta đó đến từ Đấng Christ và là chính Đấng Christ. Vì chính Đấng Christ không cần sự cứu chuộc, nên chúng ta là những người có một phần của sự sống Ngài, cũng sẽ không cần sự cứu chuộc nữa. Như vậy, trong cõi đời đời, không cần có bạc.

Tạ ơn Đức Chúa Trời vì hôm nay chúng ta có sự cứu chuộc. Tạ ơn Đức Chúa Trời vì dù chúng ta phạm tội, nhưng huyết của Jesus Christ Con Ngài, tẩy sạch mỗi một tội của chúng ta. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã chia sẻ sự sống của Con Ngài với chúng ta, một sự sống mãi mãi không cần sự cứu chuộc. Một ngày kia chúng ta sẽ sống hoàn toàn nhờ sự sống này và lịch sử tội sẽ qua đi. Bạc cứu chuộc sẽ không còn công dụng gì nữa.

Chúng ta phải thấy rằng sự sa ngã không nằm trong mục đích của Đức Chúa Trời, sự cứu chuộc không nằm trong mục đích của Ngài, và ngay cả vương quốc cũng không ở trong mục đích Đức Chúa Trời. Sự sa ngã không ở



trong mục đích của Đức Chúa Trời; đó là một điều xảy ra dọc đường. Sự cứu chuộc không nằm trong mục đích của Đức Chúa Trời; đó chỉ là giải pháp cho sự sa ngã. Vương quốc cũng không nằm trong mục đích của Đức Chúa Trời; đó cũng là giải pháp cho sự sa ngã. Vì sự sa ngã nên mới có sự cứu chuộc và vì sự sa ngã nên mới có vương quốc. Tất cả những điều này chỉ là biện pháp cứu vãn, chứ không nằm trong mục đích của Đức Chúa Trời. Dầu vậy, chúng ta không bao giờ xem nhẹ sự cứu chuộc và vương quốc. Nếu không có sự cứu chuộc thì không có cách nào giải quyết nan đề sa ngã. Nếu không có vương quốc thì làm sao có thể giải quyết được vấn đề sa ngã? Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng Đức Chúa Trời không tạo nên con người để họ phạm tội. Ngài tạo nên họ vì vinh hiển của Ngài. Con đường này thẳng tắp; con đường thuộc trời này thẳng tắp.

Khải Thị 21:21 cũng chép: “Đường của thành bằng vàng ròng, giống như thủy tinh trong suốt”. Con đường là nơi để giao thông, và vì con đường của thành này bằng vàng ròng nên người đi trên con đường này không bao giờ bị dơ bẩn. Ngày nay những ai đã tắm thì vẫn cần rửa chân (Gi. 13:10) để duy trì mối tương giao với Đức Chúa Trời. Khi đang đi trên đường của thế giới này, chúng ta không thể tránh khỏi bụi bặm, và vì vậy mối tương giao giữa chúng ta với Chúa bị ngăn trở. Nhưng vào ngày ấy, không gì có thể làm dơ bẩn chúng ta; không điều gì có thể ngăn trở mối tương giao của chúng ta với Đức Chúa Trời. Trong cõi đời đời, không điều gì có thể làm ô uế chúng ta; cả sự sống và nếp sống của chúng ta sẽ thánh.

Phần cuối câu 21 nói rằng thành “như thủy tinh trong suốt”. Tình trạng của chúng ta ngày nay có nhiều điều không trong suốt biết bao! Nhưng trong tương lai, trong hiện diện của Đức Chúa Trời, tất cả chúng ta đều sẽ trong suốt. Dầu vậy, hôm nay, chúng ta không nên có nhiều chỗ che giấu và nhiều bức màn. Chúng ta không nên giả vờ kính kiền trước mặt con người để được họ khen ngợi. Đạo đức giả,

giả vờ và những bức màn – đều là những điều không trong suốt. Khi tình trạng thật của chúng ta không tốt mà chúng ta giả vờ là tốt, đó là chúng ta không trong suốt. Nhiều lần lời nói và hành động của chúng ta không tự nhiên. Chúng ta bắt chước người khác trong cách nói, trong hành vi và trong cách chúng ta làm việc. Trong rất nhiều điều, chúng ta bắt chước người khác thay vì là chính mình. Như vậy là không trong suốt. Tất cả những gì giả tạo và bắt chước đều không trong suốt. Chắc chắn chúng ta không cần sống trước mặt Đức Chúa Trời bằng bất cứ sự thánh biệt tự tạo nào. Chúng ta phải nhớ rằng tình trạng thuộc linh thật sự là vác thập tự giá. Sự thánh biệt mà đầy xiềng xích không phải là sự thánh biệt của Thánh Linh. Mọi sự đóng kịch và mọi điều giả tạo đều phải bị loại bỏ.

Vì vậy, chúng ta cần xưng nhận nhiều điều. Giữa vòng các anh chị em, chúng ta cần học xưng tội với nhau và không che đậy tội của mình. Bất cứ khi nào phạm tội nghịch với người khác, chúng ta không nên cố gắng dùng lí luận để xua tan, mà nên xưng tội. Mọi Cơ Đốc nhân ngày nay nên trong suốt, vì vào ngày ấy, trong hiện diện của Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ phải hoàn toàn trong suốt. Con đường trong Giê-ru-sa-lem Mới trong suốt như thủy tinh. Tại đó mọi sự đều có thể nhìn thấy. Vì trong ngày ấy sẽ như vậy nên chúng ta cần phải học tập để trở nên những người như thế – những con người thật, những người trong suốt, những người không bao giờ đóng kịch, giả vờ có điều mình không có.

## **ĐỀN THỜ VÀ ÁNH SÁNG CỦA THÀNH**

Câu 22 chép: “Trong đó tôi không thấy đền thờ nào, vì Chúa là Đức Chúa Trời, Đấng Toàn năng, và Chiên Con đều là đền thờ của thành”. Những từ ngữ này hết sức quý báu. Chúng ta biết rằng trong Giê-ru-sa-lem thời Cựu Ước có đền thờ. Vào thời ấy, bất cứ khi nào con người muốn tương giao với Đức Chúa Trời, họ phải đi đến đền thờ. Đền

thờ là nơi dành riêng cho Đức Chúa Trời, và con người phải đi đến đó để tương giao với Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, trong Giê-ru-sa-lem Mới sẽ không có đền thờ, vì Đức Chúa Trời và Chiên Con là đền thờ của thành. Điều này có nghĩa là sự tương giao giữa Đức Chúa Trời và con người vào ngày ấy sẽ thân mật và trực tiếp, mặt đối mặt. Con người không còn cần phải đi đến một nơi ấn định để tương giao với Đức Chúa Trời.

Trong Cựu Ước có một bức màn trong đền thờ. Không một ai có thể vượt qua bức màn ấy và bước vào hiện diện của Ngài ngoại trừ Thầy tế lễ Thượng phẩm, và chỉ mỗi năm một lần. Ngày nay trong Hội thánh, bức màn đã bị xé ra. Bây giờ tất cả chúng ta có thể vào trong hiện diện của Đức Chúa Trời để thờ phượng Ngài trong linh và trong sự chân thật. Nhưng vào ngày ấy, Đức Chúa Trời và Chiên Con là đền thờ của thành. Chúng ta sẽ không phải đi đến với Đức Chúa Trời; Ngài sẽ hiện diện ngay nơi chúng ta ở. Ngày nay chúng ta đến với Đức Chúa Trời, nhưng vào ngày ấy, chúng ta sẽ sống trong hiện diện của Ngài. Đức Chúa Trời và Chiên Con là đền thờ của thành. Vì vậy, ngày nay, nếu không học tập sống trong Nơi chí thánh, chúng ta là những người ngu dại nhất. Hiện nay bức màn đã bị xé ra, và chúng ta có thể vào Nơi chí thánh cách dạn dĩ. Chúng ta đừng ở bên ngoài nữa.

Câu 23 chép: “Thành không cần mặt trời, mặt trăng soi sáng, vì vinh hiển của Đức Chúa Trời sáng toả, và Chiên Con là đèn của thành.” Phân đoạn này liên kết với câu trước nói về đền thờ. Đức Chúa Trời và Chiên Con là đền thờ của thành, và vinh hiển của Đức Chúa Trời chiếu sáng thành ấy. Vì vậy, không cần mặt trời hay mặt trăng chiếu sáng nữa. Chúng ta biết trong đền thờ Cựu Ước, sân ngoài được mặt trời và mặt trăng soi sáng, và Nơi thánh được soi sáng nhờ ánh sáng của đèn. Nhưng trong Nơi chí thánh không có cửa sổ; ánh sáng mặt trời và mặt trăng không thể chiếu vào. Cũng không có đèn như trong Nơi thánh. Vinh hiển của Đức Chúa Trời cung cấp ánh sáng tại đó. Cũng vậy, Giê-ru-sa-

lem Mới không được soi sáng nhờ mặt trời hay mặt trăng, mà bởi vinh hiển của Đức Chúa Trời. Điều này bày tỏ rằng cả thành sẽ là Nôi chí thánh. Hội thánh trong tương lai sẽ trở nên Nôi chí thánh.

“Chiên Con là đèn của thành”. Vinh hiển của Đức Chúa Trời là ánh sáng và Chiên Con là đèn. Điều này cho chúng ta thấy trong Giê-ru-sa-lem Mới vẫn có một điều gì đó gián tiếp. Đức Chúa Trời là sự sáng sẽ chiếu qua Chiên Con là đèn. Điều này không chỉ về sự cứu chuộc mà là một dấu chỉ cho chúng ta biết rằng không ai có thể biết Đức Chúa Trời cách trực tiếp. Nếu có ai muốn biết Đức Chúa Trời, người ấy phải biết Ngài qua Chiên Con – điều này vẫn đúng, ngay cả trong cõi đời đời. Chỉ qua Đấng Christ con người mới biết Đức Chúa Trời. Không có đèn chúng ta không thể thấy ánh sáng; cũng vậy, không có Đấng Christ chúng ta không thể thấy Đức Chúa Trời. Bất kể là môi trường nào, Đức Chúa Trời vẫn ở trong ánh sáng không thể đến gần được. Chỉ khi ở trong Đấng Christ, chúng ta mới thấy được Đức Chúa Trời.

Câu 24 chép: “Các dân sẽ đi giữa sự sáng của thành, và các vua trên đất sẽ đem vinh hiển mình vào đó.” Ở đây chúng ta nên lưu ý một điều. Tất cả những người mà Đức Chúa Trời đã có được từ thời các tổ phụ, thời kinh luật và thời ân điển sẽ trở thành Cô dâu được trình diện cho Đấng Christ trong ngày ấy. Tất cả mọi người còn sống vào cuối thời đại vương quốc và những ai không bị Sa-tan lừa dối sẽ được chuyển thành dân của trái đất mới. Những người này là các dân được đề cập trong câu 24. Tất cả những ai đang sống trong thành sẽ có thân thể phục sinh; họ là các con trai và các vua. Tuy nhiên, những ai ở trên trái đất mới vẫn có một thân thể bằng thịt và huyết; họ là dân chúng và các quốc gia trên đất. Các vua của trái đất là những người cai trị các quốc gia.

Trong thời Cựu Ước, đền tạm được sắp đặt ở ngay trung tâm của trại quân Israel. Ba chi phái ở phía đông, ba ở phía tây, ba ở phía nam và ba ở phía bắc. Điều này được ghi lại

trong Dân Số Kí. Vị trí của Giê-ru-sa-lem Mới tương tự với đền tạm của Đức Chúa Trời. Tường thành có ba cổng ở mỗi hướng: ở hướng đông, tây, nam và bắc – tổng cộng có mười hai cổng. Như mười hai chi phái ở chung quanh đền tạm, các dân cũng ở chung quanh Giê-ru-sa-lem Mới. Sự kiện các dân sẽ “bước đi” bởi ánh sáng của thành có nghĩa là các dân trên đất sẽ đến Giê-ru-sa-lem Mới, và việc họ đi đến Giê-ru-sa-lem Mới là nhờ ánh sáng của thành dẫn dắt.

“Vinh hiển” mà các vua sẽ đem đến chỉ về vinh hiển thuộc về các vua trên đất. Họ sẽ dâng cho thành vinh hiển của địa phận họ. “Vinh hiển” ở đây có cùng ý nghĩa với “vinh hiển” trong Sáng Thế Kí 31:1, có nghĩa là thổ sản tốt nhất của đất. Nói cách khác, tại trái đất mới, các vua của trái đất sẽ đem sản vật tốt nhất của địa phương họ và dâng lên như quà tặng cho thành thánh.

Khải Thị 21:25 chép: “Những cửa thành ban ngày chẳng hề đóng, vì ở đó không có ban đêm.” Sự kiện cổng không đóng vào ban ngày Khải thị rằng trong trời mới đất mới vẫn có sự khác biệt giữa ngày và đêm. Các dân có thể đến thành ấy vào thời điểm ban ngày của họ. Nhưng “tại đó sẽ không có ban đêm” – trong thành sẽ không có ban đêm. Vì tất cả mọi người sống trong thành đều có thân thể phục sinh nên họ sẽ không cảm thấy mệt mỏi; họ có thể phụng sự Đức Chúa Trời thường xuyên cả ngày lẫn đêm.

Câu 26 chép: “Người ta sẽ đem sự vinh hiển và sự tôn trọng của các dân vào đó.” Câu này chỉ về các vua trong câu 24. Các vua của trái đất không những sẽ đem vinh hiển của họ vào thành mà cũng sẽ đem vinh hiển và sự tôn trọng của các dân vào đó.

Câu 27 chép: “Phàm vật gì ô uế, hoặc kẻ làm sự góm ghê và nói dối đều hẳn chẳng được vào đó, nhưng chỉ những kẻ được ghi trong sách sự sống của Chiên Con”. Những gì thuộc về con người và mọi điều thuộc xác thịt là tâm thường. Vì vậy, bất cứ điều gì thuộc về con người và xác thịt đều không thể vào trong thành. Chỉ có những gì thuộc về

Đấng Christ và Thánh Linh mới vào được; ngoài ra không điều gì có thể vào thành. “Kẻ làm sự góm ghê” trong Kinh văn đặc biệt chỉ về thờ hình tượng, và người “nói dối” chỉ về mối liên hệ với Sa-tan, vì sự dối trá ra từ Sa-tan. Những ai có liên hệ đến sự thờ hình tượng hay tội lỗi đều không thể vào trong thành. Chỉ những ai có tên viết trong sách sự sống của Chiên Con mới có thể bước vào.

Trong trời mới, đất mới sẽ chỉ có hai loại dân cư. Trước hết, có những người đã được cứu bởi huyết – họ sẽ ở trong thành và có tên viết trong sách sự sống. Kế đến, có những người từ thiên hi niên được chuyển vào – họ sẽ tiếp tục sống và trở thành dân cư của của trái đất mới. Tên của họ cũng được viết trong sách sự sống, nhưng họ không sống trong thành. Họ chỉ được ra vào thành mà thôi.

### SÔNG NƯỚC SỰ SỐNG VÀ CÂY SỰ SỐNG

Chúng ta chưa nhìn thấy điều Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ cho chúng ta tại điểm cuối cùng. Các câu 22:1-2 chép: “Thiên sứ lại chỉ cho tôi xem sông nước sự sống ở giữa đường của thành, trong như thủy tinh, từ ngai Đức Chúa Trời và Chiên Con chảy ra. Bờ sông bên này và bên kia đều có cây sự sống ra trái mười hai mùa, mỗi tháng một mùa; lá cây dùng để chữa lành cho các dân”. Ở đây chúng ta nhớ đến Khải Thị 2:7: “Kẻ đắc thắng, ta sẽ cho ăn trái cây sự sống ở trong Pa-ra-di của Đức Chúa Trời”. Cây sự sống được trồng trong Pa-ra-di của Đức Chúa Trời. Vì cây sự sống ở trong thành này, nên chúng ta biết Giê-ru-sa-lem Mới là Pa-ra-di của Đức Chúa Trời.

Chúng ta nhớ lại Sáng Thế Kí, Đức Chúa Trời sáng tạo người nam là hình bóng về Đấng Christ và người nữ là hình bóng về Hội thánh mà Ngài ước ao có được trong Sáng Thế Kí chương 2. Sau đó, Đức Chúa Trời đặt hai vợ chồng trong vườn Ê-đen. Như vậy, chúng ta có người nam, người nữ và khu vườn. Thế rồi trong Sáng Thế Kí chương 3 con rắn đã đến và họ sa ngã; hậu quả là Đức Chúa Trời đuổi họ ra khỏi

khu vườn ấy. Trong Khải Thị chương 21, chúng ta thấy ai trong Giê-ru-sa-lem Mới? Có Chiên Con, Đấng mà A-đam làm hình bóng trong Sáng Thế Kí chương 2; Ngài hoàn toàn vì Đức Chúa Trời. Cũng có Vợ của Chiên Con mà Ê-va là hình bóng trong Sáng Thế Kí chương 2; nàng hoàn toàn vì Đấng Christ. Giê-ru-sa-lem Mới là Vợ của Chiên Con và cũng là Pa-ra-đi của Đức Chúa Trời. Trong Sáng Thế Kí chương 2 có ba hữu thể, đó là A-đam, Ê-va và khu vườn. Nhưng trong Khải Thị chương 21 và 22, chỉ còn hai mà thôi, đó là Chiên Con và thành. Thành là Cô dâu và cũng là Pa-ra-đi; người nữ và Pa-ra-đi đã trở nên một. Người nữ trong Sáng Thế Kí có thể bị đuổi đi, trong khi người nữ ở cuối sách Khải Thị không bao giờ có thể bị đuổi đi nữa.

Vài người có thể lo xa hỏi: “Điều gì sẽ xảy ra trong cõi đời đời? Nếu ma quỷ lại đến nữa thì sao, rồi khi ấy chúng ta sẽ làm gì?” Chúng tôi có thể trả lời rằng điều ấy không bao giờ lại có thể xảy ra được, vì trong cõi đời đời chính Đức Chúa Trời sẽ ở trong thành thánh. Ngợi khen Đức Chúa Trời! Ngài đã lập một khu vườn trong Sáng Thế Kí, một khu vườn không có tường và không được canh giữ cẩn thận. Vì vậy, con rắn và tội có thể lên vào. Nhưng cuối cùng Đức Chúa Trời có được một thành để bảo vệ. Thành này mãi mãi không bao giờ có thể vướng vào một sự sa ngã nào. Người nữ và Pa-ra-đi kết hợp chặt chẽ với nhau đến nỗi không điều gì có thể phân cách được. Do đó, người nữ này không cách nào có thể bị đuổi ra.

Khải Thị 22:1 nói về sông nước sự sống ở giữa đường của thành. Trong Sáng Thế Kí có bốn con sông, hai con sông trong số đó luôn luôn áp bức con cái của Đức Chúa Trời. Baby-lôn được xây dựng trên sông Bi-sôn, và Ni-ni-ve được xây dựng trên sông Hi-đê-ke. Con cái Đức Chúa Trời luôn luôn bị bắt bớ bởi hai con sông này. Nhưng trong Giê-ru-sa-lem Mới chỉ có một dòng sông – sông nước sự sống. Dòng sông này ban sự sống và niềm vui cho con người. Thi Thiên 46:4 chép: “Có một con sông, dòng nước nó làm vui thành Đức

Chúa Trời, / Là nơi thánh của đền tạm của Đấng Chí Cao”. Dòng sông này đặc biệt đem lại sự vui mừng cho Đức Chúa Trời. Nước của dòng sông này “bắt nguồn từ ngai của Đức Chúa Trời và Chiên Con”. Ngai ở số ít vì Đức Chúa Trời và Chiên Con ngồi trên cùng một ngai. Điều này có nghĩa là sự trị vì của Đấng Christ là sự trị vì của Đức Chúa Trời.

Câu 2 chép: “Bờ sông bên này và bên kia đều có cây sự sống ra trái mười hai mùa, mỗi tháng một mùa”. Một lần nữa, số 12 được sử dụng. Cây kết 12 loại trái và mỗi tháng ra trái một lần có nghĩa là gì? Đây là một cách nói, cho thấy rằng mọi sự đều được thỏa mãn, và sự thỏa mãn này kéo dài đến đời đời. Mỗi tháng đều có sự sống. Trong cõi đời đời, chúng ta sẽ tiếp tục biết Đấng Christ và tiếp tục nhận lãnh sự sống của Chúa mà không bị gián đoạn – sẽ không có một tháng nào mà không có trái cây. Điều ấy có nghĩa là sẽ không có tình trạng suy giảm. Ngày nay chúng ta thấy một điều rất buồn, đó là sự đánh giá về con người như Kinh văn bày tỏ. Con người từ 20 tuổi đến 60 tuổi được kể là có một giá trị nào đó, nhưng những người trên 60 tuổi bị xem là kém giá trị hơn (Lê. 27:3, 7). Đây là sự suy giảm, nhưng trong cõi đời đời không có sự suy giảm. Sẽ có sự sống mới và trái cây mới mỗi tháng.

Cũng vậy, trước khi Giê-ru-sa-lem Mới xuất hiện, chúng ta cần tìm kiếm một kinh nghiệm mới mẻ về sự sống mỗi tháng. Một kinh nghiệm nào đó mà chúng ta có cách đây 20 năm thì không còn tươi mới nữa, cũng không thể giúp ích gì cho chúng ta hôm nay. Kinh nghiệm cách đây 5 năm cũng không còn tươi mới hay giúp ích gì cho chúng ta bây giờ. Chúng ta không thể sống bằng trái cây sự sống của những tháng trước đây. Mỗi tháng chúng ta phải tiếp tục có trái cây tươi mới. Trước mặt Đức Chúa Trời, chúng ta phải nhận được sự sống liên tục; chúng ta phải nhận lãnh Đấng Christ. Không những chúng ta cần trái cây mỗi tháng mà còn cần loại trái cây khác nhau mỗi tháng. Trước mặt Đức Chúa Trời, chúng ta không thể thỏa mãn khi chỉ



huởng một chút ít, một phần nào đó mà thôi. Chúng ta phải học biết Chúa theo nhiều phương diện; chúng ta phải kết đủ loại trái.

Câu 2 tiếp tục: “Và lá cây dùng để chữa lành cho các dân”. Trái tượng trưng cho sự sống; lá, tức áo của cây, tượng trưng cho hành vi bên ngoài. Chúa Jesus rửa sả cây vả vì nó chỉ có lá mà không có trái. Nó chỉ có hành vi bên ngoài mà không có sự sống bên trong. Trong trời mới đất mới, dân của các nước sẽ không có tội, không có sự chết, không đau đớn, không có sự rửa sả và cũng không còn có các quỷ nữa. Nhóm người này, tức là các dân, sẽ tiếp tục sống trên đất với thành thánh ở giữa họ. Được chữa lành bằng lá cây của Chúa Jesus nghĩa là hành vi của Chúa Jesus sẽ là gương mẫu cho họ. Chúng ta sẽ nhận được các trái của cây sự sống, còn họ sẽ nhận được lá. Bằng cách noi theo hành vi của Chúa Jesus, họ sẽ có thể sống mãi trong tình trạng lành mạnh; như vậy, các dân sẽ sống với nhau trong hòa bình và phúc hạnh.

Trong những câu này, con đường, sông nước sự sống và cây sự sống được liên kết với nhau. Trong Giê-ru-sa-lem Mới, hễ khi nào thấy con đường, anh em sẽ thấy sông nước sự sống, và hễ khi nào thấy sông nước sự sống, anh em sẽ thấy cây sự sống. Nói cách khác, hễ khi nào nào có sinh hoạt, nơi đó sẽ có sông nước sự sống và cây sự sống. Điều này có nghĩa là khi chúng ta học tập bước theo Chúa, mọi hành vi của chúng ta nên ở trong sông nước sự sống và cây sự sống. Khi ấy mọi sự sẽ tốt đẹp. Con đường là nơi để người dân đi lại. Để đi lại, chúng ta cần để mọi hoạt động của mình dựa trên cây sự sống, chứ không dựa trên cây tri thức thiện ác. Khi sự sống trong chúng ta phát sinh ra hoạt động, thì kết quả sẽ là sự tuôn tràn sông nước sự sống trong Linh. Sự tuôn tràn sự sống là con đường của chúng ta, là lối đi của chúng ta. Nếu sự sống của Chúa Jesus không chuyển động trong chúng ta, chúng ta không thể đi được. Nếu không có sự sống của Chúa và nếu không có sự tuôn tràn

sông nước sự sống trong Linh, chúng ta không thể chuyển động được. Nếu chúng ta đánh giá một phương hướng hành động nào là tốt hay xấu theo sự khôn ngoan riêng của mình, chúng ta đang trồng cây tri thức thiện ác, không phải cây sự sống. Nhưng nếu chúng ta hành động theo sự chuyển động của sự sống bên trong thì kết quả sẽ là nước sự sống tuôn chảy đến người khác. Tất cả những điều này đều liên kết với nhau. Mọi công tác của Đức Chúa Trời đều dựa trên cây sự sống và kết quả là sông nước sự sống.

### ĐỜI ĐỜI MÃI MÃI

Câu 3 chép: “Chẳng còn có sự rửa sả nữa”. Cảm tạ Đức Chúa Trời, Sáng Thế Kí chương 3 sẽ hoàn toàn qua đi và sẽ không còn sự rửa sả nữa. Mọi điều được giới thiệu trong Sáng Thế Kí chương 3 có thể tóm lại trong một lời: rửa sả. Ngay cả sự chết cũng là một loại rửa sả. Tuy nhiên, trong trời mới và đất mới sẽ không còn sự rửa sả, cũng không còn sự chết. Toàn bộ lịch sử tội sẽ qua đi; con người sẽ tôn vinh Đức Chúa Trời cách tốt đẹp.

Câu 3 tiếp tục: “Nhưng ở trong thành có ngai của Đức Chúa Trời và Chiên Con”. Tình trạng ở đây không giống như Sáng Thế Kí chương 3, là nơi Đức Chúa Trời đi dạo trong vườn vào lúc trời mát mẻ. Ở đây, Đức Chúa Trời đang trị vì; chính ngai của Ngài được đặt tại đây. Bây giờ khu vườn đã trở nên thành phố, là nơi Đức Chúa Trời ngự trên ngai. “Các nô lệ của Ngài sẽ phụng sự Ngài”. Các nô lệ của Đức Chúa Trời sẽ làm gì trong cõi đời đời? Họ sẽ phụng sự Ngài. Chúng ta đừng bao giờ nghĩ rằng trong cõi đời đời mình không có gì để làm. Không, chúng ta sẽ mãi mãi làm nô lệ của Ngài để phụng sự Ngài.

Câu 4 chép: “Được thấy mặt Ngài và danh Ngài sẽ ở trên trán của họ”. Tất cả mọi công việc chúng ta làm cho Chúa phải được hướng dẫn bởi sự tương giao. Sự phụng sự Chúa thật phải ở trong sự tương giao. Chỉ phụng sự không thì chưa đủ, cần phải có sự tương giao. Họ sẽ phụng sự Ngài

và họ sẽ thấy mặt Ngài. Ôi, biết bao lần khi chưa gặp mặt Đức Chúa Trời, chúng ta đã làm công việc của Ngài rồi. Nhưng tôi phải nói rằng chúng ta chỉ có thể làm công việc của Đức Chúa Trời sau khi chúng ta đã gặp Ngài. Chúng ta không nên thực hiện công tác và thường xuyên hối tiếc – đây không phải là tương giao. Nguyên Đức Chúa Trời giải cứu chúng ta khỏi bất cứ sự phụng sự nào mà không ở trong sự tương giao, và nguyên Ngài cứu chúng ta khỏi tình trạng hoàn tất một công tác nào mà không ở trong sự tương giao sau khi đã hoàn thành. Chúng ta đừng bao giờ cảm thấy hãnh diện, tự mãn, tự thấy là đủ khi làm xong công tác. Nguyên Đức Chúa Trời cứu chúng ta và giải thoát chúng ta khỏi mọi loại phụng sự không phát xuất từ sự tương giao và không ở trong sự tương giao. Nguyên Ngài làm cho chúng ta có thể cứ ở trong sự tương giao ngay cả sau khi đã hoàn thành công tác. Các tội tở của Đức Chúa Trời không chỉ có sự tương giao với Ngài mà còn có “danh Ngài sẽ ở trên trán họ”. Đây là lời chứng của họ; đây là điều mà những ai nhìn xem họ sẽ thấy. Mọi người sẽ biết những người này là dân của Đức Chúa Trời.

Câu 5 chép: “Đêm không còn có nữa; họ không cần ánh sáng đèn hay ánh sáng mặt trời, vì Chúa là Đức Chúa Trời sẽ sáng tỏ họ”. Trong thành phố này đêm đã qua rồi. Đèn là ánh sáng nhân tạo, mặt trời là ánh sáng thiên nhiên. Tất cả công việc của con người và mọi phương tiện thiên nhiên sẽ không còn ích lợi gì cả vì mọi sự đều sẽ được thấy rõ. Ngày nay, chúng ta có thể lẫn lộn và không thấy rõ. Thậm chí sau khi hoàn tất một công tác, có thể chúng ta không biết mình đang ở đâu, nhưng vào ngày ấy thì không như vậy.

Mệnh đề cuối câu 5 quan trọng nhất: “Và họ sẽ làm vua cho đến đời đời mãi mãi”. Đây là mục đích của Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo. Trong Sáng Thế Kí, mục đích của Đức Chúa Trời là con người phải cai trị, và bây giờ Ngài đã đạt được mục đích – con người đang cai trị. Đây

không phải là điều nằm trong thiên hi niên. Phân đoạn Kinh văn này, tức Khải Thị chương 21 và 22, không mô tả về thiên hi niên mà là cõi đời đời. Họ sẽ trị vì cho đến đời đời và họ sẽ trị vì mãi mãi. Đức Chúa Trời đã đạt được mục tiêu ban đầu của Ngài.

Đức Chúa Trời muốn con người cầm quyền thống trị trên trái đất và hủy diệt Sa-tan. Bây giờ con người đang trị vì và Sa-tan đã bị ném vào hồ lửa. Mục đích của Đức Chúa Trời dành cho con người mà Ngài sáng tạo đã đạt được. Một mặt, Đức Chúa Trời muốn con người giống như chính Ngài, mặt khác, công tác mà Ngài chỉ định cho con người là họ phải cai trị. Bây giờ, chúng ta đã thấy một Cô dâu – bằng vàng, vinh hiển, và đẹp đẽ – cùng với mọi loại báu vật bên trong. Nàng không thiếu gì cả và không có vết nhơ, nếp nhăn, hay bất cứ điều gì như vậy. Hơn nữa, nàng thánh biệt và không chỗ trách được. Nàng thật sự mặc lấy vinh hiển. Hội thánh vinh hiển được nói đến trong Ê-phê-sô chương 5 đã được hoàn thành theo cách đó. Những người trong Hội thánh sẽ làm công tác gì? Họ sẽ cai trị đời đời mãi mãi.

Chúng ta có thể nói kế hoạch của Đức Chúa Trời có thể bị ngăn trở, nhưng kế hoạch của Ngài không bao giờ bị chặn đứng. Từ buổi sáng tạo, công tác của Đức Chúa Trời đã phải chịu nhiều sự ngăn trở. Thật vậy, dường như công việc của Ngài đang bị hủy phá và kế hoạch của Ngài mãi mãi không bao giờ thành công. Nhưng trong sách Khải Thị, Đức Chúa Trời đã đạt đến mục đích của Ngài. Có một nhóm người đầy vàng ròng, tức là một điều gì đó thuộc về Đức Chúa Trời. Họ đầy ngọc trai, tức là công tác của Đấng Christ. Họ đầy dãy đá quý, tức là công tác của Thánh Linh. Họ sẽ cai trị đời đời mãi mãi.

Bây giờ, chúng ta đã thấy mục đích của Đức Chúa Trời và cách Ngài hành động, vậy chúng ta nên làm gì? Chúng ta có nên tổ chức một buổi nhóm phục hưng không? Chúng ta có nên mở một trường thần học không? Hay chúng ta nên trở về làm công việc nhà như thường lệ? Chúng ta đang làm

gì ở đây? Đức Chúa Trời đang thực hiện một điều vĩ đại. Khi so sánh công tác của chúng ta với công tác của Ngài, chúng ta cảm thấy mình thiếu hụt biết bao! Nguyện Đức Chúa Trời đầy ân điển đối với chúng ta để sau khi đã thấy một khái tượng như vậy chúng ta sẽ trả giá đầy đủ. Khi nào một người thấy khái tượng, người ấy sẽ thay đổi. Nguyện Đức Chúa Trời ban cho chúng ta khái tượng về những gì Ngài đang hành động và những gì Ngài đang theo đuổi. Nguyện Ngài bày tỏ cho chúng ta loại người Ngài muốn có và điều mà lòng Ngài nhắm đến là quý báu dường bao. Nếu thấy được những điều này, chúng ta sẽ kêu lên và nói: “Ô, tôi nhỏ bé dường nào! Tôi đã quá chú tâm đến chính mình”. Và chúng ta sẽ nói: “Nếu Đức Chúa Trời không hành động trong tôi, tôi sẽ không bao giờ làm được công việc của Ngài. Chỉ khi nào chính Đức Chúa Trời chuyển động trong tôi với quyền năng mạnh mẽ của Ngài, tôi mới có thể tiến tới cách tốt đẹp được”. Khái tượng lớn lao này phải lật đổ chúng ta, phải làm cho chúng ta thấy rằng tình trạng của mình ngày nay là không bao giờ có thể làm thỏa lòng Đức Chúa Trời. Chúng tôi hi vọng rằng Đức Chúa Trời sẽ ban cho chúng ta khái tượng này. Một khi thấy khái tượng này, chúng ta sẽ dâng cả bản thể mình cho khái tượng ấy; mỗi một phần trong chúng ta sẽ được thay đổi. Ngày nay, chúng ta đang đứng giữa hai sự chọn lựa – làm một người đắc thắng hay làm một người thất bại. Làm sao chúng ta có thể chểnh mảng trong sự cầu nguyện được? Nếu bỏ qua sự cầu nguyện, chúng ta sẽ không bao giờ làm người đắc thắng của Đức Chúa Trời.

Nguyện Chúa Jesus, Đấng đã sống lại từ kẻ chết, là Đấng Chấn Chiên lớn của bây, nâng đỡ chúng ta và hướng dẫn chúng ta bằng quyền năng mạnh mẽ của Ngài để từ nay và mãi mãi chúng ta được thuộc về Ngài, mãi mãi dâng mình cho Ngài, mãi mãi phụng sự Ngài và mãi mãi đi con đường của Ngài. Nguyện Chúa đầy ân điển đối với chúng ta từ bây giờ cho đến đời đời. A-men.

## PHỤ LỤC

# NHỮNG NGƯỜI ĐẮC THẮNG VÀ NHỮNG CHUYỂN ĐỘNG MANG TÍNH THỜI KÌ CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Đọc Kinh văn: Khải. 12

Theo Kinh Thánh, dòng dõi người nữ sẽ giày đạp đầu của kẻ thù. Dòng dõi người nữ trong Sáng Thế Kí chương 3 chủ yếu chỉ về Chúa Jesus, nhưng những người đắc thắng cũng có phần trong dòng dõi này. Dòng dõi người nữ bao hàm Hội thánh, đặc biệt là những người đắc thắng. Dù Chúa đã giày đạp đầu Sa-tan nhưng hắn vẫn còn hoạt động. Dòng dõi người nữ hoàn thành công tác giày đạp Sa-tan có thể được nhìn thấy nơi người-con-traoi trong Khải Thị chương 12. Đấng Đắc Thắng duy nhất bao hàm tất cả mọi người đắc thắng (cc. 10-11).

## CHUYỂN ĐỘNG MANG TÍNH THỜI KÌ CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI – “BÂY GIỜ” (CÂU 10)

Khi Đức Chúa Trời thay đổi thái độ của Ngài đối với một vấn đề nào, Ngài sẽ thực hiện một chuyển động mang tính thời kì. Mỗi chuyển động mang tính thời kì đều đem đến một phương cách mới của Đức Chúa Trời. Chuyển động mang tính thời kì quan trọng nhất của Ngài là trong Khải Thị chương 12. Ngài muốn kết thúc thời đại này và đem lại thời đại vương quốc. Mục đích của Ngài không phải chung chung và tầm thường. Làm thế nào Ngài có thể đem thời

đại này tới chỗ kết thúc và đưa đến một thời đại khác? Ngài phải có công cụ mang tính thời kì. Đây là điều Đức Chúa Trời đang cần ngày nay.

### **CẦN CÓ NGƯỜI-CON-TRAI**

Sự cất lên của người-con-trai kết thúc thời đại Hội thánh và đưa đến thời đại vương quốc. Người-con-trai làm cho Đức Chúa Trời có thể chuyển động. Nếu không có người-con-trai và sự cất lên, Đức Chúa Trời không thể thực hiện một chuyển động mang tính thời kì. Chúng ta đừng bao giờ quên Đức Chúa Trời có thể bị giới hạn. Ngài chờ đợi con người trong mọi chuyển động của Ngài. Việc Đức Chúa Trời cột trời trên trời tùy thuộc vào việc chúng ta cột trời dưới đất; việc Ngài mở ở trên trời tùy thuộc việc chúng ta mở ở dưới đất. Mọi sự đều tùy thuộc vào Hội thánh.

Khao khát của Đức Chúa Trời là những hữu thể thọ tạo sẽ xử lí những hữu thể thọ tạo sa ngã. Theo mục đích của Ngài, toàn thể Hội thánh phải xử lí Sa-tan; tuy nhiên, Hội thánh đã thất bại. Vì vậy, cần có những người đắc thắng được đẩy lên. Mục đích của Đức Chúa Trời được thực hiện trong những người đắc thắng vì họ cùng làm việc với Ngài. Chúng ta có thể thấy nguyên tắc những người đắc thắng trong toàn bộ Lời Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời luôn luôn nắm lấy một nhóm người đắc thắng để thực hiện một chuyển động mang tính thời kì.

### **NHỮNG CHUYỂN ĐỘNG MANG TÍNH THỜI KÌ TRONG LỜI ĐỨC CHÚA TRỜI**

Sau sự sáng tạo, đời sống tiếp diễn một cách rất bình thường. Sau đó, Đức Chúa Trời bắt đầu với Áp-ra-ham. Đức Chúa Trời nắm lấy Áp-ra-ham và Sa-ra. Ngài muốn có một dân tộc, nhưng Ngài bắt đầu chỉ với hai người mà thôi. Đức Chúa Trời hành động trong hai người ấy, lựa chọn họ ra từ mọi dân tộc khác để sinh ra một vương quốc gồm các thầy tế lễ. Áp-ra-ham lia bỏ người thân và quê hương

mình. Áp-ra-ham lớn hơn A-bên, Hê-nóc và Nô-ê vì được Đức Chúa Trời chọn. Dường như những con người trước đó rất bình thường. Họ không có giá trị mang tính thời kì đối với Đức Chúa Trời, nhưng Áp-ra-ham thì có. Sau đó, Đức Chúa Trời phán rằng dòng dõi của ông sẽ đến Ai Cập và ở đó suốt bốn trăm năm. Đó là chuyển động kế tiếp của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời nắm lấy Giô-sép, chứ không phải các anh em của ông, và đem ông sang Ai Cập. Rồi Giô-sép cai trị tại Ai Cập. Các hành động của Đức Chúa Trời đều có ý định tốt lành. Giô-sép là một người đắc thắng tại Ai Cập. Ông thể hiện năng lực của mình tại vương quốc này, và bày tỏ sự hiểu biết của mình về Đức Chúa Trời qua những giấc mơ. Đức Chúa Trời đã thực hiện một sự chuyển động mang tính thời kì. Ngài đặt một người đắc thắng tại Ai Cập; Ngài không đặt một người có thể bị đánh bại tại đó. Đây là nguyên tắc hành động của Đức Chúa Trời.

Sau bốn trăm năm, đã đến lúc họ phải ra khỏi đó. Vào thời điểm ấy, Đức Chúa Trời nắm lấy Môi-se. Nếu không có những sự kiện trong một vài chương đầu của Xuất Ai Cập Kí, sẽ không bao giờ có cuộc xuất hành khỏi Ai Cập. Môi-se đã ra khỏi nước. Ông ra khỏi nước, rồi sau đó ông ra khỏi Ai Cập. Môi-se chiến thắng sự chết. Đức Chúa Trời chọn lựa ông để chăn dắt dân Israel. Môi-se ở trong cung điện, đó là Ai Cập của Ai Cập. Không những linh của ông lìa khỏi Ai Cập mà thân thể ông cũng lìa khỏi Ai Cập; vì vậy, Đức Chúa Trời chọn ông. Những ai chỉ có thể nói: “Hãy đi” mà không nói được “Hãy đến” thì không có hiệu quả gì. Tất cả mọi chuyển động mang tính thời kì của Đức Chúa Trời đều dựa trên một người. Đây là một nguyên tắc về những người đắc thắng.

Khi quốc gia Israel muốn có một vua, dân chúng chọn Sau-lơ. Ông cao hơn mọi người một cái đầu, nhưng toàn bộ khả năng của ông đều ở trong đầu ông. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời chọn vị vua riêng của Ngài là Đa-vít. Ngay cả



khi ở trong hoang mạc chăm sóc bầy chiên, ông cũng đã làm vua. Ông không bỏ chạy khi sư tử đến nhưng chống lại nó trong danh Chúa. Sợ hãi không phải là thái độ của vua chúa, nhưng khi Gô-li-át đến, Sau-lơ sợ hãi. Trái lại, Đa-vít tin cậy Chúa và chiến đấu chống lại Gô-li-át. Bất cứ ai thật sự làm vua thì có thể làm vua ở bất cứ nơi nào. Về sau, Đa-vít làm đầy tớ của Sau-lơ. Khi Sau-lơ trở nên kẻ thù của Đa-vít, ông có cơ hội giết Sau-lơ, nhưng ông không giết. Những ai không thể kiểm soát chính mình thì không xứng đáng làm vua. Không có vua nào trong Israel lớn hơn Đa-vít. Chỉ một mình ông được gọi là Vua Đa-vít, vì ông có một giá trị mang tính thời kì đối với Đức Chúa Trời.

Khi Israel bị đi lưu đày suốt 70 năm, Đức Chúa Trời vẫn có một chuyển động mang tính thời kì cho Israel vì có Nê-nê-mi; ông là một người đặc thủng thật sự. Ngay cả khi đang phục vụ một vị vua nước ngoài, ông vẫn chuẩn bị trở về Giê-ru-sa-lem. Ông vẫn không bị tác động bởi kinh đô Su-sơ và các công việc trong cung điện. Vì Đức Chúa Trời có được Nê-hê-mi, Ngài có thể tạo nên một chuyển động mang tính thời kì.

Vào thuở ban đầu của thời Tân Ước, một nhóm người đặc biệt đang chờ đợi Chúa Jesus tại Giê-ru-sa-lem. An-ne, Si-mê-ôn và tất cả những người (Lu. 2:38) đang chờ đợi sự cứu chuộc trong Israel. Sự chờ đợi của họ đã đem Chúa Jesus đến đúng lúc. Đức Chúa Trời sẽ không tự động làm gì cả; Ngài chờ đợi con cái Ngài cùng làm việc với Ngài.

Chúa có hai công tác trên đất, đó là cứu chuộc và xây dựng Hội thánh. Hội thánh được xây trên “đá này” (Mat. 16:18). Các sứ đồ là những người đầu tiên đứng trên đá này. Dù họ yếu đuối trong xác thịt nhưng linh của họ không yếu đuối. Vì có đó 12 sứ đồ có một vị trí đặc biệt – ngay cả Phao-lô cũng không được liệt chung hàng với họ; họ là những công cụ mang tính thời kì. Phao-lô nói ông là người nhỏ hơn vị sứ đồ nhỏ nhất. Các sứ đồ và các môn đồ đã chờ đợi 10 ngày, họ cầu nguyện tại Giê-ru-sa-lem. Lẽ ra

họ nên nói: “Chúng ta có việc quan trọng phải làm sau những ngày này; bây giờ chúng ta nên nghỉ ngơi”. Thay vì vậy, họ cầu nguyện. Có 120 người, nhưng còn những người khác, là những người đã từng theo Chúa thì nay họ ở đâu? Rõ ràng là không phải ai cũng cộng tác với Đức Chúa Trời. 120 người này là những người đặc thẳng.

### **NHỮNG CHUYỂN ĐỘNG MANG TÍNH BAN PHÁT TRONG LỊCH SỬ HỘI THÁNH**

Trong lịch sử Hội thánh, chuyển động đặc biệt đầu tiên là Cuộc cải chánh. Đức Chúa Trời đã dùng Luther trong chuyển động mang tính thời kì này. Hội Anh Em cũng được Ngài sử dụng. Darby, Groves và Grant là những công cụ của Ngài. Sau cuộc phục hưng tại xứ Wales, một chuyển động mới của Đức Chúa Trời bắt đầu. Cả Evan Roberts và bà Penn-Lewis đều biết về chiến trận thuộc linh; họ biết cách xử lí Sa-tan. Lê thật về vương quốc bắt đầu được biết vào năm 1924. Khi người ta gặp lại Evan Roberts sau khi ông vắng mặt 10 năm, ông nói: “Tôi đã và đang cầu nguyện những lời cầu nguyện vương quốc”. Mỗi khi Đức Chúa Trời muốn thực hiện một cuộc chuyển động mang tính thời kì, Ngài phải có được công cụ của Ngài.

Chúng ta có đang ở cuối thời đại này không? Nếu vậy, chẳng bao lâu nữa, vương quốc sẽ bắt đầu. Nếu một chuyển động mang tính thời kì đã gần kề, thì Đức Chúa Trời cần có một công cụ. Công tác chung chung không còn thỏa đáng nữa. Con cái của Đức Chúa Trời thiếu một khái tượng. Họ không thấy tình hình rất nghiêm trọng và căng thẳng. Bây giờ là vấn đề thời kì. Chỉ làm một tôi tớ tốt của Chúa không còn đủ nữa; điều đó không hữu hiệu nhiều đối với Đức Chúa Trời. Xin lưu ý chúng tôi không nói là vô dụng. Chúng ta phải làm gì để kết thúc thời kì này? Chúng ta đang làm gì để đem đến thời đại kế tiếp? Đây là một thời điểm đặc biệt, vì vậy, cần có những Cơ Đốc nhân đặc biệt để thực hiện một công tác đặc biệt.

Ngày nay, Đức Chúa Trời đang chờ đợi người-con-traí. Chỉ có sự cất lên mới có thể đẩy nhanh các sự kiện trong Khải Thị 12:10. Đức Chúa Trời có trật tự của Ngài và Ngài hành động theo trật tự ấy. Mắt Ngài đã rời khỏi Hội thánh và đang hướng về vương quốc. Một người đắc thắng thì làm việc theo nguyên tắc Thân thể. Nguyên tắc Thân thể làm vô hiệu hóa chủ nghĩa bè phái và chủ nghĩa cá nhân.

Sau sự cất lên, người nữ sẽ bị bắt bớ trong ba năm rưỡi. Nhiều người khác của con cái bà sẽ trải qua đại nạn, nhưng Đức Chúa Trời sẽ gìn giữ họ. Làm một người đắc thắng chính yếu không phải để thoát khỏi đại nạn. Chúng ta cần thấy giá trị của sự cất lên là vì Chúa chứ không phải vì chính mình.

Trong tất cả những chuyển động mang tính thời kì, người-con-traí là chuyển động lớn nhất vì chuyển động này xóa bỏ năng lực con người và quyền lực ma quỷ, và đem vương quốc đến. Chúng ta đang sống trong một thời kì có nhiều đặc quyền hơn hết; chúng ta có thể hành động nhiều nhất cho Đức Chúa Trời. Ánh sáng sẽ chỉ đường cho chúng ta, nhưng sức mạnh và quyền năng sẽ làm cho chúng ta có thể bước đi trên con đường ấy. Ngày nay, chúng ta phải trả một giá cao để được hữu dụng.

## VỀ HAI TÔI TỚ CỦA CHÚA

Cảm ơn Chúa vì chức vụ của Watchman Nee và người đồng công của anh là Witness Lee đối với Thân thể Đấng Christ đã trở thành một phước hạnh cho con cái Chúa trên mọi châu lục của hoàn cầu hơn 80 năm qua. Những tác phẩm của họ đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ. Độc giả đã hỏi chúng tôi nhiều điều về Watchman Nee và Witness Lee. Để giải đáp, chúng tôi xin trình bày vài điểm vắn tắt dưới đây về đời sống và công tác của hai anh em này.

### **Watchman Nee**

Watchman Nee tiếp nhận Chúa vào năm 17 tuổi. Chức vụ của anh đã nổi tiếng giữa vòng những tín đồ tìm kiếm Chúa trên khắp thế giới. Nhiều người đã được giúp đỡ từ những tác phẩm của anh về đời sống thuộc linh và mối quan hệ giữa Đấng Christ và những người tin Ngài. Tuy nhiên không nhiều người biết về một phương diện cũng quan trọng không kém của chức vụ anh, đó là nhấn mạnh đến việc thực hành nếp sống Hội thánh và xây dựng Thân thể Đấng Christ. Anh Nee đã viết nhiều sách về đời sống Cơ Đốc cũng như nếp sống Hội thánh. Mãi đến cuối đời, Watchman Nee vẫn là một ân tứ được Chúa ban để mở ra khả thị trong Lời Đức Chúa Trời. Sau khi chịu khổ vì Chúa 20 năm trong tù ở Hoa Lục, anh qua đời vào năm 1972 như một chứng nhân thành tín của Jesus Christ.

### Witness Lee

Witness Lee là đồng công gần gũi và đáng tin cậy nhất của Watchman Nee. Vào năm 1925, khi ở tuổi 19, anh đã kinh nghiệm một sự tái sinh thuộc linh mãnh liệt và dâng chính mình cho Đức Chúa Trời hằng sống để phụng sự Ngài. Kể từ lúc đó, anh bắt đầu tập trung nghiên cứu Kinh Thánh. Trong suốt bảy năm đầu đời sống Cơ Đốc của anh, anh đã chịu ảnh hưởng lớn bởi Hội Anh Em Plymouth. Sau đó anh gặp Watchman Nee, và cho đến năm 1949, anh là một đồng công của anh Nee ở Trung Quốc được mười bảy năm. Trong suốt Đệ nhị Thế chiến, khi Trung Quốc bị Nhật Bản chiếm đóng, anh bị người Nhật bỏ tù và phải chịu khổ vì đã trung tín phụng sự Chúa. Chức vụ và công tác của hai tôi tớ này của Đức Chúa Trời đã đem đến một cuộc phấn hưng lớn giữa vòng các Cơ Đốc nhân tại Trung Quốc, là điều đã dẫn đến sự lan rộng phúc âm khắp quốc gia này và xây dựng hàng trăm hội thánh.

Vào năm 1949, Watchman Nee đã triệu tập tất cả các đồng công đang phụng sự Chúa ở Trung Quốc lại và ủy thác cho Witness Lee tiếp tục chức vụ này ở ngoài Hoa Lục, tức là ở đảo Đài Loan. Suốt những năm sau đó, dưới sự chúc phước của Đức Chúa Trời tại Đài Loan và các nước Đông Nam Á, hơn 100 hội thánh được thiết lập.

Vào đầu thập niên 1960, Witness Lee được Chúa dẫn dắt đến Hoa Kỳ. Ở đó anh đã phụng sự và công tác hơn 35 năm vì ích lợi cho con cái Chúa. Anh sống ở thành phố Anaheim, California từ năm 1974 đến khi về với Chúa vào tháng Sáu năm 1997. Suốt những năm công tác tại Hoa Kỳ, anh đã xuất bản hơn 300 cuốn sách.

Chức vụ của Witness Lee đặc biệt hữu ích cho những Cơ Đốc nhân nào khao khát hiểu biết và kinh nghiệm sâu xa hơn về sự phong phú vô lượng của Đấng Christ. Bằng cách mở ra sự khai thị thần thượng trong toàn bộ Kinh Thánh, chức vụ của anh Lee đã khai thị cho chúng ta cách để biết

Đấng Christ hầu xây dựng Hội thánh là Thân thể Ngài, là sự đầy đủ của Đấng làm đầy đầy tất cả trong tất cả. Mọi tín đồ phải tham dự vào chức vụ xây dựng Thân thể Đấng Christ để Thân thể này có thể tự xây dựng trong tình yêu. Chỉ bằng cách hoàn thành sự xây dựng này mà mục đích của Chúa mới được thực hiện và làm thỏa lòng Ngài.

Đặc điểm chính trong chức vụ của hai anh em này là họ dạy lẽ thật theo lời thuần khiết của Kinh Thánh.

Sau đây là vài nét mô tả về những niềm tin chính yếu của Watchman Nee và Witness Lee:

1. Kinh Thánh là sự khải thị thần thượng trọn vẹn, không thể sai lầm và do Đức Chúa Trời hà hơi, được Thánh Linh cảm thúc bằng lời nói.

2. Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời Tam Nhất duy nhất – Cha, Con và Thánh Linh – đồng tồn tại và đồng ở trong nhau từ đời đời cho đến đời đời.

3. Con Đức Chúa Trời, tức là chính Đức Chúa Trời, được nhục hóa làm người với tên gọi là Jesus, được sinh bởi trinh nữ Ma-ri, để làm Đấng cứu chuộc và Đấng cứu rỗi của chúng ta.

4. Là một Người đích thực, Jesus đã sống trên đất ba mươi ba năm rưỡi để làm cho con người biết về Đức Chúa Trời Cha.

5. Jesus, tức Đấng Christ được Đức Chúa Trời xúc dầu bằng Thánh Linh, đã chết trên thập tự vì tội chúng ta và đổ huyết Ngài để hoàn thành sự cứu chuộc chúng ta.

6. Sau khi bị chôn ba ngày, Jesus Christ đã từ kẻ chết sống lại, rồi 40 ngày sau, Ngài thăng thiên, tại đó Đức Chúa Trời đã lập Ngài làm Chúa của tất cả.

7. Sau khi thăng thiên, Đấng Christ đã đổ Linh của Đức Chúa Trời ra để báp-têm những Chi thể được chọn của Ngài vào một Thân thể. Ngày nay Linh này đang chuyển động trên đất để thuyết phục tội nhân, tái sinh những người được chọn của Đức Chúa Trời bằng cách truyền vào trong họ sự sống thần thượng, cư ngụ trong những người tin Đấng

Christ để họ lớn lên trong sự sống, và xây dựng Thân thể Đấng Christ để biểu lộ Ngài cách đầy đủ.

8. Vào cuối thời đại này, Đấng Christ sẽ trở lại để cất tin đồ lên, phán xét thế giới, sở hữu trái đất và thiết lập vương quốc đời đời của Ngài.

9. Các thánh đồ đắc thắng sẽ cai trị với Đấng Christ trong thiên hi niên, và tất cả những người tin Đấng Christ sẽ tham dự vào những phúc hạnh thần thượng trong Giê-ru-sa-lem Mới trong trời mới đất mới cho đến đời đời.

## Chính sách phân phối

Living Stream Ministry vui lòng cung cấp miễn phí bản điện tử của bảy sách này. Chúng tôi hi vọng nhiều người sẽ đọc hết các sách này và giới thiệu với người khác. Theo quy định, chúng tôi yêu cầu bản in các tập tin này được giới hạn cho việc sử dụng cá nhân. Xin vui lòng không đăng lại những tập tin này ở nơi khác dưới mọi hình thức. Nếu có nhu cầu sao chép vượt quá điều trên, vui lòng gửi lời giải thích chi tiết về ý định sử dụng và yêu cầu cấp phép đến [mmb.permissions@lsm.org](mailto:mmb.permissions@lsm.org). Chúng tôi cũng yêu cầu mọi thông báo bản quyền phải được tôn trọng theo luật hiện hành. Những tệp PDF này không được sửa đổi hoặc cắt xén dưới mọi hình thức cho bất kỳ mục đích sử dụng nào.